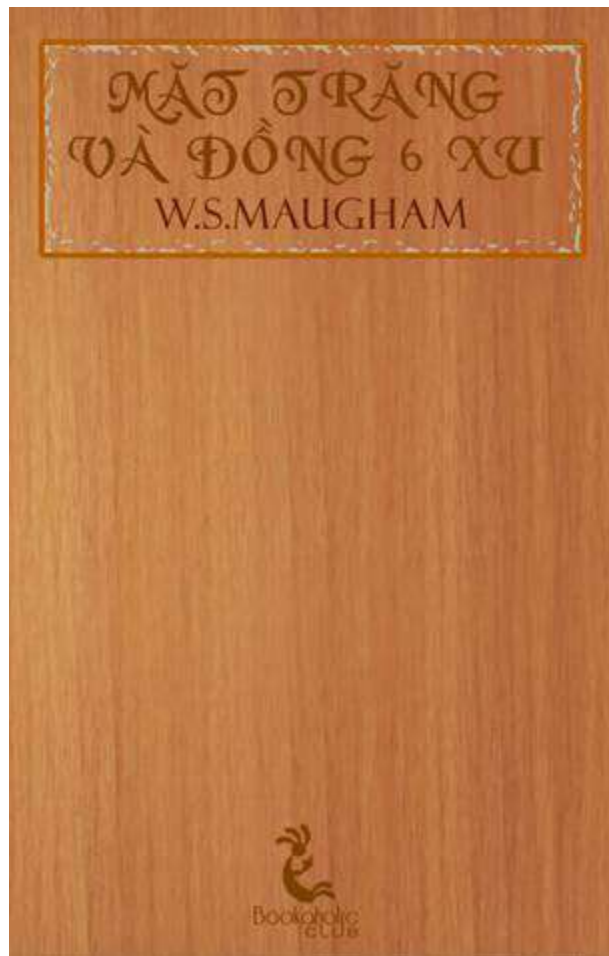


MẮT TRĂNG
VÀ ĐỒNG 6 XU
W.S.MAUGHAM



Bookaholic
CLUB



Mặt trăng và đồng sáu xu

W.S. Maugham

Making Ebook Project

BOOKAHOLIC CLUB





Tên sách: **Mặt trăng và đồng sáu xu**

Tác giả: **William Somerset Maugham**

Dịch giả: Nguyễn Thành Thống

Nguyên tác: The Moon and Sixpence

Nhà xuất bản: Phú Khánh

Năm xuất bản: 1987

Số trang: 305

Giá bìa: --

Khổ sách: 13x19 cm

Đánh máy: **Khanh, Mỹ Ngọc, Thảo Nguyễn, Minh Hà, Đặng Mai, Minh Chi, Bảo Trân**

Kiểm tra: **Quang Hải**

Chế bản ebook: **Hannah Lê**

Ngày thực hiện: 11/11/2010

Making Ebook Project #59 – www.BookaholicClub.com

Bạn đang đọc ebook **MẶT TRĂNG VÀ ĐỒNG SÁU XU** của tác giả **William Somerset Maugham** do **Bookaholic Club** chế bản theo **Dự án chế bản Ebook (Making Ebook Project)**.

Mong rằng ebook này sẽ mang đến cho bạn một tác phẩm Văn học hay, giàu giá trị biểu cảm và nhân văn, với chất lượng cao. Chúng tôi luôn cố gắng mang đến những chế bản ebook tốt nhất, nếu trong quá trình chế bản có lỗi sai sót nào mong bạn góp ý và cho chúng tôi biết những ebook mà đang mong muốn.

Making Ebook Project của **Bookaholic Club** là một hoạt động phi lợi nhuận, nhằm mục đích mang đến những chế bản ebook hay, có giá trị với chất lượng tốt nhất mà chúng tôi có thể với Cộng đồng đọc - người Việt. Tuy nhiên, nếu bạn có khả năng xin hãy đọc tác phẩm này bằng sách trước hết vì lợi ích cho Nhà xuất bản, bản quyền tác giả và góp phần phát triển xây dựng nền Văn hóa đọc.

Hãy chỉ đọc chế bản này trong điều kiện bạn không thể tìm đến ấn phẩm sách

MỤC LỤC

ĐÔI NÉT VỀ TÁC GIẢ

GIỚI THIỆU NỘI DUNG TÁC PHẨM

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

14

15

16

17

18

19

20

21

22

23

24

25

26

27

28

29

30

31

32

33

34

35

36

37

38

39

40

41

42

43

44

45

46

47

48

49

50

51

52

53

54

55

56

57

58

BẢNG PHIÊN ÂM

NHỮNG TỪ NƯỚC NGOÀI TRONG TÁC PHẨM

ĐÔI NÉT VỀ TÁC GIẢ



William Somerset Maugham là nhà văn Anh, sinh năm 1874 và sống ở Pháp cho đến khi lên mười. Học xong đại học ở Anh, ông làm thầy thuốc tại bệnh viện. Có khiếu văn chương, ông sớm bắt đầu viết tiểu thuyết và thành công với vài tác phẩm đầu tay, rồi chuyển hẳn sang sáng tác văn học. Ông nổi tiếng với hai truyện dài Kiếp người (*Of Human Bondage*) (1914) và Mặt trăng và đồng sáu xu (*The Moon and sixpence*) (1919). Trong số sách được xuất bản sau đó có: Bức Bình phong (*The Painted Veil*) (1925), Quý Ngài trong phòng khách (*The Gentleman in the Parlour*) (1930), Don Fernando (1935), Lưỡi dao cạo (*The Razor's*

Edge) (1944), & Sổ tay nhà văn (*A Writer's Notebook*) (1949), Cách nhìn thiên vị (*Points of View*) (1958), ...

W.S. Maugham đồng thời còn là một nhà soạn kịch trứ danh với những sáng tác như: Phu nhân Frederick (*Lady Frederick*) (1907), Smith (1909), Đất hứa (*The Land of Promise*) (1913).

Ông cũng là tác giả nhiều truyện ngắn rất được hoan nghênh. Toàn tập truyện ngắn của ông được tái bản nhiều lần với số lượng mấy trăm nghìn bản, ví dụ như Mưa.

GIỚI THIỆU NỘI DUNG TÁC PHẨM

Trong Mặt trăng và đồng sáu xu, tác giả kể lại cuộc đời một nhà buôn cổ phần chứng khoán trở thành họa sĩ thiên tài mà người đương thời chưa đánh giá đúng giá trị tác phẩm cho tới khi ông qua đời một cách thê thảm ở nơi đất khách quê người.

Kinh doanh thành đạt, sống sung túc, được vợ con hết lòng yêu mến, Charles Strickland bất thành linh bỏ gia đình ra đi, không còn quan hệ với cái xã hội ông đã từng sống, quyết tâm hiến cả đời mình cho hội họa. Ông sống gian khổ trong nhiều năm phấn đấu không thành công ở Paris. Hoàn cảnh xui khiến, ông đi tìm môi trường sáng tác mới ở một nơi xa xôi ở cái tuổi gần năm mươi. Trên đảo Tahiti, trong một gian nhà nhỏ ở một vùng hẻo lánh, được chăm sóc bởi người vợ trẻ, ông miệt mài vẽ cho đến ngày chết vì bệnh hủi, mù cả hai mắt. Tác phẩm cuối cùng của ông là những bức tranh vẽ trên vách và trần nhà mà người được may mắn nhìn thấy đánh giá là kiệt xuất. Với tính khí khác thường vốn có, ông yêu cầu vợ đốt căn nhà, nhưng những bức tranh vẽ trên vải không đóng khung vứt lung tung trong nhà đủ cho những ai hiểu biết hội họa coi ông là một thiên tài.

W.S. Maugham viết tác phẩm này dựa trên một phần tiểu sử của danh họa người Pháp Paul Gauguin và sau khi ông đi tham quan đảo Tahiti về.

1">

Thú thật khi mới quen với Charles Strickland, chưa lúc nào tôi thấy ông có gì khác thường nhưng bây giờ thì rõ ràng ít có điều gì phủ nhận được sự vĩ đại của ông. Tôi không nói đến sự vĩ đại mà một chính khách may mắn hay một quân nhân thành công đạt được. Đó là thứ phẩm chất thuộc về địa vị họ chiếm giữ hơn là phẩm chất của con người, và một khi hoàn cảnh đổi thay, nó sẽ giảm đi đến mức đáng ngại. Thường thì ông thủ tướng đã rời chức vụ chỉ được xem là một diễn giả khoa trương, và ông tướng không còn quân chỉ là một người hùng hiền lành ở một thị trấn mà thôi. Sự vĩ đại của Charles Strickland thì xác thực. Có thể bạn không thích tài nghệ của ông nhưng dù sao bạn khó có thể phủ nhận nó vì chính sự quan tâm của bạn. Ông đã khuấy động lên và gây được sự chú ý đối với ông. Thời mà ông là đối tượng để chế giễu đã qua rồi, và bệnh vực ông không còn là dấu hiệu của tính gàn hoặc ca tụng ông không còn là dấu hiệu của tính ngoan cố nữa. Những sai sót của ông được chấp nhận như là phần bổ sung cần thiết cho công lao của ông. Có thể người ta còn bàn cãi vị trí của ông trong nghệ thuật, và sự tâng bốc của những người ngưỡng mộ ông có lẽ cũng không đáng tin tưởng hơn những lời gièm pha làm giảm uy tín của ông. Nhưng có một điều không còn nghi ngờ gì nữa, đó là thiên tài của ông. Theo ý tôi, điều thú vị nhất trong nghệ thuật là cá tính của người nghệ sĩ, và nếu cá tính đó độc đáo thì tôi sẵn lòng chiêm chước cho một nghìn điều lầm lỗi. Tôi cho rằng Velasquez^[1] là một nghệ sĩ tài năng hơn El Greco^[2] nhưng tập tục đã làm giảm đi sự ngưỡng mộ của người ta đối với ông: người đảo Créte^[3], vốn duy cảm và đầy tính bi kịch, sẵn sàng hiến tâm hồn huyền bí của mình như một lễ vật ngàn đời. Người nghệ sĩ, họa sĩ, thi sĩ hoặc nhạc sĩ bằng sự tô điểm tuyệt vời hoặc đẹp đẽ, làm thỏa mãn cảm quan thẩm mỹ; nhưng điều đó giống với bản năng tình dục và có cùng tính chất man dã như nó: người nghệ sĩ bày ra trước mắt bạn cái tài năng tuyệt vời của chính mình. Đi tìm sự bí ẩn của anh ta cũng có cái gì đó hấp dẫn giống như một truyện trinh thám. Đó là một câu đố không có lời giải đáp cũng như vũ trụ vậy. Điều vô nghĩa nhất trong những tác phẩm của Strickland cho thấy một cá tính kì lạ, bị giày vò và phức tạp. Chắc chắn chính điều này không cho phép ngay cả những người không thích tranh của ông có thái độ

dừng dưng trước những bức tranh ấy. Cũng chính điều này đã gây nên một sự chú ý lạ lùng đến cuộc đời và cá tính của ông">

Không đầy bốn năm sau khi Strickland qua đời, Maurice Hurel đã viết một bài báo trên tờ *Mercure de France* (Thủy vương tinh của nước Pháp), cứu người họa sĩ vô danh ấy thoát khỏi sự lãng quên và vạch ra một con đường mà các nhà văn sau ông đã không nhiều thì ít đã ngoan ngoãn đi theo. Trong một thời gian dài, chưa một nhà phê bình nào ở Pháp có được uy tín hiển nhiên hơn ông và không thể không bị ấn tượng bởi những khẳng định mà ông đã đưa ra. Những khẳng định ấy có vẻ quá đáng nhưng những nhận định sau đó đã công nhận sự đáng giá của ông, và danh tiếng của Charles Strickland giờ đây mới được thiết lập vững chắc trên nền tảng những điều cơ bản mà ông Hurel đã nói lên. Tiếng tăm của Strickland trở nên lẫy lừng là một trong những sự kiện mang nhiều tính lãng mạn nhất trong lịch sử nghệ thuật. Nhưng tôi không định bàn đến sự nghiệp của Charles Strickland ngoài một chừng mực nào đó có liên quan đến cá tính của ông. Tôi không thể đồng ý với những họa sĩ hợm hĩnh cứ cho rằng người không chuyên môn không thể hiểu gì về hội họa và chỉ có thể bày tỏ một cách tốt nhất sự đánh giá của mình về những tác phẩm của họ bằng sự im lặng và cuốn ngân phiếu mà thôi. Thật là một sự hiểu lầm lỗi bịch nếu cho rằng nghệ thuật không khác gì một nghề thủ công chỉ duy người thợ thủ công mới hiểu được một cách hoàn hảo: nghệ thuật là một sự thể hiện cảm xúc và cảm xúc nói lên thứ ngôn ngữ mà tất cả mọi người đều có thể hiểu được. Nhưng tôi thừa nhận rằng nhà phê bình không có một kiến thức thực tiễn nào về kỹ thuật thì hiếm khi có thể nói được một điều gì có giá trị thật sự về nghệ thuật và sự dốt nát của tôi về hội họa thì thật sự là quá mức. May mắn thay, tôi không cần phải liều lĩnh để mạo hiểm, vì bạn tôi là ông Edward Leggatt, một nhà văn có khả năng và một họa sĩ đáng ngưỡng mộ đã viết thật đầy đủ về sự nghiệp của Charles Strickland trong một quyển sách nhỏ và phần lớn trong tác phẩm ấy quả là một mẫu bút pháp duyên dáng ít được may mắn trau giồi tại Anh hơn tại Pháp.

Trong bài báo nổi tiếng của ông, Maurice Hurel đã đưa ra nét đại cương về cuộc đời của Charles Strickland, được cân nhắc kỹ lưỡng đủ để kích thích sự háng say tìm tòi của người đọc. Với lòng say mê nghệ thuật không vụ lợi, ông thực sự kêu gọi những người hiểu biết chú ý đến tài năng trong một con người cực kì độc đáo nhưng ông là một nhà báo hết sức tốt bụng nên không thể không biết rằng “sự thích thú của con người” có thể giúp ông thực hiện mục đích một cách dễ dàng hơn. Và khi những người đã tiếp xúc với Strickland trong quá khứ - các nhà văn đã quen biết ông ta ở Luân Đôn, các họa sĩ đã gặp ông ta trong các quán cà phê ở Montmartre - kinh ngạc khám phá ra rằng, nơi người họa sĩ mà trước đây họ thấy bất tài như biết bao họa sĩ khác, giờ đây lại là một thiên tài thật sự, thì trên khắp các tạp chí ở Pháp và Mỹ bắt đầu xuất hiện những loạt bài viết, nào là hồ ký của người này, nào là nhận định của người kia, tất cả góp phần làm Strickland nổi tiếng nhưng không sao thỏa mãn nổi tính hiếu kỳ ngày càng tăng của công chúng. Vấn đề thật thú vị, và ông Weitbrecht - Rotholz với bản tính cần cù, trong một chuyên khảo đồ sộ đã thề đưa ra một danh sách đáng kể những tác giả có thẩm quyền.

Khả năng huyền thoại hóa là tính bẩm sinh của giống người. Nó ham hố chụp bắt bất kì chi tiết nào, ly kỳ hoặc bí ẩn, trong cuộc đời của những con người độc đáo so với người cùng thời và nó dựng lên một huyền thoại mà sau đó nó tin một cách mù quáng. Đó chính là sự phản kháng của tính lãng mạn chống lại cái tầm thường trong cuộc sống. Những chi tiết của huyền thoại trở thành giấy thông hành bảo đảm nhất đưa nhân vật chính đến cuộc sống vĩnh cửu. Triết gia châm biếm mỉm cười nghĩ rằng ngài Walter Raleigh^[4] được cất giữ an toàn trong trí nhớ của nhân loại bởi vì ông đã trải chiếc áo choàng của mình cho Nữ hoàng Virgin^[5] bước đi hơn là vì ông đã mang cái tên tiếng Anh^[6] đến miền đất chưa ai biết tới. Charles Strickland đã sống trong âm thầm. Ông đã tạo ra nhiều kẻ thù hơn là bạn. Không lạ gì khi những người viết về ông đã thêm vào những hồi ký thiếu sót của họ lắm điều tưởng tượng rất sống động, dĩ nhiên là sự hiểu biết ít ỏi về ông đủ tạo

thuận lợi cho các tác giả lãng mạn; trong cuộc đời của ông có nhiều điều thật kì lạ và khủng khiếp, trong tính tình ông có cái gì đó tàn bạo và trong số phận của ông không có chút gì là cảm động. Một huyền thoại được dựng nên trên quá nhiều chi tiết, tất nhiên sẽ khiến một sử gia sáng suốt ngần ngại phản bác nó.

Nhưng mục sư Robert Strickland^[2] quả không phải là một sử gia sáng suốt. Ông thú nhận đã viết tiểu sử của Charles Strickland để “xóa bỏ một số hiểu biết không đúng” có liên quan đến giai đoạn sau cuộc đời của cha ông, và những hiểu bit sai lệch đó “đã làm những người đang còn sống rất đau lòng”. Rõ ràng có nhiều chi tiết kể về cuộc đời của Strickland được dư luận công nhận đã gây lung túng cho gia đình đáng kính đó. Tôi đã đọc tác phẩm này một cách rất thích thú, và tôi phải tự khen mình về việc đó vì nó nhạt nhẽo và chán ngắt. Ông Robert Strickland đã vẽ nên chân dung của một người chồng và một người ch tuyệt vời, một người đàn ông tốt bụng, có thói quen cần cù và xu hướng đạo đức. Ông giáo sĩ hiện đại ấy, trong khi nghiên cứu các khoa học mà tôi nghĩ rằng phải gọi là khoa chú giải kinh thánh, đã đạt tới khả năng lạ lùng là giải thích được các sự việc, nhưng sự khôn khéo mà ngài Robert Strickland đã dùng để “giải thích” những sự kiện trong cuộc đời thân phụ ông mà một người con hiếu thảo cho rằng cần phải nhớ, chắc chắn khi thời gian chín muồi sẽ đưa ông đến những phẩm trật cao nhất của Giáo hội. Tôi đã thấy đôi bắp chân chắc nịch của ông được bịt kín trong đôi ghệt giám mục. Thật là một hành động mạo hiểm, cho dù có thể là can đảm, bởi vì có lẽ huyền thoại được công chúng đón nhận ấy đóng góp không ít cho sự nổi danh của Strickland; bởi có nhiều người đã bị thu hút đến với nghệ thuật của ông ta chỉ vì lòng ghen ghét do tính cố chấp của họ đối với tính tình của ông ta, hoặc do lòng trắc ẩn mà họ lưu tâm đến cái chết của ông ta; và những cố gắng đầy thiện ý của con người đã khiến những ai ngưỡng mộ người cha đâm ra lạnh nhạt khác thường. Không phải ngẫu nhiên khi một trong những tác phẩm nổi tiếng nhất của ông, bức họa người đàn bà Samaria, bán tại cửa hàng Christie không lâu sau trong cuộc

tranh luận diễn ra tiếp theo sau đợt xuất bản cuốn tiểu sử của ông Strickland, với giá 235 bảng Anh kém hơn giá bán trước đó chín tháng, khi một nhà sưu tập tranh nổi tiếng mua nó rồi lại chết bất ngờ khiến nó một lần nữa lại bị đưa ra bán đấu giá. Có lẽ tài năng và tính độc đáo của Charles Strickland sẽ khó đủ sức xoay chuyển cán cân nếu khả năng sáng tạo huyền thoại đáng kể của con người không nhanh chóng gạt sang một bên một câu chuyện làm tiêu tan mọi ước vọng cho cái phi thường. Và mới đây tiến sĩ Weibrecht Rotholz đã cho xuất bản tác phẩm mà cuối cùng đã làm lắng dịu những mối nghi ngại của giới hâm mộ nghệ thuật.

Tiến sĩ Weibrecht - Rotholz thuộc trường phái các sử gia tin rằng không những con người có thể xấu như hiện tại mà còn có thể tệ hơn nhiều; và chắc chắn độc giả sẽ thật sự thích thú được những sử gia này dẫn dắt hơn là chịu sự dẫn dắt của những nhà văn tìm thú vui độc ác trong việc diễn tả những khuôn mặt lãng mạn vĩ đại như khuôn mẫu của những giá trị đạo đức gia đình. Phần tôi, tôi lấy làm tiếc mà nghĩ rằng không có gì khác giữa Antony và Cleopatra ngoài vấn đề kinh tế; cảm ơn Thượng đế, cần phải có nhiều bằng chứng giá trị hơn mới có thể thuyết phục được tôi rằng Tiberius là một ông vua cũng không có gì đáng trách như vua George đệ ngũ. Tiến sĩ Weibrecht Rotholz đã bàn về cuốn tiểu sử ngây ngô của Robert Strickland đáng kính bằng những ngôn từ mà ta không khỏi cảm thấy có một sự thương hại nào đó đối với vị mục sư không may. Tính trầm lặng nhã nhặn của ông ta bị gán là giả hiệu, những lời kể dài dòng quanh co của ông thì được gọi thẳng thừng là những lời dối trá và sự im lặng của ông bị phỉ báng là hành động lọc lừa. Và dựa vào những lỗi nhỏ mà cách một tác giả thì đáng chê trách nhưng với tư cách người con thì có thể tha thứ được, thì dòng giống Anglo - Saxon bị buộc tội là quá kiêu cách, xảo trá, tự phụ, lừa dối, thủ đoạn và nấu ăn dở. Riêng tôi, tôi nghĩ rằng ông Strickland thật thiếu suy nghĩ khi bác bỏ những lời thuật lại để làm cho người ta tin rằng có một “sự cãi cọ” giữa cha và mẹ ông ta để rồi bảo rằng trong một bức thư viết từ Paris, Charles Strickland đã miêu tả vợ mình như “một người phụ

nữ tuyệt vời”, bởi vì tiến sĩ Weibrecht - Rotholz có thể in bản sao bức thư và dường như đoạn văn được đề cập đến trong thực tế có ghi như sau: *Xin Chúa hãy phạt vợ tôi. Nàng là một phụ nữ tuyệt vời. Tôi cầu mong cho nàng xuống địa ngục.*

Ngay cả những bằng chứng hùng hồn mà giáo hội y trong thời hoàng kim đã đưa ra còn chưa thuyết phục được ai nữa là.

Tiến sĩ Weibrecht - Rotholz là một người rất nhiệt tình ngưỡng mộ Charles Strickland nên không có nguy cơ ông muốn che đậy cho ông ta. Ông thấy được chính xác cái động cơ đáng khinh trong những hành động bề ngoài có vẻ ngây thơ vô tội. Ông vừa là một nhà tâm bệnh học, vừa là một nhà nghiên cứu nghệ thuật nên đối với ông, tiềm thức không bí ẩn lắm. Không một nhà thần bí nào thấy được cái ý nghĩa thâm sâu trong những vật tầm thường. Nhà thần bí thấy được điều bí ẩn không diễn tả được và nhà nghiên cứu tâm bệnh học thấy những cái khó nói ra lời được. Chúng ta bị cuốn hút một cách đặc biệt khi thấy một tác giả uyên bác say mê nhiệt tình tìm tất cả mọi tình huống có thể làm cho nhận vật chính của ông bị mất uy tín. Vì lòng yêu mến nhân vật của mình, ông ta cảm thấy sung sướng khi đưa ra một chứng cứ về sự ác ý hoặc hèn hạ nào đó, và ông hân hoan như một quan tòa kết tội hỏa thiêu một kẻ rối đạo, khi có thể bằng một câu chuyện đã quên lãng gây bối rối cho long hiếu thảo của mục sư Robert Strickland đáng kính. Ông cần cù đến mức đáng kinh ngạc. Ông không để sót bất cứ việc gì dù là việc rất nhỏ bé, và tôi dám chắc với bạn rằng nếu Charles Strickland để lại một hóa đơn tiền giặt giũ chưa được thanh toán thì ông ta sẽ đưa nó cho bạn xem với đầy đủ các mục đã ghi và nếu ông ta nhẫn nại trả lại nửa curon đã mượn thì không một chi tiết nào của việc thanh toán đó bị bỏ sót.

Khi người ta đã biết quá nhiều về Charles Strickland rồi có lẽ tôi không cần phải viết gì thêm. Đài kỉ niệm của một họa sĩ là chính tác phẩm của ông ta. Thật ra tôi là người quen thân với ông hơn ai hết: tôi đã gặp ông trước khi ông trở thành họa sĩ, và trong suốt những năm ông sống chật vật ở Paris, chúng tôi vẫn gặp nhau thường xuyên. Nhưng tôi không nghĩ rằng một lúc nào đó mình sẽ phải viết hồi kí nếu tình cờ chiến tranh không đưa đây tôi tới Tahiti. Ở đó, như người ta biết, ông đã sống những năm cuối cùng của đời mình, và cũng ở đó, tôi đã tình cờ gặp những người quen thân với ông. Tôi đặt mình vào tư thế phải làm sang tỏ cái giai đoạn bi thảm của cuộc đời ông mà phần lớn hãy còn mù mờ. Nếu những người tin vào sự vĩ đại của Strickland có lý thì lời tường thuật của những cá nhân quen biết con người bằng xương bằng thịt của ông như thế không thể là dư thừa được. Chúng ta sẽ có ý kiến gì đối với một tập hồi ký của người từng quen thân với El Greco cũng như tôi với Strickland?

Nhưng tôi không tìm cách ẩn nấp trong những lời bào chữa như thế. Tôi không còn nhớ rõ ai đó đã khuyên người ta làm, vì lợi ích cho tâm hồn họ, mỗi ngày hai việc mà họ không thích: đó thật là một người khôn ngoan, và đó là một lời dạy mà tôi đã cẩn thận tuân theo, bởi vì mỗi ngày tôi đều thức dậy và tôi đi ngủ. Nhưng trong bản chất của tôi có một khuynh hướng khổ hạnh, và hàng tuần tôi bắt thân xác mình chịu một sự hành xác còn nghiêm khắc hơn. Tôi không bao giờ quên đọc phụ trang văn học của tờ *The Times*^[1]. Thật là một thứ tập luyện bổ ích khi phải xem xét với số lượng khổng lồ những cuốn sách đã được viết ra, những niềm hy vọng tươi sáng của tác giả khi thấy chúng được xuất bản và số phận đang chờ đợi chúng. Một cuốn sách sẽ có được một cơ may như thế nào giữa vô số các loại sách

đó? Và những cuốn sách thành công chỉ là những thắng lợi nhất thời nào đó mà thôi. Có trời mới biết được tác giả đã lâm vào những khổ sở nào, phải nếm những kinh nghiệm cay đắng nào và chịu những nỗi đau lòng nào để đem lại cho một độc giả may mắn nào đó vài giờ giải trí hoặc để giết thời gian nhàm chán của một chuyến đi. Và nếu tôi được phép nhận định qua những bài phê bình thì có nhiều quyển trong số này viết rất hay và công phu; chứa đựng nhiều suy tư; và thậm chí có vài quyển còn là kết quả của sự lao động khắc khoải của cả một đời người. Bài học tinh thần mà tôi đã rút ra được là nhà văn nên tìm phần thưởng của mình trong niềm vui sáng tác và trong việc tự giải thoát khỏi gánh nặng tư tưởng của mình; và nên dừng dừng với bất cứ cái gì khác, lời tán thưởng cũng như lời chỉ trích, cả thất bại lẫn thành công.

Gi chiến tranh đã xảy ra và mang lại một quan niệm sống mới. Giới trẻ đã hướng về những thần tượng mà chúng ta những người thuộc thế hệ trước không biết gì nhưng đã có thể thấy được cái hướng mà thế hệ sau sẽ đi. Thế hệ trẻ, những người ý thức được sức mạnh của mình và rất hiểu động đã không cần phải gõ cửa; họ ùa vào và ngồi vào chỗ của chúng ta. Bầu không khí trở nên ồn ào vì những tiếng la ó của họ. Một số bậc đàn anh của họ bắt chước cái trò hề của tuổi trẻ, cố tự thuyết phục rằng thời của mình chưa chấm dứt. Họ la hét với long ham muốn cực độ, nhưng tiếng hô xuất trận từ miệng họ chỉ là những âm thanh rỗng tuếch. Họ giống như những người đàn bà dâm dăng đáng thương đang háo hức cố sức khôi phục cái ảo tưởng về thời xuân sắc của mình bằng bút kẻ mắt và phấn son. Những người khôn ngoan thì cư xử với một vẻ duyên dáng tao nhã hơn. Trong nụ cười gượng gạo của họ là một sự chế nhạo khoan dung. Họ nhớ rằng họ cũng đã từng dẫm lên một thế hệ đã được thỏa mãn cũng bằng chính sự la ó và khinh khi như thế, và họ thấy trước được rằng những kẻ đang cầm đuốc dưng cảm này rồi không lâu cũng sẽ nhường chỗ cho mình thôi. Không có một lời cuối cùng nào. Phúc âm mới đã cũ khi thành Nineveh^[9] vươn sự vĩ đại của nó lên tận trời xanh. Những lời nói hào hiệp này, dường như quá mới mẻ

đối với những người thốt ra, đã được nói bằng giọng điệu không khác gì hàng trăm lần trước đó. Quả lắc đồng hồ luôn luôn đong đưa qua lại, còn vòng tròn thì cứ lần quẩn muôn đời.

Đôi khi có người tồn tại được một thời gian đáng kể, từ cái thời mà ông ta có được một vị trí đến một thời khác hoàn toàn xa lạ với ông, và sau đó những kẻ hiếu kỳ được mời xem một trong những màn độc nhất vô nhị của trò đời. Chẳng hạn ngày nay có ai còn nghĩ đến ông George Crabbe^[10]? Ông là một thi sĩ nổi danh trong thời của ông, người được thế giới công nhận là thần tài bằng một sự nhất trí hiếm có trong cuộc sống hiện đại phức tạp này. Ông đã học tập rèn luyện được cái kỹ xảo của mình trong trường phái của Alexander Pope^[11], và ông đã viết truyện luân lý bằng thể thơ hai câu liền vần. Khi xảy ra cách mạng Pháp và những cuộc hiến tranh của Napoléon, các thi sĩ bèn chuyển mục. Ông Crabbe vẫn tiếp tục viết truyện luân lý bằng thể thơ hai câu liền vần đó. Tôi nghĩ rằng chắc ông đã đọc thơ của những người trẻ đang khuấy động thế giới lúc bấy giờ và ông cho rằng loại thơ đó là một thứ vớ vẩn tồi tàn. Dĩ nhiên, phần nhiều là như thế thật. Nhưng những bài vịnh của Keats^[12], của Wordsworth^[13], một hai bài thơ của Coleridge^[14], và một vài bài nữa của Shelley^[15] đã khám phá ra những lãnh vực tinh thần to lớn mà trước đó chưa ai tìm được. Ông Crabbe đã chết thật rồi, nhưng ông Crabbe vẫn tiếp tục viết truyện luân lý bằng những bài thơ hai câu liền vần. Tôi đã đọc một cách rời rạc những tác phẩm của thế hệ trẻ. Có thể nói trong số học có một Keats nóng bỏng hơn, một Shelley thanh thoát hơn đã có nhiều tác phẩm được xuất bản mà thế giới sẵn lòng nhớ đến. Tôi không biết nói sao. Tôi ngưỡng mộ vẻ hào nhoáng của họ - tuổi trẻ của họ thật tài ba, đến nỗi sẽ rất phi lý nếu nói là hứa hẹn - tôi ngạc nhiên vì lối diễn đạt trong văn phong của họ. Nhưng với tất cả sự phong phú của họ (từ vựng của họ cho thấy họ đã biết lật từ điển toàn thư Roget từ lúc còn trong nôi) họ không nói được với tôi điều gì. Theo ý tôi họ biết quá nhiều và cảm nhận quá rành mạch. Tôi không chịu nổi sự nồng nhiệt mà họ quất mạnh trên lưng tôi hoặc cái tình cảm của họ khi họ lao vào lòng tôi. Đam

mê của họ tôi thấy dường như hơn “xanh xao thiếu máu” và những ước mơ của họ chỉ là một mớ vật vãnh chán ngắt. Tôi không thích họ. Tôi bị xếp xó. Tôi sẽ tiếp tục viết truyện luân lý bằng thơ hai câu liền vần. Nhưng tôi sẽ là một kẻ ngu xuẩn gặp bệ nếu tôi làm việc đó không phải vì sự giải trí của riêng mình.

Nhưng tất cả những chuyện trên đều là chuyện bên lề. Tôi hãy còn rất trẻ khi viết cuốn sách đầu tay. Nhờ may mắn quyển sách gây được sự chú ý và nhiều người tìm đến làm quen với tôi.

Không phải không chút gợn buồn khi tôi hồi tưởng lại những kỉ niệm trong giới văn học Luân Đôn, khi tôi vừa rụt rè, vừa hăm hở, lần đầu tiên được giới thiệu với họ. Đã lâu lắm rồi từ độ tôi còn năng l tới giới ấy, và nếu những cuốn tiểu thuyết hồi đó miêu tả những nét riêng biệt của dân làng văn là chính xác thì nay ở đó đã đổi thay nhiều. Nơi gặp gỡ khác, Chelsea và Bloomsbury đã thế chỗ cho Hampstead, Notting Hill Gate và High Street, Kensington. Lúc bấy giờ dưới bốn mươi tuổi là điểm nổi bật, nhưng nay trên hai mươi lăm thì thật phi lý. Tôi nghĩ rằng vào hồi đó thì tôi thật nhút nhát với những cảm xúc của mình, và nỗi sợ hãi bị chế giễu đã làm giảm bớt những hình thức tự phụ quá lộ liễu. Tôi không tin rằng tính trong trắng phổ biến sâu rộng trong giới nghệ sĩ Bôhêmiêng lịch thiệp đó lúc bấy giờ, nhưng tôi cũng không ngờ là có một tình trạng chung chạ sống sượng như thường thấy ngày nay. Chúng tôi không nghĩ rằng dung bức màn yên lặng lịch sự để che dấu những sự nhẹ dạ của chúng tôi là đạo đức giả. Cái mai mà gọi là chiếc xẻng chết tiệt thì không phải là không làm biết đối ý nghĩa. Đàn bà đã chưa sống trọn cuộc đời mình.

Lúc ấy tôi ở gần ga Victoria, và tôi nhớ là phải đi rất xa bằng xe buýt mới đến những ngôi nhà hiếu khách làng văn đó. Vì nhút nhát tôi đã lang thang qua lại ngoài đường phố trong khi cố lấy can đảm để bấm chuông; và rồi lòng trĩu nặng lo âu, tôi được dẫn vào một căn phòng ngọt ngào đầy người. Tôi được giới thiệu với hết nhân vật nổi tiếng này đến nhân vật nổi tiếng khác. Và những lời nói ân cần tử tế của họ bàn về quyển sách của tôi

làm tôi bối rối hết sức. Tôi cảm thấy họ chờ tôi nói những điều hay ho sâu sắc nhưng tôi không hề nghĩ ra được một điều gì mãi đến sau khi buổi tiếp tân chấm dứt. Tôi cố che dấu sự bối rối của mình bằng cách chuyển qua những tách trà và bánh mì phết bơ cắt vụng về. Tôi không muốn ai để ý đến tôi để tôi có thể quan sát thỏa thích những con người nổi tiếng này và nghe những điều hay họ nói.

Tôi còn nhớ những người đàn bà cứng nhắc và to béo với chiếc mũi lớn và cặp mắt hau háu, mặc quần áo cứ như là mặc áo giáp; những cô gái già nhỏ thó, loắt choắt như chuột với giọng nói dịu dàng và cái liếc mắt thật sắc. Tôi không bao giờ hết kinh ngạc nhìn thấy họ ăn bánh mì phết bơ mà cứ mang găng tay, và tôi thán phục họ khi thản nhiên chùi mấy ngón tay trên ghế vì không ai nhìn thấy họ. Thật là tội nghiệp cho đồ đạc, nhưng tôi cho rằng bà chủ nhà sẽ trả thù lại trên đồ đạc của bạn bè khi bà đến thăm họ. Một vài người trong số họ ăn mặc hợp thời trang, và chỉ vì bạn đã viết một cuốn tiểu thuyết mà họ bảo với bạn rằng cả đời họ không hiểu nổi tại sao bạn lại ăn mặc lỗi thời như thế. Nếu bạn có cái dáng dễ coi thì bạn phải liệu mà làm cho nó đẹp hơn, một chiếc giày đẹp với một bàn chân nhỏ nhắn không bao giờ ngăn cản ông chủ bút nhận bản thảo của anh. Nhưng những người khác cho rằng đây là chuyện phù phiếm và họ m những thứ “vải vóc nghệ thuật” mang những thứ trang sức man di. Nhưng đàn ông thì bề ngoài ít khi tỏ ra lập dị. Họ cố tỏ ra càng ít giống các nhà văn càng tốt. Họ muốn được xem như những người bình thường ngoài đường phố và để người ta lầm tưởng là những thư ký kế toán của một hang buôn nào đó trong thành phố. Dường như lúc nào họ cũng có vẻ hơi mệt mỏi. Trước đó tôi chưa bao giờ quen biết các nhà văn, và tôi thấy họ thật kỳ lạ, nhưng tôi không nghĩ rằng đối với tôi họ hoàn toàn là có thật.

Tôi nhớ là tôi nghĩ rằng cuộc nói chuyện của họ thật là hào hứng và tôi quen lắng nghe với vẻ ngạc nhiên những lời hài hước châm chích mà họ dùng để băm nát một đồng nghiệp nào đó khi ông này vừa mới quay lưng

đi. Người nghệ sĩ có cái lợi điểm này hơn những người khác trên đời, là bạn bè của anh ta sẽ cố gắng không chỉ cái dáng dấp bên ngoài và tính tình của họ cho trò châm biếm của anh ta mà còn cả tác phẩm của họ nữa. Tôi thất vọng vì mình không bao giờ tự diễn đạt được một cách sắc sảo và lưu loát đến như thế. Vào thời đó khoa nói chuyện được trau dồi như một nghệ thuật; một lời đối đáp khéo léo được đánh giá cao hơn những lời chỉ trích sau lưng; và một câu châm biếm, tuy chưa phải là một thiết bị máy móc làm một tên ngu đần giống người tài trí, nhưng cũng đem lại vui vẻ cho cuộc trò chuyện nho nhỏ của người thành phố. Đáng buồn là tôi không còn nhớ gì về những lời ứng đối sắc sảo này. Nhưng tôi nghĩ rằng cuộc nói chuyện không bao giờ trở nên thoải mái trừ phi nó chuyển sang những mẫu chuyện thương mại vốn là mặt khác của thứ nghệ thuật mà chúng tôi đang rèn luyện. Khi chúng tôi bàn luận về giá trị của cuốn sách mới nhất, tự nhiên người ta sẽ hỏi xem cuốn sách bán được bao nhiêu bản, tác giả đã nhận được bao nhiêu tiền ứng trước, và ông ta có thể kiếm được bao nhiêu với cuốn sách ấy. Rồi chúng tôi nói về ông giám đốc nhà xuất bản này, ông giám đốc nhà xuất bản kia, so sánh tính hào phóng của ông này với tính bủn xỉn của ông kia. Chúng tôi bàn xem là tốt hơn nên đến với ông này, người trả món tiền bản quyền hậu hĩ hoặc đến với ông kia người “chơi ép” với một quyển sách thật sự có giá trị. Có người quảng cáo tồi và có người quảng cáo khéo. Có kẻ thì tận thời và có kẻ lại lỡ thời. Rồi chúng tôi bàn về những đại lí, về việc chào hàng của họ để giúp chúng tôi; bàn về những ông chủ bút, bàn về nên viết những loại đề tài nào để họ tiếp đón ân cần, xem nếu in một ngàn cuốn thì họ trả bao nhiêu, và liệu họ trả ngay lập tức hay ngược lại. Đối với tôi, tất cả cái này là hão huyền. Nó làm tôi cảm thấy thấm thía rằng mình đã trở thành thành viên của một loại hội những người thần bí.

Đạo ấy không ai tốt bụng với tôi hơn cô Rose Waterford. Ở c kết hợp được sự thông minh của nam giới và tính ương ngạnh của nữ giới, tiểu thuyết cô viết vừa độc đáo vừa khiến người đọc ngỡ ngàng. Chính ở nhà cô, một hôm tôi đã gặp vợ chồng Charles Strickland. Hôm ấy cô Waterford tổ chức một buổi tiệc trà và căn phòng nhỏ nhắn của cô đông người hơn thường lệ. Hình như mọi người đang trò chuyện, và tôi, ngồi yên lặng cảm thấy lúng túng, ngượng nghịu, nhưng tôi quá rụt rè nên không thể nhập vào bất kì nhóm nào; trong lúc đó ai cũng như đang chăm chú vào chuyện của họ. Cô Waterford là một chủ nhà giỏi, biết làm cho buổi tiệc trà của mình luôn vui vẻ; thấy tôi lung túng cô đi về phía tôi.

-Tôi muốn anh nói chuyện với bà Strickland,- cô nói.- Bà ấy đang say sưa nói về quyển sách của anh.

- Bà ta làm gì thế? - Tôi hỏi.

Tôi ý thức về sự ngu dốt của mình, và nếu bà Strickland là một nhà văn nổi tiếng thì tôi nghĩ cũng nên biết chắc điều đó trước khi nói chuyện với bà.

Cô Rose Waterford từ tốn đưa mắt xuống chiếc tạp dề làm tăng tác động của câu trả lời của cô:

- Bà ấy thường tổ chức tiệc trưa. Anh chỉ cần găm to lên một tiếng bà ấy sẽ mời anh.

Cô Rose Waterford là người hay châm biếm. Với cô, cuộc đời là cơ hội để viết tiểu thuyết và công chúng thành tài liệu sống. Thỉnh thoảng, cô mời một số thành viên của cái công chúng đó đến nhà nếu họ tỏ ra ngưỡng mộ tài năng của cô và chiêu đãi họ thật hào phóng. Cô nhìn sự yếu kém của họ như những sự hiếu kỳ bằng một thái độ khinh miệt vui vẻ, nhưng lại biết xử sự với họ trong phong cách của một nữ văn sĩ xuất sắc.

Tôi được dẫn đến gặp bà Strickland, và chúng tôi đã nói chuyện với nhau khoảng mười phút. Không thấy ở bà có điểm gì đáng chú ý ngoài một giọng nói dịu dàng. Bà có một căn hộ ở khu Westminster trông ra nhà thờ lớn đang xây dở, và vì chúng tôi sống trong cùng một khu phố nên dễ thân thiện với nhau ngay. Cửa hàng bách hóa của lực quân và hải quân là sợi dây liên kết tất cả những người cư ngụ giữa con sông và công viên Saint Jamca. Bà Strickland đã hỏi tôi địa chỉ và chỉ vài ngày sau tôi nhận được thiệp mời dự tiệc trưa.

Những chuyện mời mọc như thế này đối với tôi còn ít nên tôi vui vẻ nhận lời. Khi tôi đến, có hơi muộn - vì sợ đến sớm quá nên tôi tản bộ quanh nhà thờ lớn ba vòng - tôi thấy bữa tiệc đã đông đủ. Cô Waterford đã có mặt ở đó cùng với bà Jay, Richard Twining và George Road. Tất cả chúng tôi đều là nhà văn. Đó là một ngày đẹp trời vào đầu xuân nên chúng tôi đều vui vẻ. Chúng tôi nói hàng trăm thứ chuyện. Cô Waterford bị lôi kéo giữa chủ nghĩa duy mỹ của thời thanh xuân, khi cô còn quen diện màu xanh lục chín chắn, tay cầm một cành thủy tiên đi dự tiệc, và tính suồng sã của tuổi trưởng thành, thích dùng giày cao gót và áo dài kiểu Paris. Hôm ấy cô đội một chiếc mũ mới, đã khiến cô đâm ra cao hứng. Tôi chưa bao giờ nghe cô ta nói hiểm độc hơn đối với bạn bè chung của chúng tôi. Biết rằng ăn nói văn vẻ là linh hồn của trí thông minh, bà Jay đưa ra nhận xét bằng giọng nói gần như thêu thào đến nỗi có thể làm cho chiếc khăn trải bàn trắng như tuyết hoa hồng. Richard Twining hùng hổ với những chuyện vô lý gần như kì quặc, và George Road ý thức được rằng không cần phải phô trương tài trí

vì đó chẳng qua là một trò cười nên chỉ cần mở miệng để cho thức ăn vào mà thôi. Bà Strickland không nói nhiều nhưng bà có cái tài đặc biệt giữ cho cuộc nói chuyện được liên tục và khi câu chuyện dừng lại, bà đưa vào đúng lúc lời nhận xét để nó lại tiếp tục. Bà là một phụ nữ ba mươi bảy tuổi khá cao lớn, tròn trịa nhưng không mập mạp. Bà không đẹp nhưng gương mặt khả ái, có lẽ phần lớn nhờ ở đôi mắt nâu dịu hiền. Bà có nước da tái tái, mái tóc đen được chải kiểu rất công phu. Bà là người duy nhất trong ba người đàn bà không trang điểm mặt và so với những người kia bà có vẻ đẹp giản dị tự nhiên.

Phòng ăn hợp với thị hiếu thời bấy giờ, trông rất trang nghiêm. Phần chân tường lát gỗ nâu trắng và dán giấy xanh, khung đen gọn ghẽ. Những bức màn màu xanh lá cây trang trí hình con công tre thẳng hàng và tấm thảm màu xanh lá cây vẽ những con thỏ màu nhạt, nô đùa giữa cây rậm lá, gợi cho thấy ảnh hưởng của William Morris^[16]. Trên mặt lò sưởi là đồ gốm Denfor màu xanh. Vào thời bấy giờ ở Luân Đôn chắc phải có đến năm trăm phòng ăn được trang trí theo cùng kiểu này. Nó có vẻ giản dị, có nghệ thuật và buồn tẻ.

Khi chúng tôi ra về tôi đi với cô Waterford; bầu trời đẹp và chiếc mũ mới của cô đã nài nỉ chúng tôi bách bộ qua công viên.

- Bữa tiệc thật là thú vị. - tôi nói

- Anh có thấy thức ăn ngon không? Tôi đã bảo bà ta rằng nếu muốn mời những nhà văn thì phải cho họ ăn ngon.

- Một lời khuyên tuyệt vời, - tôi đáp. - Nhưng sao bà ta lại cần họ?

Cô Waterford nhún vai:

- Bà ta thấy họ vui vui. Bà muốn hợp với trào lưu. Tôi cho rằng bà ta rất đơn giản, anh bạn ạ, và bà nghĩ là tất cả chúng ta đều tuyệt vời. Dầu sao, bà thích mời tất cả chúng ta dự tiệc trưa và điều đó không mấy may có hại gì cho chúng ta. Tôi thích bà ta về chuyện đó.

Nghĩ lại chuyện đó tôi thấy bà Strickland là tay săn sư tử vô hại nhất trong số tất cả những người theo đuổi con mồi của mình, từ những đỉnh cao vật của Hampstead đến tận những xường vễ thấp nhất của khu Cheyne Walk. Bà đã sống cái tuổi thanh xuân rất yên tĩnh ở miền quê và những quyển sách mượn trong thư viện Madie, không những mang theo tính lãng mạn của chính chúng mà còn cả tính lãng mạn của Luân Đôn nữa. Bà thật sự say mê đọc sách (kiểu người như bà thật là hiếm, phần nhiều người ta quan tâm đến tác giả hơn quyển sách cũng như quan tâm đến họa sĩ hơn mấy bức tranh của anh ta), và bà tạo ra một thế giới của trí tưởng tượng, trong đó bà sống với một thứ tự do mà chưa bao giờ bà có được trong thế giới hàng ngày. Khi bà đã hiểu biết giới nhà văn thì cũng giống như mạo hiểm bước lên một sân khấu mà cho đến lúc ấy, bà ta chỉ mới biết được từ phía những hàng ghế khán giả. Bà nhìn họ một cách xúc động và có vẻ như bà đang sống trong một cuộc sống mới rộng hơn, bởi vì bà chiêm đãi và viếng thăm họ ngay trong thành lũy của họ. Bà chấp nhận những quy luật của họ trong trò chơi của cuộc đời cũng nghiêm chỉnh như họ, nhưng không bao giờ nghĩ đến chuyện sửa đổi lề lối của mình cho phù hợp với họ. Những điều lập dị trong quan niệm đạo đức cũng như những lỗi ăn mặc quái lạ của họ, những thuyết ngông cuồng và những ý kiến ngược đời của họ là một trò giải trí khiến bà vui thích nhưng lại chẳng có ảnh hưởng dù nhỏ nào đối với bà.

- Có một ông Strickland nào đó phải không? - Tôi hỏi

- Ồ vâng. Ông ta đang làm cái gì đó trong thành phố. Chắc ông ta mua bán chứng khoán. Ông ấy rất đù đờ.

- Họ sống hạnh phúc chứ?

- Họ quý mến nhau lắm. Anh sẽ được gặp ông ấy nếu anh có dịp dùng cơm tối ở đó. Nhưng thường bà không mời người ta đến dùng bữa tối, ông ấy trầm ngâm ít nói lắm, chẳng quan tâm tới văn chương nghệ thuật gì cả.

- Tại sao đàn bà xinh đẹp lại lấy những gã đàn ông đần độn nhỉ?

- Bởi vì đàn ông thông minh không cưới những người đàn bà xinh đẹp.

Tôi không nghĩ ra được điều gì để bẻ lại, nên tôi hỏi xem bà Strickland có con cái gì không.

- Có; bà ta có một con trai và một con gái. Cả hai còn đi học.

Không có gì để nói thêm về vấn đề này, chúng tôi chuyển sang chuyện khác.

Mùa hè năm đó, tôi và bà Strickland gặp nhau khá thường xuyên. Thỉnh thoảng tôi dự những bữa trưa giản dị, vui vẻ tại nhà bà và những tiệc trà tổ chức đình đám hơn. Giữa chúng tôi có sự cảm mến nhau. Vì lúc đó tôi còn trẻ nên có lẽ bà thích được dìu dắt tôi bước đầu trên con đường văn chương nghệ thuật đầy gian nan này, còn tôi thích có một người để chia sẻ những ưu tư nhỏ nhặt, một người chịu lắng nghe và cho những lời khuyên hợp lý. Bà Strickland có cái tài cảm thông được với người khác. Đó là một tài năng đáng yêu mà những người biết mình có thường lạm dụng, bởi vì có một cái gì đó quá đáng trong thái độ vội vã vồ lấy nỗi bất hạnh của bạn mình để thực hành cái tài năng ấy. Nó tuôn ra như một giếng dầu, và người cảm thông đổ tràn sự thông cảm của mình một cách rộng lượng đến nỗi đôi khi làm nạn nhân đâm ra lúng túng. Có những tâm hồn quá ướt đẫm nước mắt đến nỗi tôi không thể nào nhỏ thêm nước mắt của mình nữa. Bà Strickland biết sử dụng khéo léo ưu điểm của bà. Bạn cảm thấy bạn đã làm ơn cho bà ta bằng cách chấp nhận sự cảm thông của bà. Với sự nhiệt tình của tuổi trẻ, tôi đã lưu ý cô Rose Waterford về điểm này nhưng cô nói:

- SỮA thì rất ngon nhất là khi thêm vào đó giọt rượu mạnh nữa, nhưng con bò cái chỉ thật sự sung sướng khi trút bỏ được nó. Một bầu vú căng phồng rất khó chịu.

Cô Rose Waterford có một lối nói nảy lửa. Không ai có thể nói được những điều chua cay như thế, nhưng mặt khác không ai có thể nói được những điều dễ thương hơn.

Còn có một điểm khác nữa mà tôi thích ở bà Strickland. Bà ta xếp đặt đồ đạc trong nhà thật thanh lịch. Căn nhà bà luôn gọn gàng và vui mắt, tươi

tấn với những cành hoa; những tấm vải hoa trong phòng khách dù đường nét giản dị nhưng mà rất tươi và xinh đẹp. Những bữa ăn trong căn phòng ăn nhỏ trang trí nghệ thuật này thật là thú vị; chiếc bàn xinh xắn, hai cô hầu gọn gàng, duyên dáng và thức ăn thì rất ngon. Không thể nào không nhìn thấy được rằng bà Strickland là một bà nội trợ tuyệt vời. Và anh cũng cảm thấy chắc rằng bà là một người mẹ đáng thán phục. Trong phòng khách có mấy bức ảnh chụp con trai và con gái bà. Cậu con trai tên Robert, mười sáu tuổi, đang theo học tại Rugby^[17]; ta thấy cậu mặc quần nỉ, đội cát kết crickê; và trong một ảnh khác, vận áo đuôi tôm kín cổ. Cậu có vầng trán thành thực và đôi mắt đẹp, trầm tư giống mẹ. Cậu trông gọn gàng, khỏe mạnh và bình thường.

- Tôi không biết cháu có thông minh lắm không, - một hôm bà ta nói khi trông thấy tôi đang xem bức ảnh, - nhưng tôi biết rằng cháu là một người tốt. Tính tình cháu rất dễ mến.

Cô con gái mười bốn tuổi. Mái tóc dày và đen giống tóc mẹ buông xõa mượt mà trên đôi vai ô cũng có cái vẻ tử tế với đôi mắt thâm lặng vô tư.

- Cả hai cháu đều là hình ảnh của chị, - tôi nói.

- Vâng, tôi nghĩ rằng chúng giống tôi hơn là giống bố.

- Sao không bao giờ chị cho tôi gặp anh ấy? - Tôi hỏi.

- Anh muốn chứ?

Bà ta mỉm cười, nụ cười rất dịu dàng, mặt hơi đỏ lên. Thật là lạ đối với một người đàn bà vào tuổi ấy mà có thể đỏ mặt một cách dễ dàng. Có lẽ tính hồn nhiên là nét duyên dáng nhất của bà.

- Anh biết cho, anh ấy chẳng có vấn đề chút nào cả, - bà ta nói. - Anh ấy là một người rất tầm thường.

Bà nói những lời này với vẻ trù mến, chứ không phải là dè bieu ông, như thể khi nhìn nhận điều tồi tệ nhất ở ông thì bảo vệ cho ông khỏi những lời gièm pha của bạn bè.

- Anh ấy làm ở Sở giao dịch chứng khoán, là một người môi giới tiêu biểu. Tôi nghĩ anh ấy sẽ làm anh chán chết đi được.

- Anh ấy có làm chị chán không? - Tôi hỏi.

- Anh thấy đó, tôi là vợ của anh ấy. Tôi rất thích anh ấy.

Bà mỉm cười che giấu sự e thẹn của mình, và tôi nghĩ bà sợ tôi sẽ chế nhạo - điều không thể không xảy ra nếu Rose Waterford nghe được lời tự thú ấy. Bà do dự một chút. Rồi đôi mắt của bà trở nên dịu dàng hơn.

- Anh ấy không tự cho mình là một thiên tài đâu. Anh ấy cũng không kiếm được nhiều tiền ở Sở giao dịch chứng khoán. Nhưng anh ấy tốt và tử tế kinh khủng.

- Tôi nghĩ tôi sẽ rất thích anh ấy.

- Tôi sẽ mời anh dùng cơm tối với chúng tôi hôm nào đó; nhưng anh hãy nhớ, anh phải chấp nhận mọi may rủi, và đừng trách tôi nếu anh thấy tối hôm đó chán ngắt.

Thế nhưng, khi cuối cùng tôi gặp Charles Strickland, thì điều kiện không cho phép tôi làm gì khác hơn là chỉ làm quen với ông. Một buổi sáng, bà Strickland gửi cho tôi bức thư ngắn cho biết bà sẽ tổ chức một bữa tiệc vào tối hôm đó. Bà ta mời tôi thay vào chỗ trống của một người khách không đến dự. Thư viết tiếp:

“Chỉ vì lịch sự mà tôi phải cho anh hay trước rằng anh sẽ chán chết đi thôi. Đây sẽ là một bữa tiệc hoàn toàn chán ngắt ngay từ đầu, nhưng nếu anh đến tôi sẽ hết sức biết ơn. Và rồi anh và tôi có thể sẽ nói chuyện phiếm với nhau.”

Chỉ vì chỗ thân tình mà nhận lời thôi.

Khi bà Strickland giới thiệu tôi với chồng, ông chỉ hờ hững đưa tay cho tôi bắt. Vui vẻ quay về phía ông, bà cố gắng nói đùa một câu:

- Em mời anh ấy để cho anh thấy rằng em cũng thật sự có một người chồng. Em nghĩ rằng anh ấy đã bắt đầu nghi ngờ điều đó rồi.

Strickland lịch sự cười khẽ khiến người ta nhận ra một sự khôi hài mặc dù không có gì đáng cười, nhưng không ai muốn nói ra. Chủ nhà phải ra tiếp đón những người khách mới đến nên tôi bị bỏ đứng một mình. Cuối cùng khi mọi người đã đến đông đủ và chờ chủ nhà tuyên bố bắt đầu bữa tiệc, tôi có ý nghĩ - trong lúc trò chuyện với người đàn bà mà tôi được mời ngồi bên cạnh - rằng con người văn minh xử sự khéo léo một cách lạ lùng, khi phải phí thì giờ cho những việc chán ngắt trong cuộc đời ngắn ngủi này. Đó là loại tiệc làm bạn phải tự hỏi tại sao nữ chủ nhân lại bỏ công mời

khách và tại sao các vị khách lại bỏ công đến dự. Có cả thầy mời người. Họ lãnh đạm gặp nhau và sẽ thoải mái nếu được tách riêng ra. Dĩ nhiên, đó là một buổi họp mặt thuận túy giao tế xã hội. Ông bà Strickland đã “nợ” những bữa ăn tối với một số người mà họ thích thú gì, vì thế họ phải mời lại những người ấy; những người này đã nhận lời. Tại sao vậy? Để tránh sự tế nhị của bữa ăn tối hai vợ chồng mặt đối mặt, để cho những người giúp việc của họ có dịp nghỉ ngơi, bởi vì không có lý do nào để từ chối, bởi vì họ “mắc nợ” một bữa ăn tối.

Phòng ăn chật chội người đến khó chịu. Có vợ chồng vị luật sư của triều đình, vợ chồng một viên chức chính phủ, có người chị của bà Strickland cùng chồng là đại tá MacAndrew, và bà vợ của một nghị sĩ Quốc hội. Vì ông nghị thấy mình không thể rời khỏi Quốc hội nên tôi đã được mời. Sự đáng kính của bữa tiệc thật là kỳ diệu. Các bà thì quá duyên dáng nên không cần diện đẹp và quá tự đại với địa vị của mình nên không hòa vào nhau vui chơi. Các ông thì cứng nhắc. Tất cả đều có vẻ tự mãn một cách phù phiếm.

Mọi người đều nói chuyện hơi lớn tiếng hơn bình thường vì họ muốn làm cho bữa tiệc được tự nhiên. Căn phòng thật là ồn ào. Nhưng không có một câu chuyện chung nào. Mỗi người nói chuyện với người bên cạnh mình; nói với người ở bên phải khi dùng món súp, món cá và món đầu bữa; nói với người bên trái khi dùng món thịt quay, món bánh ngọt tráng miệng, và món tiêu cơm. Người ta nói về tình hình chính trị, về chuyện chơi gôn, về con cái, về vở kịch mới nhất, về những bức tranh ở viện bảo tàng Hoàng gia, về thời tiết, về những dự định trong các ngày nghỉ. Không lúc nào họ ngừng nói và không khí càng lúc càng ồn ào hơn. Chắc hẳn bà Strickland phải phấn khởi vì bữa tiệc của bà thành công. Chồng bà đóng vai của mình thật đáng khen. Có lẽ ông đã không nói nhiều lắm, và tôi có cảm tưởng rằng vào cuối buổi tiệc các bà ngồi bên cạnh ông đều lộ vẻ mệt mỏi. Người ta thấy ông chán phèo. Đôi lúc bà Strickland đưa mắt lo lắng nhìn ông ta.

Sau cùng, bà đứng lên và tiễn các bà ra khỏi phòng. Ông Strickland bước theo đóng cửa lại sau lưng bà, rồi đi về phía bên kia bàn ngồi giữa ông luật sư triều đình và viên chức chính phủ. Ông lại chuyền quanh món rượu vang đỏ và mời chúng tôi dùng xì gà. Ông luật sư nhận xét về sự tuyệt hảo của món rượu vang và ông Strickland cho chúng tôi biết ông đã mua rượu ở đâu. Chúng tôi bắt đầu tán gẫu về mùa hái nho và thuốc lá. Ông luật sư kể cho mọi người nghe về một vụ kiện mà ông được mời tham dự, còn ông đại tá thì bàn về môn bóng pô-lô. Tôi không có chuyện gì để nói nên ngồi yên, cố làm ra vẻ lịch sự chú ý đến câu chuyện. Nghĩ rằng không ai để ý đến mình nên tôi quan sát ông Strickland một cách thoải mái. Ông to lớn hơn tôi nghĩ: tôi không hiểu sao mình lại cứ ngỡ ông là người mảnh khảnh, bề ngoài không có gì đáng chú ý; thực tế thì ông to ngang và nặng nề, với đôi bàn tay và bàn chân to tướng, ông tỏ ra vụng về trong bộ quần áo buổi tối. Ông làm tôi liên tưởng đến một người đánh xe ngựa được điện kèng. Ông là một người đàn ông trạc bốn mươi, không đẹp và cũng không xấu, nhìn từng chi tiết, ông có những nét khá đẹp, nhưng tất cả những nét ấy hơi quá cỡ một chút, và kết quả là vô duyên. Khuôn mặt của ông lớn nhưng râu lại cạo nhẵn nên trở trụi đến khó coi. Tóc ông hung hung đỏ, cắt rất ngắn, đôi mắt nhỏ, xanh xám xám. Trông ông có vẻ tầm thường. Tôi không còn thắc mắc liệu bà Strickland có cảm thấy chút ngượng ngùng nào đó về ông không; chắc chắn ông không phải là một cái gì đó đáng hân hạnh đối với một người đàn bà muốn tự tạo cho mình một tư thế trong giới văn chương nghệ thuật. Rõ ràng, ông không có một năng khiếu giao tế xã hội nào cả, nhưng lại có những thứ mà người ta có thể không cần đến. Ông cũng không có cả một tính kỳ cục nào đó để đưa ông ra khỏi cái nhóm thường tình. Ông chỉ là một người đàn ông thẳng thắn, chân thật, tốt bụng và chán ngắt. Có thể người sẽ ngưỡng mộ những phẩm chất tốt đẹp của ông, nhưng lại tránh chơi thân với ông. Ông ta chả là cái gì cả. Chắc chắn ông là một thành viên xứng đáng của xã hội, một người chồng và một người cha tốt, một người môi giới chân thật; nhưng chẳng có lý do nào để phí thì giờ với ông ta.

Mùa hè sắp tới, từng cơn gió nóng tốc bụi mịt mù. Những người tôi quen đều đang chuẩn bị đi xa. Bà Strickland sẽ đưa gia đình ra bờ biển Norfolk để các con tắm biển và chõng chơi gôn. Chúng tôi tạm biệt nhau và hẹn gặp lại vào mùa thu. Nhưng vào ngày cuối cùng trước khi rời thành phố, khi bước ra khỏi cửa hàng bách hóa, tôi đã gặp bà ta cùng với cậu con trai và cô con gái. Cũng như tôi, bà đang đi mua sắm lần cuối cùng trước khi rời Luân Đôn. Cả hai chúng tôi đều cảm thấy nóng nực và mệt mỏi. Tôi đề nghị đi ăn kem trong công viên.

Tôi nghĩ rằng bà Strickland rất sung sướng giới thiệu với tôi những đứa con của bà và bà đã mau mắn nhận lời mời. Hai cô cậu trông có duyên hơn trong ảnh và người mẹ có lý do để hãnh diện về con mình. Tôi còn trẻ nên họ cũng cảm thấy đôi chút ngại ngùng, nhưng họ vui vẻ nói hết chuyện này đến chuyện khác. Họ là những thiếu niên trẻ trung, khỏe mạnh và vô cùng dễ thương. Chúng tôi ngồi dưới bóng cây và cảm thấy dễ chịu làm sao!

Một giờ sau, họ xúm xít lên xe taxi về nhà còn tôi thì vẫn vợ đến câu lạc bộ. Tôi cảm thấy hơi cô đơn và với chút ít ghen tị tôi nghĩ đến đời sống vui vẻ của gia đình mà tôi vừa thoáng thấy. Trông họ có vẻ hết lòng thương yêu nhau. Họ có những mẫu chuyện vui nho nhỏ riêng tư mà người ngoài không thể nào hiểu được, những mẫu chuyện đó làm họ rất vui. Có lẽ dựa theo tiêu chuẩn xem những lời ứng đối sắc sảo là trên hết nên Charles Strickland bị đánh giá là khù khờ, chán ngắt. Nhưng trí thông minh của ông thích hợp với những người thân quanh ông và đó chính là giấy thông hành không những đưa đến thành công một cách hợp lý mà còn hơn thế nữa, đưa đến hạnh phúc. Bà Strickland là một phụ nữ duyên dáng và bà ta yêu ông. Tôi đã hình dung được cuộc sống của họ, không bị xáo trộn bởi

một chuyện bất ngờ không may nào, một cuộc sống lương thiện đứng đắn, và, bởi vì có được hai đứa con mạnh khỏe và vui vẻ ấy, rõ ràng cuộc sống ấy được dành để tiếp tục những truyền thống bình thường của nòi giống và địa vị của họ một cách thật là có ý nghĩa. Họ sẽ già đi mà không hề hay biết; họ sẽ thấy con trai và con gái mình đến tuổi trưởng thành, rồi lập gia đình; cô con gái xinh đẹp sẽ là một người mẹ tương lai của nhiều đứa con khỏe mạnh, còn cậu con trai can đảm, bảnh bao kia chắc sẽ là một quân nhân; và cuối cùng, sau những năm nghỉ hưu sống sung túc và xứng đáng trong tình thương chan hòa của con cháu, cuộc đời hạnh phúc không phải là vô ích của họ, ở đỉnh cao của tuổi tác, sẽ kết thúc dưới nấm mồ.

Đó hẳn là câu chuyện của vô số cặp vợ chồng, và cái khuôn mẫu của cuộc sống ấy có một vẻ đẹp giản dị. Nó nhắc người ta nhớ đến một dòng suối yên tĩnh, uốn khúc êm ả xuyên qua đồng cỏ xanh tươi và rợp bóng những cành cây râm mát, và cuối cùng đổ ra biển cả mênh mông. Nhưng biển cả yên tĩnh quá, lặng lẽ quá, hờ hững quá đến nỗi một trạng thái bản khoản mơ hồ bất chợt cũng làm bạn khó chịu. Có thể một sự lệch lạc nào đó trong bản chất của tôi đã tạo cho tôi những suy nghĩ như thế, nhưng trong những ngày ấy nó khuấy mạnh trong tôi, khiến tôi cảm thấy một cuộc sống như thế, cuộc sống mà đa số người đã chọn, có một cái gì đó lầm lạc sai sót. Tôi thừa nhận giá trị xã hội của nó, tôi thấy sự hạnh phúc được định đoạt của nó, nhưng một cơn sốt trong huyết quản của tôi đòi hỏi dòng đời phải sóng gió hơn. Dường như tôi thấy có một cái gì đó đang báo động trong những niềm vui thanh thản như thế. Trong trái tim tôi bùng lên niềm ao ước một cuộc sống gian nguy hơn. Tôi không sợ phải vượt qua dốc đứng và bãi ngầm nếu chúng mang lại cho tôi những đổi thay và sự kích thích của cái bất ngờ.

Đọc lại những điều mình đã viết về gia đình Strickland, tôi ý thức được rằng những điều ấy có vẻ mù mờ. Có thể tôi đã không khoác cho họ những đặc tính làm cho những nhân vật của một cuốn sách sống như thật; và tự hỏi đó có phải là lỗi của tôi không, tôi vắt óc nhớ lại những cách diễn đạt có thể làm cho họ sống động. Tôi cảm thấy rằng, bằng cách dựa vào một cố tật về lời nói hoặc một thói quen kỳ cục, có thể tôi sẽ tạo cho họ một sự quan trọng đặc biệt nào đó. Khi sống họ giống như những hình ảnh trong một tấm thảm cổ, chúng không tự tách ra khỏi cái nền hậu cảnh, và nếu nhìn từ xa hình như chúng mất hẳn những đường nét riêng để bạn chỉ còn thấy một mảng màu đẹp nào đó thôi. Lý do để bào chữa của tôi là cái ấn tượng mà họ tạo được nơi tôi thì không thể nào khác đi được. Bạn sẽ tìm thấy cũng chính điều mù mờ đó nơi những người mà cuộc sống là một bộ phận của cơ chế xã hội, họ chỉ tồn tại được trong đó và nhờ đó mà thôi. Họ giống như những tế bào trong thân thể, cần thiết, nhưng ngay trong lúc còn khỏe mạnh, chúng mất hút trong cái tổng thể quan trọng ấy. Gia đình Strickland là một gia đình trung bình thuộc giới trung lưu. Một phụ nữ hiếu khách và duyên dáng, với một niềm say mê vô hại những con sư tử nhỏ của giới văn chương, một người đàn ông thần thờ, làm tròn bốn phận của mình trong cuộc sống mà một đấng Thượng đế nhân từ đã đặt để; và hai người con xinh đẹp, khỏe mạnh. Không gì có thể thường tình hơn. Tôi không biết có điều gì nơi họ kích động được sự chú ý của người hiếu kỳ.

Khi tôi nghĩ lại về tất cả những gì xảy ra sau đó, tôi tự hỏi mình có hẳn động không khi không thấy ít nhất là một cái gì đó vượt ra ngoài sự tầm thường nơi con người Charles Strickland. Có lẽ thế. Tôi nghĩ rằng tôi đã tích lũy trong những năm từ lúc đó đến nay một kiến thức đúng đắn về con người; nhưng cho dù khi gặp gia đình Strickland lần đầu tiên tôi đã có được

kinh nghiệm đang có ngày nay, thì tôi vẫn không tin rằng mình sẽ phán đoán họ một cách khác đi. Nhưng bởi vì tôi biết rằng con người thì thật là bất thường, nên tôi không quá ngạc nhiên về cái tin đến tai tôi ngày tôi trở về Luân Đôn vào đầu mùa thu năm ấy.

Tôi về chưa được hai mươi bốn giờ đồng hồ thì tình cờ gặp cô Rose Waterford trên đường Jermyn.

- Trông chị có vẻ vui lắm, - tôi nói. - Có chuyện gì thế?

Cô ta mỉm cười và cặp mắt ánh lên một vẻ ranh mãnh mà tôi đã từng biết. Điều đó có nghĩa là cô đã nghe được một chuyện tai tiếng nào đó về một người bạn của cô ta. Và bản năng của một người nữ văn sĩ thì bao giờ cũng nhạy bén.

- Anh đã gặp Charles Strickland rồi chứ?

Không những gương mặt mà cả thân thể của cô ta toát ra một vẻ mau mắn. Tôi gật đầu. Tôi tự hỏi phải chăng anh chàng tội nghiệp ấy đã bị nện ở Sở Giao dịch chứng khoán hoặc bị một chiếc xe buýt hai tầng nào đó đụng phải rồi chăng.

- Thế có đáng sợ không chứ? Ông ta đã bỏ vợ mà đi rồi.

Chắc cô Waterford cảm thấy rằng cô không thể đứng trên lề đường Jermyn mà xét xử khách quan được, cho nên, như một nghệ sĩ, cô vắt cho tôi cái sự việc chỉ vón vện chừng ấy rồi tuyên bố không biết thêm chi tiết nào nữa. Đối với cô, tôi không thể bắt công mà cho rằng một chuyện vặt vãnh như thế thì không có gì cản trở để cô nói ra, nhưng cô ta vẫn ngoan cố.

- Tôi nói cho anh biết rằng tôi không biết gì cả. - Cô ta nói để đáp lại những câu hỏi đầy thắc mắc của tôi, rồi kèm một cái nhún vai lửng lơ cô nói tiếp. - Tôi tin rằng có một cô gái làm ở một phòng trà trong thành phố vừa bỏ nơi làm việc.

Cô ta mỉm cười với tôi, rồi quả quyết rằng phải đến gặp ông nha sĩ, cô vui vẻ bước đi. Tôi thấy thích thú nhiều hơn là lo lắng. Vào những ngày ấy kinh nghiệm của tôi về cuộc đời lúc đầu thật là ít ỏi, một sự việc bất ngờ xảy ra cho một người tôi quen cũng kích động tôi y như tôi đọc nó trong sách. Tôi thú nhận rằng thời gian đã làm cho tôi quen với những việc bất ngờ loại này từng xảy ra cho những người tôi quen biết. Nhưng đầu sao lúc ấy tôi cũng xúc động. Ông Strickland khi đó chắc đã bốn mươi tuổi, tôi nghĩ thật đáng ghê tởm cho một người đàn ông ở vào cái tuổi ấy mà còn dính líu tới những chuyện yêu đương. Với cái hạm hĩnh của tuổi còn quá trẻ, tôi đặt tuổi ba mươi lăm làm cuối cùng để một anh đàn ông có thể yêu đương mà không hóa rồ. Và, cái tin này làm cho tôi hơi bối rối, vì từ miền quê, tôi đã viết thư cho bà Strickland báo ngày về của tôi, có nói thêm rằng trừ phi tôi nhận được một tin gì ngược lại, còn không thì tôi sẽ đến dùng với bà một tách trà vào một ngày nào đó. Vậy mà mãi đến nay tôi vẫn chưa nhận được một chữ nào của bà Strickland. Bà muốn gặp lại tôi hay không muốn? Có thể sự bối rối vào lúc này đã làm bà ta quên khuấy đi bức thư của tôi. Có lẽ khôn ngoan nhất là tôi không nên tới. Mặt khác, có thể bà muốn giữ kín sự việc đã xảy ra và, về phần tôi, thật là quá vô ý nếu tỏ ra một dấu hiệu gì cho thấy là cái tin quái đản đó đã đến tai tôi. Tôi bị dẫn vật giữa mỗi e ngại làm tổn thương đến tình cảm của một người đàn bà dễ mến và nỗi sợ hãi đang ở trong tình trạng đó. Tôi cảm thấy chắc bà đang đau khổ và tôi không muốn nhìn nỗi khổ đau nào mà tôi không thể giúp đỡ gì. Nhưng trong thâm tâm tôi lại ao ước - điều khiến tôi hơi hổ thẹn - muốn xem thử bà ta chịu đựng nó thế nào. Tôi không biết phải làm gì.

Sau cùng, tôi chợt nghĩ ra là cứ ghé thăm như thế không có chuyện gì xảy ra, và bảo người hầu gái hỏi xem bà Strickland có tiện tiếp tôi hay không. Đây sẽ là dịp để bà tổng khừ tôi. Nhưng rồi tôi lại đâm ra bối rối khi nói với người hầu gái câu mà tôi đã chuẩn bị, và khi ngồi trong một hành lang tối chờ đợi câu trả lời, tôi phải vận dụng hết cả nghị lực mới khỏi bỏ đi. Cô hầu gái trở lại. Cử chỉ của cô ta đã cho trí tưởng tượng bị kích động của tôi biết đầy đủ về tai họa đã xảy ra trong nhà.

- Xin mời ông đi lối này. - Cô ta nói.

Tôi theo cô gái vào trong phòng khách. Những tấm sáo cửa sổ được kéo nửa chừng cho căn phòng hơi tối lại. Bà Strickland đang ngồi quay lưng ra phía sáng. Người anh rể của bà, đại tá MacAndrew, đứng trước lò sưởi, đang sưởi ấm lưng ở chỗ ngọn lửa đã tắt. Đối với tôi, việc tôi bước vào có vẻ hết sức ngỡ ngàng. Tôi đoán rằng việc tôi đến đã làm cho họ bất ngờ, và bà Strickland cho tôi vào chỉ vì bà ta đã quên tổng khừ tôi ra mà thôi. Tôi nghĩ là ông đại tá không bằng lòng với sự cắt ngang này.

- Tôi hoàn toàn không biết chắc là chị có mong đợi tôi không? - Tôi nói, cố làm ra vẻ vô tình.

- Dĩ nhiên là có. Anne sẽ mang trà vào ngay thôi.

Ngay cả trong phòng tối, tôi cũng không thể nào không thấy rằng gương mặt của bà Strickland sừng húp vì nhiều. Nước da của bà vốn không đẹp giờ trở nên thô ráp.

- Anh còn nhớ người em bạn rể của tôi chứ? Anh đã gặp cậu ấy tại bữa ăn tối ở đây, ngay trước những ngày nghỉ ấy.

Chúng tôi bắt tay nhau. Tôi cảm thấy rụt rè đến nỗi không nghĩ ra được một điều gì để nói nhưng bà Strickland đã tiếp cứu tôi. Bà hỏi tôi đã làm gì trong suốt mùa hè qua và với sự giúp đỡ này thì tôi tìm được một câu chuyện để nói cho đến khi trà được mang vào. Ông đại tá hỏi xin một ly uytxki sôđa.

- Em cũng nên dùng một ly, Amy ạ, - ông ta nói.

- Không, em thích dùng trà hơn.

Đây là lần đầu tiên cho thấy có một điều không may gì đó đã xảy ra. Tôi không chú ý gì đến điều ấy và cố gợi chuyện với bà Strickland. Ông đại tá vẫn còn đứng trước lò sưởi, không nói một lời. Tôi tự hỏi phải làm sao để có thể rút lui ngay một cách lịch sự và tôi thắc mắc tại sao bà Strickland đã cho tôi vào. Trong phòng không có chưng hoa, và những đồ trang trí lật vạt khác đã được dẹp đi trong suốt mùa hè cũng chưa được đặt lại. Có một cái gì đó ảm đạm và cứng nhắc trong căn phòng mà thường ngày có vẻ rất thân mật; nó gây cho bạn một cảm giác kỳ cục, như thể có một người chết đang nằm đằng sau bức tường. Tôi dùng trà xong.

- Anh hút thuốc chứ? - Bà Strickland hỏi.

Bà nhìn quanh tìm hộp thuốc, nhưng không thấy nó đâu.

- Tôi e rằng không còn điếu nào.

Thình lình bà bật khóc nức nở và vội vàng ra khỏi phòng.

Tôi giật nảy mình. Bây giờ tôi mới nghĩ ra rằng việc thiếu những điếu thuốc, mà thường lệ do chồng bà mang đến, đã bắt bà nhớ đến ông ta, và cái cảm giác mới mẻ về những tiện nghi nhỏ bé quen thuộc đang mất đi gây

cho bà một nỗi đau bất ngờ. Bà nhận ra rằng nếp sống trước đây đã tan biến và kết thúc rồi. Không thể nào giữ những hình thức giao tế giả vờ của chúng tôi lâu hơn nữa.">

- Tôi chắc rằng ông muốn tôi đi cho rảnh. - Tôi vừa nói với ông đại tá vừa đứng lên.

- Tôi nghĩ là anh đã nghe nói việc con người đê tiện đó đã bỏ cô ấy. - Ông ta hét to lên.

Tôi ngần ngại do dự.

- Ông biết thường thì người ta ngồi lê đôi mách như thế nào rồi. - Tôi đáp. - Tôi nghe nói mơ hồ rằng có một chuyện gì đó.

- Hãn đã bỏ trốn. Hãn đi Pari với một người đàn bà. Hãn bỏ rơi Amy không để lại một xu.

- Thật là đáng buồn. - Tôi nói và không biết nói thêm điều gì nữa.

Ông đại tá nốc một ngụm uytxki. Ông là một người đàn ông cao lớn, gầy, trạc năm mươi tuổi, để một bộ râu mép cong quặp xuống và mái tóc màu xám. Ông có đôi mắt xanh nhạt và một cái miệng thiếu nghị lực. Tôi vẫn còn nhớ từ lần gặp gỡ đầu tiên, ông có một gương mặt ngớ ngẩn và rất tự hào về việc trong mười năm trời trước khi rời quân đội ông đã chơi pô lô ba ngày mỗi tuần.

- Tôi không nghĩ rằng bà Strickland muốn bị tôi quấy rầy lúc này đâu. - Tôi nói. - Xin ông nói lại với bà ấy rằng tôi rất tiếc đã làm phiền bà. Nếu tôi có thể làm được việc gì, tôi rất sẵn lòng.

Ông không để ý gì đến lời tôi nói.

- Tôi không biết rồi cô ấy sẽ ra sao. Còn mấy đứa con nữa chứ. Bọn nó sống bằng không khí à? Mười bảy năm rồi.

- Mười bảy năm gì thế nhỉ?

- Họ đã cưới nhau ấy, - ông nổi cáu. - Tôi không bao giờ ưa hẳn ta được. Dĩ nhiên hẳn là anh em bạn rể với tôi và tôi cũng đã cố chịu đựng. Anh nghĩ hẳn là một người quý phái à? Đáng lẽ cô ấy đừng bao giờ lấy hẳn thì hơn.

- Chuyện không thể cứu vãn được nữa s

- Chỉ còn một việc để cô ấy làm là ly dị hẳn. Đó là điều tôi đang nói với cô ấy thì anh vào. “Em hãy khai pháo bằng một đơn xin ly dị, Amy ạ”, tôi đã nói thế. “Em phải làm thế vì em, phải làm thế vì các cháu”. Tốt hơn hết là hẳn đừng để tôi thấy mặt. Tôi sẽ đập hẳn chết tươi.

Tôi không khỏi suy nghĩ rằng ông đại tá MacAndrew khó có thể làm được chuyện này, vì tôi biết Strickland là một người lực lưỡng đáng gờm, nhưng tôi không nói gì thêm. Thật là đáng lo khi nền luân lý bị xúc phạm không có được sức mạnh của cánh tay để trừng trị trực tiếp người có tội. Tôi lại định rút lui thì bà Strickland trở lại. Bà đã lau khô nước mắt và đánh phấn lên mũi.

- Xin lỗi, tinh thần tôi đột ngột suy sụp, - bà ta nói. - Tôi rất mừng anh chưa đi.

Bà ngồi xuống. Tôi không biết phải nói gì. Tôi cảm thấy rụt rè khi đề cập đến những chuyện không liên hệ gì đến mình. Dạo đó tôi chưa biết cái tật

khó chữa của phụ nữ là thích kể chuyện riêng tư của mình với bất cứ ai sẵn lòng lắng nghe. Bà Strickland hình như đang cố đấu tranh với chính mình.

- Người ta có bàn tán gì về chuyện đó không? - Bà ta hỏi.

Tôi sửng sốt vì bà ta kể như tôi đã biết tất cả chuyện bất hạnh trong gia đình bà.

- Tôi vừa mới về. Người duy nhất mà tôi gặp là cô Rose Waterford.

Bà Strickland đan tay vào nhau.

- Xin anh cho tôi biết chính xác điều cô ta nói. - Và khi tôi còn đang do dự, bà nài nỉ: - Tôi đặc biệt muốn biết đấy.

- Chị biết cái cách người ta thường bàn tán với nhau. Cô ta không đáng tin cậy lắm, phải thế không? Cô ấy bảo chồng chị đã bỏ chị.

- Chỉ có thể thôi à?

Tôi không muốn lặp lại lời của cô Rose Waterford về một cô gái làm phòng trà nọ. Tôi đã nói dối.

- Cô ấy không nói gì về chuyện anh ấy đi với một người nào đó à?

- Không.

- Đó là điều duy nhất tôi muốn biết.

Tôi hơi bối rối, nhưng đầu sao tôi hiểu rằng bây giờ mình có thể ra về được rồi. Khi bắt tay bà Strickland, tôi nói với bà rằng nếu tôi có thể làm được gì giúp ích bà thì tôi rất sẵn lòng. Bà mỉm cười mệt mỏi.

- Cảm ơn anh rất nhiều. Tôi không biết người ta có thể giúp tôi được việc gì.

Vì quá rụt rè không diễn tả được niềm cảm thông của mình nên tôi quay sang chào tạm biệt ông đại tá. Ông không bắt tay tôi.

- Tôi cũng đi đây. Nếu anh đi đường Victoria, tôi sẽ cùng đi với anh.

- Rất tốt, - tôi nói. - Ta đi thôi.

- Đây là một chuyện khủng khiếp, - ông ta nói khi chúng tôi ra đến đường phố.

Tôi hiểu rõ rằng ông cùng tôi ra về để bàn cãi một lần nữa điều mà ông đã bàn cãi hàng giờ với cô em vợ.

- Anh biết đấy, chúng tôi không biết người đàn bà đó là ai, - ông nói. - Tất cả điều chúng tôi biết là con người đê tiện đó đã đi Pari.

- Tôi nghĩ là họ đã sống với nhau rất đầm

- Như vậy đấy. Này nhé, trước lúc anh đến, Amy cho biết họ chưa bao giờ cãi nhau trong suốt cuộc sống vợ chồng của họ. Anh biết Amy đấy. Sẽ không bao giờ có một người đàn bà nào tốt hơn thế trên quả đất này.

Vì những lời tâm sự này đổ dồn vào tôi, nên tôi thấy không hại gì nếu tôi có hỏi thêm vài câu.

- Nhưng có phải ông muốn nói rằng bà ấy không nghi ngờ gì cả phải không?

- Không nghi gì cả. Suốt tháng tám anh ta đã ở với cô ấy và các con tại Norfolk. Anh ta vẫn như thuở nào. Vợ tôi và tôi đã xuống ở đó hai, ba ngày, tôi đã chơi gôn với anh ta. Anh ta trở về thành phố vào tháng chín để đưa người bạn kinh doanh đi xa, còn Amy ở lại nơi nghỉ hè. Họ đã thuê một cái nhà trong sáu tuần lễ, và đến cuối thời hạn thuê nhà, chị ấy viết thư

báo cho anh ta biết ngày về Luân Đôn. Anh ta trả lời từ Pari. Anh ta bảo rằng anh ta đã quyết định không sống chung với chị ấy nữa.

- Ông ấy có cho biết tại sao không?

- Anh bạn thân mến của tôi ơi, anh ta chẳng giải thích gì cả. Tôi đã xem bức thư. Không quá mười dòng.

- Điều đó thật lạ lùng.

Lúc ấy tình cờ chúng tôi đi băng qua đường, và xe cộ qua lại làm chúng tôi không nói chuyện được. Điều mà đại tá MacAndrew đã nói với tôi dường như không chắc chắn lắm; tôi nghi rằng bà Strickland, vì những lý do riêng tư nào đó, đã giấu không cho ông ta biết một số chi tiết. Rõ ràng là một người đàn ông sau mười bảy năm chung sống sẽ không bỏ vợ mình nếu không có những sự việc khiến cho cơm không lành canh không ngọt. Ông đại tá bắt kịp tôi và nói:

- Dĩ nhiên, anh ta không đưa ra một lời giải thích nào ngoại trừ việc anh ta bỏ đi với một người đàn bà. Tôi cho rằng anh ta nghĩ rồi chị ấy sẽ tự mình hiểu ra chuyện đó thôi. Anh ta thuộc loại người như thế đó.

- Bà Strickland rồi sẽ làm gì?

- Điều trước tiên là phải xác minh vấn đề. Chính tôi sẽ đi Pari.

- Còn công việc làm ăn của ông ta thì sao?

- Mưu mô xảo quyệt là ở chỗ đó. Trong năm qua anh ta đã co vùi lại rồi.

- Ông ta có bảo với người bạn kinh doanh là sẽ ra đi không?

- Không một lời nào.

Đại tá MacAndrew biết rất lơ mơ về chuyện làm ăn, còn tôi thì không biết gì hết, vì thế tôi hoàn toàn không hiểu trong những điều kiện nào mà Strickland bỏ công việc làm ăn của ông ta được. Có những sự việc cho thấy là người bạn kinh doanh bị bỏ rơi ấy rất tức giận và dọa sẽ đi kiện. Nghe đâu khi mọi chuyện được giải quyết xong ông ta còn phải móc túi bỏ ra bốn, năm trăm bảng Anh.

- Rất may là đồ đạc trong nhà đều đứng tên của Amy. Dầu sao thì cô ấy cũng còn những thứ đó.

- Có phải ông muốn ám chỉ điều đó khi nói bà ấy không có lấy một silinh không?

- Đúng thế. Cô ấy có khoảng hai, ba trăm bảng Anh và đồ đạc.

- Nhưng bà ấy sẽ sống thế nào?

- Có trời mới biết.

Sự việc hình như trở nên phức tạp hơn, và bằng những lời chửi rủa hằn học, ông đại tá làm tôi còn rối mù hơn là cho tôi biết thêm được một cái gì. Tôi rất sung sướng là khi ông ta nhìn thấy chiếc đồng hồ của cửa hàng bách hóa quân đội và hải quân ông ta chợt nhớ đến cuộc hẹn đánh bài tại câu lạc bộ và thế là ông bỏ tôi để băng qua công viên Saint James.

Một hai ngày sau, bà Strickland gửi cho tôi một bức thư ngắn hỏi tôi có thể đến gặp bà vào buổi tối hôm đó sau giờ ăn không. Tôi đến và thấy bà ngồi một mình. Chiếc áo đen của bà, giản dị đến khắc khổ, nói lên tâm trạng mất mát của bà, và tôi ngây thơ lấy làm lạ rằng mặc dù bị xúc động thật sự, bà vẫn có thể ăn mặc hợp với hoàn cảnh theo quan niệm của bà về sự đoan trang.

- Anh có bảo là nếu tôi cần anh làm một việc gì thì anh sẽ không ngần ngại làm việc đó, phải không? - Bà ta nhắc tôi.

- Hoàn toàn đúng thế.

- Anh có thể đi Pari để gặp Charlie không?

- Tôi ấy à?

Tôi sửng sốt. Tôi nghĩ mình mới chỉ gặp ông ấy một lần thôi. Tôi không biết bà ta muốn tôi làm gì nữa.

- Fred nhất quyết đi đấy! - Fred là đại tá MacAndrew. - Nhưng tôi hiểu cậu ấy không phải là người nên đi. Cậu ấy sẽ chỉ làm cho sự việc thêm tồi tệ hơn mà thôi. Tôi không biết nhờ ai khác.

Giọng của bà hơi run, và tôi thấy có kẻ tàn ác mới ngật ngừng do dự.

- Nhưng tôi chưa hề nói chuyện với chồng chị được hơn một câu. Anh ấy đâu biết tôi. Chắc chắn anh ấy sẽ bảo tôi rút đi mà thôi.

- Việc ấy có hề hấn gì, - bà Strickland mỉm cười nói.

- Nói cho rõ, chị muốn tôi làm gì nào?

Bà ta không trả lời thẳng.

- Tôi nghĩ, anh ấy không quen biết anh thì thuận lợi hơn. Anh thấy đó, thật sự không bao giờ anh ấy thích Fred, anh ấy nghĩ rằng ông ta là một người ngu dốt, ông ta còn chưa hiểu được lính kia mà. Fred sẽ nổi giận rồi cãi vã và sự việc sẽ còn tồi tệ hơn chứ không tốt đẹp hơn. Nếu anh nói anh thay tôi mà đến, anh ấy sẽ không thể nào từ chối nghe anh nói được.

- Tôi quen biết chị chưa được lâu lắm, - tôi đáp. - Tôi không biết người ta sẽ giải quyết một trường hợp như thế này ra sao nếu không biết được tất cả mọi chuyện không liên quan gì đến mình. Sao đích thân chị không đến gặp anh ấy?

- Anh quên là anh ấy không ở một mình.

Tôi nín lặng. Tôi hình dung ra cảnh mình đến gặp Charles Strickland và đưa tờ danh thiếp của mình. Tôi thấy ông ta cầm nó giữa hai ngón tay đi vào phòng.

- Do đâu tôi được cái vinh hạnh này?

- Tôi đến gặp ông về chuyện vợ ông.

- Vậy đấy. Khi anh bạn lớn tuổi hơn một chút, chắc chắn anh bạn biết cái lợi ích của việc chỉ để tâm đến việc riêng của mình thôi. Nếu anh bạn chịu

khó quay đầu về bên trái một chút, anh bạn sẽ thấy cửa đi ra. Chúc anh bạn một buổi chiều vui vẻ.

Tôi thấy trước rằng thật khó rút lui mà không bị xúc phạm gì, tôi ao ước phải chi mình đừng trở về Luân Đôn trước khi bà Strickland giải quyết xong những khó khăn của bà. Tôi liếc nhìn bà. Bà đang đắm chìm trong suy nghĩ. Rồi bà ngược nhìn tôi, thở dài nãy nuốt và mỉm cười.

- Thật chuyện không ngờ, - bà nói. - Chúng tôi cưới nhau được mười bảy năm rồi. Tôi không bao giờ tưởng tượng được Charlie lại là hạng người có thể mê đắm một ai khác. Chúng tôi luôn luôn sống với nhau rất đầm ấm. Dĩ nhiên, tôi có nhiều sở thích mà anh ấy không chia sẻ được.

- Chị đã khám phá ra ai chưa? - Tôi hoàn toàn không biết phát biểu ý mình thế nào. - Ai là người cùng đi với anh ấy?

- Không. Hình như không ai có thể tưởng tượng nổi. Chuyện quá lạ. Thường khi người đàn ông phải lòng một cô nào người ta thấy họ sinh hoạt chung với nhau, ăn uống hoặc làm một việc gì đó, và bạn bè của cô nàng thường sẽ báo cho người vợ biết không được báo gì cả. Không có gì cả. Bức thư của anh ấy đến như một tiếng sét. Tôi nghĩ anh ấy được hạnh phúc trọn vẹn mà.

Bà bắt đầu khóc, thật tội nghiệp; và tôi cảm thấy xót xa cho bà. Nhưng được một lát bà đã bình tĩnh hơn.

- Thực không hay ho gì mà xử sự như một người ngu đần. - Bà vừa nói vừa lau nước mắt. - Điều duy nhất là quyết định xem làm gì là tốt nhất.

Bà ta lại tiếp tục nói chuyện này sang chuyện khác, lúc thì về khoảng thời gian gần đây, khi thì về buổi gặp mặt lần đầu và cuộc hôn nhân của họ.

Nhưng bây giờ thì tôi bắt đầu hình thành được một bức tranh mạch lạc rõ ràng về cuộc sống của họ, và hình như những phỏng đoán của tôi không phải là không đúng. Bà Strickland là con gái của một công chức Anh ở Ấn Độ, khi về hưu ông đã định cư trong vùng này, nhưng theo thói quen hàng năm vào tháng tám ông đưa gia đình đến Eastbourne để đổi gió. Và tại nơi đây, năm hai mươi tuổi, bà đã gặp Charles Strickland; lúc ấy ông này hai mươi ba. Họ chơi quần vợt với nhau, cùng đi dạo trên con đường dọc bờ biển, cùng nghe gánh hát rong người da đen ca hát, và bà đã quyết định lấy ông trước khi ông ngó ý cầu hôn một tuần lễ. Họ sống ở Luân Đôn, ban đầu ở Hampstead, rồi khi ông đã khấm khá hơn, thì chuyển vào nội thành. Họ sinh được hai người con.

- Anh ấy luôn luôn tỏ ra rất yêu thương các con. Cho dầu anh ấy có chán tôi đi nữa, thử hỏi anh ấy có lòng dạ nào bỏ chúng cho được. Ngay cả bây giờ tôi cũng không thể nào tin đó là sự thật.

Sau cùng bà cho tôi xem bức thư mà ông đã viết. Tôi tò mò muốn xem, nhưng lại không dám hỏi tới.

“Amy yêu mến của anh,

Anh nghĩ rằng em sẽ nhận thấy mọi việc trong nhà đều đâu vào đó. Anh đã nói lại cho Anne những điều em dặn dò. Bữa ăn tối sẽ sẵn sàng cho em và các con khi em về đến nhà. Anh sẽ không còn ở đó để gặp em. Anh đã quyết định sống xa em, anh sẽ đi Pari ngay sáng nay. Anh sẽ gửi bức thư này khi đến nơi. Anh sẽ không trở về. Anh đã quyết định dứt khoát.

Anh,

CHARLES STRICKLAND

- Không một lời giải thích hoặc hối tiếc. Anh không nghĩ là tàn nhẫn à?

- Thật là một bức thư kỳ lạ trong hoàn cảnh như thế này. - Tôi trả lời.

- Chỉ có một lời giải thích, đó là hiện giờ anh ấy không còn là anh ấy nữa. Tôi không biết người đàn bà này là ai mà chộp được anh ấy, nhưng cô ả đã biến anh ấy thành một người đàn ông khác rồi. Rõ ràng sự việc diễn tiến đã lâu rồi.

- Điều gì khiến chị nghĩ thế?

- Fred đã khám phá ra điều đó. Mỗi tuần chồng tôi đến câu lạc bộ ba bốn đêm để chơi bài bridge, anh ấy bảo thế. Nhưng khi Fred kể với một người quen là hội viên trong câu lạc bộ đó là Charles chơi bài rất giỏi thì người đó rất ngạc nhiên. Anh ta nói từ trước đến nay chưa bao giờ thấy Charles trong phòng đánh bài. Bây giờ thì rõ ràng là khi tôi nghĩ rằng Charles đến câu lạc bộ thì thật ra là anh ấy đến với cô ả.

Tôi im lặng một lúc. Rồi tôi nghĩ về những đứa con.

- Chắc là rất khó giải thích với Robert. - Tôi nói.

- Ồ, tôi không bao giờ hé răng về chuyện này với cháu nào. Anh thấy đó, chúng tôi vừa về đến thành phố hôm trước thì hôm sau chúng nó phải trở lại trường học rồi. Tôi còn đủ tỉnh táo để bảo rằng bố các cháu phải đi xa vì công việc làm ăn.

Bà không dễ dàng gì giữ tỉnh táo và vô tư với điều bí mật bất ngờ đó trong lòng, cũng không tài nào có thể chú tâm đến mọi việc cần thiết để tiễn con cái đi được. Giọng nói của bà Strickland lại nghẹn ngào.

- Hai đứa con yêu quý tội nghiệp rồi sẽ ra sao đây? Mẹ con chúng tôi sẽ sống thế nào đây?

Bà cố tự kiềm chế mình, và tôi thấy hai bàn tay của bà nắm chặt rồi lại nhả ra từng chặp. Thật đau lòng khủng khiếp.

- Dĩ nhiên là tôi sẽ ri nếu chị nghĩ tôi có thể làm được một điều tốt đẹp gì đó, nhưng chị cũng phải cho tôi biết rõ chị muốn tôi làm gì chứ?

- Tôi muốn anh ấy trở về.

- Theo như đại tá MacAndrew cho biết thì chị đã quyết định ly dị anh ấy mà.

- Tôi không bao giờ ly dị anh ấy. - Bà trả lời mạnh bạo và bất ngờ. - Hãy kể lại cho anh ấy biết tôi nói như thế. Anh ấy sẽ không bao giờ cưới được người đàn bà đó. Tôi cũng bướng bỉnh như anh ấy vậy, và tôi sẽ không bao giờ ly dị anh ấy. Tôi phải nghĩ đến các con của tôi chứ.

Tôi nghĩ bà ta nói thêm điều này để giải thích cho tôi thấy thái độ của bà, nhưng tôi lại nghĩ đó chỉ vì một sự ghen tuông rất thường tình hơn là vì nỗi lo lắng của một người mẹ.

- Chị còn yêu anh ấy không?

- Tôi không biết. Tôi muốn anh ấy trở về. Nếu anh ấy trở về chúng tôi sẽ bỏ qua tất cả những gì đã qua. Dẫu sao thì chúng tôi đã cưới nhau được mười bảy năm rồi. Tôi là một người đàn bà có đầu óc phóng khoáng. Tôi sẽ không để tâm đến điều anh ấy đã làm như thế tôi không biết gì về chuyện đó. Anh ấy phải biết rằng sự mê đắm của anh ấy sẽ không kéo dài lâu đâu.

Nếu anh ấy trở về lúc này thì mọi chuyện có thể được giải quyết êm và sẽ không ai hay biết gì.

Tôi hơi dừng dưng khi thấy bà Strickland bị ảnh hưởng bởi những lời đồn nhảm, vì lúc ấy tôi chưa biết dư luận giữ một vai trò quan trọng như thế nào trong cuộc sống của người phụ nữ. Nó bao trùm lên những xúc cảm sâu sắc nhất của họ bằng bóng đen của sự giả dối.

Có người biết nơi Strickland ở. Người bạn kinh doanh của ông, trong một bức thư lời lẽ dửng dưng gửi đến ngân hàng, mắng nhiếc ông đã giấu chỗ ở. Và Strickland, trong một bức thư trả lời hóm hỉnh và giễu cợt, đã cho người bạn kinh doanh cũ biết rõ nơi có thể gặp ông ta. Hình như ông đang ở trong một khách sạn.

- Tôi chưa hề nghe nói về nơi đó, - bà Strickland nói. - Nhưng Fred thì biết rõ. Anh ấy nói nơi đó rất sang.

- Chuyện như thế không thể kéo dài ở lứa tuổi của anh ấy được. - Bà nói.
- Dù sao anh ấy cũng đã bốn mươi rồi. Đối với một thanh niên thì điều đó có thể hiểu được, nhưng nghĩ thật kinh khiếp đối với một người vào tuổi anh ấy, đã có con gần độ trưởng thành. Anh ấy sẽ không đủ sức chịu đựng nếp sống đó.

Trong lòng bà sự tức giận và nỗi đau khổ đang tranh chấp nhau quyết liệt.

- Anh hãy bảo anh ấy biết gia đình đang khóc thét lên mà gọi anh ấy. Mọi việc vẫn vậy, tuy nhiên mọi việc cũng khác đi rồi. Tôi không thể sống thiếu anh ấy được. Sớm muộn gì rồi tôi sẽ tự sát thôi. Hãy nói chuyện với anh ấy về quá khứ và tất cả những gì chúng tôi cùng trải qua với nhau. Tôi sẽ phải nói gì với các cháu khi chúng hỏi về anh ấy? Căn phòng của anh ấy

vẫn như khi anh ấy rời bỏ nó. Nó đang mong chờ anh ấy đấy. Chúng tôi đang mong chờ anh ấy.

Bây giờ bà đã bảo cho tôi những điều tôi phải nói. Bà đã chuẩn bị cho tôi những câu trả lời cho từng sự lưu ý có thể của ông ta.

- Anh sẽ làm tất cả mọi chuyện trong khả năng để giúp tôi chứ? - Bà nói một cách đáng thương. - Hãy nói cho anh ấy biết tôi đang ở trong một tình trạng như thế nào.

Tôi thấy rằng bà muốn tôi kêu gọi đến lòng thương cảm của ông bằng mọi phương cách mà tôi có thể có. Bà đang khóc nức nở. Tôi chạnh lòng một cách khác thường. Tôi thấy căm phẫn sự tàn nhẫn lạnh lùng của Strickland, và tôi đã hứa làm tất cả những gì có thể làm được để đưa ông ta trở về. Tôi đồng ý đi vào hai ngày sau, và sẽ ở lại Pari cho đến khi đã làm được ít ra là một điều gì đó. Vì đã khuya và cả hai chúng tôi đều mệt lử do quá xúc động nên tôi từ biệt bà ra về.

11">

Trong suốt cuộc hành trình, tôi cứ lo âu suy nghĩ về mục đích của chuyến đi. Bây giờ, không còn nhìn thấy cảnh tượng buồn khổ của bà Strickland nữa, tôi có thể suy xét vấn đề một cách bình tĩnh hơn. Tôi đâm bối rối về những mâu thuẫn thấy được trong cách cư xử của bà. Bà ta rất bất hạnh, nhưng để kích thích sự thương cảm của tôi, có thể bà đã cố phô bày nỗi bất hạnh ấy. Rõ ràng là bà có chuẩn bị trước để khóc, vì bà đã sửa soạn đầy đủ khăn tay. Tôi phục sự dẫn đo tính trước của bà, nhưng nhìn lại có lẽ điều đó làm cho những giọt nước mắt của bà ta gây cảm xúc ít hơn. Tôi bị chấn động bởi mỗi nghi ngờ rằng trong con tim tan vỡ của bà nỗi đau đớn vì tình yêu bị khinh miệt đã được pha trộn với những day dứt dằn vặt của cái hư danh bị tổn thương, điều mà đối với đầu óc non trẻ của tôi quả thực là xấu xa. Lúc ấy tôi chưa biết được bản chất của con người mâu thuẫn như thế nào. Tôi không biết trong con người thành thật có bao nhiêu sự giả dối màu mè, trong con người cao thượng có bao nhiêu sự hèn hạ đê tiện, hoặc trong con người tội lỗi xấu xa có bao nhiêu sự tốt lành.

Nhưng có một cái gì đó có vẻ mạo hiểm trong chuyến đi này. Tinh thần tôi phấn chấn lên khi tôi đến gần Pari. Từ cái lập trường bi thảm, tôi cũng thấy được tôi, và tôi bằng lòng với vai trò người bạn được tin cậy có nhiệm vụ sẽ mang người chồng lỗi lầm về với người vợ sẵn sàng tha thứ. Tôi định sẽ gặp Strickland chiều hôm sau, vì theo bản năng tôi cảm thấy rằng phải chọn lựa kỹ giờ giấc. Để gây cho được sự cảm động, thì trước bữa ăn trưa hình như sẽ có ít hiệu quả. Đầu óc tôi không bao giờ tin rằng hạnh phúc vợ chồng có thể đến được trước bữa uống trà.

Tại khách sạn tôi ở, tôi đã hỏi thăm về khách sạn mà Charles Strickland đang ở. Nó có tên là *Hôtel des Belges*^[18]. Nhưng tôi hơi ngạc nhiên vì người gác cổng chưa bao giờ nghe nói đến cái tên đó. Tôi được bà Strickland cho

biết rằng đó là một nơi rộng rãi và lộng lẫy nằm phía sau đường Rivoli. Chúng tôi đã tìm ra nó trong một quyển chỉ dẫn. Khách sạn duy nhất mang cái tên đó nằm ở đường Des Moines. Khu phố không lịch sự, thậm chí không được đứng đắn nữa. Tôi lắc đầu.

- Chắc không phải nó, - tôi nói.

Người gác cổng nhún vai. Ở Pari không có một khách sạn nào khác mang cái tên đó. Như vậy, tôi nghĩ Strickland đã giã của ông. Khi cho người bạn kinh doanh cái địa chỉ mà tôi biết đó, có lẽ ông ta muốn chơi xỏ ông kia. Không hiểu sao tôi lại có cảm giác là Strickland có óc khôi hài, và muốn đưa một anh mua bán cổ phần chứng khoán đang giận dữ đến Pari để lang thang như một thằng khùng tìm một cái nhà chẳng tiếng tăm gì trên một đường phố tầm thường. Tuy nhiên, tôi nghĩ tốt hơn là nên đi xem. Ngày hôm sau vào khoảng sáu giờ tôi đón một chiếc taxi đi đến đường Des Moines, nhưng xuống xe ở góc đường, bởi vì tôi thích đi bộ đến khách sạn và xem nó trước khi bước vào. Đó là một đường phố có những cửa tiệm nhỏ đáp ứng cho những nhu cầu của dân nghèo. Vào khoảng giữa con đường ấy, về bên trái hướng tôi đang đi, là khách sạn Hôtel des Belges. Khách sạn tôi ở đã khiếm tốn rồi, nhưng nó còn lộng lẫy hơn khách sạn này. Đó là một ngôi nhà cao, tồi tàn đã nhiều năm rồi không được sơn quét lại. Nó có vẻ bẩn thỉu đến nỗi những ngôi nhà hai bên trong xinh xắn và sạch sẽ ra. Các cửa sổ dơ bẩn đều đóng kín. Đây không phải là nơi Charles Strickland sống trong sự lộng lẫy tội lỗi với người đẹp vô danh mà vì cô ả này ông ta đã từ bỏ danh dự và trách nhiệm. Tôi phát bực vì cảm thấy mình đã bị lừa, và suýt nữa là tôi đã quay lại mà không hỏi thăm gì nữa. Tôi đã đi vào chỉ để sau này có thể nói cho bà Strickland biết rằng tôi đã làm hết sức mình.

Cửa ra vào khách sạn bên hông một cửa tiệm. Nó mở toang, và ngay bên trong là một tấm biển: *Bureau au premier*^[19]. Tôi bước lên cái cầu thang

chật chội, và trên đầu cầu thang là một loại hộp được ghép kính, bên trong có một cái bàn viết và hai chiếc ghế. Một chiếc ghế băng dài đặt bên ngoài, có lẽ người gác đêm ngủ những đêm khó chịu ở đó. Không có ai ở đó, nhưng bên dưới một cái chuông điện có ghi chữ *garçon*^[20]. Tôi bấm chuông, và liền sau đó một người bồi xuất hiện. Anh ta là một thanh niên có cặp mắt len lét và nom ủ rũ. Anh ta mặc áo sơ mi dài tay và mang giày vải.

Không biết vì sao tôi chỉ hỏi thăm một cách cầu may.

- Chẳng hay ông Strickland có ở đây không vậy? - Tôi hỏi.

- Số ba mươi hai. Lâu năm.

Tôi ngạc nhiên đến nỗi không nói được gì trong một lúc.">

- Ông ta có ở nhà không?

Người bồi nhìn vào một tấm bảng trong văn phòng.

- Ông ta không để lại chìa khóa. Anh hãy lên và sẽ gặp.

Tôi cũng đã nghĩ ra một câu để hỏi thêm:

- Madame est là^[21]?

- Monsieur est seul^[22].

Người bồi ngờ vực nhìn tôi khi tôi bước lên cầu thang. Cầu thang tối và thiếu không khí. Có mùi ẩm mốc và hôi hám. Lên được ba lần cầu thang thì có một người đàn bà mặc áo khoác ngoài, tóc rối bời, mở một cánh cửa và lặng lẽ nhìn tôi khi tôi đi ngang qua. Sau cùng tôi lên được lầu năm và gõ

cửa phòng số ba mươi hai. Có tiếng động bên trong và cánh cửa hé mở. Charles Strickland đứng trước mặt tôi. Ông không nói một lời nào. Rõ ràng là ông không nhận ra tôi.

Tôi cho biết tên. Tôi cố hết sức để có một vẻ thoải mái.

- Ông không nhớ ra tôi. Tháng bảy vừa rồi tôi đã được hân hạnh dùng bữa tối với ông.

- Anh vào đi, - ông ta nói một cách vui vẻ. - Tôi vui mừng được gặp anh. Anh ngồi xuống đi.

Tôi bước vào. Đó là một căn phòng rất nhỏ, đầy những đồ đạc kiểu thời Louis Philippe mà mọi người Pháp đều biết. Trên chiếc giường gỗ rộng một cái chăn lông vịt màu đỏ nằm thộn ra, một tủ quần áo lớn, một cái bàn tròn, một cái thau rửa mặt rất nhỏ và hai chiếc ghế nhồi bông bọc vải sọc đỏ. Mọi thứ đều bẩn thỉu và tồi tàn. Không có vẻ gì là xa hoa phù phiếm như lời đại tá MacAndrew đã mô tả một cách quả quyết. Strickland ném xuống sàn nhà đồng quần áo chất nặng trên một chiếc ghế và tôi ngồi lên đó">

- Tôi có thể làm gì cho anh nào? - Ông hỏi.

Trong căn phòng nhỏ ấy ông có vẻ to lớn hơn là hình ảnh tôi còn nhớ về ông. Ông mặc một chiếc áo vét Norfolk cũ, và đã nhiều ngày rồi ông không cạo râu. Lần cuối cùng tôi gặp ông, ông có vẻ bảnh bao, nhưng trông không được thoải mái. Bây giờ thì lôi thôi lếch thếch nhưng trông ông hoàn toàn thoải mái. Tôi không biết ông sẽ nghe câu nói tôi đã chuẩn bị sẵn như thế nào.

- Tôi đến gặp ông thay mặt cho vợ ông đấy.

- Tôi sắp đi uống một chút gì trước khi ăn tối. Anh cũng nên đi với tôi. Anh có thích rượu apxanh không?

- Tôi có thể uống được.

- Vậy thì đi.

Ông ta đội một chiếc mũ quả dưa bám đầy bụi.

- Có lẽ chúng ta cùng dùng bữa tối luôn thế. Anh còn mắc nợ tôi một bữa ăn tối, anh nhớ chứ?

- Chắc chắn rồi. Anh ở một mình chứ?

Tôi tự hào đã nêu được câu hỏi quan trọng đó một cách rất tự nhiên.

- Ồ phải. Thật sự tôi không nói chuyện với một ma nào đã ba ngày rồi. Tiếng Pháp của tôi không được ngon lành lắm.

Tôi tự hỏi khi đi trước ông xuống cầu thang, cái gì đã xảy ra cho cô gái trong phòng trà. Họ đã cãi nhau rồi à? Hay là sự mê đắm của ông đã qua rồi? Không có vẻ gì ông đã chuẩn bị cả năm trời để rồi lao mình vào chuyện tuyệt vọng như thế. Chúng tôi đi bộ đến đại lộ Clichy và ngồi vào bàn trên vỉa hè của một tiệm ăn lớn.

Đại lộ Clichy vào giờ đó thật đông người, và nếu có óc tưởng tượng người ta có thể thấy trong số người qua lại những nhân vật của nhiều tiểu thuyết lãng mạn rẻ tiền. Có những anh thư ký và những cô bán hàng; bao người bạn cũ từ những trang sách của Honoré de Balzac bước ra; thành viên - nam có, nữ có - của các loại nghề nghiệp kiếm lợi bằng sự yếu đuối của con người. Trên đường phố của những khu nghèo ở Pari có một sinh khí rộn rịp kích thích dòng máu người ta và chuẩn bị tâm hồn đón nhận những chuyện bất ngờ.

- Ông có biết rõ Pari không? - Tôi hỏi.

- Không, chúng tôi có lần đến đây để hưởng tuần trăng mật. Chỉ có lần đó thôi.

- Làm thế nào mà anh biết được khách sạn này?

- Người ta giới thiệu. Tôi cần một thứ gì rẻ tiền.

Rượu apxanh được mang ra, và với sự trịnh trọng đúng mức, chúng tôi nhỏ giọt trên lớp đường đang tan.

- Tôi nghĩ là tôi nên nói ngay cho ông biết lý do đến gặp ông, - tôi nói khá lúng túng.

Mắt ông ta long lanh.

- Tôi nghĩ không sớm thì muộn thế nào cũng có người đến. Tôi đã nhận nhiều thư của Amy.

- Vậy thì ông biết khá rõ điều tôi phải nói.

- Tôi không đọc những bức thư đó.

Tôi đốt một liều thuốc để được thư thả một chút. Bây giờ tôi hoàn toàn không biết phải làm như thế nào để bắt đầu sứ mạng của mình. Những câu nói hùng hồn, làm ly hoặc phẫn nộ dường như không hợp trên đại lộ Clichy này. Thành linh ông ta cười khúc khích.

- Một việc đáng tỏm đối với anh phải không?

- Ồ, tôi không biết nữa, - tôi đáp.

- Đây, nhìn đây, anh bỏ qua chuyện đấy đi, và rồi chúng ta sẽ có một buổi chiều vui vẻ.

Tôi do dự.

- Ông có nghĩ rằng vợ ông thật là bất hạnh không?

- Cô ấy sẽ vượt qua được thôi.

Tôi không thể diễn tả nổi thái độ nhẵn tâm khác thường khi ông thốt ra câu trả lời này. Nó làm cho tôi mất bình tĩnh, nhưng tôi cố không để lộ ra. Tôi bắt chước cái giọng của chú Henry của tôi, một giáo sĩ, khi ông ta hỏi xin một người bà con số tiền quyên góp cho hội các vị phó xứ.

- Ông không phiền về việc tôi nói thẳng thắn với ông chứ?

Ông lắc đầu mỉm cười.

- Chị ấy có đáng để ông đối xử như thế này không?

- Không.

- Ông có phàn nàn gì về chị ấy không?

- Không.

- Vậy thì bỏ chị ấy như thế này, sau mười bảy năm trời sống chung mà không tìm ra một lỗi lầm nào ở chị ấy, không phải là tàn nhẫn sao?

- Tàn nhẫn đấy.

Tôi kinh ngạc liếc nhìn ông. Sự tán thành chân thật của ông với tất cả những gì tôi nói làm cho tôi chùng hững. Nó làm cho tình thế của tôi thêm phức tạp, nếu không nói là buồn cười. Tôi đã chuẩn bị để thuyết phục, gợi mối thương tâm, khích lệ, khuyên nhủ và phê phán, và nếu cần, ngay cả chửi rủa, phẫn nộ và chế nhạo. Nhưng anh cố vấn sẽ làm được trò trống gì khi người có tội không ngần ngại thú nhận tội lỗi của mình? Tôi không có một chút kinh nghiệm nào, vì thói quen của tôi là luôn luôn từ chối tất cả mọi chuyện.

- Còn gì nữa? - Strickland hỏi.

Tôi cố bĩu môi.

- Nếu ông nhìn nhận điều đó thì dường như chẳng còn gì để nói nữa cả.

- Tôi cho là thế.

Tôi cảm thấy mình thực hiện sứ mệnh của mình không khéo léo chút nào. Rõ ràng, tôi bị chọc tức.

- Thôi được, nhưng người ta không thể bỏ một người đàn bà mà không để lại một xu.

- Sao lại không?

- Chị ấy sẽ sống như thế nào đây?

- Tôi đã chu cấp cho cô ta trong mười bảy năm trời. Tại sao cô ta không thể tự lo lấy cho mình để thay đổi nhỉ?

- Chị ấy không làm như thế được.

- Hãy để cô ta thử xem.

Dĩ nhiên là có nhiều lý do để tôi có thể đối đáp được chuyện này. Tôi có thể nói đến điều kiện kinh tế của người phụ nữ, cái định ước ngầm và công khai mà người đàn ông đã chấp nhận trong hôn nhân và nhiều điều khác nữa, nhưng tôi cảm thấy rằng chỉ có một điểm thật sự quan trọng

- Ông không còn quan tâm đến chị ấy nữa sao?

- Không còn một tí nào, - ông trả lời.

Tất cả mọi khía cạnh có liên quan đến vấn đề trở nên vô cùng trầm trọng, nhưng trong cách trả lời của ông có một cái vẻ mặt dày mày dạn vui tươi đến nỗi tôi phải cắn chặt môi để khỏi phải bật cười. Tôi cho rằng thái độ của ông thật là ghê tởm. Tôi tự kích động mình trở nên căm phẫn trong lòng.

- Khốn nạn thật, ông còn phải nghĩ đến những đứa con của ông nữa chứ. Chúng nó chưa bao giờ làm hại đến ông mà. Chúng nó có đòi sinh ra trên cõi đời này đâu. Nếu ông phớt lờ mọi chuyện như thế, chúng nó sẽ bị quăng ra ngoài đường phố thôi.

- Chúng nó đã nhiều năm sống sung sướng rồi. Như thế đã tốt hơn đa số những đứa trẻ khác rồi. Và lại, rồi sẽ có người chăm sóc chúng nó thôi. Đến lúc cần, gia đình MacAndrew sẽ trả tiền học cho chúng.

- Nhưng ông không thương mến chúng nó à? Chúng nó là những đứa trẻ rất ngoan kia mà. Ông muốn nói là ông không muốn dính dáng thêm gì nữa với chúng nó chẳng?

- Quả thật tôi yêu mến chúng nó khi chúng nó còn là những đứa trẻ, nhưng nay chúng nó đã lớn rồi, tôi không có một tình cảm đặc biệt nào đối với chúng nó.

- Thật là tàn bạo.

- Chắc là như vậy.

- Dường như ông không hổ thẹn một chút nào cả.

- Không!

Tôi thử hành động theo một lối khác:

- Người ta sẽ nghĩ ông là một người quá tồi tàn.">

- Mặc họ.

- Việc đó không làm cho ông thấy rằng người ta kính tởm và khinh miệt ông à?

- Không.

Câu trả lời gọn lỏn của ông đáng khinh miệt đến nỗi làm cho câu hỏi của tôi, tuy rất tự nhiên, đâm ra ngớ ngẩn. Tôi suy nghĩ trong một hai phút.

- Tôi tự hỏi người ta có thể sống hoàn toàn thoải mái được không khi biết rằng tất cả bạn bè của họ phản đối. Ông có chắc là điều ấy không làm ông khó chịu không? Mỗi người đều có lương tâm của mình và sớm muộn gì rồi lương tâm của ông cũng sẽ lên tiếng thôi. Giả sử vợ ông chết đi. Ông sẽ không khổ sở vì hối hận à?

Ông ta không trả lời và tôi đợi một lúc để ông ta nói. Sau cùng tôi phải phá vỡ sự yên lặng.

- Ông phải nói gì về chuyện đó chứ?

- Chỉ phải nói một điều là anh là một thằng ngốc đáng nguyên rủa.

- Dầu gì đi nữa, có thể ông bị bắt buộc phải chu cấp cho vợ con của ông, - tôi vặn lại, hơi có vẻ châm chọc. - Tôi cho rằng luật pháp sẵn sàng bảo vệ họ.

- Luật pháp có thể rút được máu ra khỏi một hòn đá à? Tôi không có tiền. Tôi chỉ có khoảng hơn một trăm bảng Anh thôi.

Tôi bắt đầu thấy bối rối hơn trước. Quả thực khách sạn ông đang ở cho thấy hoàn cảnh khó khăn cùng cực đó.

- Ông sẽ làm gì khi tiêu hết số tiền ấy?

- Thì kiếm một ít.

Ông ta hoàn toàn bình tĩnh, và đôi mắt vẫn giữ nụ cười coi thường đ tất cả những điều tôi nói càng có vẻ ngớ ngẩn hơn. Tôi ngừng một lát để suy nghĩ xem liệu nên nói gì thêm. Nhưng lần này ông lại là người nói trước.

- Tại sao Amy không lấy chồng một lần nữa nhỉ? Cô ta hãy còn tương đối trẻ và không phải là không đẹp. Tôi đảm bảo cô ta là một người vợ tuyệt vời. Nếu cô ta muốn ly dị, tôi không ngần ngại tạo cho cô ta những lý do cần thiết.

Lúc này đến lượt tôi mỉm cười. Ông ta rất xảo quyệt, nhưng rõ ràng đây chính là điều ông ta đang nhắm. Ông có lý do để giấu giếm việc ông bỏ trốn với một người đàn bà, và ông ta đang rất dè dặt che giấu chỗ ở của cô ả. Tôi trả lời một cách cương quyết:

- Vợ ông bảo ông không thể làm được gì có thể thúc đẩy chị ấy ly dị ông. Chị ấy quyết định dứt khoát như thế. Ông hãy từ bỏ cái hy vọng đó đi.

Ông kinh ngạc nhìn tôi mà không có vẻ giả vờ tí nào. Nụ cười trên môi ông tan biến đi, và ông nói thật nghiêm chỉnh:

- Nhưng, anh bạn thân mến của tôi ơi, tôi cóc cần. Dẫu sao nó chẳng ăn nhằm gì đến tôi.

Tôi cười:

- Ồ mà còn điều này, ông không nên nghĩ là tất cả bọn chúng tôi ngu ngốc đến thế. Chúng tôi được biết ông bỏ đi với một người đàn bà.

Ông ta hơi giật mình và thành linh bật cười. Ông cười to đến nỗi những người ngồi gần chúng tôi nhìn xung quanh, và một số người cũng bắt đầu cười.

- Tôi thấy không có gì đáng cười ở đây cả.

- Tội nghiệp Amy, - ông cười toe toét.

Rồi gương mặt của ông trở nên khinh miệt thậm tệ.

- Đàn bà có đầu óc đáng thương biết chừng nào! Yêu đương, luôn luôn là yêu đương. Họ người đàn ông bỏ đi chỉ vì cần một người khác. Anh có nghĩ rằng tôi điên đến nỗi đã hành động chỉ vì một người đàn bà không?

- Ông muốn nói ông không bỏ vợ vì một người đàn bà nào khác chẳng?

- Đúng là như vậy.

- Ông hứa danh dự chứ?

Tôi không biết tại sao tôi hỏi thế. Tôi hỏi rất thành thật.

- Tôi hứa danh dự.

- Vậy, có trời đất làm chứng, ông bỏ chị ấy vì lý do gì?

- Tôi muốn về!

Tôi nhìn ông ta hồi lâu. Tôi không hiểu nổi. Tôi nghĩ ông ta điên. Cần phải nhớ rằng lúc ấy tôi còn rất trẻ, và tôi xem ông như một người trung niên. Tôi đã quên đi tất cả mọi chuyện, ngoại trừ nỗi kinh ngạc của mình.

- Nhưng ông đã bốn mươi rồi.

- Đó chính là điều làm tôi nghĩ rằng đã đến lúc phải bắt đầu, không thì muộn.

- Ông đã về bao giờ chưa?

- Tôi rất muốn trở thành một họa sĩ khi tôi còn là một cậu bé, nhưng bố tôi bắt tôi đi vào con đường thương mại bởi vì ông cụ bảo rằng trong nghệ thuật chẳng kiếm được tiền. Tôi đã bắt đầu vẽ chút ít cách đây một năm, trong năm qua tôi có theo học một vài lớp đêm.

- Có phải đó là nơi ông đến trong khi bà Strickland cứ nghĩ là ông chơi bài britgiơ ở câu lạc bộ không?

- Đúng thế.">

- Tại sao ông không cho bà ấy biết?

- Tôi thích giữ kín điều đó.

- Ông vẽ được rồi chứ?

- Chưa. Nhưng sẽ được. Đó là lý do tôi đến đây. Ở Luân Đôn tôi không thể có được cái tôi cần. Ở đây, có lẽ tôi sẽ thành công.

- Ông có nghĩ rằng người ta có thể thành công khi bắt đầu vào tuổi của ông không? Phần đông người ta bắt đầu vẽ ở tuổi mười tám kia mà.

- Tôi có thể học nhanh hơn khi tôi mười tám tuổi.

- Điều gì khiến ông nghĩ là mình có tài.

Ông ta không trả lời ngay. Ông nhìn chăm chăm đám người qua lại, nhưng tôi không nghĩ là ông nhìn thấy họ. Ông trả lời bằng sự im lặng.

- Tôi phải vẽ.

- Ông không chọn một sự may rủi dễ sợ đó chứ?

Ông ta nhìn tôi. Trong mắt ông có cái vẻ gì lạ thường khiến tôi bồn chồn.

- Anh bao nhiêu tuổi rồi? Hai mươi ba chăng?

Đối với tôi hình như câu hỏi đó ra ngoài vấn đề. Chấp nhận may rủi đối với tôi là chuyện tự nhiên, nhưng ông là một người mà tuổi trẻ đã qua rồi, một người mua bán cổ phần chứng khoán có một địa vị tốt, có một vợ và hai con. Chuyện có thể tự nhiên đối với tôi nhưng lại phi lý đối với ông. Tôi muốn hoàn toàn thành thật với ông ấy.

- Dĩ nhiên là một phép lạ có thể xảy ra, và ông sẽ là một họa sĩ nổi tiếng, nhưng ông phải nhận rằng cơ may chỉ là một phần triệu mà thôi. Thật là một điều thất vọng đáng sợ nếu cuối cùng ông phải nhìn nhận rằng mình đã làm hỏng hết mọi chuyện.

- Tôi phải vẽ, - ông lặp lại.

- Giả sử không bao giờ ông vượt qua nổi cái mức họa sĩ hạng ba thì ông có nghĩ là đáng vứt bỏ tất cả như thế này không? Dầu sao, trong bất cứ nghề nghiệp nào khác nếu ông không được giỏi lắm thì không hệ trọng gì; ông có thể sống hoàn toàn thoải mái nếu ông chỉ ở mức trung bình. Nhưng đối với một họa sĩ lại là chuyện khác.

- Anh là một thằng điên trời đánh thánh vật, - ông ta nói.

- Tôi không hiểu tại sao có thể cho là điên khi tôi nói lên một điều hiển nhiên.

- Tôi bảo với anh là tôi phải vẽ. Tôi không thể cưỡng lại được. Khi người ta rơi xuống nước, không ai đặt thành vấn đề bơi như thế nào, giỏi hay dở; phải bơi, bằng không sẽ chết chìm.

Trong giọng nói của ông toát ra một niềm đam mê thực sự, và tôi không thể không cảm phục ông. Tôi cảm thấy hình như ông đang đấu tranh với một sức mạnh mãnh liệt nào đó trong bản thân ông; nó cho tôi cái cảm giác về một điều gì đó thật mạnh mẽ, áp đảo, đã giữ chặt ông như thế đó, trái với ý muốn của ông. Tôi không thể nào hiểu được. Dường như ông ta bị qui ám thực sự, và tôi cảm thấy nó có thể thành linh quay lại xé nát ông ta. Thế nhưng trông ông ta vẫn có vẻ bình thường. Tôi nhìn chăm chăm vào ông một cách tò mò mà vẫn không gây cho ông một sự bối rối nào. Tôi tự hỏi không biết người lạ sẽ nghĩ thế nào về ông khi nhìn thấy ông ngồi đó với chiếc áo vét tông Norfolk sờn cũ, đầu đội một cái mũ quả dưa không trái bụi, chiếc quần rộng thùng thình, đôi tay không sạch sẽ mấy, gương mặt với chòm râu đỏ không cạo mọc lởm chởm trên cằm, đôi mắt nhỏ và cái mũi to, khiêu khích, trông quê mùa, thô lỗ. Miệng ông ta rộng, môi thì dày và đầy dục tính. Không, tôi không thể liệt ông vào một hạng người nào cả.

- Ông sẽ không trở về với vợ ông sao? - Sau cùng tôi nói.

- Không bao giờ.

- Bà ấy muốn quên mọi chuyện bắt đầu lại từ đầu. Bà sẽ không bao giờ trách móc ông một điều gì.

- Quỷ sứ dẫn cô ta xuống địa ngục đi.

- Ông không bận tâm gì nếu người ta cho ông là một tên đê tiện xấu xa sao? Ông không bận tâm nếu bà ấy và các con của ông phải đi ăn xin sao?

- Không bận tâm chút nào.

Tôi yên lặng một lúc để dồn tất cả sức lực vào câu nói kế tiếp. Tôi cố gắng nói thật thông thả:

- Ông là đồ đê tiện cáng hèn hạ nhất.

- Giờ thì anh đã nói toạc ra được điều đó rồi. Nào, chúng ta đi ăn tối.

Tôi dám chắc từ chối lời đề nghị này thì thích đáng hơn. Có lẽ cũng nên bộc lộ cơn tức giận thật sự của mình, và tôi tin chắc ông MacAndrew ít ra cũng nghĩ tốt nếu tôi có thể thuật lại lời từ chối thẳng thừng không chịu ngồi cùng bàn ăn với một người tính tình như thế. Nhưng nỗi lo sợ không thực hiện được điều đó một cách hiệu quả làm tôi ngại có một thái độ đạo đức. Và trong trường hợp này, điều chắc chắn là tôi không có những ý kiến rõ rệt nào về Strickland nên tôi rất lúng túng khi phát biểu ra. Chỉ có nhà thơ hoặc vị thánh mới có thể tưới nước trên con đường tráng nhựa mà dám quả quyết trước là hoa huệ sẽ thưởng công lao động của họ.

Tôi trả tiền những thứ chúng tôi uống rồi cả hai đi đến một quán ăn rẻ tiền, đầy người và vui nhộn, ở đó chúng tôi ăn tối thỏa thích. Tôi có cái ngon miệng của tuổi trẻ còn ông thì có cái ngon miệng của một lương tâm chai cứng. Rồi chúng tôi tới một cái quán để uống cà phê và rượu.

Tôi đã nói tất cả những điều phải nói về chuyện đã đưa đẩy tôi đến Pari, và mặc dầu tôi cảm thấy, trong một chừng mực nào đó tôi đã lừa dối bà Strickland vì không đeo đuổi mục đích đến cùng, tôi vẫn không thể nào đục thủng được sự phớt lờ của ông ta. Phải cần đến tâm linh nữ giới mới có thể lập đi lập lại có mỗi một điều tới ba lần mà không hề giảm sút nhiệt tình. Tôi tự an ủi bằng ý nghĩ rằng, nếu tìm hiểu được trạng thái tinh thần của Strickland thì cũng hữu ích lắm. Chuyện đó còn làm tôi thích thú nhiều hơn. Nhưng đây không phải là chuyện dễ làm, vì Strickland không phải là người ăn nói lưu loát. Ông ta diễn đạt có vẻ khó khăn, như thể ngôn ngữ không phải là phương tiện của đầu óc để bày tỏ suy nghĩ của mình và bạn phải đoán những ý định của tâm hồn ông qua những câu nói nhảm chán, tiếng lóng và những điệu bộ mơ hồ không dứt khoát. Nhưng dù ông ta không nói điều gì quan trọng, vẫn có một cái gì đó trong cá tính của ông khiến ông không phải là một con người tẻ ngắt. Có lẽ đó là sự thành thật. Ông có vẻ không màng đến thành phố Pari mà ông đang nhìn thấy lần đầu (không kể lần viếng thăm cùng với vợ), và ông nhìn những cảnh tượng chắc chắn là kỳ lạ đối với ông mà không hề có lấy một biểu lộ kinh ngạc nào. Tôi đã đến Pari một trăm lần mà lòng không bao giờ không rộn lên vì kích động. Tôi không bao giờ có thể đi trên những đường phố của Pari mà

không cảm thấy như đang phiêu lưu. Strickland vẫn trầm lặng. Nhìn lại, bây giờ tôi nghĩ rằng lúc ấy ông ta không nhìn thấy gì cả ngoài một hình ảnh đang xáo động tâm hồn mình.

Có một chuyện ngộ nghĩnh đã xảy ra. Trong quán có một số gái điếm: vài cô đang ngồi với bọn đàn ông, những cô khác ngồi một mình, và lúc ấy tôi để ý thấy một cô đang nhìn chúng tôi. Khi bắt gặp cái nhìn của Strickland cô gái mỉm cười. Tôi không nghĩ rằng ông đã nhìn thấy cô ta. Được một lúc cô gái bỏ đi ra ngoài nhưng trở lại ngay sau đó và khi đi qua bàn của chúng tôi, cô ta nhã nhặn yêu cầu chúng tôi mua cho cô một thứ gì đó để uống. Cô gái ngồi xuống và tôi bắt đầu tán gẫu với cô ta, nhưng rõ ràng cô ta thích Strickland. Tôi giải thích rằng ông ta không nói được tiếng Pháp. Cô gái cố nói chuyện với ông một phần bằng cách ra hiệu, một phần bằng thứ tiếng Pháp bồi mà, vì một lẽ nào đó, cô nghĩ rằng có thể ông ta hiểu được; cô ta cũng biết vờ vờ năm ba câu tiếng Anh. Cô ta yêu cầu tôi dịch những gì cô chỉ có thể diễn tả bằng ngôn ngữ của mình và nóng lòng hỏi nghĩa những câu trả lời của ông. Ông tỏ ra dễ chịu và vui thích, nhưng sự lạnh nhạt của ông vẫn hiển nhiên.

- Tôi nghĩ ông đã chinh phục được rồi đó, - tôi cười nói.

- Tôi không dễ lấy lòng đâu.

Ở vào hoàn cảnh của ông, có lẽ tôi còn lúng túng và ít bình tĩnh hơn. Cô gái có đôi mắt tươi cười và cái miệng rất quyến rũ. Cô còn trẻ. Tôi tự hỏi cô ta đã khám phá thấy điều gì hấp dẫn nơi Strickland. Cô ta không giấu giếm những ước muốn khao khát của mình, và yêu cầu tôi dịch lại.

- Cô ta muốn ông đi về nhà với cô ta.

- Tôi không đi với cô nào cả, - ông trả lời.

Tôi dịch câu trả lời của ông cố làm ra vẻ dí dỏm. Đối với tôi, từ chối một lời mời kiểu đó thì có vẻ hơi khiếm nhã, và tôi đã lý giải sự từ chối của ông bằng chuyện không có tiền.

- Nhưng tôi thích ông ấy, - cô ta nói. - Bảo với ông ấy là vì tình yêu thôi.

Khi tôi dịch câu này, Strickland nhún vai một cách nóng nảy.

- Hãy bảo cô ta cút đi, - ông ta nói.

Cử chỉ của ông làm cho câu trả lời trở nên rõ ràng và cô gái đã hất đầu ra sau bằng một cử chỉ bất ngờ. Có lẽ cô ta đổ mặt dưới lớp phấn. Cô ta đứng dậy.

- *Monsieur n'est pas poli*^[23], - cô ta nói.

Cô ta bước ra khỏi quán. Tôi hơi bực dọc.

- Tôi thấy không cần phải sỉ nhục cô ta như thế, - tôi nói, - Suy cho cùng điều mà cô ta bày tỏ với anh còn hơn cả một lời khen.

- Hạng người như thế làm tôi buồn nôn, - ông nói thô lỗ cộc cằn.

Tôi tò mò nhìn ông ta. Có một vẻ chán ghét thật sự trên mặt ông, thế nhưng đó là gương mặt của một con người thô lỗ và nhục dục. Tôi cho rằng cô gái đã bị hấp dẫn bởi một vẻ thô bạo nào đó trên gương mặt ấy" filepos-id="filepos242914">

- Tôi có thể chiếm đoạt bất cứ người đàn bà nào tôi muốn ở Luân Đôn. Tôi không đến đây vì chuyện đó.

Trong suốt cuộc hành trình trở về Anh tôi đã suy nghĩ nhiều về Strickland. Tôi cố sắp đặt có thứ tự những chuyện phải nói với bà vợ của ông. Thật không được vừa ý chút nào, và tôi không tưởng tượng rằng bà ta sẽ bằng lòng về tôi; bản thân tôi cũng không bằng lòng với chính mình. Strickland làm tôi bối rối thêm. Tôi không thể nào hiểu nổi những động cơ thúc đẩy ông ta. Khi tôi hỏi ông cái gì đầu tiên đã khiến ông có ý nghĩ muốn trở thành họa sĩ, ông không thể hoặc không muốn nói cho tôi biết. Tôi không hiểu được gì về chuyện đó. Tôi cố tự thuyết phục rằng một ý nghĩ nổi loạn đen tối nào đó đã từ từ lớn mạnh trong đầu óc chm chap của ông ta, nhưng rõ ràng ông không bao giờ tỏ ra thiếu kiên nhẫn với nếp sống đơn điệu của mình. Nếu vì buồn chán không thể chịu nổi mà ông quyết định trở thành một họa sĩ để phá vỡ những mối ràng buộc tẻ nhạt, thì chuyện đó có thể hiểu được và tầm thường; nhưng tôi cảm thấy ông không có vẻ gì là tầm thường. Rốt cuộc, vì tôi vốn là người lãng mạn nên đã nghĩ ra một lối giải thích mà tôi thừa nhận là gượng ép, nhưng lại là lối giải thích duy nhất tương đối làm tôi thỏa mãn. Điều đó như thế này: tôi tự hỏi phải chăng trong tâm hồn ông ta có một thiên hướng sáng tạo nào đó đã bám rễ sâu xa, mà hoàn cảnh sinh sống của ông đã che khuất đi, nhưng nó cứ phát triển liên tục chứ không hề yếu đi, như ung thư phát triển trong những mô sống, cho đến khi cuối cùng chiếm trọn cả con người của ông và bức bách ông phải hành động, không thể cưỡng lại được. Con chim cu đẻ trứng trong tổ chim lạ, khi chim non nở ra nó hích vai đẩy các anh nuôi của nó ra ngoài và cuối cùng phá vỡ chiếc tổ đã che chở nó.

Thật lạ lùng biết chừng nào khi thiên hướng sáng tạo năm bắt lấy người mua bán cổ phần chứng khoán chán ngắt này và đưa đẩy ông ta đến chỗ suy sụp hoàn toàn, tạo ra bất hạnh cho những người phụ thuộc vào ông. Thế nhưng không lạ lùng hơn cách mà ý Chúa đã năm lấy những người có thể lực và giàu sang, đeo đuổi họ thật gắt gao ch đến cuối cùng, khi bị chế ngự hoàn toàn, họ từ bỏ trần thế và tình yêu của đàn bà để sống cuộc đời khổ hạnh của tu viện. Sự biến đổi có thể đến dưới nhiều hình thức, bằng nhiều cách. Đối với một số người, cần có tai biến lớn, như tảng đá phải vỡ ra từng mảnh vì sự giập dũ của dòng nước lũ; nhưng đối với một số người khác thì nó đến từ từ, như tảng đá phải mòn dần đi vì giọt nước cứ nhỏ xuống liên tục, không bao giờ ngừng. Strickland có cái tính thẳng thắn của người cuồng tín và sự nhiệt tình của một tông đồ.

Nhưng đối với đầu óc thực tế của tôi thì còn cần phải xem, liệu sự đam mê đã ám ảnh ông ta có được biện minh bằng những tác phẩm của ông không. Khi tôi hỏi rằng các bạn học ở lớp đêm mà ông đã tham dự ở Luân Đôn nghĩ gì về việc vẽ vời của ông thì ông toét miệng cười trả lời:

- Họ cho đó là một chuyện khôi hài.

- Anh có thử đến một xưởng vẽ nào ở đây chưa?

- Có. Có một kẻ quấy rầy vừa tạt lại chơi sáng nay - một ông thầy, anh biết không - khi nhìn bức vẽ của tôi ông chỉ như ông mày và bỏ đi.

Strickland cười khúc khích. Hình như ông không nản lòng. Ông không lệ thuộc vào ý kiến của bạn bè.

Và đó chính là điều làm tôi lúng túng nhất khi giao thiệp với ông. Khi người ta bảo rằng họ không quan tâm đến những gì người khác nghĩ về họ thì phần lớn họ tự lừa dối mình. Thường họ chỉ muốn nói rằng họ sẽ hành động như họ đã lựa chọn, vì tin rằng không ai hiểu được tính khí bất thường của họ. Suy cho cùng, sở dĩ họ muốn hành động trái ngược với ý kiến của đa số là vì họ được những người gần gũi họ đồng tình ủng hộ. Thật không khó gì để trở thành độc đáo dưới mắt người đời khi sự độc đáo của bạn chẳng qua là điều ước lệ trong nhóm người của mình. Và lúc ấy họ tạo cho bạn một vẻ tự cao thái quá. Bạn tự mãn về lòng can đảm mà không biết sự phiền phức của mỗi nguy hiểm. Nhưng có lẽ ước muốn được tán thành là bản năng sâu xa nhất của con người văn minh. Không ai vội vã chạy đến núp dưới cái vỏ của sự đáng kính bằng người đàn bà đã từng coi thường sự đúng đắn. Tôi không tin những người bảo với tôi rằng họ không mấy may quan tâm đến ý kiến của bạn bè họ. Đó chỉ là thái độ làm ra vẻ bạo dạn của sự ngu dốt mà thôi. Họ chỉ muốn nói rằng họ không sợ xấu hổ về những lỗi nhỏ mà họ tin chắc không một ai.

Nhưng đây là một người thật sự không quan tâm đến điều người ta nghĩ về mình, và vì thế những điều ước lệ không có tác dụng gì đến ông ta. Ông cũng giống như một nhà đồ vật mà thân mình đã

được bồi đầu. Bạn không thể chụp năm ông ta được, ông ta được tự do, một thứ tự do sai quấy. Tôi nhớ có lần đã nói với ông ta:

- Ông thử nghĩ xem, nếu mọi người đều hành động như ông, thì cuộc sống của xã hội này không trôi chảy được nữa.

- Rõ ngớ ngẩn mới nói thế. Không ai muốn hành động như tôi đâu. Đại đa số bằng lòng làm những việc tầm thường.

Và một lần nữa tôi tìm cách châm biếm:

- Rõ ràng ông không tin vào câu châm ngôn: Hãy hành động sao cho mỗi hành động của bạn có thể trở thành một quy luật phổ biến.

- Tôi chưa bao giờ nghe nói đến câu đó, nhưng đó là điều vô nghĩa thậm tệ.

- Này, chính Kant đã nói điều đó đấy.

- Mặc kệ, điều đó vô nghĩa thậm tệ.

Đối với một người như thế thì bạn không có hy vọng gì mà kêu gọi đến lương tâm cho có hiệu quả được đâu. Bạn được phản chiếu mà không cần đến một tấm gương. Tôi cho rằng lương tâm là người bảo vệ của từng điều luật mà cộng đồng đã làm nên vì sự bảo tồn của mình. Nó là người cảnh sát trong tâm hồn chúng ta, nó đứng đó canh chừng để chúng ta không phá vỡ được những luật lệ của nó. Nó chính là tên gián điệp nằm ngay giữa đồn lũy của cái tôi. Con người có một ao ước mãnh liệt là được đồng loại tán thành, và mọi sợ hãi bị chỉ trích cũng mãnh liệt đến nỗi con người mang kẻ thù của mình vào ngay trong cổng nhà. Nó trông chừng anh ta, vì lợi ích của chủ, nó luôn luôn cảnh giác sẵn sàng đàn áp bất cứ niềm ước ao mới manh nha nào muốn trốn khỏi tập thể. Nó sẽ bắt buộc anh ta đặt quyền lợi của xã hội trước quyền lợi của anh ta. Nó là mối dây ràng buộc bền chặt trói cá nhân vào với tập thể. Và con người, quy lụy trước những lợi ích mà anh ta tự thuyết phục rằng còn lớn hơn những lợi ích của bản thân, bị thành kẻ nô lệ cho người giám thị của mình. Anh ta đặt ông

giám thị vào một chỗ ngồi danh dự. Cuối cùng, giống như một kẻ nịnh thần bợ đỡ chiếc gậy của nhà vua đặt trên vai anh ta, anh ta hãnh diện về sự nhạy cảm của lương tâm mình. Rồi anh ta sẽ không buông một lời nặng nhẹ nào với người không nhận ra thế lực của nó; bởi vì bây giờ đã là một thành viên của xã hội rồi, anh ta nhận thức thật chính xác rằng anh không có khả năng chống lại ông giám thị đó. Khi thấy Strickland thật sự tỏ ra đứng đưng với những lời trách móc mà thái độ xử sự của ông chắc sẽ gây ra, tôi chỉ còn biết rút lui trong nỗi sợ hãi như khi xa lánh một con quái vật có hình thù không giống con người chút nào.

Những lời cuối cùng ông ta nói với tôi khi tôi chúc ông ngủ ngon là:

- Anh hãy nói cho Amy biết rằng chẳng có ích lợi gì mà tìm kiếm tôi. Nhưng dầu sao tôi cũng sẽ chuyển đến một khách sạn khác để cô ấy không thể nào tìm tôi được.

- Riêng tôi, tôi có cảm tưởng là chị ấy rồi sẽ nhanh chóng từ bỏ ông thôi, - tôi nói.

- Anh bạn thân mến, tôi chỉ hy vọng rằng anh sẽ có thể làm cho cô ta thấy điều đó. Nhưng đàn bà thì không thông minh lắm.

Khi tôi về đến Luân Đôn, tôi nhận thấy cần phải cấp bách đến nhà bà Strickland sau bữa ăn càng sớm càng tốt. Tôi gặp bà và vợ chồng đại tá MacAndrew. Chị của bà Strickland trông già hơn bà, không phải không giống bà, nhưng đã phai tàn đi nhiều hơn. Bà ta làm ra vẻ có năng lực như thể đang cầm cả Đế quốc Anh trong tay, cái vẻ mà các bà vợ những ông sĩ quan cao cấp đều có ý thức rằng mình thuộc một tầng lớp thượng đẳng. Cử chỉ của bà nhanh nhẹn, và sự lễ độ của bà không hề che đậy niềm tin chắc chắn rằng nếu anh không phải là một quân nhân thì anh cũng nên là một ông chủ cửa hàng. Bà ta ghét bọn vệ binh, mà bà cho là kiêu ngạo, mà cũng chẳng thích nói chuyện với vợ của họ vốn những người chệnh mảng trong sự thăm viếng. Chiếc áo choàng của bà không đúng mốt và đắt tiền.

Bà Strickland bồn chồn nóng nảy thấy rõ.

- Nào, anh cho chúng tôi biết tin đi, - bà ta nói.

- Tôi đã gặp chồng bà. Tôi e rằng ông đã quyết định không trở về nữa. - Tôi ngập ngừng một lát.
- Ông ta muốn vẽ.

- Anh nói gì thế? - Bà Strickland kêu lên với vẻ kinh ngạc tột độ.

- Bà không hề biết là ông ta say mê cái thứ ấy à?

- Chắc ông ấy phát điên phát cuồng mất rồi, - ông đại tá kêu lên.

Bà Strickland hơi cau mày. Bà đang lục tìm trong ký ức của mình.

- Tôi nhớ trước khi cưới nhau anh ấy thường hí hoáy với một hộp màu. Nhưng chưa từng thấy những bức vẽ nào tồi đến thế. Chúng tôi thường chế giễu anh ấy. Anh ấy không may may có một tài

năng gì về loại công việc như vậy.

- Dĩ nhiên đó chỉ là một lời bào chữa thôi, - bà MacAndrew nói.

Bà Strickland suy nghĩ đắn đo một lát. Rõ ràng bà ta không thể nào hiểu được tí gì về điều tôi cho bà biết. Bà đã xếp đặt ngăn nắp phòng khách, bản năng nội trợ đã làm vơi đi sự hoảng hốt của bà. Căn phòng không còn cái vẻ bị bỏ mặc nữa, như một ngôi nhà có đầy đủ đồ đạc bị bỏ phế lâu mà tôi đã thấy trong lần đến thăm trước ngay sau tai họa. Nhưng bây giờ, sau khi đã gặp Strickland ở Pari, thật không tưởng tượng nổi ông ấy sống được trong khung cảnh này. Tôi nghĩ thật khó làm cho họ hiểu được rằng có một cái gì đó không thích hợp trong con người ông ấy.

- Nhưng nếu anh ấy muốn trở thành một nghệ sĩ, tại sao anh ấy không nói rõ ra? - Sau cùng bà Strickland hỏi. - Tôi phải nghĩ rằng tôi là người cuối cùng không có cảm tình với cái khát vọng kiểu đó">

Bà MacAndrew mím chặt môi. Tôi nghĩ rằng không bao giờ bà ta tán thành cái khuynh hướng của cô em ưu tâm đến những người ham mê các bộ môn nghệ thuật. Bà ta chế giễu các thứ ấy là “văn nghệ văn gừng”.

Bà Strickland nói tiếp:

- Dù sao, nếu anh ấy có một tài năng nào đó, tôi sẽ là người đầu tiên khuyến khích tài năng ấy chứ. Tôi sẽ không ngại hy sinh. Tôi thích lấy một anh họa sĩ hơn một anh mua bán cổ phần chứng khoán ấy chứ. Nếu không vì các con, tôi sẽ không cần gì cả. Tôi có thể sống hạnh phúc trong một xưởng vẽ tồi tàn ở Chelsea cũng như trong ngôi nhà này vậy.

- Thôi đi Amy, chị không thể kiên nhẫn với em được nữa. - Bà MacAndrew kêu lên. - Em có thể tin được chuyện vô lý ấy à?

- Nhưng tôi nghĩ đó là sự thật, - tôi dụi dụi nói.

Bà ta nhìn tôi với sự khinh miệt đầy giễu cợt.

- Một anh đàn ông ở tuổi bốn mươi sẽ không bỏ công ăn việc làm và bỏ vợ, bỏ con để trở thành một họa sĩ trừ phi có chuyện lạ tạo với một cô nào đó. Tôi cho rằng ông ta đã gặp một cô nàng thuộc giới các anh - những người bạn nghệ sĩ ấy mà, và cô ả đã xỏ mũi được ông ta rồi.

Đôi má tái nhợt của bà Strickland đổi sắc.

- Cô ả như thế nào?

Tôi hơi do dự. Tôi biết tôi đã vợ phải một quả bom.

- Không có một người đàn bà nào cả.

Đại tá MacAndrew và bà vợ tỏ vẻ không tin, và bà Strickland nhòm dậy.

- Anh bảo là anh chưa hề gặp cô ả chứ?">

- Có ai đâu mà gặp. Ông ấy hoàn toàn sống một mình mà.

- Thật là phi lý, - bà MacAndrew kêu lên.

- Tôi đã biết là phải đích thân tôi đi mà, - ông đại tá nói. - Tôi đánh cuộc với anh là tôi có thể lôi cô ả ra thật nhanh đấy.

- Phải chi ông đi, - tôi chua chát trả lời, - cho ông thấy tất cả những giả thuyết của ông đều sai bét. Ông ấy không thuê một khách sạn sang trọng nào cả. Ông ấy đang ở trong một cái phòng nhỏ xíu bẩn thỉu nhất. Ông ấy bỏ nhà ra đi không phải để có một cuộc sống vui tươi. Ông ấy chẳng có bao nhiêu tiền cả.

- Anh có nghĩ rằng chúng tôi biết tất cả mọi chuyện ông ta làm và ông ta đang nằm yên vì sợ cảnh sát không?

Câu nói chiếu một tia hy vọng vào lòng họ, nhưng không ảnh hưởng gì đến tôi.

- Nếu là như thế thì ông ta sẽ không dại gì mà cho người kinh doanh chung với ông ấy biết địa chỉ, - tôi chưa chút vắn lại. - Dầu gì đi nữa, có một điều tôi biết chắc chắn là ông ấy đã không bỏ đi với một người nào cả. Ông ấy chẳng yêu đương gì hết. Không phải ông ấy không biết suy nghĩ đâu.

Câu chuyện ngưng lại một lúc trong khi họ suy nghĩ về những lời tôi nói.

- Nay, nếu điều anh nói là đúng, - sau cùng bà MacAndrew nói, - thì chuyện sẽ không tồi tệ như tôi nghĩ.

Bà Strickland liếc nhìn bà ta nhưng không nói gì. Lúc này trông bà tái mét, và vầng trán đẹp của bà tối sẫm lại. Tôi không hiểu được sự diễn tả trên gương mặt bà. Bà MacAndrew nói tiếp:

- Nếu đó chỉ là một sự nhẹ dạ thì ông ta sẽ vượt qua được thôi.

- Amy, sao cô không đi gặp ông ta nhỉ? - Ông đại tá hỏi thử. - Không có lý do gì để cô không đến sống ở Pari với ông năm. Chúng tôi sẽ chăm sóc các cháu cho. Tôi dám chắc rồi ông ta cũng nhàm chán thôi. Sớm muộn gì rồi ông ấy cũng lo mà trở về Luân Đôn và sẽ không có thiệt hại to tát nào đâu.

- Tôi thì không làm thế, - bà MacAndrew nói. - Tôi để ông ta hoàn toàn tự do muốn làm gì thì làm. Rồi ông ta sẽ cụp đuôi trở về để lại được sống tiện nghi thoải mái thôi. - Bà MacAndrew bình tĩnh nhìn em. - Có lẽ đôi khi em không được khôn ngoan với ông ta cho lắm. Đàn ông là những người kỳ quặc và người ta phải biết cách điều khiển họ.

Bà MacAndrew có cái ý nghĩ như giới nữ của bà thường nghĩ là một anh đàn ông bao giờ cũng là một thằng ngu khi hấn bỏ rơi một người đàn bà gắn bó với hấn, nhưng người đàn bà thật là đáng trách nếu để hấn ta làm như vậy. *Le coeur a ses raisons que la raison ne connait pas* [24].

Bà Strickland chậm rãi nhìn chúng tôi từ người này đến người khác.

- Anh ấy sẽ không bao giờ trở về, - bà nói.

- Ồ, Amy, hãy ghi nhớ điều chúng ta vừa nghe. Ông ta đã quen sống tiện nghi thoải mái và có người chăm sóc rồi. Em thử nghĩ còn bao lâu nữa ông ta sẽ chán cái phòng tồi tàn trong một khách sạn tồi tàn như thế? Và lại, ông ta không có tiền. Ông ta sẽ phải trở về thôi.

- Tôi nghĩ nếu anh ấy bỏ đi với một người đàn bà thì còn có hy vọng. Tôi không tin cái ngữ ấy hợp với anh ấy đâu. Sau ba tháng anh ấy sẽ chán cô ả thôi. Nhưng nếu anh ấy đi không vì chuyện yêu đương thì coi như hết hy vọng.

- Ồ, tôi nghĩ cái thứ đó quý quyết lắm, - ông đại tá nói với sự khinh miệt mà ông cảm thấy thực chất rất xa lạ với truyền thống nghề nghiệp của ông. - Cô đừng tin điều đó. Anh ta sẽ trở về, và như Dorothy nói, tôi chắc là anh ta chẳng hề hấn gì đâu sau khi đã lu bù như vậy.

- Nhưng tôi không muốn anh ấy trở về nữa, - bà Strickland nói.

- Amy!

Cơn tức giận đã chiếm lấy bà Strickland và vẻ tái nhợt của bà là vẻ tái nhợt của một cơn giận dữ lạnh lùng và bất ngờ. Lúc này thì bà nói nhanh và có phần hỗn hển.

- Tôi có thể tha thứ được nếu anh ấy đã yêu tuyệt vọng một cô gái nào đó và bỏ đi với cô ta. Tôi cho đó là chuyện tự nhiên. Thực tình tôi sẽ không trách móc gì anh ấy. Tôi sẽ nghĩ là anh ấy bị xô mũi dẫn đi. Đàn ông quá mềm yếu và đàn bà thì quá vô lương tâm. Nhưng chuyện ở đây là khác. Tôi ghét anh ấy. Bây giờ thì tôi sẽ không bao giờ tha thứ cho anh ta.

Ông đại tá MacAndrew và bà vợ quay sang trò chuyện với bà ta. Họ kinh ngạc. Họ bảo bà ta đã hóa điên rồi. Họ không thể hiểu nổi. Bà Strickland tuyệt vọng quay sang tôi.

- Anh không thấy à? - Bà gào lên.

- Tôi không chắc lắm. Có phải chị muốn nói chị có thể tha thứ cho ông ấy nếu ông ấy đã bỏ chị để theo một người đàn bà nào đó, nhưng sẽ không tha thứ nếu ông ấy bỏ chị vì một ý tưởng, phải không? Chị nghĩ rằng chị có thể đọ sức với người đàn bà, nhưng lại bất lực đối với một ý tưởng, phải không?

Bà Strickland nhìn tôi bằng một ánh mắt trong đó tôi đọc được một sự thân thiện không lấy gì làm to tát, nhưng bà ta không trả lời. Có lẽ tôi đã đánh trúng chỗ yếu. Bà tiếp tục nói với giọng trầm trầm và run run:

- Tôi chưa từng bao giờ ghét ai nhiều như tôi ghét anh ấy. Anh biết đó, tôi đã tự trấn an mình bằng cách nghĩ rằng dù có kéo dài đến bao lâu nữa thì sau cùng anh ấy cũng phải cần đến tôi. Tôi biết thế nào khi sắp chết anh ấy cũng sẽ gửi thư cho tôi, và tôi sẵn sàng đến. Tôi sẽ chăm sóc anh ấy như một người mẹ, sau cùng tôi sẽ bảo cho anh ấy biết chuyện ấy chẳng ăn nhằm gì, tôi lúc nào cũng yêu anh ấy và tôi tha thứ cho anh ấy hết mọi chuyện.

Tôi luôn luôn hơi bối rối trước thái độ nhiệt tình cao thượng mà các bà có được bên giường chết của những người mà họ yêu. Đôi khi có vẻ như họ có ác cảm với sự sống lâu vì nó trì hoãn cái cơ hội để họ thực hiện được sự nhiệt thành đó.

- Nhưng bây giờ... bây giờ thì hết rồi. Tôi dừng dừng với anh ấy như thể anh ấy là một người xa lạ. Tôi muốn anh ấy chết tàn tệt thảm hại, đói khát và cô độc. Tôi mong anh ấy sẽ bị mực rửa ra vì một chứng bệnh ghê tởm nào đó. Tôi đã dứt khoát với anh ấy rồi.

Tôi nghĩ đã đúng lúc nói ra điều mà Strickland đề nghị:

- Nếu chị muốn ly dị, ông ấy sẵn lòng làm bất cứ điều gì cần thiết.

- Tại sao tôi lại để anh ấy được tự do nhỉ?

- Tôi không nghĩ ông ấy muốn điều đó. Ông ấy chỉ nghĩ rằng như thế sẽ tiện cho chị hơn.

Bà Strickland nhún vai vẻ khó chịu. Tôi nghĩ bây giờ tôi hơi thất vọng về bà ta. Hồi đó tôi cứ ngỡ là người ta phải xử sự đẹp hơn tôi mới phải, và tôi thất vọng nhận thấy quá nhiều hận thù trong một con người duyên dáng như thế. Tôi không biết những tính chất để làm nên một con người nó đa tạp như thế nào. Bây giờ tôi biết rõ rằng tính đê tiện và lòng cao thượng, ác tâm và lòng bác ái, sự ghen ghét và tình thương yêu có thể ở bên nhau trong cùng một tâm hồn. Tôi phân vân tự hỏi có thể nói điều gì làm vơi đi sự nhục nhã đắng cay đang hành hạ bà Strickland chẳng. Tôi nghĩ là mình phải cố thử xem.

- Chị biết đấy, tôi không chắc là chồng chị chịu hoàn toàn trách nhiệm về những hành động của ông ta. Tôi không nghĩ ông ấy còn là chính ông ấy nữa. Tôi thấy hình như ông bị ám ảnh bởi một thế lực nào đó, nó sử dụng ông vào những mục đích của nó, và trong vòng tay của nó ông không xoay trở đi đâu được, chẳng khác gì một con ruồi trong lưới nhện. Dường như có người nào đó đã bỏ bùa mê ông ta vậy. Tôi nhớ đến những chuyện kỳ quái mà người ta kể rằng một cá tính khác đi vào bên trong một người và đuổi cá tính cũ ra ngoài. Linh hồn sống trong thân xác một cách không ổn định, và có thể thay đổi một cách lạ lùng. Nếu vào thời xưa thì người ta sẽ bảo rằng Charles Strickland đã bị quỷ ám.

Bà MacAndrew vuốt vuốt vạt áo dài và những vòng vàng tuột xuống đôi cổ tay.

- Đối với tôi tất cả có vẻ rất gượng gạo, - bà ta nói chua cay. - Phải thừa nhận có lẽ Amy đã quá xem thường chồng của cô ấy. Nếu cô ấy không phải bạn bịu công chuyện thì tôi không tin cô ấy không hề nghi ngờ là có vấn đề gì đó. Tôi không hề nghĩ rằng Alex có thể có một ý định nào đó trong đầu trong một năm hay hơn mà tôi không hay biết gì cả.

Ông đại tá nhìn chăm chăm vào khoảng không, và tôi tự hỏi liệu có ai có vẻ ngây thơ, trong trắng bằng ông ta không.

- Nhưng phải thừa nhận rằng Charles Strickland là một con thú tàn ác. - Bà ta nghiêm khắc nhìn tôi. - Tôi có thể nói cho anh biết lý do tại sao ông ấy bỏ vợ. Thuần túy chỉ vì ích kỷ, ngoài ra không

có gì khác nữa.

- Đó chắc chắn là lời giải thích đơn giản nhất, - tôi nói. Nhưng tôi nghĩ nó không giải thích được gì cả. Lúc ấy tôi bảo rằng tôi mệt và đứng dậy ra về. Bà Strickland không cố giữ tôi lại nữa.

Những gì xảy ra sau đó cho thấy bà Strickland là một người đàn bà có nghị lực. Bà che giấu tất cả mọi nỗi đau đớn mà bà phải chịu. Bà sáng suốt nhìn thấy rằng người ta dễ dàng nhầm chán khi nghe kể đi kể lại điều bất hạnh, và họ sẵn sàng xa lánh bóng dáng nỗi đau buồn. Trong bất cứ cuộc vui nào mà bà tham dự, các bạn bè đều cảm thông chuyện không may của bà nên tận tình muốn giải khuây cho bà - bà luôn có thái độ đúng mực. Bà dạn dĩ nhưng không quá trắng trợn, vui tươi nhưng không trơ tráo, và bà có vẻ chú ý lắng nghe những nỗi ưu phiền của người khác hơn là bàn cãi về chuyện của mình. Khi nào bà nói gì về chồng thì cũng đều là vì thương hại mà thôi. Lúc đầu, thái độ của bà đối với ông làm tôi khó hiểu. Một hôm bà nói với tôi:

- Anh biết đấy, tôi tin chắc rằng anh đã nhầm về chuyện Charles ở một mình. Theo những nguồn tin mà tôi thu thập được nhưng không thể nói với anh, thì tôi biết rằng anh ấy không bỏ nước Anh ra đi một mình.

- Nếu thế thì ông ta thật có tài trong việc giấu nhem đường đi nước bước.

Bà nhìn đi nơi khác và hơi đỏ mặt.

- Điều tôi muốn nói là, nếu có ai nói với anh về chuyện đó, thì xin anh đừng phủ nhận nếu họ bảo rằng anh ấy trốn đi theo một người nào đó.

- Dĩ nhiên là không rồi.

Bà ta chuyển sang chuyện khác như thế đó là một vấn đề mà bà không quan tâm. Lúc bấy giờ tôi biết có một câu chuyện kỳ dị đang được đồn đại trong đám bạn bè của bà. Họ bảo rằng Charles Strickland đã mê say một cô vũ công người Pháp, mà ông đã gặp lần đầu trong đoàn vũ ba lê tại hí trường Empire và ông đã theo cô ta về Pháp. Tôi không thể nào hiểu được người ta đã bịa đặt câu chuyện này như thế nào, nhưng thật là tài tình, nó tạo được nhiều mối cảm tình cho bà Strickland và đồng thời mang lại cho bà một thanh thế không phải nhỏ. Việc này không phải là không có ích cho

cái nghề mà bà đã định làm. Đại tá MacAndrew đã không nói quá khi ông bảo bà không có lấy một xu và bà phải làm ăn để tự nuôi sống mình sớm chừng nào tốt chừng ấy. Lợi dụng sự quen biết của bà với nhiều nhà văn, và không để mất thời gian, bà bắt đầu học tốc ký và đánh máy chữ. Trình độ của bà hình như giúp bà trở thành một người đánh máy khá hơn người bình thường, và chuyện của bà làm cho những lời bà thỉnh cầu có phần cảm động. Bạn bè hứa đưa việc làm cho bà và chủ tâm giới thiệu bà với tất cả đồng nghiệp của họ.

Ông bà MacAndrew vì không có con và cũng khá sung túc, nên đã thu xếp việc chăm sóc những đứa con của bà Strickland. Bà chỉ còn phải tự lo cho mình mà thôi. Bà cho thuê cái nhà của bà và bán đồ đạc trong nhà. Bà đến ở trong hai căn phòng nhỏ ở khu Westminster, và bắt đầu làm lại cuộc đời. Bà có nhiều năng lực nên chắc chắn sẽ thành công trong công việc làm ăn.

năm năm sau khi xảy ra chuyện này, tôi quyết định đến sống ở Pari một thời gian. Tôi cảm thấy sống ở Luân Đôn chẳng thú vị gì. Tôi chán vì ngày nào cũng phải làm từng ấy chuyện. Bạn bè tôi sống một cách phẳng lặng ngày này qua ngày khác. Họ chẳng có gì làm tôi ngạc nhiên nữa, và khi tôi gặp họ thì gần như tôi biết họ sẽ nói gì. Ngay cả chuyện yêu đương của họ cũng có vẻ tầm thường chán ngắt. Chúng tôi giống như những chiếc xe điện chạy trên những tuyến đường từ trạm này đến trạm khác, thiếu điều có thể đếm được với những sai số rất nhỏ số hành khách đi xe. Cuộc đời được sắp đặt quá thú vị. Tôi đâm ra hoang mang sợ hãi. Tôi nhường lại căn phòng nhỏ bé của tôi, bán đi số đồ đạc ít ỏi và quyết định làm lại từ đầu.

Tôi đến thăm bà Strickland trước khi lên đường. Đã lâu rồi, tôi không gặp bà. Tôi nhận ra ở bà có những thay đổi: không những bà già hơn, gầy hơn và có nhiều nếp nhăn hơn, mà tính tình của bà cũng đã thay đổi. Bà đã thành công trong công việc làm ăn. Và bây giờ đã có một văn phòng ở đường Chancery; bà tự đánh máy ít thôi, nhưng dành phần lớn thời giờ để sửa lại bản đánh máy của bốn cô gái mà bà đã thuê. Bà có ý muốn tạo cho công việc một cái vẻ xinh xắn nào đó, bà dùng nhiều mực xanh, mực đỏ, bọc bản sao bằng loại giấy thô trông hơi giống lụa có vân sóng, với nhiều màu nhạt khác nhau. Bà vốn nổi tiếng là gọn gàng và chính xác. Bà đang kiếm được tiền. Nhưng bà không thể nào bỏ được ý nghĩ cho rằng kiếm tiền để sống thì không lấy gì làm xứng đáng và bà có khuynh hướng nhắc bạn nhớ rằng bà vốn là một phụ nữ sang trọng. Bà không thể nào không đưa vào câu chuyện của mình những người có tên tuổi mà bà quen biết để thuyết phục bạn rằng bà không bị chìm sâu dưới nấc thang xã hội đâu. Bà hơi xấu hổ về lòng can đảm và khả năng làm ăn của bà, nhưng lại vui sướng vì sắp đi ăn tối vào hôm sau với một luật sư triều đình sống ở South Kensington. Bà rất mãn nguyện khi có thể nói cho bạn biết cậu con trai của bà đang học ở Cambridge, và với một nụ cười nhẹ nhàng, bà nói đến những buổi khiêu vũ tới tấp mà con gái bà được mời. Tôi cho rằng tôi đã nói một điều rất ngớ ngẩn.

- Cô nhà sẽ đi theo con đường làm ăn của bà chứ? - Tôi hỏi.

- Ồ, không, tôi không để cháu làm như vậy đâu, - bà Strickland đáp. - Cháu rất xinh. Tôi chắc cháu sẽ được một đám khá.

- Tôi nghĩ như thế sẽ giúp đỡ được bà.

- Nhiều người gợi ý cháu nên trở thành diễn viên, nhưng dĩ nhiên tôi không thể hài lòng về điều đó được. Tôi quen biết tất cả những nhà soạn kịch tên tuổi, tôi có thể tìm cho cháu một vị trí nào đó sau này, nhưng tôi không thích để cháu lẫn lộn trong đám người ấy.

Tôi hơi ớn lạnh vì sự đoán của bà ta.

- Bà có bao giờ nghe nói gì về ông nhà không?

- Không. Tôi không nghe nói gì cả. Tôi đoán có lẽ anh ấy đã chết rồi.

- Có thể tôi sẽ tình cờ gặp ông ấy ở Pari. Bà có muốn tôi cho biết tin về ông ấy không?

Bà do dự một phút.

- Nếu anh ấy thật sự cần, tôi sẵn sàng giúp đỡ anh ấy một ít. Tôi sẽ gửi anh một số tiền, và anh có thể đưa anh ấy từ từ, lúc anh ấy cần.

- Bà thật tốt bụng, - tôi nói.

Nhưng tôi biết không phải vì lòng tốt mà bà ta gợi ra sự giúp đỡ đó. Thật không đúng chút nào nếu cho rằng sự đau khổ làm cho tính tình trở nên cao thượng; hạnh phúc đôi lúc có thể làm được điều đó, nhưng sự đau khổ thường làm cho con người hóa đê tiện và hay báo thù.

Đến Pari chưa được hai tuần, tôi đã gặp Strickland. Tôi nhanh chóng kiếm được một căn phòng nhỏ trên tầng năm của một ngôi nhà ở đường Des Dames và với hai trăm phrăng tôi mua được tại một cửa tiệm bán đồ cũ đủ đồ đạc để cho căn phòng có thể ở được. Tôi thu xếp với người gác cổng để ông lo cà phê sáng và quét dọn chỗ ở cho tôi. Rồi tôi đến thăm anh bạn ">

Dirk Stroeve là một trong những người mà bạn không thể nào không cười chế giễu hoặc nhún vai khó chịu khi nghĩ đến. Tạo hóa đã tạo anh ta là một anh hề. Anh ta là họa sĩ, nhưng là một họa sĩ rất tồi. Tôi đã gặp anh ở Rôma, và tôi vẫn còn nhớ những bức vẽ của anh ta. Anh ta thực tình thích những gì tầm thường. Anh có tâm hồn tha thiết yêu nghệ thuật, anh vẽ những người mẫu thường la cà chỗ bậc thang Bernini ở quảng trường Spagna, không sợ sệt gì vẻ đẹp hiển nhiên của họ. Xưởng vẽ của anh đầy những bức vẽ chân dung những nông dân mắt to có ria mép, đội mũ lưỡi trai, những đứa trẻ cầu bơ cầu bất áo quần rách rưới và những người đàn bà mặc váy lót màu sáng chói. Những nhân vật ấy khi thì nằm uể oải ở những bậc thềm của một nhà thờ nào đó, khi thì đùa giỡn giữa những cây bách sừng sững dưới bầu trời không mây, khi thì yêu đương cạnh giòng suối Phục hưng, khi thì lang thang khắp cánh đồng bên cạnh một chiếc xe bò. Những nhân vật ấy được vẽ cẩn thận và tô màu kỹ lưỡng. Một bức hình chụp cũng không thể nào giống hơn được. Một họa sĩ ở Villa Medici đã gọi anh ta là *Le Maitre de la Boite à Chocolats* ^[25]. Nhìn những bức vẽ của anh ta, bạn sẽ nghĩ rằng Monet ^[26], Manet ^[27] và tất cả những họa sĩ phái ấn tượng không bao giờ có mặt.

- Tôi không có tham vọng trở thành một họa sĩ lớn, - anh ta nói. - Tôi không phải là một Michael Angelo ^[28], không, nhưng tôi được một cái khác. Tôi bán được. Tôi mang sự lãng mạn vào trong gia đình của đủ hạng người. Anh biết không, người ta mua tranh của tôi không những ở Hà Lan, mà còn ở Na Uy, ở Thụy Điển và ở Đan Mạch. Phần lớn là những nhà buôn mua chúng, cả những thương gia giàu có nữa. Anh không thể tưởng tượng nổi mùa đông ở những xứ đó ra làm sao, nó dài lê thê, xám xịt và lạnh ngắt. Họ ưa nghĩ rằng nước Ý giống như những bức vẽ của tôi. Đó chính là điều họ mong đợi. Đó cũng là hình nh của nước Ý tôi vẽ ra trong đầu trước khi đến đây.

Và tôi nghĩ rằng điều mơ mộng đó vẫn luôn ở mãi với anh ta, làm lóa mắt anh ta đến nỗi không thể nào nhìn thấy sự thật, và mặc dầu thực tế phũ phàng, anh ta tiếp tục nhìn bằng cặp mắt tâm hồn một nước Ý của kẻ cướp mơ mộng và những phết tích đẹp như tranh. Đó chính là cái lý tưởng mà anh ta đã vẽ - một lý tưởng nghèo nàn, tầm thường, cũ rích nhưng nó vẫn là một lý tưởng và nó đã đem lại cho tên tuổi của anh một sự hấp dẫn nhất định.

Chính vì tôi cảm thấy điều này nên đối với tôi Dirk Stroeve không chỉ là một đối tượng để chế giễu như những người khác thường nghĩ. Các họa sĩ đồng nghiệp của anh không che giấu sự khinh bỉ của họ đối với tác phẩm của anh vẽ. Nhưng anh đã kiếm được khối tiền nên họ không ngần ngại gì mà không tận dụng ví tiền của anh ta. Anh ta rất rộng rãi, và những người túng thiếu vừa cười nhạo anh vì anh quá ngây thơ tin vào những điều tả oán của họ, vừa mặt dày mày dạn mượn tiền của anh ta. Anh ta rất dễ xúc động nhưng vì tình cảm của anh bột phát quá dễ dàng nên có cái vẻ gì đó ngớ ngẩn, đến nỗi người ta nhận sự tốt bụng của anh ta mà không cảm thấy một sự biết ơn nào. Lấy tiền của anh ta thì cũng như lấy trộm của một đứa bé, và người ta khinh thường anh ta bởi vì anh ta quá ngớ ngẩn. Tôi nghĩ rằng một tên móc túi tự hào về chuyện lanh tay của mình, nhưng chắc cảm thấy xúc phạm vì một người đàn bà bất cẩn bỏ quên trên xe taxi một chiếc ví đựng tất cả đồ nữ trang của bà. Tạo hóa đã tạo anh thành một người làm trò cười, nhưng lại không ban cho anh cái tính vô tâm. Anh bức tức vì những trò đùa có ác ý hay đùa một cách nào khác, cứ tiếp tục xảy ra cho anh không bao giờ ngừng, và hình như có cả chủ tâm bóc trần anh ra cho họ xem nữa. Anh ta bị xúc phạm liên miên, nhưng bản chất tốt bụng của anh khiến anh không thể có ác tâm được: con rắn lục có thể cắn anh nhưng anh không bao giờ rút kinh nghiệm, nên vừa mới bình phục sau cơn đau anh đã dịu dàng đặt nó vào lòng anh một lần nữa. Cuộc đời anh là một bi kịch được viết bằng ngôn ngữ của trò hề vui nhộn. Vì tôi không cười nhạo anh nên anh biết ơn tôi, anh quen rót vào đôi tai cảm thông của tôi cái danh sách dài những phiền muộn rắc rối của anh. Điều đáng phiền muộn nhất trong những phiền muộn ấy là cái vẻ kỳ cục của chúng, chúng càng lâm ly thống thiết thì càng làm bạn tức cười.

Dù là một họa sĩ rất tồi, anh lại có một cảm quan rất tinh tế về nghệ thuật: đi với anh đến phòng trưng bày tranh là một điều thú vị hiếm có. Sự nhiệt tình của anh rất chân thành và sự phê bình của anh thì sắc sảo. Anh có kiến thức rộng. Không những anh thật sự biết thưởng thức những bậc thầy cổ điển, mà còn thông hiểu các danh họa hiện đại nữa. Anh nhạy bén khám phá được các tài năng và ca ngợi một cách rộng lượng. Tôi nghĩ tôi chưa bao giờ quen biết một người nào có sự phán đoán đáng

tin cậy đến thế. Anh có học thức hơn rất nhiều họa sĩ. Anh không mù mịt về những bộ môn nghệ thuật có liên hệ khác như phần lớn bọn họ, nên sự ưa thích âm nhạc và văn học của anh đã tạo chiều sâu và sự đa dạng cho cảm thụ hội họa của anh một người trẻ tuổi như tôi thì lời chỉ bảo và hướng dẫn của anh có giá trị không gì sánh được.

Khi xa Rôma, tôi có liên lạc thư từ với anh và khoảng hai tháng một lần, tôi nhận được những bức thư dài anh viết bằng thứ tiếng Anh lạ lùng, mà qua đó tôi hình dung được trước mắt một cách sinh động kiểu nói lấp bắp nhiệt tình, khoa tay múa chân của anh. Trước khi tôi đến Pari một thời gian, anh đã cưới một phụ nữ Anh và bây giờ thì anh đang ở trong một xưởng vẽ tại Monmartre. Bốn năm nay tôi chưa gặp anh và cũng chưa bao giờ gặp vợ anh.

Tôi không báo trước cho Stroeve biết tôi đến thăm anh, nên khi tôi bấm chuông xường vẽ chính anh ra mở cửa, mà không nhận ra tôi ngay. Rồi anh bật kêu lên vui sướng đầy kinh ngạc và lôi tôi vào. Thật là thú vị được tiếp đón niềm nở như thế. Vợ anh đang ngồi khâu vá cạnh bếp lò; chị đứng lên khi tôi vào. Anh giới thiệu tôi.

- Em còn nhớ chứ? - Anh nói với chị. - Anh đã thường nói với em về anh ấy. - Rồi anh nói với tôi: - Tại sao anh không cho tôi biết trước là anh đến? Anh đã ở đây bao lâu rồi? Anh sẽ còn ở bao lâu nữa? Sao anh không chịu đến sớm hơn một giờ để chúng ta cùng dùng bữa cơm tối?

Anh hỏi tôi dồn dập như giội bom. Anh đặt tôi ngồi xuống một chiếc ghế, vỗ nhẹ tôi như thể tôi là một cái gối, ấn vào miệng tôi nào xì gà, nào bánh, nào rượu vang. Anh không thể để tôi yên một mình. Anh đau khổ vì không còn chai uytxki nào, anh muốn pha cà phê cho tôi, nặn óc nghĩ xem có thể làm một việc gì cho tôi, và trong niềm hân hoan đó anh ướm đắm mồ hôi.

- Anh không thay đổi gì, - tôi nói, mỉm cười nhìn anh.

Anh vẫn giữ cái vẻ ngớ ngẩn như dạo nào. Stroeve là một người đàn ông nhỏ thó nhưng mập mạp, chân ngắn, còn trẻ - chắc chưa quá ba mươi - nhưng hói sớm. Gương mặt anh tròn trịa, có một vẻ rất tươi tắn, nước da vàng, đôi má đỏ và đôi môi cũng đỏ. Mắt anh xanh và tròn xoe, anh mang đôi kính lớn gọng vàng, cặp lông mày nhạt đến nỗi người ta không thể thấy chúng được. Anh làm người ta nhớ đến những uôn vui vẻ và mập mạp mà Rubens ^[29] thường vẽ.

Khi tôi bảo anh rằng tôi định ở Pari một thời gian và đã thuê được một căn phòng, anh trách móc tôi thậm tệ vì không cho anh biết. Anh sẽ có thể kiếm cho tôi một căn phòng, cho tôi mượn đồ đạc - tôi nào có ý muốn nói là tôi đã tiêu phí khi mua nó đâu? - và giúp tôi dọn đến chỗ mới. Anh tỏ vẻ thật sự giận dữ với tôi vì tôi đã không dành cho anh cơ hội giúp ích tôi. Trong khi đó, chị Stroeve

ngồi yên lặng vá đôi vợ, không nói gì, nhưng lắng nghe tất cả những gì anh ta nói với một nụ cười kín đáo trên môi.

- Đấy, anh thấy đấy, tôi đã có vợ. - Thành linh anh nói. - Anh nghĩ gì về vợ tôi?

Anh hớn hờ nhìn vợ, và đặt đôi kính trở lại trên sống mũi. Mồ hôi đã làm nó tụt xuống liên tục.

- Anh muốn tôi nói đến chuyện ấy để làm gì? - Tôi cười nói.

- Dirk, anh thật... - chị Stroeve mỉm cười nói.

- Nhưng cô ấy không tuyệt sao? Tôi nói cho anh biết, anh bạn ạ, đừng phí thì giờ nhé, hãy có vợ càng sớm càng tốt. Tôi là người hạnh phúc nhất còn đang sống. Hãy nhìn cô ấy ngồi kia kìa. Cô ấy không tạo thành một bức tranh sao? Chardin ^[30] phải không? Tôi đã từng thấy tất cả những người đàn bà đẹp nhất trên thế giới, nhưng tôi chưa bao giờ gặp một người nào đẹp hơn bà Dirk Stroeve.

- Nếu anh không im đi, Dirk ạ, em sẽ đi đấy.

- *Mon petit choux* ^[31]. - anh ta nói.

Chị hơi đỏ mặt, ngượng ngùng vì giọng nói của anh có vẻ say đắm quá. Trong thư anh đã bảo với tôi rằng anh yêu vợ lắm, và tôi nhận thấy anh không rời mắt. Tôi không biết chị có yêu anh không. Anh hề đáng thương, anh không phải là một đối tượng khơi dậy tình yêu, nhưng nụ cười trong đôi mắt chị có vẻ âu yếm, và có thể tính dè dặt kín đáo của chị che giấu một tình cảm thật sâu đậm. Chị không phải là người có sắc đẹp mê hồn như trí tưởng tượng si tình của anh nhìn thấy nhưng chị có một vẻ duyên dáng trang nghiêm. Người chị hơi cao, và chiếc áo dài màu xám giản dị và cắt rất khéo không che giấu thân hình đẹp của chị. Đó là một thân hình chắc phải lôi cuốn nhà điêu khắc hơn người may quần áo sần khấu. Mái tóc của chị màu nâu, dày, chải giản dị, gương mặt chị không được tươi lăm và nét mặt tuy đẹp nhưng không có gì đặc biệt lắm. Chị có đôi mắt trầm lặng màu xám. Chị không được đẹp và cũng không xinh. Nhưng khi Stroeve nói đến Chardin không phải là không có lý:

chị làm tôi nhớ một cách kỳ lạ đến bà nội trợ dễ thương đội mũ trùm kín đầu và mang tạp dề mà nhà danh họa đã làm cho bất tử. Tôi có thể tưởng tượng ra chị ta trầm lặng bận bịu với những nỗi niềm soong chảo, thực hiện nghiêm chỉnh chức năng nội trợ của mình để cho nó có được một ý nghĩa tinh thần. Tôi không nghĩ rằng chị ta thông minh hoặc có thể vui tính, nhưng vẫn có một điều gì đó trong sự chăm chú nghiêm trang của chị làm tôi chú ý. Sự dè dặt kín đáo của chị không phải là không chứa đựng cái gì đó bí ẩn. Tôi tự hỏi tại sao chị ta lại lấy Dirk Stroeve. Mặc dù chị là người Anh, tôi không thể đặt chị ta vào địa vị nào cho chính xác được, và thật không rõ chị xuất thân từ tầng lớp nào trong xã hội, được giáo dục như thế nào hoặc chị đã sống như thế nào trước khi lập gia đình. Chị ta rất ít nói, nhưng khi nói thì giọng vui tươi và cử chỉ của chị thật tự nhiên.

Tôi hỏi Stroeve xem có phải anh đang làm việc không.

- Làm việc à? Hiện giờ tôi vẽ khá hơn trước đây.

Chúng tôi ngồi trong xưởng vẽ, anh vẫy tay chỉ một bức vẽ chưa xong còn ở trên giá. Tôi hơi giật mình. Anh vẽ một đám nông dân Ý trong quần áo nông thôn đang ngồi uể oải trên bậc thềm của một nhà thờ kiểu Rôma.

- Hiện nay anh đang vẽ thứ đó à?

- Phải, tôi có thể tìm được những người mẫu ở đây cũng như tại Rôma vậy.

- Anh không nghĩ là nó rất đẹp sao? - Chị Stroeve nói.">

- Cô vợ ngu ngốc của tôi nghĩ rằng tôi là nghệ sĩ tài ba.

Nụ cười chứa thẹn của anh không che giấu được niềm vui sướng. Cặp mắt anh còn nấn ná nhìn bức vẽ của mình. Thật là lạ trong khi phê bình rất xác đáng và độc đáo tác phẩm của người khác thì anh lại thỏa mãn với những thứ nhàm chán và tầm thường quá mức như vậy.

- Anh hãy cho anh ấy xem thêm một vài bức tranh nữa đi, - chị ta nói.

- Được chứ?

Mặc dù đã chịu đựng đau khổ quá nhiều vì sự chế giễu của đồng nghiệp, Dirk Stroeve vẫn háo hức đợi những lời tán thưởng và tự thỏa mãn một cách ngây ngô, anh không bao giờ có thể cưỡng lại việc phô trương tác phẩm của mình. Anh mang ra một bức vẽ hai chú nhóc người Ý tóc quăn đang chơi bi.

- Chúng không dễ thương à? - Chị Stroeve nói.

Sau đó anh còn cho tôi xem nhiều bức vẽ nữa. Tôi thấy rằng ở Pari, anh vẫn vẽ những đề tài lòe loẹt và cũ rích mà anh đã vẽ trong nhiều năm trời ở Rôma. Tất cả đều giả tạo, không chân thực, không giá trị gì, nhưng không ai lại lương thiện, thành thật và thẳng thắn hơn Dirk Stroeve. Ai có thể giải quyết được mâu thuẫn này?

Tôi không biết cái gì đã xui khiến tôi hỏi:

- Tôi muốn hỏi là anh có tình cờ gặp một họa sĩ nào có tên là Charles Strickland không?

- Anh có quen ông ta chứ? - Stroeve kêu lên.

- Đồ súc vật, - vợ anh nói.

Stroeve cười.

- *Ma pauvre chérie* ^[32]. - Anh đi đến chỗ chị và hôn đôi bàn tay của chị. - Cô ấy không ưa anh ta. Anh quen được Strickland cũng lạ thật.

- Tôi không ưa được thái độ bất nhã của hã, - chị Stroeve nói.

Dirk vẫn cười, quay lại tôi giải thích:

- Anh biết không, có một hôm tôi mời ông ấy đến xem tranh của tôi. Thế rồi ông ấy đến, và tôi cho ông ấy xem mọi thứ tôi có. - Stroeve ngật ngừng một lúc vì bối rối. Tôi không biết tại sao anh ta lại bắt đầu kể câu chuyện trái ý anh như vậy, anh cảm thấy khó xử khi kết thúc câu chuyện. - Ông ấy xem, xem những tranh của tôi, và không nói gì cả. Tôi nghĩ ông dành lời nhận xét vào lúc cuối. Và sau cùng, tôi nói: “Đấy, tất cả như thế đấy!” Ông ấy liền bảo: “Tôi đến để vay anh hai mươi phrăng.”

- Và quả thật Dirk cho ông ấy vay, - vợ anh cảm phần nói.

- Tôi rất sùng sốt. Tôi không thích từ chối. Ông ấy bỏ tiền vào túi, chỉ gật đầu nói “cảm ơn” rồi đi ra.

Dirk Stroeve vừa kể câu chuyện, vừa tỏ một vẻ kinh ngạc tột độ trên gương mặt tròn trịa, ngờ nghệch đến nỗi tôi không thể nhin cười được.

- Tôi đã không bận tâm gì nếu ông ta bảo những bức vẽ của tôi tồi, nhưng ông ta chả nói gì, không một lời.

- Anh lại muốn kể chuyện đó sao Dirk?

Đáng buồn là người ta đã cười vì dáng điệu buồn cười của anh chàng Hà Lan đó hơn là vì cách cư xử thô bạo của Strickland.

- Tôi hy vọng sẽ không bao giờ gặp lại ông ta nữa, - chị Stroeve nói.

Stroeve mỉm cười và nhún vai. Anh ta đã lấy lại được sự vui tính của mình.

- Sự thật vẫn là ông ta là một nghệ sĩ vĩ đại, một n rất vĩ đại.

- Strickland à? - tôi kêu lên. - Không thể nào lại là chính con người đó được.

- Một gã to lớn có bộ râu đỏ. Charles Strickland. Một người Anh.

- Khi tôi mới quen, ông không để râu, nhưng nếu ông ấy để râu thì nó phải màu đỏ. Tôi nghĩ ông ta mới bắt đầu vẽ cách đây năm năm thôi mà.

- Đúng thế. Ông ta là một nghệ sĩ vĩ đại.

- Không thể được.

- Có lúc nào tôi làm không nhỉ? - Dirk hỏi tôi. - Tôi cho anh biết ông ta có tài. Tôi chắc thế. Trong một trăm năm nữa, nếu anh và tôi còn được người ta nhớ đến, đó chẳng qua là vì chúng ta có quen biết Charles Strickland.

Tôi rất ngạc nhiên và đồng thời cũng bị kích động mạnh. Bỗng tôi nhớ lại lần nói chuyện cuối cùng của tôi với ông ta.

- Người ta có thể xem tác phẩm của ông ấy ở đâu nhỉ? - Tôi hỏi. - Ông ta có thành công không? Hiện giờ ông ta ở đâu?

- Không, ông ấy không thành công chút nào. Tôi không nghĩ rằng ông ta đã bán được bức tranh nào. Khi anh nói chuyện với người khác về ông ấy, họ chỉ cười thôi. Nhưng tôi biết chắc ông ta là một nghệ sĩ vĩ đại. Xét cho cùng, người ta đã cười chế nhạo Manet kia mà. Và Corot ^[33] có bao giờ bán được bức tranh nào đâu. Tôi không biết ông ta ở đâu, nhưng tôi có thể đưa anh đi gặp. Ông ta thường đến một quán cà phê ở đại lộ Clichy vào lúc bảy giờ sáng. Nếu anh muốn ngày mai chúng ta sẽ đến đó.

- Tôi không chắc là ông ta có muốn gặp tôi không. Tôi nghĩ tôi có thể làm ông ta nhớ lại một thời mà ông ta muốn quên đi. Nhưng đầu sao tôi cũng cứ đến đấy. Có dịp nào để xem một trong những bức tranh của ông ta không">

- Không xem được gì của ông ấy đâu. Ông ấy sẽ không cho anh xem một thứ gì. Một nhà buôn nhỏ tôi quen có được hai ba bức. Nhưng anh phải đi với tôi mới được, anh sẽ không hiểu đâu. Phải tự tôi giới thiệu những tranh đó cho anh.

- Dirk, anh làm em sốt cả ruột, - chị Stroeve nói. - Sao anh có thể nói như thế về tranh của ông ta, trong khi ông ta xử sự như thế với anh? - Và chị quay sang tôi. - Anh biết không, khi có những người Hà Lan nào đến đây mua tranh của Dirk, anh ấy đều cố thuyết phục họ mua tranh của Strickland. Anh ấy cứ nhất định đòi mang những bức vẽ ấy đến đây để trưng bày.

- Chị nghĩ gì về những bức vẽ đó? - Tôi mỉm cười hỏi chị ta.

- Tranh gì mà khủng khiếp!

- À, em yêu, em không hiểu được đâu.

- Này, những người khách Hà Lan của anh đều tức anh. Họ nghĩ rằng anh chơi xỏ họ.

Dirk Stroeve tháo kính ra lau. Gương mặt thẹn đỏ của anh sáng ngời vẻ kích động.

- Sao em có thể nghĩ rằng cái đẹp, thứ quý giá nhất trên trần đời này, lại nằm giống như một cục đá trên bờ biển để người qua lại vô tình nhặt lên một cách hờ hững? Cái đẹp là một cái gì kỳ diệu và lạ lùng mà người nghệ sĩ tạo ra được từ mớ hỗn độn trần gian trong niềm day dứt của tâm hồn mình. Và khi ông ta sáng tạo ra nó, không phải để ai ai cũng hiểu nó đâu. Để nhận ra nó em phải lặp lại hành trình mạo hiểm của người nghệ sĩ. Đó là một giai điệu du dương mà anh ta hát cho em nghe, và để nghe lại nó trong chính tâm hồn của em, em cần có kiến thức, sự nhạy cảm và trí tưởng tượng.

- Thế sao em luôn luôn nghĩ những bức tranh của anh đều đẹp, Dirk? Em ngưỡng mộ chúng ngay lần đầu em nhìn thấy chúng.

Đôi môi của Stroeve hơi run run.

- Em yêu quý, em đi ngủ đi. Anh đi dạo một lúc với bạn của chúng ta, và rồi anh sẽ về.

Dirk Stroeve đồng ý đến đón tôi vào chiều hôm sau và đưa tôi đến quán cà phê nơi hầu như chắc chắn sẽ gặp được Strickland. Tôi thú vị thấy rằng đó chính là cái quán mà tôi và Strickland đã uống rượu apxanh khi tôi đến Pari để gặp ông lần trước. Sự việc ông không hề thay đổi cho thấy cái thói quen chậm chạp uể oải mà theo tôi dường như là tiêu biểu của ông.

- Ông ấy kìa, - Stroeve nói khi chúng tôi đến quán cà phê.

Dù đã vào tháng mười, buổi chiều vẫn ấm, và những chiếc bàn kê trên vỉa hè đầy người. Tôi đảo mắt nhìn quanh nhưng không thấy Strickland đâu cả.

- Kìa! Ở đằng kia kìa, trong góc đó. Ông ấy đang chơi cờ.

Tôi chú ý đến một người đàn ông đang cúi xuống bàn cờ, nhưng chỉ thấy được mỗi cái mũ ni rộng vành và bộ râu màu đỏ. Chúng tôi lách người đi giữa những chiếc bàn đến tận chỗ ông ta.

- Strickland!

Ông ta ngước lên.

- Chào anh mập. Anh cần gì thế?

- Tôi đưa một người bạn cũ đến gặp anh.

Strickland liếc mắt nhìn tôi và rõ ràng không nhận ra tôi. Ông lại chăm chú nhìn vào bàn cờ.

- Các anh ngồi xuống và đừng làm ồn, - ông ta nói.

Ông ta đi một quân cờ và ngay lập tức lại tập trung vào ván cờ. Đau khổ nhìn tôi ái ngại, nhưng tôi không quá dễ mất bình tĩnh như vậy. Tôi gọi một thứ gì đó để uống và yên lặng ngồi đợi đến khi Strickland chơi xong. Tôi tận dụng dịp may để xem xét ông ta thỏa thích. Chắc chắn tôi không thể nào nhận ra ông được. Trước tiên là bộ râu đỏ, nó bồm xồm và không được tỉa, che đi phần lớn khuôn mặt, còn tóc thì dài, nhưng điều thay đổi đáng ngạc nhiên nhất là ông gầy tọp xuống. Chiếc mũ to tướng của ông do đó nhô ra ngạo mạn hơn, xương gò má lộ rõ và đôi mắt càng to thêm. Ở hai bên thái dương có hai lỗ hõm sâu hoắm. Thân hình ông tiêu tụy trông như xác chết. Ông cũng mặc bộ đồ đã mặc khi tôi gặp ông năm năm về trước; nó rách mướp, dơ bẩn và mòn xơ cả chỉ, mắc thùng thình trên người ông như thể nó được may cho một người nào khác. Tôi chú ý đến đôi bàn tay của ông, dơ bẩn, móng dài, chỉ còn là xương và gân, to lớn và răn rỏi; tôi đã quên rằng trước đây chúng rất đẹp. Ông ta ngồi đó, chú ý tập trung hoàn toàn vào ván cờ, gây cho tôi một ấn tượng lạ lùng, ấn tượng của sức mạnh vĩ đại. Tôi không thể hiểu tại sao bằng cách nào đó sự gầy guộc làm cho ấn tượng ấy càng nổi bật hơn.

Lúc này, sau khi đi xong nước cờ, ông dựa ngửa và nhìn lơ đãng một cách kỳ dị vào đối thủ của mình. Đó là một gã người Pháp mập béo, để râu. Gã người Pháp xem xét thế cờ, rồi bật chửi thề vui vẻ, và bằng một điệu bộ nóng nảy, thu những quân cờ lại, ném vào trong chiếc hộp đựng cờ. Gã chửi rủa Strickland thoải mái, rồi gọi bồi bàn, trả tiền thức uống và bỏ đi. Stroeve xích chiếc ghế lại gần bàn.

- Bây giờ tôi cho rằng chúng ta có thể nói chuyện được rồi, - anh ta nói.

Cặp mắt của Strickland dán chặt vào anh, và có một vẻ ranh mãnh. Tôi tin chắc ông ta đang tìm một lời chế giễu nào đó, nhưng không nghĩ ra được, nên đành im lặng.

- Tôi đưa một người bạn cũ đến gặp anh, - Stroeve lặp lại, cười vui vẻ.

Strickland nhìn tôi, suy nghĩ khoảng một phút. Tôi không nói gì.

- Cả đời tôi chưa hề gặp anh ta bao giờ, - ông ta nói.

Tôi không biết tại sao ông ta nói điều này, bởi vì tôi cảm thấy chắc chắn tôi đã bắt gặp được một ánh mắt nhận ra tôi trong mắt ông. Tôi không để gì lúng túng như những năm">

- Tôi đã gặp vợ ông ngày hôm kia, - tôi nói. - Tôi chắc ông muốn biết tin mới nhất về chị ấy.

Ông ta cười nhẹ. Đôi mắt ông long lanh.

- Chúng ta đã có một buổi tối vui vẻ với nhau, - ông nói. - Cách đây bao lâu rồi nhỉ?

- Năm năm.

Ông ta gọi thêm một ly apxanh. Stroeve nhờ miệng lưỡi lưu loát, giải thích anh ấy và tôi gặp nhau bằng cách nào và trong hoàn cảnh tình cờ nào chúng tôi khám phá ra rằng cả hai đều quen biết với Strickland. Tôi không biết Strickland có nghe không. Ông ta trầm ngâm liếc nhìn tôi một đôi lần nhưng hình như đang bận tâm với những suy nghĩ riêng tư của mình. Không có những lời làm nhảm của Stroeve thì câu chuyện chắc chắn gặp khó khăn. Sau nửa giờ, anh chàng Hà Lan nhìn đồng hồ, bảo cần phải đi. Anh hỏi tôi có cùng đi luôn không. Tôi nghĩ, ở lại một mình, có thể tôi sẽ moi được nơi Strickland một điều gì đó, cho nên tôi bảo tôi ngồi lại.

Khi anh chàng béo núc ấy đi rồi, tôi nói:

- Dirk Stroeve nghĩ rằng ông là một nghệ sĩ vĩ đại.

- Anh cho rằng tôi quan tâm đến đồ chết tiệt đó à?

- Ông cho tôi xem tranh của ông nhé?

- Tại sao lại thế nhỉ?

- Tôi định mua một bức.

- Tôi không định bán bức nào.

- Ông sinh sống khá chứ? - Tôi mỉm cười hỏi.

Ông cười khúc khích.

- Tôi có vẻ thế à?

- Trông ông gần như chết đói.

- Tôi gần như chết đói thật.

- Nào, chúng ta dùng một chút gì cho bữa tối chứ?

- Sao anh mời tôi thế?

- Không phải vì lòng bác ái đâu, - tôi lãnh đạm đáp. - Thật ra tôi chẳng quan tâm chút nào về chuyện ông có chết đói hay không.

Đôi mắt của ông ta lại sáng lên.

- Vậy thì đi nào. - Ông ta vừa nói vừa đứng dậy. - Tôi muốn có một bữa ăn thơm tất.

Tôi để ông ta đưa tôi đến quán ăn do ông chọn, và trên đường đi tôi mua một tờ báo. Khi ông đã gọi món ăn rồi, tôi tựa tờ báo vào chai rượu St. Galmier và bắt đầu đọc. Chúng tôi ăn yên lặng. Tôi có cảm giác thỉnh thoảng ông ta nhìn tôi nhưng tôi chẳng quan tâm gì. Tôi muốn bắt ông phải nói chuyện.

- Báo có gì không? - Ông cất tiếng khi chúng tôi gần chấm dứt bữa ăn im lặng. Tôi nghĩ rằng trong giọng nói của ông có một vẻ gì hơi bức tức.

- Tôi vẫn thích đọc *feuilleton*^[34] về kịch nghệ, - tôi nói. Tôi gấp tờ báo lại đặt xuống bên cạnh.

- Tôi ăn rất ngon miệng, - ông nhận xét.">

- Tôi nghĩ chúng ta nên dùng cà phê ở đây chứ?

- Vâng.

Chúng tôi châm xì gà. Tôi hút trong yên lặng. Tôi chú ý thấy thỉnh thoảng mắt ông nhìn tôi khẽ cười khoái chí. Tôi kiên nhẫn đợi.

- Từ lần trước ta gặp nhau đến nay, anh sống ra sao rồi? - Sau một lúc lâu ông ta hỏi.

Tôi không có gì nhiều lắm để nói. Đó là một bản ghi chép những công việc khó nhọc và mạo hiểm nho nhỏ, những thử nghiệm về hương này và hương khác, những tích lũy từ từ về kiến thức sách vở và con người. Tôi cẩn thận không hỏi Strickland điều gì về công việc riêng tư của ông. Tôi tỏ

ra không quan tâm chút nào về ông ta, và sau cùng tôi đã được thưởng. Ông ta bắt đầu nói về chính mình. Nhưng với khả năng diễn đạt quá tồi, ông chỉ đưa ra được những dấu hiệu về những gì ông đã trải qua, và tôi phải lấp đầy chỗ trống bằng trí tưởng tượng của mình. Việc ấy lại càng trêu người, thúc giục tôi tìm hiểu hơn nữa một cá tính mà tôi rất chú ý. Nó cũng giống như lần mò đọc một bản thảo bị cắt xén. Tôi có ấn tượng về một cuộc sống trong đó người ta phải chiến đấu gay go với mọi thứ khó khăn. Nhưng tôi nhận thấy nhiều điều có vẻ khủng khiếp đối với hầu hết mọi người lại không mấy may ảnh hưởng đến ông ta. Strickland đặc biệt khác với phần lớn người Anh ở thái độ dửng dưng hoàn toàn với những tiện nghi. Ông không cảm thấy khó chịu khi phải sống mãi trong một căn phòng tồi tàn, ông không cần có quanh mình những món đồ xinh đẹp. Tôi không nghĩ ông ta đã chú ý thấy giấy dán tường cáu bẩn đến thế nào trong căn phòng mà lần đến thăm trước tôi đã gặp ông. Ông không cần những chiếc ghế bành để ngồi, ông cảm thấy thật sự thoải mái hơn khi ngồi trên một chiếc ghế nhà bếp. Ông ăn ngon lành, nhưng chẳng chú ý gì đến những thức ông đang ăn. Đối với ông đó chỉ là thức ăn mà ông phải nhai ngấu nghiến để làm dịu đi sự dẫn vật của cơn đói và khi không có thức ăn thì hình như ông vẫn có thể nhìn được. Tôi biết được rằng trong sáu tháng trời ông đã sống bằng một ổ bánh mì và một chai sữa mỗi ngày. Ông là một người đàn ông nhiều dục tính, nhưng hiện tại ông dửng dưng với những thú vui xác thịt. Ông nhìn sự thiếu thốn như chẳng có gì là cực khổ. Có một cái gì đó đáng cảm kích trong phong cách sống hoàn toàn bằng tinh thần của ông ta.

Khi số tiền nhỏ nhoi ông mang theo lúc rời Luân Đôn đã hết, ông không hề mất tinh thần. Ông không bán một bức tranh nào; tôi nghĩ là ông không hề có ý định bán bức nào. Ông bắt đầu tìm ra cách nào đó để kiếm được một ít tiền. Ông có kế cho tôi nghe một cách khôi hài chua chát về thời gian ông đóng vai hướng dẫn cho những người ở khu Đông Luân Đôn muốn xem cuộc sống về đêm ở Pari. Đó là một công việc đã khơi dậy tính mỉa mai khinh miệt của ông, và bằng cách này hay cách khác, ông đã quen biết

rộng rãi những khu phố bất hảo nhất trong thành phố. Ông kể cho tôi nghe về những giờ dài dằng dẳng mà ông phải đi bộ qua đại lộ La Madeleine để canh chừng cho những người Anh chệnh choáng hơi men ao ước muốn xem những thứ mà luật pháp cấm. Khi gặp may ông có thể kiếm được một số tiền kha khá, nhưng sau cùng áo quần tồi tàn của ông làm cho những khách tham quan hoảng sợ và ông không còn kiếm được một người nào liều lĩnh đến độ dám tin cậy ông nữa. Rồi tình cờ ông tìm được việc dịch những bài quảng cáo cho những thứ thuốc có bằng bào chế được phát thanh trong chương trình quảng cáo ngành dược ở Anh. Trong thời gian một cuộc bãi công nọ, ông lại được thuê làm thợ sơn nhà.

Trong khi đó, ông vẫn không hề ngừng công việc nghệ thuật của ông, nhưng chẳng bao lâu ông lại chán những xưởng vẽ - việc này hoàn toàn do ông. Ông chưa bao giờ nghèo đến nỗi không mua nổi vải vẽ và sơn, và thật ra ông không cần gì khác nữa. Tôi có thể hiểu được phần nào việc ông vẽ trong một tình trạng rất khó khăn, và và không sẵn lòng nhận sự giúp đỡ của ai cả nên ông mất nhiều thì giờ để tìm ra cách giải quyết những vấn đề kỹ thuật mà những thế hệ trước đã lần lượt vạch ra rồi. Ông đang nhắm vào một cái gì đó, tôi không biết là cái gì, và có lẽ chính ông cũng không biết nữa, cho nên tôi lại có ấn tượng mạnh mẽ hơn về một con người bị ám. Hình như ông không được hoàn toàn tỉnh trí. Theo tôi, sở dĩ ông không muốn cho xem tranh ông vẽ là vì thực sự ông không thích chúng. Ông sống trong mơ và thực tế không có nghĩa lý gì đối với ông. Tôi có cảm giác rằng ông làm việc trên khung vải với tất cả sức lực của cá tính mãnh liệt của mình, quên hết mọi chuyện khác để cố gắng đạt cho được cái mà ông nhìn thấy bằng con mắt của tâm hồn. Và rồi, khi đã làm xong, có lẽ không phải là bức tranh - bởi vì tôi có ý nghĩ rằng ít khi ông hoàn thành được điều gì - mà là sự đam mê đã đốt cháy ông thì ông không còn để ý gì đến nó nữa. Ông không bao giờ thỏa mãn với cái mà ông đã làm được: đối với ông, dường như không có kết quả nào so sánh được với cái ảo giác đã ám ảnh ông.

- Tại sao ông chưa bao giờ gửi tác phẩm đi trưng bày? - Tôi hỏi. - Tôi nghĩ rằng ông cũng muốn biết người ta nghĩ gì về nó chứ.

- Anh nghĩ vậy à?

Tôthể diễn tả nỗi sự khinh miệt ghê gớm ngụ trong mấy từ ấy.

- Ông không cần danh tiếng à? Đó là một cái gì mà hầu hết nghệ sĩ đều không dừng dừng được.

- Đồ trẻ con. Tại sao anh bận tâm đến ý kiến của đám đông, trong khi anh không mấy may bận tâm đến ý kiến của cá nhân?

- Không phải tất cả chúng ta đều có lý đâu, - tôi cười.

- Ai làm nên danh tiếng? Những nhà phê bình, những nhà văn, những người mua bán cổ phần chứng khoán, đàn bà.

- Ông không cảm thấy vui sao khi nghĩ những người ông không quen và không bao giờ gặp mặt lại nhận được những cảm xúc tinh tế và say mê từ tác phẩm do chính bàn tay ông làm ra? Ai cũng thích quyền lực. Tôi không tưởng tượng được một sự thực hiện quyền lực nào tuyệt diệu hơn việc đưa được tâm hồn con người đến trạng thái thương xót hay kinh hãi.

- Chỉ cường điệu hóa thôi.

- Tại sao ông lại bận tâm đến việc vẽ tốt hoặc vẽ tồi.

- Tôi chẳng bận tâm. Tôi chỉ muốn vẽ điều tôi thấy.

- Tôi tự hỏi liệu tôi có thể viết được trên một hòn đảo hoang vắng, với điều chắc chắn không có cặp mắt nào, ngoài cặp mắt của tôi, đọc được điều tôi đã viết hay không.

Strickland im lặng một lúc lâu, nhưng đôi mắt ông sáng lên kỳ lạ như thể nhìn thấy một điều gì đó kích thích tâm hồn ông đến ngất ngây.

- Một đôi lúc tôi có nghĩ đến hòn đảo mất hút giữa đại dương mênh mông, nơi tôi có thể sống trong một chốn thâm sơn cùng cốc nào đó, giữa những kỳ hoa dị thảo, trong cô tịch. Ở đó tôi nghĩ sẽ tìm được điều tôi muốn vẽ.

Ông không tự diễn tả hoàn toàn như thế được. Ông dùng điệu bộ thay ch những tình tứ và ông ngập ngừng ấp úng. Tôi đã diễn đạt lại bằng ngôn từ của mình điều tôi cho là ông muốn nói.

-Nhìn lại năm năm qua ông có nghĩ rằng sống như vậy là đáng sống không? - Tôi hỏi.

Ông ta nhìn tôi và tôi thấy ông không hiểu điều tôi muốn nói. Tôi giải thích:

-Ông đã bỏ một gia đình đầm ấm, một cuộc sống tương đối hạnh phúc. Hồi đó ông làm ăn khá phát đạt. Trông có vẻ như ông đã phí thì giờ vô ích ở Pari này. Vậy nếu được sống lại những năm tháng đó, ông có làm điều ông đã làm không?

-Nhất định thế.

- Ông có biết là ông chẳng hỏi han gì đến vợ con ông không? Ông không bao giờ nghĩ đến họ sao?

-Không.

-Mong ông đừng cộc lốc đáng ghét như vậy. Không bao giờ ông có được một giây lát hối tiếc về tất cả những nỗi bất hạnh ông đã gây ra cho họ sao?

Đôi môi ông bật ra một nụ cười và ông lắc đầu.

-Tôi nghĩ đôi khi chắc ông không thể nào không nghĩ đến quá khứ. Tôi không muốn nói đến cái quá khứ bảy tám năm nay, nhưng xa hơn kia, lúc ông gặp vợ ông lần đầu, rồi yêu và và cưới bà ấy. Ông không còn nhớ niềm vui khi ông ôm chị ấy trong vòng tay lần đầu sao?

-Tôi không nghĩ đến quá khứ. Điều duy nhất có nghĩa lý là hiện tại vĩnh cửu.

Tôi suy nghĩ một lúc về câu trả lời này. Nó tối nghĩa, có lẽ thế, nhưng tôi nghĩ rằng tôi đã lờ mờ hiểu được ý ông muốn nói gì.

-Ông có hạnh phúc không? - Tôi hỏi.

-Có.

Tôi im lặng. Tôi nhìn ông ta nghĩ ng. Ông chịu được cái nhìn chăm chăm của tôi, và rồi mắt ông lóe lên một thoáng khinh miệt.

-Tôi e rằng anh không tán thành tôi.

-Vô lý, - tôi trả lời ngay. - Tôi không phản đối con trần đầu; trái lại, tôi rất chú ý đến những diễn biến tinh thần của nó.

-Sự chú ý của anh thuần túy nghề nghiệp phải không?

-Thuần túy nghề nghiệp.

-Anh không nên phản đối tôi là đúng thôi. Tính tình của anh thật ti tiện.

-Có lẽ vì thế mà ông cảm thấy thoải mái với tôi, - tôi vặn lại.

Ông ta mỉm cười khó khăn nhưng không nói gì. Ước gì tôi biết cách diễn tả nụ cười của ông. Không biết tại sao nó lại lôi cuốn đến thế, nó làm cho gương mặt của ông sáng lên, thay đổi nét âm đạm thường thấy của ông, và tạo cho nó một vẻ tinh ranh không ác ý. Đó là một nụ cười chậm rãi, bắt đầu và đôi khi kết thúc trong đôi mắt; nó đầy nhục cảm, không độc ác cũng không hiền hậu, nhưng nói lên một nỗi vui sướng tàn bạo của người dâm dăng. Chính nụ cười ấy khiến tôi hỏi ông:

-Từ lúc đến Pari tới nay ông có yêu đương gì không?

-Tôi không có thời giờ cho những thứ nhảm đó. Cuộc đời ngắn quá không đủ cho tình yêu và nghệ thuật đầu.

-Cái dáng điệu của ông không có vẻ gì là một ẩn sĩ cả.

-Tôi ghê tởm tất cả những chuyện đó.

-Bản chất con người là một điều phiến toái, phải không?

-Sao anh cười khẩy tôi thế?

-Vì tôi không tin ông.

-Thế thì anh là một tên ngu ngốc đáng ghét.

Tôi ngừng lại và nhìn kỹ ông ta.

-Cố lừa bịp tôi có ích gì nhỉ? - Tôi nói.

-Tôi không hiểu anh muốn nói gì.

Tôi mỉm cười.

-Để tôi nói ông nghe nhé. Tôi tưởng tượng rằng trong nhiều tháng trời vấn đề đó không có trong đầu của ông, và ông có thể tự an ủi mình đã dứt khoát được chuyện đó rồi. Ông vui thú trong tự do, ông cảm thấy rằng cuối cùng ông có thể coi tâm hồn là một cái gì riêng tư của mình. Dường như đầu óc ông đang thờ thần giữa những vì sao. Và rồi, bất chợt, ông không thể ngẩng đầu lên được nữa, ông thấy lúc nào chân cũng đang bước đi trong bùn lầy. Nhưng ông muốn lăn vùi đại vào trong đó. Và ông tìm thấy một người đàn bà, thô kệch, lè tè và tầm thường, một người đáng tởm mà tất cả những khủng khiếp của dịch tể đều lộ, ông lao vào chị ta như một con dã thú. Ông uống cạn cho đến khi hóa mù quáng điên cuồng.

Ông nhìn tôi chăm chăm không nhúc nhích. Tôi nhìn lại thẳng vào mắt ông. Tôi nói rất chậm:

-Tôi sẽ nói cho ông biết điều xem ra rất là kỳ cục, điều mà khi kết thúc rồi ông sẽ cảm thấy cực kỳ thanh khiết. Ông cảm thấy mình sống như một tinh thần lìa khỏi xác, vô hình, và hình như ông có thể chạm được cái đẹp như thể nó là một vật sờ mó được. Ông cảm thấy một niềm cảm thông mật

thiết với làn gió nhẹ, với cây cỏ đang đâm chồi nảy lộc, với sự óng ánh của dòng sông. Ông cảm thấy mình giống Thượng đế. Ông có thể giải thích cho tôi điều đó không?

Mắt ông nhìn đăm đăm vào mắt tôi cho đến khi tôi nói xong, rồi ông quay đi. Trên gương mặt ông có một vẻ kỳ lạ, tôi nghĩ đó là vẻ mặt của một người chết vì bị tra tấn. Ông ta im lặng. Tôi biết rằng cuộc nói chuyện của chúng tôi đã chấm dứt.

Tôi ổn định ở Pari và bắt đầu viết một vở kịch. Cuộc sống của tôi rất đều đặn, buổi sáng làm việc, buổi chiều đi dạo trong công viên Luxembourg hoặc thơ thẩn trên đường phố. Tôi ở lâu trong viện bảo tàng Louvre, nơi thân thiết nhất trong số những phóng trưng bày và nơi thuận tiện nhất để trầm tư mặc tưởng, hoặc đi vãn vơ trên những bến tàu, lần giở những quyển sách cũ mà tôi không bao giờ có ý mua. Tôi đọc một đôi trang đây đó, làm quen với nhiều tác giả mà tôi bằng lòng chỉ biết sơ sài không hệ thống. Chiều tối tôi đi thăm bạn bè, Tôi thường ghé thăm vợ chồng Stroeve; thỉnh thoảng cùng họ dùng những món ăn đơn giản. Dirk Stroeve tự hào về tài nấu nướng những món ăn Ý, và tôi thú thật rằng món *spaghetti*^[35] của anh còn ngon những bức vẽ của anh nhiều. Đó là một bữa ăn tối dành cho những ông vua khi anh ra mang vào một đĩa lớn món ấy, đầy cà chua, và chúng tôi ăn với bánh mì ngon làm ở nhà và một chai rượu vang đỏ. Tôi ngày càng trở nên thân thiết với Blanche Stroeve hơn, và tôi nghĩ, tôi là người Anh mà chị ta ít quen biết người Anh, nên chị thích gặp tôi. Chị vui tính và giản dị, nhưng vẫn luôn luôn hơi ít nói, và, không biết tại sao, tôi có ấn tượng chị đang che giấu một điều gì đó. Nhưng có lẽ đó chẳng qua là một sự dè dặt kín đáo tự nhiên trở thành nổi bật do tính thật thà và ưa nói dài dòng của chồng chị. Dirk không bao giờ che giấu một thứ gì. Anh bàn cãi về những vấn đề riêng tư nhất không chút ngượng ngùng. Đôi khi anh làm cho chị vợ bực mình, và lần duy nhất tôi thấy chị ấy mất bình tĩnh là khi anh ta cố kể cho tôi nghe việc anh ta uống thuốc xổ; anh đã đi vào những chi tiết hơi quá hiện thực về chuyện đó. Sự thành thật hoàn toàn của anh khi kể lại những tai họa ấy làm tôi cười thắt ruột; chuyện này làm cho chị Stroeve bực thêm.

-Dường như anh thích xử sự như một thằng ngốc, - chị ta nói.

Cặp mắt tròn xoe của anh càng tròn hơn nữa, và anh cau mày sợ hãi khi thấy chị nổi giận.

-Em yêu, anh đã làm em giận à? Anh sẽ không bao giờ uống thuốc xổ nữa đâu. Chỉ vì anh mắc bệnh nhiều mật. Anh ngồi một chỗ nhiều quá. Anh không vận động đủ mức cần thiết. Đã ba ngày nay rồi anh không">

-Tốt hơn anh hãy nín đi, - chị ngắt ngang, nước mắt trào ra vì bức bối.

Mặt anh xù xuống, anh bĩu môi như một đứa trẻ bị mắng. Anh nhìn tôi cầu cứu để tôi biện hộ giùm anh, nhưng không tìm được nữa, tôi bật cười ngặt nghèo.

Một bữa kia chúng tôi đến cửa hiệu của một người buôn tranh mà Stroeve nghĩ là có thể cho tôi xem ít ra cũng hai ba bức tranh của Strickland, nhưng khi chúng tôi đến nơi thì được cho biết rằng chính Strickland đã mang chúng đi rồi. Người buôn tranh ấy không biết tại sao.

-Nhưng các ông đừng nghĩ rằng tôi tự ý làm ầu. Tôi đã nhận những bức tranh đó để làm vui lòng ông Stroeve, và tôi đã bảo tôi sẽ bán chúng nếu có thể được. Nhưng sự thật thì... - ông nhún vai. - Tôi rất chú ý đến những người trẻ, nhưng chúng ta thấy đó, chính ông, ông Stroeve ạ, ông cũng không nghĩ là có một tài năng nào trong đó.

-Tôi nói danh dự với anh, không có họa sĩ đương thời nào mà tài năng thuyết phục hơn ông ấy. Anh hãy nhớ lấy lời tôi nói về chuyện đó, anh đã mất một mẻ xộp rồi. Một ngày nào đó, những bức tranh ấy sẽ đáng giá hơn tất cả những thứ đang có trong cửa hiệu của anh. Nên nhớ Monet đã không kiếm được một người mua tranh của mình với giá một trăm phrăng. Bây giờ thì chúng trị giá bao nhiêu?

-Đúng thế. Nhưng thời đó cũng có hàng trăm họa sĩ khác tài như Monet không bán được tranh, mà ngày nay tranh của họ vẫn không có giá trị gì. Biết nói thế nào đây? Có tài mới tạo được thành công chứ? Ông đừng vội

tin. *Du reste*^[36], còn phải chứng minh rằng ông bạn này của ông có tài. Không ai khẳng định điều đó cho ông ta ngoài ông Stroeve.

-Vậy làm thế nào anh nhận ra được tài năng? - Dirk hỏi, mặt đỏ bừng vì tức giận.

-Chỉ có một cách, bằng sự thành công.

-Ồ vô học! - Dirk gào lên.

-Nhưng, ông hãy nghĩ đến những nghệ sĩ ngày xưa - Raphael^[37], Michael Angelo, Ingres^[38], Delacroix^[39] - tất cả họ đều thành công.

-Chúng ta đi thôi, - Stroeve nói với tôi, - bằng không tôi sẽ giết hẳn ta mất.

Tôi cũng thường gặp Strickland và thỉnh thoảng chơi cờ với ông. Tính tình của ông hay thay đổi. Có khi ông ngồi im lặng và lơ đãng, không chú ý đến ai, nhưng có lúc vui vẻ, ông nói chuyện bằng cái giọng ngắc nga ngắc ngữ của riêng ông. Ông không bao giờ nói được một điều gì hay ho, nhưng ông có tư chất thường nói những lời châm biếm tàn bạo rất có hiệu quả và luôn luôn ông nói thẳng điều ông nghĩ. Ông không hề để ý đến những điểm dễ bị chạm nọc của người khác, và khi làm ai tổn thương, ông khoái chí. Ông thường xuyên làm Dirk Stroeve khó chịu, đặng cay đến nỗi phải bỏ đi và thề rằng sẽ không bao giờ nói chuyện với ông ta nữa. Nhưng Strickland có một ma lực nào đó bắt anh chàng Hà Lan mập béo phải cưỡng lại ý muốn của mình, để rồi quay trở lại, mừng rỡ như một con chó vụng về, mặc dầu biết rằng lời chào đón anh có thể sẽ như một cú đấm mà anh lo sợ.

Tôi không biết tại sao Strickland chịu đựng được tôi. Sự giao thiệp của hai chúng tôi thật lạ lùng. Có một hôm ông ta hỏi vay tôi năm mươi phrăng.

-Tôi không hề mơ tưởng đến chuyện chuyện đó, - tôi đáp.

-Tại sao không?

-Nó chẳng làm tôi thích thú gì.

-Tôi đang túng khùng khiếp, anh biết ch">

-Tôi chẳng bận tâm.

-Anh chẳng bận tâm nếu tôi chết đói à?

-Vì có gì phải thế chứ? - Đến lượt tôi hỏi lại.

Ông ta nhìn tôi một hai phút, vừa vuốt bộ râu bù xù. Tôi mỉm cười chế nhạo ông.

-Anh vui thích chuyện gì thế? - Ông ta nói với một ánh mắt giận dữ.

-Ông ngây thơ quá. Có bao giờ ông nhìn nhận rằng buộc trách nhiệm với ai đâu. Vậy thì cũng không ai có ràng buộc trách nhiệm gì với ông cả.

-Anh không ân hận nếu tôi treo cổ tự tử vì không thể trả tiền thuê mà bị tống ra khỏi phòng à?

-Chẳng ân hận chút nào.

Ông ta cười khúc khích.

-Anh chỉ khoác lác. Nếu tôi làm thế thật anh sẽ rất hối tiếc.

-Cứ thử đi, rồi sẽ thấy, - tôi vắn lại.

Một nụ cười lung linh trong mắt ông, và ông yên lặng khuấy ly rượu apxanh.

-Ông muốn chơi cờ không? - Tôi hỏi.

-Không hề gì.

Chúng tôi sắp những quân cờ, và khi bàn cờ đã sẵn sàng, ông nhìn nó thoải mái. Đó là cái cảm giác mãn nguyện khi bạn nhìn quân lính của mình

hoàn toàn sẵn sàng để đánh nhau.

-Ông có thật sự nghĩ rằng tôi sẽ cho ông mượn tiền không? - Tôi hỏi.

-Tôi không hiểu vì lẽ không cho mượn.

-Ông làm tôi ngạc nhiên.

-Tại sao vậy?

-Thật chán khi thấy rằng trong thâm tâm ông là người đa cảm. Chắc tôi sẽ thích ông hơn nếu ông không khơi dậy lòng thương cảm của tôi một cách khéo léo như vậy.

-Tôi sẽ khinh miệt anh nếu anh đã xúc động vì chuyện đó. - Ông ta trả lời.

-Thế thì khá hơn đấy, - tôi cười.

Chúng tôi bắt đầu chơi cờ. Cả hai đều say mê trong ván cờ. Khi kết thúc tôi nói với ông:

-Nào, nếu ông đang túng, hãy cho tôi xem tranh của ông. Nếu có gì tôi thích tôi sẽ mua.

-Anh cú đi, - ông đáp.

Ông đứng dậy và sắp sửa bỏ đi. Tôi giữ ông lại.

-Ông chưa trả tiền rượu apxanh của ông đấy, - tôi mỉm cười nói.

Ông chửi rửa rồi, ném tiền xuống và bỏ đi.

Nhiều ngày sau đó tôi không gặp ông, nhưng một buổi tối kia, lúc tôi đang ngồi trong quán cà phê đọc báo thì ông ta lại đến và ngồi bên cạnh tôi.

-Cuối cùng ông vẫn không treo cổ, - tôi nhắc.

-Không. Người ta đặt tôi vẽ chân dung một người thợ hàn về hưu với giá hai trăm phrăng.

-Làm thế nào ông xoay được mối đó?

-Bà hàng bánh mì mà tôi thường đến mua giới thiệu cho tôi. Ông thợ hàn ấy bảo với bà là ông ta đang tìm một người nào đó để vẽ chân dung ông. Tôi phải cho bà ta hai mươi phrăng.

-Ông ta ra sao?

-Tuyệt vời. Ông ta có một gương mặt đỏ to như đùi cừu, trên má phải có một nốt ruồi to tương với những sợi lông dài.

Strickland đang vui vẻ, và khi Dirk Stroeve đến ngồi xuống với chúng tôi, ông tấn công anh ta bằng những lời nói đùa tàn bạo. Ông tỏ cho thấy một cái tài mà tôi không thể nào tin được ở ông khi ông tìm ra những điểm nhạy cảm nhất của anh chàng Hà Lan bất hạnh. Strickland dùng không phải thanh đoản kiếm của sự chế nhạo mà là cây dùi cui của những lời thóa mạ. Sự tấn công bất ngờ đến nỗi Stroeve, do vô ý, thành vô phương chống đỡ. Anh ta làm người ta nghĩ đến một chú cừu đang hoảng sợ chạy lung tung không biết đường thoát thân. Anh ta giật mình và kinh ngạc. Sau cùng nước mắt trào ra. Và điều tệ hại nhất là, dù có ghét Strickland và cảnh tượng đó

có khủng khiếp thật, người ta vẫn không thể nào nhin cười được. Dirk Stroeve là một trong những con người bất hạnh mà những cảm xúc chân thành của họ lại đâm ra buồn cười.

Dù sao, khi nhìn lại mùa đông năm đó ở Pari, hồi tưởng thú vị nhất là về Dirk Stroeve. Có một cái gì đó thật hấp dẫn trong gia đình bé nhỏ của anh. Anh và vợ anh tạo thành một bức tranh mà trí tưởng tượng sẽ khoan khoái dừng lại. Tình yêu hồn nhiên anh dành cho chị có một vẻ duyên dáng khoan thai. Trông anh buồn cười nhưng tình cảm thành thật của anh dễ gây được sự cảm thông của người khác. Tôi không biết vợ anh cảm thấy thế nào về anh, nhưng tôi vui sướng thấy tình cảm của chị thật dịu dàng. Nếu chị có óc khôi hài, chắc chị phải vui thích khi thấy anh đặt chị trên một cái bệ và tôn thờ chị như một thần tượng thật sự, nhưng dù có cười, chắc chị cũng phải hài lòng và cảm động. Anh là người tình chung thủy, đâu chị có già đi, mất đi những đường nét đầy đặn và vẻ duyên dáng, đối với anh chắc chị vẫn không thay đổi gì. Đối với anh, chị vẫn luôn luôn là người đàn bà đáng yêu nhất trên trần đời. Có một vẻ duyên dáng thú vị trong cuộc sống ngăn nắp của họ. Họ chỉ có một phòng vẽ, một phòng ngủ và một nhà bếp nhỏ. Chị Stroeve tự tay làm tất cả mọi việc trong nhà, và trong khi Dirk vẽ những bức tranh tồi tệ, thì chị đi chợ, nấu ăn, may vá, tự bắt mình làm việc như một con kiến bận rộn suốt cả ngày. Chiều tối ngồi trong phòng vẽ, chị lại may vá, trong khi Dirk chơi nhạc mà tôi chắc chị chẳng hiểu gì. Anh ta chơi say mê, nhiều cảm xúc như chưa từng cảm xúc bao giờ, và anh gửi gắm tất cả tâm hồn chân thật, đa cảm và bông bột của mình vào trong âm nhạc.

Cu sống của họ với vẻ riêng tư của nó là một khúc nhạc đồng quê, nó cố xoay xử để đạt một vẻ đẹp khác thường. Sự ngớ ngẩn bám vào bất cứ mọi thứ có liên quan đến Dirk Stroeve tạo thành một nốt nhạc lạ đời, giống như một nốt nhạc chưa chuyển sang thuận tai được, nhưng nó tạo cho bản nhạc một vẻ hiện đại hơn, có chất người hơn, và giống như một lời nói đùa lỗ

mãng trong một hoàn cảnh nghiêm trang, nó tăng thêm vẻ sắc sảo mà mọi vẻ đẹp đều có.

Trước lễ Giáng sinh không lâu Dirk Stroeve mời tôi đến mừng lễ với anh. Anh có một tâm tình đặc biệt đối với ngày đó, anh muốn cùng bạn bè mừng lễ đúng nghi thức. Đã hai ba tuần nay cả hai chúng tôi không ai gặp Strickland - tôi bận rộn với những bạn bè đến ở một thời gian ngắn ở Pari, còn Stroeve vì, sau khi cãi cọ với ông ta dữ dội hơn thường lệ, đã quyết định không quan hệ gì với ông ta nữa. Strickland thì quá quắt, ông thề sẽ không bao giờ nói chuyện với anh nữa. Nhưng mùa lễ tạo cho anh một cảm giác dịu dàng, anh khó chịu khi nghĩ Strickland phải lủi thủi một mình vào đêm Giáng sinh. Anh xúc động khi nghĩ đến ông ta, và anh không thể chịu được vào một dịp chia sẻ tình bằng hữu thân thiết như thế mà người họa sĩ cô đơn lại bị bỏ mặc với nỗi buồn riêng tư. Stroeve đã đặt một cây Giáng sinh trong phòng vẽ và tôi nghĩ thế nào rồi cả hai chúng tôi cũng sẽ nhận thấy những món quà nhỏ bé treo trên cành là ngớ ngẩn. Nhưng anh ta ngại gặp lại Strickland. Cũng khá nhục nhã quên đi dễ dàng những lời sỉ nhục quá tàn bạo. Anh muốn tôi có mặt trong cuộc giảng hòa mà anh đã định.

Chúng tôi cùng đi bộ đến đại lộ Clichy, nhưng Strickland không có ở quán cà phê. Ở ngoài quá lạnh nên chúng tôi vùi ngồi trên những ghế băng bọc da ở bên trong. Quán nóng, ngọt ngào và bầu không khí một mù khói thuốc. Strickland không đến, nhưng chúng tôi thấy anh họa sĩ người Pháp thỉnh thoảng có chơi cờ với ông ta. Tôi ra dấu muốn làm quen, và anh ta ngồi xuống bàn chúng tôi. Stroeve hỏi thử anh ta có gặp Strickland không.

-Ông ta bệnh, - anh ta nói. - Anh không biết à?

-Nặng không?

-Rất nặng. Tôi nghe như vậy.

Gương mặt của Stroeve trắng bệch đi.

-Tại sao ông ấy không viết thư báo cho tôi biết nhỉ? Tôi quá ngu đần đi cãi nhau với ông ấy! Chúng ta phải đi ngay đến chỗ ông ấy. Có thể không có ai chăm sóc ông ấy. Ông ấy ở đâu vậy?

- Tôi không biết, - anh người Pháp nói.

Chúng tôi mới vỡ lẽ ra rằng không ai trong chúng tôi biết nơi ông ở để mà tìm. Càng lúc Stroeve càng lo lắng hơn.

-Ông ta có thể chết, vậy mà chẳng có ai biết gì. Thật đáng sợ. Nghĩ tới là tôi không chịu được. Chúng ta phải tìm ông ấy ngay.

Tôi cố làm cho Stroeve hiểu rằng, thật ngớ ngẩn nếu chạy tìm ông ta một cách hú họa cùng khắp Pari. Trước tiên chúng tôi phải nghĩ đến một kế hoạch nào đó.

-Vâng, nhưng trong lúc này có thể ông ấy đang hấp hối, và khi chúng ta đến đó thì sẽ quá muộn, chẳng làm được chuyện gì.

-Hãy ngồi yên và chúng ta suy nghĩ xem, - tôi sốt ruột nói.

Địa chỉ duy nhất mà tôi biết là khách sạn Hootel des Belges, nhưng Strickland bỏ nơi đó đi đã lâu rồi, và chắc người ta không còn nhớ ông ta nữa. Ông đã có ý định giữ bí mật chỗ ở của mình thì không thể nào, khi bỏ đi, ông lại nói nơi ông sắp đến. Và lại, đã hơn năm năm rồi. Tôi cảm thấy khá chắc chắn ông ta không dọn đi xa nơi đó. Nếu ông ta vẫn tiếp tục lui tới cái quán cà phê mà ông thường đến khi ông còn ở khách sạn, thì có thể bởi vì đó là nơi thuận tiện nhất. Đột nhiên tôi nhớ rằng ông đã nhận vẽ một bức

chân dung qua trung gian người bán bánh mì mà ông thường mua, và điều này làm tôi nghĩ rằng tại đó người ta có thể tìm được địa chỉ của ông. Tôi tìm một quyển sách chỉ dẫn và kiếm những người bán bánh mì. Trong khu vực lân cận đó có năm người. Việc duy nhất còn lại là đi đến nhà tất cả những người đó. Stroeve miễn cưỡng đi với tôi. Kế hoạch của anh là chạy khắp những ố dẫn đến đại lộ Clichy và hỏi từng nhà một xem Strickland có ở đó không. Kế hoạch tầm thường của tôi, đầu vậy, lại có hiệu quả, bởi vì ở cửa hiệu thứ hai chúng tôi hỏi người đàn bà đứng sau quầy hàng, bà ta nhận có quen ông ta. Bà không biết chính xác ông ta sống ở nhà nào, nhưng chỉ một trong ba nhà đối diện thôi. Chúng tôi đã gặp may, chúng tôi hỏi thử ngôi nhà thứ nhất thì người gác cổng bảo rằng chúng tôi sẽ tìm thấy ông ta ở tầng trên cùng.

-Hình như ông ấy bị bệnh, - Stroeve nói.

-Có thể, - người gác cổng hồ hững trả lời. - Đúng vậy, tôi không thấy ông ấy từ nhiều bữa rồi.

Stroeve chạy lên cầu thang trước tôi, và khi đến tầng trên cùng, tôi thấy anh ta đang nói chuyện với một người làm công mặc sơ mi tay dài, chính là người mở cửa khi Stroeve gõ. Ông này chỉ sang một cánh cửa khác. Ông tin rằng người ở đó là một họa sĩ. Ông không gặp ông ta một tuần rồi. Stroeve làm như thể sắp gõ cửa, nhưng rồi anh quay lại tôi với một cử chỉ tuyệt vọng. Tôi thấy anh hoan mang sợ hãi.

-Giả dụ ông ta chết rồi thì sao?

-Không chết đâu, - tôi nói.

Tôi gõ cửa. Không có tiếng trả lời. Tôi thử vặn tay nắm, và thấy cửa không khóa. Tôi bước vào, Stroeve bước theo thôi. Căn phòng tối om. Tôi

nhận ra đó là gác áp mái, với một cái mái xuôi, ánh sáng yếu ớt từ một cái cửa sổ trên mái nhà rọi xuống một vùng bóng tối dày đặc không hơn không kém.

-Strickland, - tôi gọi.

Không có tiếng trả lời. Thật khá bí ẩn. Hình như Stroeve đứng kề sau lưng tôi đang run lập cập. Tôi do dự một lúc và định đánh một que diêm. Tôi lờ mờ nhận ra một cái giường ở trong góc và tự hỏi liệu ánh sáng có thể cho thấy một xác chết đang nằm trên đó không.

-Anh chẳng có lấy một que diêm sao, anh chàng ngốc?

Giọng của Strickland từ trong bóng tối phát ra, khàn khàn, làm tôi giật mình.

Stroeve kêu lên:

-Ôi, trời đất ơi, tôi tưởng anh chết rồi chứ.

Tôi đánh một que diêm và nhìn quanh tìm cây nến. Tôi thoáng thấy một căn phòng bé xíu, nửa phòng ở, nửa phòng vẽ, trong đó không có gì ngoài một cái giường. Những tấm vải vẽ mặt quay vào tường, một cái giá vẽ, một cái bàn và một cái ghế. Không có thảm trên sàn. Không có lò sưởi. Trên bàn đầy sơn, dao trộn màu, đồ lặt vặt đủ loại, có một mẫu nến dư. Tôi đốt lên. Strickland đang nằm yên trên giường, không được thoải mái vì giường quá nhỏ với ông. Ông ta trùm lên mình tất cả áo quần của mình cho ấm. Rõ ràng, mới nhìn thoáng qua người ta biết ngay ông đang sốt nặng. Stroeve đến bên ông ta, giọng nghẹn ngào xúc động.

-Ồ, anh bạn đáng thương của tôi, anh làm sao thế? Tôi không biết anh bệnh. Tại sao anh không cho tôi biết? Anh phải biết rằng tôi sẽ làm cho anh

bất cứ điều gì trên đời này. Anh có nghĩ đến điều tôi nói không? Tôi không muốn chuyện đó. Tôi đã sai quấy với anh. Tôi thật ngu ngốc đã làm méch lòng anh.

-Cút đi. - Strickland nói.

-Này, anh hãy bình tĩnh lại đi nào. Để tôi làm anh dễ chịu. Không có ai chăm sóc anh sao?

Anh ta nhìn quanh cái gác mái bẩn thỉu mà mất tinh thần. Anh cố sắp xếp chăn gối, khăn trải giường. Strickland thở khó nhọc, cố nén tức giận trong im lặng. Ông ta oán giận liếc nhìn tôi. Tôi đứng yên nhìn ông.

-Nếu anh muốn làm một cái gì đó cho tôi, thì hãy kiếm cho tôi một ít sữa. - Sau cùng ông ta nói. - Tôi không ra ngoài được đã hai ngày rồi.

Có một cái chai không bên cạnh giường, nó đã từng đựng sữa, và một ít vụn bánh mì trong một mảnh giấy báo.

-Ông đã ăn gì rồi? - tôi hỏi.

-Không ăn gì cả.

-Từ? - Stroeve kêu lên.

-Ông không ăn uống gì cả hai ngày rồi à? Thật kinh khủng.

-Tôi có uống nước.

Ông đưa mắt nhìn một lúc chiếc thùng lớn nằm trong tầm tay.

-Tôi sẽ đi ngay. - Stroeve nói. -Anh thấy còn phải làm gì nữa không?

Tôi bảo anh ta kiểm một ống cặp nhiệt, một ít nho và bánh mì. Stroeve, vui sướng thấy mình có ích, đi âm âm xuống cầu thang.

-Thằng ngốc đáng ghét. - Strickland càu nhàu.

Tôi sờ mạch ông ta. Mạch đập nhanh và yếu. Tôi hỏi ông ta một hai câu, nhưng ông không muốn đáp và khi tôi hỏi dồn, ông khó chịu quay mặt vào tường. Chỉ còn có việc ngồi yên mà chờ. Mười phút sau Stroeve trở lại, thở hổn hển. Ngoài những thứ tôi đề nghị, anh ta còn mang nến, nước thịt ép, một chiếc đèn cồn. Anh là một người thực tế. Tôi đo nhiệt độ cho Strickland. Bốn mươi độ. Rõ ràng ông ta bệnh rất nặng.

Rồi chúng tôi để ông ta ở lại. Dirk về nhà để ăn tối, còn tôi thì định đi mời một ông bác sĩ đến khám bệnh cho Strickland. Nhưng khi chúng tôi xuống đến đường, được mát mẻ trở lại sau khi rời khỏi cái gác áp mái ngột ngạt, thì anh chàng Hà Lan yêu cầu tôi về ngay phòng vẽ của anh ta. Anh ta đã nảy ra một ý định gì đó mà không thể nói cho tôi biết được, nhưng anh nhấn mạnh việc tôi về đó với anh anh thật cần thiết. Vì tôi nghĩ lúc này một ông bác sĩ chắc cũng không làm được gì hơn chúng tôi nên tôi bằng lòng đi. Khi chúng tôi đến thì thấy Blanche Stroeve đang dọn bàn ăn tối. Dirk đi lại phía chị ta, nắm hai tay chị.

-Em yêu, anh muốn em giúp anh một việc- anh nói.

Chị nhìn anh với vẻ sẵn sàng trịnh trọng; đó là một trong những nét duyên dáng của chị. Gương mặt đỏ ửng nh sáng bóng vì mồ hôi, vẻ lo lắng của anh thật buồn cười; nhưng trong cặp mắt tròn xoe và kính ngạc đó sáng lên một tia sáng nhiệt tình.

-Strickland bệnh rất nặng. Có thể anh ấy sắp chết. Anh ấy đang ở một mình trong một gác áp mái bẩn thỉu, không ai chăm sóc cả. Anh muốn em để anh đưa anh ấy về đây.

Chị ta rút vội tay lại - tôi chưa bao giờ thấy chị ta làm một động tác nhanh như vậy - và đôi má đỏ ửng.

-Ồ, không.

-Ồ, em yêu, đừng từ chối. Anh không thể để anh ấy ở đó được. Anh sẽ không chớp mắt được khi nghĩ đến anh ấy.

-Em không phản đối việc anh chăm sóc ông ấy.

Giọng của chị ta lạnh lùng và xa cách.

-Nhưng anh ấy chết mất.

-Mặc kệ ông ấy.

Stroeve thở hỗn hển. Anh ta lau mặt. Anh quay lại tìm sự ủng hộ, nhưng tôi không biết nói gì.

-Anh ấy là một nghệ sĩ vĩ đại.

-Có can hệ gì đến em? Em ghét ông ấy.

-Ồ, em yêu, em yêu quý của anh, em đừng nói thế. Anh van em hãy để anh đưa anh ấy về đây. Chúng ta có thể làm cho anh ấy dễ chịu. Có lẽ chúng ta có thể cứu được anh ấy. Anh ấy sẽ không gây phiền hà gì cho em đâu. Anh sẽ làm hết mọi chuyện. Chúng ta sẽ dọn cho anh ấy một cái giường trong phòng vẽ. Chúng ta không thể để anh ấy chết như một con chó. Như thế là không nhân đạo.

-Sao ông ấy không thể vào bệnh viện nhỉ?">

-Bệnh viện! Anh ấy cần sự chăm sóc của những bàn tay có tình thương. Anh ấy phải được chữa trị thật khéo léo kia.

Tôi ngạc nhiên thấy chị ta bị xúc động đến thế. Chị tiếp tục dọn bàn, nhưng đôi tay run lên.

-Em không chịu được anh. Anh có nghĩ rằng nếu anh đau yếu, ông ấy có buồn động ngón tay vào giúp anh không?

-Nhưng cần gì chuyện đó? Anh đã có em chăm sóc rồi. Thành thử không cần thiết. Hơn nữa, anh thì khác, anh thì có quan trọng gì đâu.

-Anh tồi không hơn gì con chó ghê. Anh nằm mọp xuống đất và xin người ta giẫm lên người anh.

Stroeve cười khẽ. Anh ta nghĩ anh ta hiểu được lý do thái độ của vợ mình.

-Ồ, em yêu, em lại nghĩ đến hôm anh ấy đến đây xem tranh của anh chứ gì? Có can hệ gì nếu anh ấy không cho rằng những tranh đó đẹp? Anh thật ngớ ngẩn mới cho anh ấy xem. Anh dám nói là những tranh ấy không được đẹp lắm.

Anh ta rầu rĩ nhìn quanh phòng vẽ. Trên giá là một bức vẽ dở dang một nông dân Ý mỉm cười, tay cầm một chùm nho bên trên đầu một cô gái mắt đen.

-Cho dầu ông ta không thích những bức đó, ông ta cũng phải lịch sự chứ. Ông ta không cần phải sỉ nhục anh. Ông ta tỏ vẻ khinh miệt anh, mà anh vẫn liếm tay ông ta.Ồ, em ghét ông ta lắm.

-Cưng ơi, ông ấy có thiên tài. Em đừng nghĩ anh tin là anh có được thiên tài như thế đâu. Anh ước gì mình có; nhưng anh nhận ra được khi trông thấy nó, và anh tôn vinh nó với tất cả tâm hồn anh. Nó là điều kỳ diệu nhất

trên đời này. Nó là một gánh nặng cho những người có nó. Đối với họ, chúng ta phải thật khoan dung và thật kiên nhẫn.

Tôi đứng riêng ra, hơi lúng túng trước cảnh gia đình ấy, và tự hỏi tại sao Stroeve lại cố nài tôi đến với anh. Tôi thấy vợ anh sắp khóc.

-Nhưng không phải c anh ấy là một thiên tài mà anh xin em để anh đưa anh ấy về đây. Anh ấy còn là một con người, anh ấy đang bệnh và túng thiếu.

-Tôi sẽ không bao giờ để ông ấy vào nhà tôi, không bao giờ.

Stroeve quay lại tôi:

-Anh hãy nói cho cô ấy biết đây là một vấn đề sống chết. Không thể nào để anh ấy trong cái xó xinh quá tệ hại như thế được.

-Rõ ràng, chăm sóc ông ấy ở đây thì sẽ dễ dàng hơn nhiều, - tôi nói, - và dĩ nhiên cũng rất bất tiện vì, theo tôi, phải có một người chăm sóc ông ấy cả ngày lẫn đêm.

-Em yêu, em không phải là người tránh né một khó khăn nhỏ nào kia mà.

-Nếu ông ấy đến đây, tôi sẽ đi. - Chị Stroeve nói giọng quyết liệt.

-Anh không nhận ra em nữa. Em bao giờ cũng tốt và tử tế kia mà.

-Ồ, làm ơn để tôi yên. Anh làm tôi điên lên mất.

Rồi sau cùng nước mắt chị trào ra. Chị ngồi phịch xuống ghế, giấu mặt trong hai bàn tay. Đôi vai của chị run lên bần bật. Một lúc sau Dirk đến quỳ bên cạnh chị; anh ôm choàng lấy chị, hôn chị, gọi chị bằng tất cả mọi thứ tên gọi thân yêu, và những giọt nước mắt lăn xuống dễ dàng trên đôi má anh. Rồi chị gỡ tay anh ra và lau nước mắt.

-Anh hãy để tôi yên, - chị nói, giọng dịu dàng; rồi quay sang tôi, gắng gượng mỉm cười: - Anh nghĩ gì về tôi nhỉ?

Stroeve lúng túng nhìn chị, ngần ngừ do dự. Trán anh nhăn nhúm, cái miệng đỏ trề ra. Anh ta làm tôi nhớ một cách kỳ lạ đến một con chuột bạch đang lúng ta lúng túng.

-Như vậy là không, phải không, em yêu? - Cuối cùng anh ta hỏi.

Chị phác một cử chỉ mệt mỏi, chị kiệt sức">

-Phòng vẽ là của anh. Tất cả là của anh. Nếu anh muốn đưa ông ấy về đây, làm sao tôi ngăn cản anh được?

Một nụ cười bất chợt lóe qua gương mặt tròn trĩnh của anh,

-Như vậy là em đồng ý chứ? Anh biết mà. Ôi, em yêu quý của anh.

Thình lình chị bình tĩnh trở lại. Chị nhìn anh ta bằng đôi mắt phờ phạc. Chị ép sát đôi bàn tay lên trên tim mình như thể nhịp đập của nó làm chị không thể chịu đựng nổi.

-Ôi, Dirk, từ khi chúng ta gặp nhau em chưa bao giờ yêu cầu anh làm một điều gì cho em cả.

-Em biết không có điều gì trên đời này mà anh sẽ không làm cho em.

-Em xin anh đừng để Strickland đến đây. Người khác thì được, bất kỳ người nào khác mà anh muốn. Anh hãy mang về một tên ăn cắp, một gã say rượu, bất kỳ một kẻ bơ vơ đầu đường xó chợ nào, em hứa em sẽ vui vẻ làm tất cả mọi chuyện có thể được cho họ. Nhưng em van anh đừng mang Strickland về đây.

-Nhưng tại sao?

-Em sợ ông ấy. Em không biết tại sao, nhưng có một cái gì đó trong ông ấy làm em khiếp sợ. Ông ấy sẽ gây thiệt hại lớn cho chúng ta. Em biết điều đó. Em cảm thấy điều đó. Nếu anh mang ông ấy về đây, hậu quả chỉ có thể tồi tệ mà thôi.

-Nhưng phi lý làm sao ấy!

-Không! Không! Em biết em có lý. Một điều gì đó thật khủng khiếp sẽ xảy ra cho chúng ta.

-Bởi vì chúng ta làm một việc tốt à?

Lúc này chị thở hổn hển và trên gương mặt chị là một nỗi kinh hãi không thể giải thích được. Tôi không biết chị đã nghĩ gì. Tôi cảm thấy chị đang bị ám ảnh bởi một nỗi kinh hãi vô hình nào đó, nó cướp đi của chị tất cả sự tự chủ. Bình thường chị rất điềm tĩnh lúc này sự bối rối của chị thật đáng kinh ngạc. Stroeve hoảng hốt nhìn chị một lúc, lòng rối như tơ vò.

-Em là vợ anh, em là người thân yêu nhất của anh trên đời này. Không ai có thể đến đây nếu không có sự đồng ý hoàn toàn của em.

Chị ta nhắm đôi mắt lại trong một lúc, và tôi nghĩ là chị sắp xỉu. Tôi hơi lo cho chị. Tôi không ngờ chị lại là một người đàn bà dễ bị kích động thần kinh đến thế. Rồi tôi lại nghe giọng nói của Stroeve. Dường như nó phá vỡ sự yên lặng một cách kỳ lạ.

-Không phải đã có lần em cũng rơi vào một hoàn cảnh khốn cùng đáng cau và một bàn tay giúp đỡ đã chìa ra cho em đó sao? Em hiểu điều đó thế nào rồi. Em lại không thích giúp đỡ một người nào đó khi có dịp sao?

Lời nói ấy thật bình thường, và đối với tôi nó có cái vẻ như mà một lời cổ vũ làm cho tôi suýt bật cười. Nhưng tôi kinh ngạc về hiệu quả của nó đối với Blanche Stroeve. Chị hơi giật mình và nhìn chòng một hồi lâu. Mắt anh dán chặt xuống đất. Tôi không biết tại sao anh lại có vẻ bối rối. Đôi má của chị tái đi, và rồi gương mặt chị trắng bệch ra - trắng bệch, tái mét như xác chết. Nhìn chị người ta có cảm giác máu đã rút hết khỏi thân thể chị, và ngay cả hai bàn tay của chị cũng tái xanh. Chị rung mình. Sự yên lặng của phòng vẽ dường như đọng lại thành khối, và trở thành một cái gì tưởng chừng có thể sờ mó được. Tôi hoang mang bối rối.

-Dirk, anh hãy đưa Strickland đến đây. Em sẽ làm hết sức mình cho ông ta.

-Em yêu quý của anh, - anh ta mỉm cười.

Anh muốn ôm lấy chị trong tay, nhưng chị tránh đi.

-Đừng có cử chỉ âu yếm trước mặt người lạ, Dirk ạ. - chị nói. - Em hóa thành trò hề mất.

Cử chỉ của chị trở lại bình thường hoàn toàn, không ai có thể bảo rằng vừa mới đây chị đã bị xúc động mạnh đến thế nào.

Ngày hôm sau chúng tôi chuyển Strickland về. Phải kiên quyết và kiên nhẫn lắm mới bắt ông ta đi được, nhưng thật ra vì ông bệnh quá nặng nên không chống cự được sự khẩn khoản của Stroeve và quyết tâm của tôi. Chúng tôi mặc quần áo cho ông ta trong khi ông ta chửi rủa chúng tôi một cách yếu ớt, chúng tôi đưa ông ta xuống cầu thang, đặt vào trong một chiếc xe taxi và chở đến phòng vẽ của Stroeve. Ông ta kiệt sức đến nỗi khi đến nơi, ông để chúng tôi đặt vào giường mà không nói một lời nào. Ông bệnh đã sáu tuần rồi. Có lúc trông ông như chỉ còn sống được vài giờ nữa, và tôi nghĩ rằng chính nhờ sự kiên trì của anh chàng Hà Lan mà ông đã qua khỏi. Tôi chưa bao giờ gặp một người bệnh nào khó tính khó nết hơn. Không phải ông ta đòi hỏi nhiều và hay than phiền, ngược lại là chẳng khác, ông không bao giờ kêu ca, không đòi một cái gì, ông hoàn toàn yên lặng. Nhưng trông ông có vẻ bức bối về sự chăm sóc mà người ta dành cho ông, ông đón nhận tất cả những sự hỏi han về sức khỏe và những nhu cầu của ông bằng sự chế giễu, một nụ cười chế nhạo hoặc một lời nguyên rủa. Tôi thấy ông thật đáng ghét; khi ông vừa qua được cơn nguy kịch, tôi không ngần ngại bảo cho ông ta biết như vậy.

-Cút đi, - Ông ta đáp gọn lỏn.

Dirk Stroeve bỏ hết mọi công việc của mình; anh chăm sóc Strickland thật dịu dàng và cảm thông. Anh khéo làm cho ông ta thoải mái; anh sử dụng một mẹo vặt mà tôi không bao giờ nghĩ là anh có thể biết để bắt ông ta uống thuốc theo toa bác sĩ. Không có gì là quá rắc rối với anh ta. Vợ chồng anh sống đầy đủ tiện nghi, nhưng chắc chắn anh không có thừa tiền để phung phí. Thế mà anh lại phong phí bữa bãi trong việc mua những thức ăn ngon, trái mùa và đắt để có thể kích thích được cái khẩu vị không bình

thường của Strickland. Tôi sẽ không bao giờ quên được sự khéo léo và kiên nhẫn của anh khi anh thuyết phục ông ta ăn. Anh không bao giờ chịu thua sự thô lỗ của Strickland. Nếu sự thô lỗ ấy chỉ do buồn bực mà ra thì anh tỏ vẻ không để ý đến; nếu nó có vẻ công kích thì anh chỉ cười khúc khích. Khi Strickland phần nào bình phục, có vẻ vui và thích chí cười nhạo anh ta thì anh cố tình làm những chuyện ngớ ngẩn cho ông chế nhạo thêm. Lúc bấy giờ anh ta khẽ đưa mắt liếc nhìn tôi với vẻ sung sướng để tôi có thể nhận ra bệnh nhân đã bình phục đến đâu. Stroeve quả là cao thượng.

Nhưng chính Blanche làm tôi ngạc nhiên nhất. Chị đã tỏ ra là một người nuôi bệnh không những có khả năng mà còn tận tâm nữa. Ở chị không có biểu hiện gì làm cho người ta nhớ rằng trước đây chị đã từng phản đối kịch liệt như thế nào ước muốn của chồng là đưa Strickland về phòng vẽ. Chị cứ đòi chia sẻ công việc chăm sóc người bệnh. Chị sắp đặt giường nằm của ông ta làm sao để có thể thay vải trải giường mà không làm phiền đến ông. Chị còn giặt giũ cho ông ta nữa. Khi tôi nhắc đến khả năng của chị, chị chỉ mỉm cười bảo rằng chị đã từng làm việc ít lâu trong bệnh viện. Chị không có vẻ gì là ghét cay ghét đắng Strickland cả. Chị không nói nhiều với ông ta, nhưng chị nhanh chóng đoán trước được những gì ông ta cần. Trong nửa tháng trời, cần phải có một người ở lại với ông ta suốt đêm chị đã cùng chồng thay phiên nhau canh chừng. Tôi tự hỏi không biết chị đã suy nghĩ gì trong suốt đêm dài khi ngồi bên giường bệnh. Strickland lúc ấy chỉ là một hình thù kỳ dị nằm đó, gầy guộc chưa từng thấy, bộ râu đỏ bù xù, cặp mắt nhìn chăm chăm vào khoảng không một cách nóng nảy. Bệnh tình hình như đã làm cho cặp mắt ấy to hơn và có một vẻ sáng dị thường.

-Ban đêm, có khi nào ông ta nói chuyện với chị không nhỉ? - Có lần tôi hỏi chị như thế.

-Chưa bao giờ.

-Chị có ghét ông ta nhiều như chị đã từng ghét không?

-Còn hơn nữa là đẳng khác.

Chị nhìn tôi bằng đôi mắt màu xám bình thản. Nét mặt của chị thanh thản, khó mà tin được là chị có những xúc động dữ dội mà tôi đã từng chứng kiến.

-Có khi nào ông ta cảm ơn chị về những việc chị đã làm cho ông ta không?

-Không, - chị mỉm cười.

-Ông ta thật bất lịch sự.

-Ông ấy thật ghê tởm.

Dĩ nhiên Stroeve rất hài lòng về chị. Anh không thể bày tỏ được hết lòng biết ơn của mình đối với sự tận tụy mà vợ đã đào cái gánh nặng anh đặt vào chị. Nhưng anh hơi bối rối về thái độ của Blanche và Strickland đối với nhau.

-Anh biết không, tôi thấy họ ngồi đó với nhau hàng giờ mà không nói lời nào.

Một lần nọ, khi Strickland trông có vẻ khá hơn nhiều, đến nỗi một hai ngày sau ông đã ngồi dậy được, tôi ngồi với họ trong phòng vẽ. Dirk và tôi đang nói chuyện, chị Stroeve khâu vá, và tôi nhận ra chiếc sơ mi chị đang vá là của Strickland. Ông ta nằm ngửa, không nói năng gì. Một lần tôi thấy cặp mắt ấy có một vẻ mĩa mai kỳ lạ. Cảm thấy được cái nhìn chăm chăm đó, chị ngước mắt lên, và họ nhìn sững nhau một lúc. Tôi hoàn toàn không thể hiểu được nét mặt của chị. Đôi mắt của chị có một vẻ lúng túng lạ

thường, và có lẽ - nhưng tại sao lại thế nhỉ? - có lẽ hoảng sợ. Một lát sau, Strickland quay đi chỗ khác và lơ đãng nhìn lên trần nhà, nhưng chị vẫn tiếp tục nhìn ông ta chăm chăm, và lúc này cái nhìn của chị hoàn toàn không thể giải thích được.

Được ít ngày thì Strickland bắt đầu đứng dậy được. Ông ta chỉ còn da bọc xương. Quần áo mặc trên người ông như những miếng giẻ rách mắc trên một thừng bù nhìn. Râu ria xồm xoàm, tóc tai dài thượt, dáng người ông vốn hơi quá khổ, bây giờ lại trông càng rõ hơn vì cơn bệnh, ông có cái vẻ thật dị thường, nhưng có điều lạ là trông ông không đến mức xấu xí lắm. Có một cái gì đó hết sức to tát trong dáng điệu vụng về của ông. Tôi không biết diễn tả thế nào cho chính xác cái ấn tượng mà ông tạo ra trong tôi. Đó không phải là vẻ đẹp tinh thần mà ta dễ dàng thấy được, cho dù bức màn che của thân xác gần như là trong suốt, vì trên gương mặt ông có cái vẻ xác thịt trâng tráo. Nhưng, dù nói ra nghe vô lý, hình như cái vẻ xác thịt ấy lại có vẻ tinh thần một cách kỳ lạ. Trong ông có một cái gì đó hình như là sơ khai. Dường như ông chia xẻ những thể lực u tối của thiên nhiên mà người Hy Lạp đã nhân hóa thành những hình ảnh nửa người nửa thú, thần Dê và thần Rừng. Tôi nghĩ đến Marsyas^[40] bị thần lột da vì cả gan thách thức thần bằng tài ca hát. Dường như Strickland mang trong người những sự hài hòa lạ kỳ và những mâu thuẫn chưa từng có. Tôi tiên đoán ở ông một sự kết thúc của nỗi giày vò và thất vọng. Một lần nữa tôi cảm thấy rằng đó là một con quỷ của tội lỗi xấu xa, bởi vì đó là một thể lực sơ khai hiện hữu trước khi có cái tốt và cái xấu.

Ông ta còn quá yếu, không thể vẽ được; ông ngồi im lặng trong phòng vẽ, bện mơ tưởng cái gì đó có trời mới biết được, hoặc đọc sách. Những quyển sách thích thì thật lạ đời; có lúc tôi thấy ông đang nghiền ngẫm những bài thơ của Mallarme^[41], và ông đọc như trẻ con, mấp máy môi thành lời. Tôi tự hỏi không biết ông có được niềm cảm xúc kỳ lạ nào không khi đọc những vần điệu tinh tế và những câu tối nghĩa ấy. Có lúc tôi lại thấy

ông say mê đọc tiểu thuyết trinh thám của Gaboriau^[42]. Tôi thấy thích thú khi nghĩ rằng trong việc chọn sách, ông đã cho thấy một cách thú vị những mặt không thể hòa hợp được trong cái bản chất quái dị của mình. Điều đặc biệt đáng chú ý là mặc dầu trong trạng thái thân thể suy yếu, ông không hề nghĩ đến các tiện nghi thoải mái. Stroeve thích nằm nhả thoải mái nên trong phòng vẽ có cả một cặp ghế bành nệm dày và một chiếc tràng kỷ lớn. Strickland không hề đến gần những thứ đó, không phải do một thứ cảm tình nào với phái khắc kỷ - tôi đã từng gặp ông ngồi một mình trên một chiếc ghế đầu ba chân hôm tôi đến phòng vẽ - mà là vì ông không thích chúng. Nếu được tự lựa chọn, ông sẽ ngồi trên một chiếc ghế nhà bếp không gác tay. Tôi thường bực mình khi thấy ông ta như thế. Tôi chưa bao giờ quen biết một người nào hoàn toàn lãnh đạm với những vật chung quanh đến như thế.

Thế rồi hai, ba tuần lễ qua đi. Một buổi sáng nọ, khi tạm ngưng công việc, tôi thấy nên tự cho mình một ngày nghỉ, và tôi đi đến việc bảo tàng Louvre. Tôi thơ thẩn đây đó xem những bức tranh mà tôi rất quen thuộc cho trí tưởng tượng của mình vẫn vờ theo những cảm xúc do bức tranh ấy gợi ra. Tôi nhàn nhã bước vào phòng trưng bày rộng lớn, và tình cờ trông thấy Stroeve ở đó. Tôi mỉm cười, vì cái dáng vẻ tròn trĩnh và ngơ ngác của anh không bao giờ làm tôi nhin cười được. Thế rồi khi đến gần, tôi chú ý thấy anh ta có vẻ như đang buồn phiền chuyện gì một cách đặc biệt. Trông anh thiếu não và thật buồn cười, giống như một người rớt xuống nước với nguyên quần áo, vừa được vớt lên, vẫn chưa hoàn hồn, chẳng khác nào một thằng điên. Anh quay lại và nhìn sững tôi. Đôi mắt xanh tròn xoe đằng sau cặp kính trông rất lo lắng phiền muộn.

-Stroeve! - Tôi gọi.

-Làm gì mà thơ thẩn thăm hại thế? - Tôi vui vẻ hỏi.

-Lâu lắm không đến bảo tàng Louvre, tôi nghĩ là cũng phải đến xem có gì mới không.

-Nhưng anh đã bảo là phải vẽ xong một bức tranh trong tuần này mà.

-Strickland đang vẽ trong phòng vẽ của tôi.

-Thế sao?

-Chính tôi đã đề nghị chuyện đó. Ông ấy chưa được khỏe lắm nên chưa trở về phòng trọ được. Tôi nghĩ cả hai chúng tôi cùng vẽ ở đó cũng được. Nhiều người trong khi ấy cũng vẽ chung một phòng vẽ kia mà. Tôi cho là như vậy sẽ vui hơn. Tôi luôn luôn nghĩ rằng sẽ thật là vui nếu có một người để nói chuyện sau khi làm việc mệt.

Anh ta nói tất cả chuyện này chậm rãi, ngắt quãng, từng lời, lúng ta lúng túng, và cặp mắt hiền từ, ngớ ngẩn của anh luôn luôn gắn chặt vào tôi. Cặp mắt đó lúc này đang ràn rụa nước mắt.

-Tôi cho rằng tôi không hiểu gì cả, - tôi nói.

-Stricland không thể làm việc với bất cứ một người nào trong phòng vẽ.

-Thật tẻ, nhưng đó là phòng vẽ của anh. Đó chỉ là nơi ông ta ở tạm kia mà.

Anh ta nhìn tôi một cách thăm thiết. Môi anh run run.

-Chuyện gì đã xảy ra thế? - Tôi xãng giọng.

Anh ngập ngừng và do dự. Anh khổ sở liếc nhìn một bức tranh trên tường.

-Ông ta không để tôi tiếp tục vẽ. Ông bảo tôi đi ra ngoài.">

-Nhưng tại sao anh không bảo ông ta cút đi?

-Ông ta đã tống tôi ra ngoài. Tôi không chống cự nổi ông ta. Ông ta ném chiếc mũ của tôi ra theo và khóa trái cửa lại.

Tôi phát tức Strickland và bực mình vì Dirk Stroeve lộ cái vẻ mặt ngớ ngẩn đến muốn phì cười.

-Nhưng vợ anh có nói gì không?

-Lúc đó cô ta đang đi chợ.

-Ông ta sẽ cho chị ấy vào không?

-Tôi không biết.

Tôi sững sờ nhìn anh khó xử. Anh ta đứng như một cậu học trò đang bị thầy giáo mắng.

-Tôi tổng cổ Strickland ra cho anh nhé? - Tôi hỏi.

Anh ta hơi giật mình, và gương mặt sáng rỡ của anh ta đỏ ửng lên.

-Không. Tốt hơn là anh đừng làm gì cả.

Anh gật đầu chào tôi rồi bỏ đi. Rõ ràng vì một lý do nào đó anh không muốn bàn đến vấn đề ấy. Tôi không hiểu được.

Một tuần lễ sau thì có lời giải thích. Lúc ấy vào khoảng mười giờ đêm; sau khi ăn tối một mình ở nhà hàng trở về căn nhà nhỏ của mình, òi đọc sách trong phòng khách. Chợt tiếng chuông vang lên điếc tai, tôi ra hàng lang và mở cửa. Trước mặt tôi là Stroeve.

-Tôi vào được chứ?

Trong ánh sáng lờ mờ ở đầu cầu thang tôi không thấy anh rõ lắm nhưng có một cái gì đó trong giọng nói làm tôi ngạc nhiên. Tôi vẫn biết anh có thói quen điều độ, vậy mà lúc ấy tôi nghĩ rằng anh ta đã uống rượu. Tôi đưa anh vào phòng khách và mời anh ngồi.

-May quá, tôi đã gặp được anh, - anh nói.

-Có chuyện gì vậy? - Tôi kinh ngạc hỏi trước vẻ quan trọng của anh.

Bây giờ thì tôi có thể nhìn rõ anh. Bình thường anh ăn mặc gọn gàng nhưng lúc này quần áo của anh nom xốc xếch. Trông anh có vẻ lếch thá lếch thếch. Tôi tin chắc là anh đã uống rượu, nên tôi mỉm cười. Tôi sắp trêu chọc về tình trạng của anh.

-Tôi không biết đi đâu nữa, - anh ta bật nói. - Tôi đã đến đây sớm hơn, nhưng anh không có nhà.

-Tôi ăn tối muộn, - tôi nói.

Tôi đã thay đổi ý nghĩ: Không phải rượu đã đẩy anh đến tình trạng tuyệt vọng thấy rõ này. Gương mặt của anh, thường rất hồng hào, bây giờ trông phờ phạc lạ kỳ. Tay anh run run.

-Có chuyện gì xảy ra phải không? - Tôi hỏi.

-Vợ tôi đã bỏ tôi.

Anh không nói nên lời. Hơi thở anh đứt quãng và những giọt nước mắt bắt đầu lăn xuống đôi má phúng phính. Tôi không biết nói gì. Ý nghĩ đầu tiên của tôi là chị ta đã đi đến chỗ cùng cực không thể nào chịu đựng được nữa việc làm rồ dại của anh đối với Strickland và phát cáu lên vì thái độ quá quắt của ông ta nên chị đã đòi tống khứ ông ta đi. Tôi biết tính chị dám làm lắm, cho dù thái độ của chị rất điềm đạm, nên nếu Stroeve vẫn từ chối không làm, chị có thể dễ dàng bỏ đi khỏi phòng vẽ và thề sẽ không bao giờ trở lại. Nhưng anh chàng nhỏ bé này trông thảm hại đến nỗi tôi không thể mỉm cười được

-Anh bạn thân mến ơi, đừng khổ sở làm gì. Chị ta sẽ trở về thôi. Anh đừng coi là quan trọng điều các bà nói khi họ đang nổi cơn tam bành.

-Anh không hiểu. Cô ta yêu Strickland.

-Cái gì? - Tôi giật thót người khi nghe chuyện này, nhưng vừa nghe tôi đã thấy ngay nó vô lý. - Anh có thể ngớ ngẩn đến thế à? Anh không muốn nói rằng anh đang ghen với Strickland chứ? - Tôi gần muốn phì cười. - Anh biết rất rõ là thấy mặt ông ta chị ấy đã không thể nào chịu nổi kia mà.

-Anh không hiểu, - anh ta phàn nàn.

-Anh là một con lừa loạn thần kinh, - tôi hơi nóng nảy nói. - Để tôi cho anh một ly ulytxki soda và anh sẽ cảm thấy khá hơn.

Tôi cho rằng vì một lý do bào đó - có trời mới biết được những anh đàn ông đã tài tình đến thế nào trong việc tự hành hạ mình - Dirk đã có ý nghĩ là vợ anh để ý đến Strickland, và với cái tài làm những chuyện ngớ ngẩn, anh đã làm cho chị ta bực mình đến nổi, để chọc tức anh ta, chị đã ra sức làm anh ta càng nghi ngờ thêm.

-Nào, -tôi nói, - chúng ta hãy trở lại phòng vẽ của anh. Nếu anh đã tự biến mình thành thằng ngốc thì anh phải xin lỗi. Tôi không nghĩ vợ anh là một loại đàn bà cố chấp.

-Làm sao tôi có thể trở về phòng vẽ của tôi được. Họ đang ở đó. Tôi đã để phòng vẽ lại cho họ rồi.

-Hóa ra không phải vợ anh đã bỏ anh, mà là anh đã bỏ vợ anh.

-Trời ơi, đừng nói với tôi như vậy.

Tôi vẫn không thể nào tin rằng anh nói thật. Tôi không tin những điều anh nói với tôi trong một lúc lâu. Nhưng trông anh thật sự khổ sở.

-Thôi được, anh đã đến đây nói cho tôi biết chuyện đó. Vậy tốt hơn anh nên kể đầu đuôi câu chuyện cho tôi nghe xem nào.

-Chiều hôm nay tôi đã không chịu được nữa. Tôi đến gặp Strickland và bảo cho ông ta biết rằng ông ta đã khỏe mạnh hoàn toàn và có thể về lại chỗ ở của ông ta được rồi. Tôi cần phòng vẽ.

-Lẽ ra chính Strickland phải thấy điều đó, - tôi nói. - Thế ông ta nói sao?

-Ông ta chỉ cười khẽ; anh biết ông ta cười như thế nào rồi; không phải vì ông ta vui thích, mà là như thể anh là một tên ngốc đáng nguyên rủa và ông ta bảo là ông ta sẽ đi ngay. Ông ta bắt đầu thu dọn đồ đạc của mình. Anh nhớ là tôi đã đem từ phòng ông ta về đây tất cả những thứ mà tôi nghĩ là ông ta cần. Ông ta hỏi xin Blanche một tờ giấy báo và sợi dây để gói.

Stroeve ngừng lại thở hổn hển, và tôi nghĩ anh ta sẽ xỉu mất. Nhưng đây chưa phải là tất cả câu chuyện mà tôi muốn biết.

-Mặt cô ta tái mét lại, nhưng vẫn mang giấy và dây đến. Ông ta không nói gì, vừa gói đồ đạc vừa huýt sáo một điệu nhạc. Ông ta chẳng để ý gì đến cả hai chúng tôi. Mắt ông ta mím cười mĩa mai. Tim tôi thắt lại nặng như chì. Tôi e rằng có một chuyện gì đó sắp xảy ra và không muốn nói gì cả. Ông nhìn quanh tìm cái mũ. Rồi cô ta nói: “Tôi sẽ đi với Strickland, Dirk ạ. Tôi không thể sống với anh nữa”. Tôi cố nói nhưng không thành lời. Strickland không nói gì. Ông ta vẫn liên tục huýt sáo như thể không có gì liên quan đến ông ta.

Stroeve ngừng nói và mặt anh nhăn nhó. Tôi vẫn đứng lặng yên. Bây giờ thì tôi tin anh, và tôi sững sờ. Nhưng tôi vẫn không hiểu được gì cả.

Rồi anh kể cho tôi nghe, giọng run run, nước mắt ràn rụa chảy xuống má, rằng anh đã chạy đến với chị ta như thế nào, cổ ôm chị ta trong vòng tay ra sao, nhưng chị ta đã vùng ra và yêu cầu anh đừng đụng đến chị. Anh van xin chị đừng bỏ anh. Anh bảo cho chị biết anh yêu chị say đắm đến thế nào, và anh làm cho chị nhớ lại tất cả những tình cảm thăm thiết chan hòa mà anh đã dành trọn cho chị. Anh nói với chị về cuộc sống hạnh phúc của hai người. Anh không hề giận chị. Anh không hề trách móc chị.

-Làm ơn để tôi ra đi êm thấm, Dirk ạ. - Cuối cùng chị ta nói. - Anh không hiểu rằng tôi yêu Strickland sao? Anh ấy đi đâu tôi đi đó.

-Nhưng em phải biết rằng ông ta sẽ không bao giờ làm cho em hạnh phúc được. Vì lợi ích của em, em đừng đi. Em không biết rõ cái gì đang chờ em đâu.

-Đó là lỗi tại anh. Anh đã cố nài đưa anh ấy đến đây.

Anh quay sang Strickland.

-Anh hãy thương cô ấy, - anh van xin ông ta. - Anh không thể để cô ấy làm điều điên rồ như vậy được.

-Cô ấy có thể làm điều cô ta muốn, - Strickland nói. - Cô ấy không bị bắt buộc phải đi.

-Tôi đã lựa chọn rồi, - chị ta nói giọng trầm trầm.

Sự bình thân tai hại của Strickland đã cướp đi nốt sự tự chủ còn sót lại của Stroeve. Cơn tức giận mù quáng đã vồ lấy anh, và không biết mình đang cầm gì, anh đâm nhào vào Strickland. Strickland kinh ngạc và ông ta lão đảo, nhưng ông ta rất khỏe, mặc dù vừa trải qua cơn bệnh, và thoáng một cái, không biết đích xác việc xảy ra như thế nào, Stroeve thấy mình nằm dài trên sàn nhà.

-Gã nhóc con buồn cười thật, - Strickland nói.

Stroeve lồm cồm ngồi dậy. Anh chú ý thấy vợ anh vẫn hoàn toàn đứng yên, và anh trông càng buồn cười trước mặt chị ta bao nhiêu thì anh càng xấu hổ nhục nhã bấy nhiêu. Cặp mắt kính của anh vụt văng đi trong khi xô xát, anh không thể tìm ra ngay được. Chị nhặt lên và lẳng lặng đưa cho anh. Bỗng nhiên, dường như anh chợt nhận ra nỗi bất hạnh của mình, và dù biết là chỉ làm cho mình trông buồn cười hơn mà thôi, anh bắt đầu khóc. Anh

đưa tay che lấy mặt. Hai người kia nhìn anh mà không nói năng gì. Họ vẫn đứng yên không nhúc nhích.

-Ôi, em thân yêu, - sau cùng anh than vãn, - sao em có thể tàn nhẫn đến thế?

-Tôi không tự chủ được, Dirk ạ, - chị ta trả lời.

-Anh đã tôn thờ em như chưa từng có người đàn bà nào được tôn thờ như vậy. Nếu có điều gì anh đã làm em phật lòng, sao em không nói ra cho anh biết, chắc anh đã sửa chữa rồi. Anh đã làm tất cả mọi chuyện anh có thể làm được cho em mà.

Chị ta không trả lời. Mặt chị không đổi sắc và anh nhận ra rằng anh chỉ quấy rầy chị ta mà thôi. Chị mặc áo choàng và đội mũ lên. Chị đi về phía cửa, và anh thấy rõ ràng trong một thoáng thôi, chị sẽ đi mất. Anh chạy nhanh đến và quỳ gối trước mặt chị, nắm lấy bàn tay chị: anh đã vút đi cả lòng tự trọng.

-Ôi, đừng đi em yêu ạ. Anh không thể sống không có em được, anh sẽ tự sát mất. Nếu anh đã làm điều gì khiến em bực mình, anh xin em tha lỗi cho anh. Hãy cho anh một cơ hội nữa. Anh sẽ cố gắng hơn nữa để em được hạnh phúc.

-Anh đứng lên đi, Dirk. Anh đã biến thành một thằng điên hoàn toàn.

Anh lão đảo, nhưng vẫn không để cho chị ta đi.

-Em đi đâu bây giờ? - Anh nói vội vã. - Em không biết chỗ ở của Strickland nó như thế nào đâu. Em không thể sống ở đó được. Ở đó thật khủng khiếp.

-Nếu tôi không lo, thì không hiểu tại sao anh phải lo.

-Hãy gượng đã. Anh cần phải nói. Dầu sao em cũng không thể hẳn học với anh như vậy được.

-Nói như vậy có ích gì? Tôi đã quyết định dứt khoát rồi. Không có điều gì anh nói làm tôi thay đổi đâu.

Anh ta nghẹn ngào đặt bàn tay lên chỗ trái tim chừng như để xoa dịu nhịp đập đau thương.

-Anh sẽ không xin em thay đổi ý định của em, nhưng anh muốn em lắng nghe anh một chút nữa. Đây là lần cuối cùng anh xin em. Đừng từ chối anh điều đó.

Chị ta dừng lại nhìn anh với cặp mắt trầm tư, nhưng bây giờ chúng đã trở nên dừng dưng với anh. Chị trở vào trong phòng vẽ và đứng tựa vào chiếc bàn.

-Nào?

Stroeve cố gắng hết sức lấy lại bình tĩnh.

-Em phải có lý trí một chút chứ. Em biết, em không thể sống bằng không khí được. Strickland không có lấy một xu.

-Tôi biết.

-Em sẽ chịu đựng những thiếu thốn khủng khiếp nhất. Em có biết tại sao ông ta lại bình phục quá chậm như vậy không? Lúc ấy ông ta gần như chết

đổi.

-Tôi có thể kiểm tiền cho anh ấy.

-Bằng cách nào?

-Tôi không biết. Tôi sẽ kiểm cách.

Một ý nghĩ khủng khiếp thoáng qua trong tâm trí anh chàng người Hà Lan và anh ta rùng mình.

-Anh nghĩ chắc em điên rồi. Anh không biết việc gì đã xảy ra với em.

Chị ta nhún vai.

-Bây giờ tôi đi được rồi chứ?

-Đợi một giây nữa thôi.

Anh mệt mỏi nhìn quanh phòng vẽ của mình, anh đã yêu mến nó bởi vì sự hiện diện của chị làm nó vui tươi và ấm áp. Anh nhắm mắt lại một lát, rồi anh nhìn chị hồi lâu như để khắc ghi trong tâm trí anh hình ảnh của chị. Anh đứng dậy và lấy chiếc mũ của mình.

-Không, anh sẽ đi.

-Anh à?

Chị ta giật mình. Chị không biết anh muốn nói gì.

-Anh không thể chịu nổi khi em phải sống trong cái gác mái khủng khiếp, bẩn thỉu đó. ầu sao thì nhà của anh cũng là nhà của em. Em đã được thoải mái ở đây. Ít ra em cũng sẽ không thiếu thốn lắm.

Anh đi đến ngăn kéo, nơi anh cất tiền, và lấy ra một xấp giấy bạc.

-Anh muốn cho em một nửa số tiền anh có ở đây.

Anh để tiền lên bàn. Cả Strickland lẫn vợ anh đều không nói gì.

Rồi anh giữ số tiền còn lại.

-Em hãy gói áo quần của anh và gửi nơi người gác cổng. Ngày mai anh sẽ đến lấy, -anh cố mỉm cười. - Tạm biệt, em yêu. Anh cảm ơn về tất cả hạnh phúc em đã mang lại cho anh trong quá khứ.

Anh ra đi và đóng cửa lại. Tới tưởng tượng thấy Strickland vút chiếc mũ của ông lên bàn, ngồi xuống và bắt đầu hút một điếu thuốc.

Tôi yên lặng một lát, suy nghĩ về chuyện Stroeve vừa kể. Tôi không chịu nổi sự yếu đuối của anh ta; và anh nhận ra thái độ không tán thành của tôi.

-Anh cũng biết rõ như tôi là Strickland sống thế nào rồi. - anh ta nói giọng run run. - Tôi không thể để cho cô ấy sống trong hoàn cảnh như thế được. Tôi thật không thể.

-Đó là việc của anh, - tôi đáp.

-Gặp trường hợp tôi, anh sẽ làm gì? - Anh ra hỏi tôi.

-Blanche quyết định ra đi trong lúc đầu óc vẫn sáng suốt. Nếu chị ấy có phải chịu những phiền toái thì đó là việc của chị">

-Vâng, nhưng anh thấy đấy, anh không yêu cô ấy.

-Anh vẫn còn yêu chị ấy?

-Ồ, yêu hơn bao giờ hết. Strickland không phải là mẫu người đàn ông làm cho đàn bà được hạnh phúc. Chuyện đó không thể kéo dài lâu được. Tôi muốn cô ấy biết rằng tôi sẽ không bao giờ quên cô ấy.

-Có nghĩa là anh chuẩn bị đón nhận lại chị ấy à?

-Tôi sẽ không ngần ngại đâu. Rồi cô ấy sẽ cần đến tôi hơn bao giờ hết. Khi cô ấy cô đơn, bẽ bàng đau khổ thì sẽ thật khủng khiếp nếu không có một chỗ nào để trở về.

Hình như anh ta không oán giận gì cả. Tôi cho rằng thật tầm thường nếu tôi cảm thấy hơi bị sỉ nhục vì sự thiếu bản lĩnh của anh ta. Có lẽ anh đoán được ý nghĩ của tôi, vì anh ta nói:

-Tôi không mong cô ta yêu tôi như tôi yêu cô ta. Tôi là một thằng hề. Tôi không phải mẫu đàn ông để đàn bà yêu thương. Tôi vẫn biết điều đó. Tôi không thể trách móc cô ta nếu cô ta yêu Strickland.

- Rõ ràng anh ít tự cao tự đại hơn bất cứ người đàn ông nào mà tôi quen biết, - tôi nói.

-Tôi yêu cô ta còn hơn cả yêu chính mình. Theo tôi, nếu lòng tự cao tự đại có mặt trong tình yêu thì chỉ vì anh thật sự yêu chính mình nhiều nhất. Thật vậy, một người đàn ông đã có vợ đi yêu một người khác là chuyện khá phổ biến, Khi thôi chuyện đó rồi thì anh ta quay về với vợ mình, nàng sẽ chấp nhận anh ta trở lại và ai cũng nghĩ đó là chuyện rất tự nhiên. Tại sao lại có thể khác đối với đàn bà?

-Tôi dám chắc đó là chuyện hợp lý, - tôi mỉm cười, - nhưng về bản chất hầu hết đàn ông đều khác, nên họ không thể làm như vậy.

Trong khi nói chuyện với Stroeve, tôi thắc mắc về tính chất bất ngờ của toàn bộ câu chuyện. Tôi không thể tưởng tượng nổi là anh ta không hề nhận ra một dấu hiệu báo trước nào. Tôi nhớ lại cái nhìn kỳ lạ mà tôi đã thấy trong đôi mắt Blanche Strieve - có lẽ phải lúc ấy chị ta lơ mơ cảm thấy một xúc cảm nào đó rộn ràng trong tim, và nó làm cho chị ngạc nhiên và hoảng hốt.

-Trước đó, anh không hề nghi là có một chuyện gì đó giữa họ sao? - Tôi hỏi.

Anh ta không trả lời ngay. Có một cây bút chì trên bàn, vô tình anh vẽ một cái đầu trên tờ giấy thấm.

-Nếu anh không thích những câu hỏi của tôi thì hãy cho tôi biết nhé, - tôi nói.

-Nói chuyện sẽ làm cho tôi dễ chịu.Ồ, nếu anh biết được nỗi đau đớn khủng khiếp trong lòng tôi như thế nào! - Anh ta quăng cây bút chì xuống. - Vâng, tôi đã biết chuyện đó được hai tuần nay rồi. Tôi biết chuyện đó trước khi cô ta làm như vậy kia.

-Thế sao anh chẳng tống khứ Strickland đi cho rồi?

-Tôi không tin được chuyện đó. Dường như không rõ ràng lắm. Nhìn ông ta cô ấy không chịu được. Còn hơn là không rõ ràng, nó không thể tin được. Tôi tưởng chỉ do ghen tuông mà thôi. Anh biết đó, tôi vẫn hay ghen, nhưng tôi tự luyện mình không bao giờ để lộ ra; tôi ghen với tất cả mọi người cô ấy quen, tôi ghen cả với anh. Tôi biết cô ấy không yêu tôi như tôi đã yêu cô ấy. Đó chỉ là chuyện tự nhiên, phải không? Nhưng cô ấy cho phép tôi yêu cô ấy và như thế đủ để cho tôi hạnh phúc rồi. Tôi tự bắt mình đi ra khỏi nhà hàng mấy giờ liền để họ ở lại một mình. Tôi muốn trừng phạt mình vì những mối nghi ngờ không xứng đáng với tôi. Khi trở về, tôi thấy rằng họ không cần đến tôi - không phải Strickland, ông ta không hề để ý tôi có đó hay không - nhưng là Blanche. Cô ấy rùng mình khi tôi đến hôn. Sau cùng, khi đã nhận ra rồi, tôi không biết mình phải làm gì nữa. Tôi biết nếu tôi cứ đóng kịch, họ chỉ cười nhạo tôi mà thôi. Tôi nghĩ nếu tôi im và giả vờ không thấy, thì mọi chuyện sẽ êm xuôi. Tôi định sẽ lẳng lặng tống khứ ông ta đi, không cãi cọ gì. Ôi, nếu anh biết tôi đã phải khổ sở như thế nào!

Sau đó, anh lại kể cho tôi nghe việc anh ta yêu cầu Strickland đi. Anh đã cẩn thận chọn lúc, và cố làm cho việc yêu cầu của anh thật là bình thường.

Nhưng anh không thể kìm được giọng nói run run, anh cảm thấy rằng trong lời lẽ mà anh muốn pha chút vui tươi thân thiện, lại xen lẫn sự ghen tuông tức bực của anh. Anh không ngờ Strickland lại đưa đẩy anh đến cơ sự như vậy và làm cho những chuẩn bị của anh đi tong cả, nhất là anh không ngờ vợ anh lại quyết định bỏ đi với ông ta. ây giờ tôi nhận thấy anh ta hết sức ao ước giá anh đã không nói gì cả. Anh thà chọn nỗi đau vì ghen tuông hơn nỗi đau vì chia lìa.

- Tôi muốn giết ông ta, nhưng tôi chỉ làm trò hề.

Anh ta yên lặng một lúc lâu, rồi nói ra điều anh ra nghĩ mà tôi đã đoán biết:

-Nếu tôi chịu chờ đợi, có lẽ sự việc đã tốt đẹp rồi. Đáng lẽ tôi không nên nóng nảy như vậy. Ôi, khổ cho thân tôi, tôi đã đưa đẩy nàng đi đến đâu rồi?

Tôi nhún vai, không nói gì. Tôi không có cảm tình với Blanche Stroeve nhưng tôi biết chỉ gây khổ đau cho chàng Dirk đáng thương nếu tôi thẳng thắn cho anh biết điều tôi nghĩ về chị ta.

Anh ta đã đến lúc kiệt sức rồi mà anh vẫn chưa chịu thôi nói. Anh nhắc lại từng chi tiết của câu chuyện. Khi thì anh nói đến một điều gì đó chưa nói cho tôi biết, khi thì bàn cãi về sự mù quáng của mình. Anh hối tiếc đã làm điều này, trách mình đã quên điều kia. Càng lúc càng muộn và sau cùng tôi cũng mệt mỏi như anh.

-Bây giờ anh sẽ làm gì? - Sau cùng tôi nói.

-Tôi có thể làm được gì? Tôi sẽ đợi đến khi cô ta cho người đi tìm tôi.

-Tại sao không bỏ đi xa một thời gian?

-Không, không. Tôi phải có mặt ngay khi cô ta cần đến tôi chứ!

Lúc này dường như anh hoàn toàn mất phương hướng. Anh không có một kế hoạch nào. Khi tôi gợi ý anh nên đi ngủ, anh bảo không thể ngủ được. Anh muốn ra ngoài và đi thơ thẩn ngoài đường phố cho đến sáng. Rõ ràng không thể để anh một mình trong tình trạng này được. Tôi thuyết phục anh ở lại đêm với tôi và tôi bắt anh vào giường của tôi. Tôi có một chiếc trường kỷ trong phòng khách có thể ngủ được. Lúc này anh ta kiệt sức đến nỗi không thể cưỡng lại được sự cương quyết của tôi. Tôi cho anh một liều thuốc ngủ đủ đảm bảo cho anh mê man bất tỉnh trong nhiều giờ. Tôi nghĩ đó là cách giúp đỡ tốt nhất tôi có thể làm cho anh.

Chiếc giường mà tôi đã tự dọn cho mình không được tiện nghi thoải mái khiến tôi thức trắng cả đêm, và tôi suy nghĩ nhiều về câu chuyện anh chàng Hà Lan đã kể cho tôi nghe. Tôi không ngạc nhiên lắm về hành động của Blanche Stroeve, vì tôi thấy rằng đó chẳng qua là kết quả của một sức quyến rũ xác thịt. Tôi không cho rằng chị ta đã thực sự yêu chồng; cái mà tôi gọi là tình yêu ở đây chẳng qua là sự đáp lại của phái nữ đối với những âu yếm chiều chuộng và an ủi vỗ về mà phần đông các bà tưởng là tình yêu. Đó là một cảm xúc thụ động có thể bị khơi dậy vì bất cứ một đối tượng nào, cũng như dây nho có thể leo trên bất cứ một cây nào. Người khôn ngoan ở đời phải thừa nhận sức mạnh của nó khi nó thúc giục một cô gái lấy người đàn ông yêu mình với niềm tin chắc chắn rằng tình yêu sẽ đến sau. Đó là một thứ cảm xúc được hình thành bởi sự mãn nguyện được an toàn, sự hãnh diện về của cải, niềm khoái cảm được người khác say mê, sự hài lòng về một gia đình, và chỉ vì một thói kiêu căng đáng yêu mà giới phụ nữ gán cho nó cái giá trị tinh thần. Đó là một thứ xúc cảm không có khả năng tự vệ chống lại đam mê. Tôi ngờ rằng việc Blanche Stroeve ghét cay ghét đắng Strickland ngay từ đầu đã hàm chứa bên trong một yếu tố mơ hồ của sự lôi cuốn nhục dục. Tôi là ai mà cố tìm cho ra manh mối những điều phức tạp của giới tính? Có lẽ sự si mê của Stroeve đã khơi dậy nhưng không thỏa mãn được khía cạnh đó của bản chất chị ta, và chị ta đã ghét Strickland vì cảm thấy ông ta có cái khả năng cho chị điều chị cần. Tôi nghĩ chị ta hoàn toàn thật tình khi chống lại mong muốn của chồng là đưa ông ta về phòng vẽ. Tôi nghĩ chị đã hoảng sợ ông ta, dù không biết tại sao, và tôi nhớ chị ta đã thấy trước tai họa sẽ như thế nào rồi. Tôi nghĩ rằng bằng một cách kỳ lạ nào đó, sự khiếp sợ mà chị cảm thấy đối với ông ta chính là sự chuyển hóa của sự khiếp sợ mà chị cảm thấy đối với chính mình, bởi vì ông ta đã làm cho chị dao động một cách quá kỳ lạ. Diện mạo

của ông ta thật man dại và thô lỗ; có một nét lạ lùng trong đôi mắt ông và một vẻ nhục cảm ở cái miệng. Ông ta to lớn và khỏe mạnh, ông tạo ra ấn tượng về một niềm đam mê không kìm hãm nổi. Có lẽ chị ta cũng cảm thấy được ở ông chính cái yếu tố hung hãn đã làm cho tôi nghĩ đến những con người man dã của thời tiền sử khi mà vật chất còn giữ được mối quan hệ nguyên thủy với trái đất và hình như còn có một linh hồn cho riêng mình. Nếu rốt cuộc ông ta đã c ảnh hưởng đến chị ta thì không thể nào tránh khỏi việc chị sẽ yêu hoặc ghét ông ta. Chị đã ghét ông ta.

Và rồi tôi tưởng tượng sự tiếp xúc quen thuộc hàng ngày với người bệnh đã gây xúc động cho chị một cách kỳ lạ. Chị nâng đầu ông ta lên để cho ăn, và nó nặng trĩu trên tai chị. Khi chị cho ông ta ăn, chị lau cái miệng đầy nhục tính và bộ râu đỏ của ông. Chị rửa chân tay phủ đầy lông cho ông ta, và khi chị lau đôi bàn tay của ông, mặc dù đang bệnh chúng vẫn có vẻ răn rỏi và gân guốc. Những ngón tay của ông dài. Đó là những ngón tay có khả năng sáng tạo của người nghệ sĩ, tôi không biết chúng đã khơi dậy nơi chị những ý nghĩ rối rắm phức tạp nào. Ông nằm ngủ rất yên tĩnh, không động đậy gì, như thể đã chết. Trông ông giống một tạo vật hoang dã nào đó trong rừng đang nghỉ ngơi sau một cuộc săn đuổi dài. Chị ta thắc mắc không biết những hình ảnh tưởng tượng nào đã diễn ra trong những giấc mơ của ông. Ông ta có mơ thấy một nữ thần bị thần Dê đuổi theo ráo riết đang bay ngang qua khu rừng Hy Lạp không? Nữ thần chạy trốn, chân bước thoăn thoắt và tuyệt vọng, còn thần Dê từng bước, từng bước đuổi kịp nàng, cho đến khi nàng cảm thấy hơi thở nồng ấm của ông trên má nàng, và sau cùng khi ông đã cầm được tay nàng thì không biết đó là nỗi kinh khiếp hay niềm say mê ngây ngất đã làm cho tim nàng rung lên.

Niềm khao khát đã tàn bạo bầu chặt lấy Blanche Stroeve. Có lẽ chị ta vẫn còn ghét Strickland nhưng chị thêm khát ông ta, và tất cả những gì đã làm nên cuộc sống của chị ta lúc này trở nên vô nghĩa. Chị không còn là

một người đàn bà, phức tạp, tử tế và nóng nảy, chi đáo và nhẹ dạ; chị là là một Maenad^[43]. Chị là sự khát khao.

Nhưng có lẽ đây chỉ hoàn toàn là tưởng tượng. Có thể do đã chán chồng, chị đến với Strickland vì một sự tò mò khô khan nào đó. Có thể chị ta không có một cảm xúc đặc biệt nào với ông ta, nhưng do gần gũi hoặc do tình trạng ăn không ngời rồi chị đâm ra khao khát ông ta, để rồi khám phá ra rằng chị bất lực trong cái bẫy mà chính chị đã tự giăng ra. Làm sao tôi biết được có những ý nghĩ và những cảm xúc nào đằng sau vầng trán bình thản và đôi mắt màu xám lạnh lùng kia?

Nhưng nếu người ta không thể chắc chắn về bất cứ một điều gì có liên hệ đến những tạo vật không thể nào lường trước được như con người, thì vẫn có những sự giải thích thái độ của Blanche Stroeve mà suy cho cùng có vẻ hợp lý. Ngoài ra, tôi không hiểu gì hết về Strickland. Tôi nặn óc tìm, nhưng không cách nào có thể được một hành động quá trái ngược với khái niệm của tôi về ông ta. Không lạ gì khi ông ta có thể nhẫn tâm phản bội lòng tin của bạn bè đến thế, cũng không lạ gì khi ông không chút ngần ngại để thỏa mãn một ý thích nhất thời bằng cái giá của sự khổ sở của người khác. Đó là tính khí của ông. Ông là một người không có khái niệm gì về lòng biết ơn. Ông không hề biết cảm thông. Những tình cảm thông thường đối với hầu hết chúng ta không hề có trong ông. Thật là vô lý khi trách ông không có những tình cảm đó vì chẳng khác nào trách con cọp bởi bó hung dữ và tàn bạo. Nhưng chính cái thích nhất thời là điều tôi không thể nào hiểu được.

Tôi không tin Strickland phải lòng Blanche Stroeve. Tôi không tin ông ta có thể yêu đương được. Đó là một thứ tình cảm mà trong đó sự dịu dàng là yếu tố chủ yếu, nhưng Strickland không hề dịu dàng với chính mình cũng như với người khác. Trong tình yêu có một sự ý thức về sự mềm yếu, một ao ước bảo vệ, một sự hăm hở làm điều tốt và tạo ra vui thú, nếu không phải là lòng vị tha thì ít ra cũng là một thứ ích kỷ được che đậy một cách kỳ

diệu; trong đó có một sự thiếu tự tin nào đó. Đây không phải là những điều tôi có thể tìm được ở Strickland. Tình yêu thật là hấp dẫn, nó làm cho người đang yêu không tự chủ được. Người sáng suốt nhất, dù có thể biết rõ đi nữa, cũng không thể nào thừa nhận rằng tình yêu chịu đựng lại; nó biến thành hiện thực điều mà anh ta biết là ảo tưởng, và, dù biết nó không phải là cái gì khác, anh ta vẫn yêu nó hơn là cái có thực. Nó làm cho một người nào đó có phần lớn hơn chính bản thân mình nhưng đồng thời cũng có phần nhỏ bé đi. Anh ta không còn là anh ta nữa. Anh ta không còn là cá nhân nữa, nhưng là một sự vật, một công cụ cho một mục đích nào đó xa lạ với chính bản thân anh ta. Tình yêu không bao giờ thiếu tính đa cảm, nhưng trong số những người tôi quen biết, Strickland lại là người ít thiên về sự mềm yếu đó nhất. Tôi không thể tin rằng ông ta chịu đựng được sự chiếm hữu của chính mình trong khi tình yêu lại là một sự chiếm hữu; ông không bao giờ chịu đựng được một sự ràng buộc xa lạ nào. Tôi không tin ông có thể trừ tiệt khỏi lòng mình bất cứ điều gì khác ngoài chính ông và niềm khao khát không hiểu được kia đã liên miên thúc giục ông tìm tới điều mà ông không biết là cái gì, cho dù có gây khổ đau đến nỗi ông phải bị hành hạ và đổ máu. Nếu sau cùng tôi có thành công trong việc diễn tả được cái ấn tượng mà Strickland đã gây cho tôi thì sẽ không quá đáng khi tôi nói rằng tôi cảm thấy ông vừa quá vĩ đại đồng thời vừa quá nhỏ bé trong tình yêu.

Nhưng tôi cho rằng quan niệm của mỗi người về tình yêu được hình thành dựa trên khí chất riêng của mình và đối với mỗi người thì mỗi khác. Một người như Strickland sẽ yêu theo cái lối riêng biệt của ông. Và nếu cứ tìm cách giải thích niềm xúc cảm của ông thì sẽ không có kết quả gì.

Ngày hôm sau, mặc dù tôi đã ép anh ở lại, Stroeve vẫn bỏ đi. Tôi tự nguyện đến phòng vẽ để lấy đồ đạc của anh, nhưng anh cứ nằng nặc đòi để tự mình đi lấy. Tôi nghĩ anh hy vọng là không ai lo gom chúng lại, như thế anh sẽ có dịp gặp lại vợ và không chừng là dịp để anh nài nỉ chị ta trở về với anh.

Nhưng anh đã thấy đồ đạc quần áo của anh được để sẵn ở nhà người gác cổng và ông này bảo cho anh biết Blanche đi vắng. Tôi không nghĩ rằng anh ta cưỡng lại được sự cảm dỗ muốn thổ lộ cho chị ta thấy những nỗi khổ đau của mình. Tôi thấy anh ta thổ lộ với mọi người anh quen biết, anh mong sự cảm thông, nhưng ngược lại nó chỉ gây tức cười mà thôi.

Anh xử sự không thích hợp chút nào. Biết được giờ giấc vợ đi chợ, một bữa kia, không thể chịu đựng lâu hơn nữa tình trạng chưa được gặp chị ta, anh đã chặn chị ngoài đường. Chị ta không nói gì với anh, nhưng anh cứ nói. Anh ta ấp a ấp úng xin lỗi về bất cứ điều sai trái gì với chị ta mà anh đã phạm. Anh bảo anh yêu chị ta hết lòng và anh xin chị trở về với anh. Chị ta không trả lời, hồi hả đi, mặt quay sang chỗ khác. Tôi tưởng tượng thấy cặp giò mập và ngắn của anh cố đuổi cho kịp chị ta. Vừa thở hổn hển vì vội vàng, vừa nói cho chị ta biết anh khổ sở như thế nào, anh van xin chị thương xót anh. Anh hứa làm tất cả những gì chị ta muốn, nếu chị tha thứ cho anh. Anh đề nghị đưa chị đi du lịch một chuyến. Anh nói cho chị biết rằng Strickland sẽ chán chị ngay thôi. Khi anh kể lại cho tôi nghe toàn bộ màn kịch ngăn hèn hạ đó, tôi cảm thấy bị sỉ nhục. Anh đã tỏ ra không còn chút ý thức và tư cách nào cả. Anh không chừa một điều gì có thể làm cho vợ anh khinh bỉ. Không có một sự độc ác nào lớn hơn sự độc ác của một người đàn bà dành cho một người đàn ông yêu chị ta mà chị ta không yêu

lại, lúc ấy chị ta không còn tử tế, không còn khoan dung gì cả, chị ta chỉ còn muốn chọc tức cho phát điên lên mà thôi. Thành linh, Blanche Stroeve dừng lại, lấy hết sức bình sinh tát một cái vào mặt chồng. Chị lợi dụng lúc anh đang choáng váng mặt mày để thoát đi, chạy lên cầu thang về phòng vẽ. Mối chị vẫn không hé một lời nào.

Khi anh kể cho tôi nghe chuyện này, anh sờ vào má như thể anh còn cảm thấy sự đau đớn của cái tát, trong đôi mắt anh lộ ra một nỗi đau khổ đang giày vò và một sự kinh ngạc thật buồn cười. Trông anh giống như một cậu học trò thiếu não và mặc dù tôi cảm thấy buồn cho anh ta, tôi vẫn không thể nào nín cười được.

Sau đó, anh thường qua lại con đường mà chị ta phải đi qua để đến các cửa hàng; anh đứng lại góc đường phía bên kia mỗi khi chị ta đi qua. Anh không dám nói với chị ta nữa, nhưng anh cố đặt hết sự cầu khẩn trong tâm hồn vào cặp mắt tròn xoe của mình. Tôi cho rằng anh mong cái nhìn khốn khổ của anh sẽ làm chị ta mềm lòng. Chị không bao giờ tỏ một dấu hiệu nhỏ nào chứng tỏ chị nhìn thấy anh ta. Chị vẫn không hề thay đổi giờ giấc đi làm những chuyện lặt vặt hoặc tìm một con đường đi khác. Tôi nghĩ trong cái vẻ dửng dưng của chị ta có cả một sự độc ác nào đó. Có lẽ chị ta lấy làm thích thú khi hành hạ anh như vậy. Tôi lấy làm ngạc nhiên tại sao chị lại ghét anh ta dữ như vậy.

Tôi yêu cầu Stroeve xử sự khôn ngoan hơn. Sự thiếu bản lĩnh của anh thật đáng bực mình.

- Anh sẽ chẳng làm gì cho ra hồn nếu cứ tiếp tục như thế này, - tôi nói. - Tôi nghĩ nếu anh khôn hơn, anh đã đập một gậy vào đầu chị ta rồi. Chị ta sẽ không khinh bỉ anh như bây giờ.

Tôi đề nghị anh nên về quê một thời gian. Anh thường nói với tôi về cái thành phố yên tĩnh ấy, một nơi nào đó ở miền Bắc Hà Lan, có bố mẹ anh đang sống. Họ là những người dân nghèo. Bố anh làm thợ mộc, sống trong một ngôi nhà gạch đỏ nhỏ bé và cũ kỹ, ngăn nắp và sạch sẽ, bên cạnh con kênh lững lờ. Đường phố rộng rãi và vắng vẻ. Thời vàng son ở đó cách đây đã hai trăm năm rồi, nhưng những ngôi nhà vẫn giữ được vẻ uy nghi giản dị của quá khứ. Vào thời ấy những nhà buôn giàu có ở đây đã phát to và sống thanh thản, họ thường gửi hàng hóa đến bán ở những vùng Đông Nam Á xa xôi, và trong thời kỳ sa sút trầm trọng họ vẫn còn giữ được lại cái hương vị của quá khứ huy hoàng. Người ta có thể đi lang thang dọc theo con kênh ra đến những cánh đồng xanh bao la, cối xay gió rải rác đó đây, đàn gia súc con đen con trắng đang uể oải gặm cỏ. Tôi nghĩ rằng giữa khung cảnh ấy, với những kỷ niệm thời thơ ấu, Dirk Stroeve có thể quên đi nỗi bất hạnh của mình. Nhưng anh không chịu đi.

- Tôi phải ở đây khi cô ta cần đến tôi,- anh ta lặp lại.- Thật là khủng khiếp nếu có một chuyện ghê gớm nào đó xảy ra mà tôi lại không có mặt.

- Anh nghĩ chuyện gì sẽ xảy ra n?- Tôi hỏi.

- Tôi không biết. Nhưng tôi sợ.

Tôi nhún vai.

Dù đau khổ ê chề, Dirk Stroeve vẫn có cái vẻ buồn cười. Có thể anh sẽ gây được lòng trắc ẩn nếu anh hốc hác và gầy đi. Nhưng anh lại không thế. Anh vẫn mập béo và đôi má đỏ phúng phính của anh bóng như những quả táo chín. Anh là người ăn mặc rất gọn gàng, anh vẫn mặc chiếc áo choàng màu đen bành bao và đội chiếc mũ tròn luôn luôn có vẻ quá nhỏ đối với anh với một cung cách sang trọng, thông dong. Bụng anh đang có chiều hướng phệ ra, vì nỗi đau buồn không ảnh hưởng gì đến nó. Hơn bao giờ

hết, trông anh giống như một anh chàng hàng phát đạt. Thật là gay khi về bề ngoài của một anh đàn ông lại ít phù hợp với tâm hồn của anh ta. Dirk Stroeve có trái tim say đắm của Roméo và thân hình của ngài Toby Belch^[44]. Bản chất của anh niềm nở và rộng rãi, nhưng luôn luôn sai lầm ngớ ngẩn; có khả năng cảm thụ được cái đẹp nhưng chỉ sáng tạo được cái tầm thường; tình cảm đặc biệt tinh tế nhưng cung cách lại thô kệch. Việc người thì sáng nhưng anh lại quáng việc mình. Trời già chơi thật là khăm khi vung vãi một lúc quá nhiều yếu tố mâu thuẫn nhau, để con người phải mặt đối mặt với sự nhần tâm khó hiểu của vũ trụ.

Đã mấy tuần tôi không gặp Strickland. Tôi chán ghét ông ta, và nếu có dịp tôi sẽ sẵn sàng nói cho ông ta biết điều đó, nhưng tôi không định tìm ông ta vì mục đích này. Tôi hơi dè dặt với bất cứ hình thức giận dữ nào. Trong đó bao giờ cũng có cái yếu tố tự mãn là điều làm cho người có óc khôi hài phải lúng túng. Cần phải có một sự hăng say để tôi rèn luyện kỹ năng chế giễu của mình. Sự thành thật mĩa mai của Strickland khiến tôi đâm ra nhạy cảm với bất cứ chuyện gì có thể tỏ rõ một thái độ.

Nhưng vào một chiều chạng vạng tối, khi tôi đi dọc đại lộ Clichy ngang qua quán cà phê mà Strickland thường lui tới và cũng là nơi lúc này tôi thường tránh, tôi lại gặp ngay ông ta. Blanche Stroeve cùng đi với ông, họ đang bước tới cái góc mà Strickland thích

- Quý tha ma bắt, anh trốn tiệt đâu mất bấy lâu nay?- Ông ta nói.- Tôi nghĩ chắc anh đã đi xa rồi chứ.

Thái độ thân thiện của ông chứng tỏ ông biết tôi không muốn nói chuyện với ông. Ông không phải là người đáng mất công phải cư xử lịch sự.

- Không,- tôi nói,- tôi không đi đâu cả.

- Sao anh không lại đây?

- Ở Pari này có khối quán cà phê để giết thì giờ nhàn rỗi chứ phải có một đâu?

Lúc ấy Blanche đưa tay ra và chào tôi. Tôi không biết tại sao tôi lại định ninh sẽ thấy chị ta có một cái gì đó đối khác. Chị vẫn mặc chiếc áo màu xám mà chị thường mặc, gọn gàng và vừa vặn, vầng trán vẫn trầm tĩnh, đôi mắt không bối rối, như tôi quen thấy lúc chị ta bận bịu những công việc nội trợ trong phòng vẽ.

- Lại đây chơi một ván cờ đi.- Strickland bảo.

Không biết sao lúc ấy tôi lại không nghĩ đến việc từ chối. Mặt hơi sưng sứa, tôi theo họ đến bàn Strickland thường ngồi. Ông gọi mang bàn cờ và quân cờ ra. Cả hai người đều coi tình huống lúc bấy giờ như là một chuyện tự nhiên nên tôi thấy thật vô lý nếu xử sự khác đi. Chị Stroeve nhìn ván cờ với vẻ mặt khó hiểu. Chị im lặng như chị vẫn thường im lặng. Tôi nhìn lên miệng chị để xem có biểu hiện một cảm nghĩ gì. Tôi nhìn đôi mắt chị để xem có lóe tia sáng nào gợi lên một tình trạng mất tinh thần hoặc đau khổ đảng cay nào không. Tôi nhìn chăm chú vầng trán của chị thử tìm có một nét thoáng qua nào cho thấy một cảm xúc lằng dụa không. Gương mặt của chị là một chiếc mặt nạ không nói lên một điều gì. Đôi bàn tay của chị đặt trong lòng, bất động, nắm chặt lấy nhau, hừng hờ. Tôi biết từ những gì được nghe nói, rằng chị là một người đàn bà có những tình cảm dữ dội, và cái tát thóa mạ mà chị giáng cho Dirk, người đã yêu chị tha thiết, tố cáo cái tính khí bất thường và một sự độc ác ghê tởm. Chị đã từ bỏ sự che chở an toàn của chồng và sự an nhàn thoải mái của một cơ ngơi đầy đủ tiện nghi để đổi lấy một cái mà chị không thấy gì khác ngoài sự may rủi tột cùng. Điều đó cho thấy cả một sự háo hức phiêu lưu, sẵn sàng chấp nhận một cuộc sống giật gấu vá vai, mà tính siêng năng, đảm đang cũng như sự yêu nội trợ không có lợi ích đáng kể nào. Chị ta hẳn là một người đàn bà tính tình phức tạp và có một cái gì đó có vẻ bi đát trái ngược với bề ngoài kín đáo của chị.

Tôi đã bị kích động mạnh vì cuộc gặp gỡ đó; trí tưởng tượng của tôi phải làm việc cật lực trong khi tôi đang cố tập trung vào ván cờ. Tôi luôn luôn gắng hết sức để thắng Strickland vì ông ta là tay chơi cờ hay khinh bỉ đối thủ bị ông hạ; cái vẻ hả hê trong chiến thắng của ông làm cho sự thua cuộc khó chịu hơn. Mặt khác, khi ông bị hạ, ông chấp nhận nó hoàn toàn vui vẻ. Ông là người thắng cuộc xấu nết và là người thua cuộc tốt bụng. Những ai cho rằng người ta sẽ để lộ tính tình của mình không đâu rõ bằng lúc chơi cờ có thể rút được ở đây những kết luận hay ho nhất.

Khi chúng tôi chơi xong ván cờ, tôi gọi bồi bàn trả tiền thức uống và bỏ đi. Cuộc gặp gỡ không có gì hào hứng. Không có một lời nào làm tôi phải suy nghĩ, và bất cứ điều phỏng đoán nào mà tôi có thể nghĩ ra đều không có gì đảm bảo. Tôi rất ngạc nhiên. Tôi không thể nói được họ đang sống như thế nào. Tôi họa chăng có là thần thánh mới mong thấy được cuộc sống riêng tư của họ trong phòng vẽ, và mới nghe được những điều họ nói với nhau. Không có lấy một dấu hiệu nhỏ nào cho trí tưởng tượng của tôi làm việc.

Hai ba ngày sau, Dirk Stroeve ghé thăm tôi.

- Tôi nghe nói anh có gặp Blanche, - anh ta nói.

- Làm thế nào anh biết được?

- Có người bảo thấy anh ngồi với họ. Sao anh không cho tôi biết?

- Tôi nghĩ điều đó chỉ làm anh đau khổ mà thôi.

- Nếu thế thì tôi bận tâm? Anh phải biết rằng tôi muốn nghe cả những chi tiết vụn vặt nhất về cô ấy.

Tôi chờ anh ta đặt ra những câu hỏi.

- Trông cô ấy ra sao?- Anh hỏi.

- Không hề thay đổi gì.

- Cô ấy có vẻ hạnh phúc không?

Tôi nhún vai.

- Tôi có thể kể như thế nào nhỉ? Chúng tôi ngồi trong quán cà phê, chúng tôi chơi cờ, tôi chẳng có dịp nào để nói chuyện với chị ta cả.

- Ô, nhưng anh không thể nói qua về gương mặt của cô ấy sao?

Tôi lắc đầu. Tôi chỉ có thể lặp lại rằng không một lời nào, không một cử chỉ nào biểu hiện tình cảm của chị ta. Anh phải biết rõ hơn tôi khả năng tự chủ của chị ta mạnh đến thế nào. Anh ta nắm chặt đôi bàn tay lại một cách xúc động.

- Ôi, tôi sợ quá. Tôi biết có một chuyện gì đó sắp xảy ra, một cái gì đó thật khủng khiếp mà tôi không thể làm gì để ngăn chặn.

- Nhưng chuyện gì? - Tôi hỏi.

- Ô, tôi không biết,- anh ta than vãn, hai tay ôm lấy đầu.- Tôi đoán thấy một tai họa khủng khiếp nào đó.

Stroeve luôn luôn dễ bị kích động, nhưng khi anh còn tự chủ thì không nói lý được với anh ta. Tôi nghĩ chắc chắn Blanche Stroeve sẽ không sống nổi với Strickland, nhưng một trong những câu tục ngữ sai lầm nhất là câu “Anh phải nằm trên giường anh đã dọn”. Kinh nghiệm cuộc sống cho thấy người ta luôn luôn làm những điều dẫn đến tai họa và rồi nhờ một dịp may nào đó họ thoát được hậu quả do hành động dại dột của mình gây ra. Khi Blanche cãi vã với Strickland, chị chỉ còn có cách là bỏ ông ta mà đi, và chồng chị vẫn nhẫn nhục chờ đợi để tha thứ và quên đi lỗi lầm của chị. Tôi không hề cảm thấy thương cảm chị ta chút nào.

- Anh thấy đó, bởi vì anh không yêu cô ấy.- Stroeve nói.

- Dẫu sao thì cũng không có gì chứng minh chị ta không được hạnh phúc. Theo những gì chúng ta biết thì họ có thể đã trở thành một đôi vợ chồng đầm ấm nhất.

Stroeve nhìn tôi bằng cặp mắt đau khổ.

- Dĩ nhiên, việc ấy chẳng quan trọng gì cho lắm đối với anh, nhưng với tôi nó rất hệ trọng, vô cùng hệ trọng.

Tôi áy náy không biết mình có vẻ gì nóng nảy hoặc đùa cợt với anh ta không.

- Anh có sẵn lòng giúp tôi một việc nào đó không?- Stroeve hỏi.

- Rất sẵn lòng.

- Anh viết thư cho Blanche giùm tôi nhé.

- Sao anh không tự viết lấy?

- Tôi đã viết nhiều lần rồi. Không mong gì cô ta trả lời tôi đâu. Tôi không nghĩ rằng cô ta đọc những bức thư ấy.

- Anh không để ý gì đến tính hiếu kỳ của phụ nữ. Anh nghĩ cô ta có thể cưỡng lại sự hiếu kỳ ấy à?

- Đối với những bức thư của tôi thì có thể lắm chứ.

Tôi liếc nhanh anh ta. Anh ta nhìn xuống. Tôi thấy câu trả lời đó có vẻ nhục nhã làm sao ấy. Anh biết rõ chị ta lạnh nhạt với anh đến độ nhìn thấy chữ viết của anh mà không hề có một chút cảm xúc nào.

- Anh có thật sự tin rằng chị ta sẽ trở về với anh không?- Tôi hỏi.

- Tôi muốn cô ấy biết rằng trong bất cứ chuyện tồi tệ nào có thể xảy đến, cô ấy đều có thể nhờ tôi giúp đỡ. Đó là điều tôi muốn

Tôi lấy ra một tờ giấy.

- Đúng ra, anh muốn tôi nói gì nào?

Đây là điều tôi viết:

Chị Stroeve thân mến

Dirk muốn tôi nói để chị biết là bất cứ lúc nào chị cần đến, anh ấy sẽ sẵn sàng giúp đỡ chị. Anh ấy không hề oán trách chị về bất cứ chuyện gì đã xảy ra. Tình yêu của anh ấy dành cho chị không hề thay đổi. Chị có thể tìm anh ấy bất cứ lúc nào theo địa chỉ sau đây:...

Mặc dầu tôi không tin như Stroeve rằng quan hệ giữa Strickland và Blanche rồi sẽ kết thúc thảm khốc, nhưng tôi không ngờ hậu quả lại xảy ra bi thảm như vậy. Mùa hè đã đến, trời đứng gió, không khí ngột ngạt, về đêm cũng không có lấy một chút mát mẻ nào để thần kinh mệt mỏi của người ta được thoải mái. Đường phố nóng như thiêu như đốt dường như đang trả lại sức nóng đã ập xuống chúng suốt cả ngày. Người qua lại lê gót mệt nhọc dọc những con đường ấy. Đã nhiều tuần rồi, tôi không gặp Strickland. Do bận rộn với nhiều việc khác, tôi không còn nghĩ đến ông và những việc làm của ông nữa. Dirk, với những lời than vãn vô ích, bắt đầu quấy rầy tôi, nên tôi tránh gặp. Đó là một điều đê tiện, nhưng tôi không muốn gây thêm phiền hà cho mình nữa.

Một buổi sáng nọ, tôi đang ngồi làm việc, trong bộ đồ ngủ. Tôi thả hồn nghĩ đến những bãi biển nắng cháy của nước Anh và không khí mát mẻ của biển cả. Bên cạnh tôi là một cái tách không mà bà gác dan đã dùng để đem cà phê sữa cho tôi và mẩu bánh sừng bò mà tôi đã ăn không mấy ngon lành. Tôi nghe tiếng bà gác dan đổ nước tắm cho tôi ở phòng bên. Có tiếng chuông kêu, tôi để bà ta ra mở cửa. Liên sau đó tôi nghe rõ giọng của Stroeve hỏi tôi có ở nhà không. Không hề nhúc nhích, tôi gọi anh ta. Anh bước nhanh vào phòng, đi đến tận bàn tôi đang ngồi.

- C tự tử rồi. - anh nói giọng khàn khàn.

- Anh nói gì thế?- Tôi kinh ngạc ku lên.

Anh ta mấp máy môi như nói nhưng không nên lời. Anh ta lắp bắp như một thằng điên. Tim tôi đập thình thịch trong lồng ngực, tôi không hiểu sao

mình lại phát tức lên.

- Trời đất, bình tĩnh lại đi!- tôi nói.- Anh nói chuyện gì thế?

Anh ta giơ tay thất vọng, miệng vẫn không thốt được lời nào. Có thể anh ta bị cảm mất rùi. Tôi không biết chuyện gì xảy đến với tôi nữa, tôi nắm vai anh ta và lắc. Khi nghĩ lại, tôi tức bực vì mình đã xử sự như một thằng điên. Tôi cho rằng những đêm không ngủ vừa rồi đã làm cho thần kinh của tôi căng thẳng mà không biết.

- Hãy để tôi ngồi xuống đã,- sau cùng anh ta thở hển hển nói.

Tôi rót đầy một ly Saint Galmier và đưa cho anh ta uống. Tôi đưa đến tận miệng anh như cho một đứa bé uống vậy. Anh hớp một ngụm, và rượu chảy xuống ngực áo sơ mi của anh.

- Ai tự tử?

Không biết tại sao tôi lại hỏi thế; tôi biết anh ta muốn nói ai rồi. Anh ta cố gắng bình tĩnh trở lại.

- Tối qua họ cãi nhau. Ông ta bỏ đi.

- Chị ấy chết rồi à?

- Không, người ta đã đưa cô ấy đến bệnh viện.

- Thế, anh vừa mới nói gì đó?- Tôi nóng nảy la toáng lên.- Tại sao anh bảo chị ấy tự tử?

- Đừng cáu lên với tôi. Tôi không thể cho anh biết một điều gì nếu anh cáu với tôi như thế.

Tôi siết chặt bàn tay, tìm cách dẫn cơn giận của mình. Tôi cố mỉm cười.

- Xin lỗi. Anh cứ thông thả. Đừng vội. Có bạn tốt của anh đây.

Đôi mắt xanh tròn xoe sau cặp kính thất thần đi vì kinh sợ. Chính đôi kính cận anh đeo đã làm mắt anh ta méo mó đi.

- Sáng nay, bà gác dan lên đưa cái thư, bà không nghe thấy tiếng trả lời khi bà bấm chuông. Bà nghe ai đó đang rên. Bà mở cửa ra, bước vào. Blanche nằm dài trên giường. Trông cô đau đớn khủng khiếp. Có một chai axit ôxalic trên bàn.

Stroeve lấy tay che mặt và lắc lư rên rĩ.

- Chị ấy còn tỉnh không?

- Còn. Ôi, nếu anh biết được cô ấy đau đớn như thế nào! Tôi không thể chịu được. Tôi không thể chịu được.

Giọng anh vang lên như sét.

- Quý tha ma bắt anh đi,- tôi nóng nảy la lên, - anh không chịu được, nhưng chị ta chịu được.

- Sao anh tàn nhẫn thế?

- Anh đã làm gì rồi?

- Người ta gọi bác sĩ và gọi cho tôi, họ báo cho cảnh sát. Tôi có đưa cho người gác dan hai mươi phrăng và bảo báo cho tôi biết nếu có chuyện gì xảy ra.

Anh ta ngừng một lúc, tôi nhận ra rằng điều anh phải nói cho tôi biết thật là khó nói ra.

- Khi tôi đến, cô ấy không muốn nói chuyện với tôi, và bảo người ta đuổi tôi đi. Tôi thề sẽ tha thứ tất cả mọi chuyện, nhưng cô ấy không nghe. Cô ấy cố đập đầu vào tường. Bác sĩ bảo tôi đừng ở lại. cô ấy vẫn luôn miệng nói “Đuổi anh ấy đi”. Tôi đi ra và đợi ở phòng vẽ. Khi xe cứu thương đến, người ta đặt cô ấy lên cáng và bảo tôi vào trong nhà bếp để cô ấy không biết là tôi có mặt ở đ">

Khi tôi mặc quần áo- Stroeve muốn tôi đi đến bệnh viện ngay với anh ta- anh cho tôi biết anh đã thu xếp cho vợ anh có một phòng riêng, để ít ra chị ta không phải chịu đựng tình trạng hỗn tạp bẩn thỉu của cái phòng chung. Trên đường đi anh giải thích lý do tại sao anh muốn tôi có mặt: nếu chị ta vẫn từ chối gặp anh, có thể chị sẽ chịu gặp tôi. Anh yêu cầu tôi nhắc lại cho chị ta biết rằng anh vẫn muốn giúp đỡ chị. Anh không trách móc chị điều gì, chỉ muốn giúp đỡ chị mà thôi; anh không đòi hỏi gì ở chị và khi chị bình phục anh sẽ không ép chị trở về với anh, chị được tự do hoàn toàn.

Nhưng khi chúng tôi đến bệnh viện- một tòa nhà âm đạm hoang vắng mà chỉ nhìn thôi cũng đủ làm người ta phát đau tim- sau khi được chỉ dẫn đến hết nhân viên này tới nhân viên khác, bước lên những cầu thang vô cùng tận, đi qua hết những hàng lang dài vắng người, và cuối cùng gặp bác sĩ trực ca, chúng tôi được cho biết bệnh tình của bệnh nhân quá nặng, không thể gặp bất kỳ ai trong ngày hôm đó. Bác sĩ là một người nhỏ thó, để râu, mặc áo trắng, thái độ thoải mái. Rõ ràng, ông xem trường hợp nào cũng như trường hợp nào, và coi những thân nhân hay lo lắng như một sự phiền

phức phải đối xử cứng rắn. Hơn nữa, đối với ông, chuyện quá thường tình; đó chỉ là một người đàn bà rối loạn thần kinh, cãi vã với người yêu và uống thuốc độc- một chuyện vẫn thường xảy ra. Ban đầu ông nghĩ rằng Dirk chính là nguyên nhân của tai họa, và ông đã có thái độ lỗ mãng với anh ta một cách không cần thiết. Khi tôi giải thích rằng anh ta là người chồng, sẵn sàng tha thứ cho vợ, ông đột ngột nhìn anh bằng con mắt tò mò, dò hỏi. Tôi thấy hình như trong đôi mắt ấy lộ vẻ chế giễu. Nom Stroeve lúc ấy, rõ ràng anh là một ông chồng bị cấm sừng. Ông bác sĩ khẽ nhún vai.

- Trước mắt chẳng nguy hiểm gì, - ông ta trả lời câu hỏi của chúng tôi.- Người ta không biết cô ta uống bao nhiêu. Có thể cô ta sẽ thoát khỏi cơn hoảng hồn. Đàn bà thường tự tử vì tình, nhưng nhìn chung họ chú ý không để cho mình chết thật. Đó chẳng qua là một hành động nhằm gây lòng thương xót và sự hoảng sợ của người yêu.

Trong câu nói của ông bác sĩ, có cái giọng khinh miệt lãnh đạm. Rõ ràng, đối với ông, Blanche chỉ là một đơn vị để thêm vào cái danh sách thống kê của những người cố tình tự tử ở thành phố Pari trong năm nay. Ông ta bận, không muốn mất thêm thì giờ với chúng tôi. Ông ta bảo chúng tôi rằng nếu chúng tôi đến vào một giờ nào khác ngày hôm sau, chắc Blanche sẽ khá hơn và có thể thăm gặp được.

Tôi không biết rõ ngày hôm đó đã trôi qua như thế nào. Stroeve không thể ở một mình được và tôi phải mệt mỏi rã rời vì cố làm cho anh khuây khỏa. Tôi đưa anh đến bảo tàng Louvre, anh làm ra vẻ xem tranh, nhưng tôi thấy đầu óc anh luôn nghĩ đến vợ. Tôi ép anh ta ăn bữa trưa, sau đó tôi giục anh ta đi nằm, nhưng anh không sao ngủ được. Anh sẵn sàng chấp nhận lời tôi mời anh ở lại phòng tôi vài hôm. Tôi đưa sách cho anh đọc, nhưng đọc được một hai trang, anh bỏ quyển sách xuống và nhìn chăm chăm vào khoảng không một cách khổ sở. Suốt buổi tối, chúng tôi đã chơi không biết bao nhiêu ván bài pike^[45], và, một cách can đảm, anh cố tỏ ra thích thú để không làm thất vọng những cố gắng của tôi. Sau cùng tôi đưa anh một liều thuốc ngủ, và anh chìm trong giấc ngủ đầy âu lo.

Khi trở lại bệnh viện, chúng tôi gặp một xơ y tá. Xơ cho biết Blanche có vẻ khá hơn một chút, rồi xơ trở lại hỏi xem chị ta có muốn gặp chồng không. Chúng tôi nghe tiếng nói trong phòng chị ta nằm, rồi xơ trở ra bảo bệnh nhân từ chối gặp bất cứ ai. Chúng tôi bảo xơ là nếu chị ta từ chối gặp Dirk thì nhờ xơ hỏi xem chị ta có chịu gặp tôi không, nhưng chị ta cũng từ chối nốt. Môi của Dirk run lên.

- Tôi không dám nài nỉ,- xơ y tá nói. - Cô ấy bệnh nặng quá. Có lẽ một, hai ngày nữa cô ấy sẽ đổi ý.

- Cô ấy có muốn gặp người nào khác không?- Dirk hỏi, giọng hạ thấp gần như một lời nói thầm.

- Cô ấy nói cô ấy chỉ muốn được yên.

Tay của Dirk cử động một cách kỳ lạ, bằng một động tác riêng như thể chẳng có liên quan gì đến thân thể anh cả.

- Nhờ xơ nói cho cô ấy biết, nếu cô ấy muốn gặp một người nào khác, tôi sẽ đưa người ấy đến. Tôi chỉ muốn nàng được hạnh phúc.

Xơ y tá nhìn anh với đôi mắt trầm tĩnh, tử tế, đôi mắt ấy đã từng nhìn thấy tất cả nỗi khiếp sợ và đau khổ của trần gian, và bây giờ đầy ảo tưởng về một thế gian không tội lỗi, đôi mắt ấy vẫn giữ vẻ thanh thản.

- Tôi sẽ nói cho cô ấy biết khi cô ấy bình tĩnh hơn một chút.

Dirk đầy thương cảm, yêu cầu xơ chuyển lời ấy ngay lập tức.

- Điều ấy có thể chữa cho cô ấy lành bệnh. Tôi van xơ hỏi ngay bây giờ.

Với một nụ cười khẽ đầy thương xót, xơ y tá trở vào phòng. Chúng tôi nghe giọng nói trầm của xơ và một giọng nói khác, mà tôi không nhận ra được, trả lời:

- Không. Không. Không.

Xơ y tá trở ra và lắc đầu:

- Có phải chị ấy nói đó không? - Tôi hỏi.- Giọng của chị ta nghe có vẻ lạ quá.

- Dường như những dây thanh âm của cô ấy đã bị axit đốt cháy.

Dirk kêu lên một tiếng trầm đầy tuyệt vọng. Tôi bảo anh ta hãy đi đi và đợi tôi ở lối ra vào vì tôi có chuyện muốn nói với xơ y tá. Anh ta không hỏi

đó là chuyện gì, chỉ lẳng lặng bước đi. Hình như anh đã mất tất cả nghị lực; anh giống như một đứa bé ngoan ngoãn.

- Chị ta có nói tại sao chị ta làm thế không? - Tôi hỏi.

- Không. Cô ấy không nói gì cả. Cô ấy nằm ngửa, hoàn toàn yên lặng không nhúc nhích hàng giờ liền. Nhưng cô ấy khóc luôn, chiếc gối của cô ướt đẫm. Cô ấy yếu quá không dùng khăn tay được, nên nước mắt cứ thế chảy xuống má.

Điều ấy đã gây cho tôi một mối cảm xúc đau đớn bất ngờ. Lúc đó tôi có thể giết chết Strickland được, và tôi biết giọng nói của mình run lên khi chào tạm biệt xơ y tá">

Tôi tìm thấy Dirk đang đợi tôi nơi bậc cầu thang. Dường như anh chẳng nhìn thấy gì, cũng không nhận ra tôi đến gần anh, mãi đến khi tôi chạm vào cánh tay của anh. Chúng tôi im lặng bước đi. Tôi cố tưởng tượng điều gì xảy ra đã đưa đẩy con người đáng thương đó đến bước đường kinh khiếp ấy. Tôi cho là Strickland biết vì có người đã thấy ông ở sở cảnh sát, và chắc ông đã phải khai thôi. Tôi không biết hiện ông ta ở đâu. Tôi nghĩ là ông về lại căn gác tồi tàn mà ông đã dùng làm phòng vẽ. Thật là lạ vì chị ta không muốn gặp ông ta. Có lẽ chị ta không nhận ông bởi vì chị biết ông ta sẽ không đến. Tôi tự hỏi không biết chị đã kinh hãi nhìn xuống vực thăm ác nghiệt nào đến nỗi chị đã khước từ sự sống.

Tuần lễ sau đó thật là khủng khiếp. Mỗi ngày Stroeve đến bệnh viện hai lần để hỏi thăm sức khỏe của vợ, chị vẫn từ chối gặp anh. Lúc đầu, mỗi khi ra về, anh đều cảm thấy khuây khỏa và hy vọng vì anh được biết chị ta có vẻ khá hơn, nhưng về sau thì anh tuyệt vọng vì biến chứng mà bác sĩ lo sợ đã xảy ra và chị không thể nào bình phục được nữa. Xơ y tá xót thương cho nỗi đau buồn của anh nhưng không biết nói gì để có thể an ủi được anh. Người thiếu phụ đáng thương nằm hoàn toàn bất động, không chịu nói gì, hai mắt chăm chú như đang chờ cái chết đến. Lúc này chỉ còn là vấn đề thời gian ngày một ngày hai mà thôi, và rồi sau cùng, vào một buổi chiều nọ, Stroeve đến gặp tôi - tôi biết đây là để báo cho tôi biết cái chết của Blanche. Anh hoàn toàn kiệt sức. Anh không còn nói năng gì nữa và nằm phịch xuống chiếc ghế trường kỷ của tôi. Cảm thấy không có lời chia buồn nào có ích cả, tôi để anh nằm yên ở đó. Tôi sợ nếu tôi đọc sách, anh sẽ cho đó là một thái độ vô tình, nên tôi ngồi bên cửa sổ hút ống điếu mãi cho đến khi anh cảm thấy muốn nói.

- Anh rất tử tế với tôi,- anh ta nói.- Tất cả mọi người đều tử tế.

- Có gì đâu,- tôi nói hơi ngượng nghịu.

- Ở bệnh viện người ta cho tôi biết có thể chờ. Họ đưa cho tôi một chiếc ghế và tôi ngồi bên ngoài cửa ra vào. Khi cô ấy không còn biết gì nữa, người ta bảo là tôi có thể vào. Miệng và cằm cô ấy đều bị chảy bọng vì axit. Thật là khủng khiếp khi nhìn thấy nước da yêu kiều bị bọng hoàn toàn. Blanche chết rất bình yên, đến nỗi tôi không biết cô ấy đã chết mãi đến khi xơ y tá cho tôi biết.

Anh ta quá mệt mỏi, không còn hơi sức nào để khóc nữa. Anh nằm ngửa mềm nhũn người ra như thể tất cả sức lực đã thoát hết ra khỏi tứ chi của anh, và sau đó tôi thấy anh đã ngủ. Đó là giấc ngủ bình thường đầu tiên mà anh có được trong suốt tuần lễ qua. Tạo hóa đôi khi rất tàn nhẫn, đôi khi lại nhân từ. Tôi đắp chăn cho anh và tắt đèn. Sáng hôm sau, khi tôi thức dậy, anh vẫn còn ngủ. Anh không động đậy gì. Cặp kính gọng vàng của anh còn nằm trên sống mũi.

Trường hợp cái chết của Blanche Stroeve đòi hỏi đủ thứ thủ tục đáng sợ, nhưng sau cùng chúng tôi cũng được phép chôn cất chị ta. Chỉ có Dirk và tôi đi theo xe tang đến nghĩa trang. Chúng tôi đi từng bước một, nhưng bận về chúng tôi phi nước kiệu, và tôi thấy có cái gì đó ghê rợn khác thường trong cách quất ngựa của người đánh xe tang. Hình như ông ta xưa đuổi người chết bằng cái nhún vai. Thỉnh thoảng tôi thấy chiếc xe tang lắc lư trước mặt và người đánh xe của chúng tôi thúc đôi ngựa, để chúng tôi không bị rơi lại đằng sau. Tôi cũng vậy, tôi cảm thấy trong tôi niềm ao ước vứt bỏ khỏi đầu óc tất cả câu chuyện đó. Tôi bắt đầu cảm thấy chán ngán tấn bi kịch mà thực ra không có liên hệ gì đến tôi. Giả vờ nói chuyện để Stroeve được khuây khỏa, tôi thông thả chuyển sang những vấn đề khác.

- Anh không nghĩ rằng tốt hơn anh nên đi xa một thời gian sao?- Tôi nói.- Có lẽ chẳng có lý do gì để anh ở lại Pari lúc này.

Anh ta không đáp, nhưng tôi tàn nhẫn nói tiếp:

- Anh có dự định gì cho tương lai gần đây không?

- Không!

- Anh phải cố nắm lại đường dây mối chỉ của cuộc sống. Sao anh không đi qua Ý và lại bắt đầu làm việc.

Một lần nữa, anh lại không đáp, nhưng người đánh xe ngựa đã tiếp cứu cho tôi. Vừa cho ngựa đi chậm lại một lúc, ông vừa nghiêng qua nói. Tôi phải thò đầu ra ngoài cửa sổ mới nghe được. Ông ta muốn chúng tôi cho biết sẽ xuống ở đâu. Tôi bảo ông ta chờ cho một phút.

- Tốt hơn anh nên đến dùng bữa trưa với tôi,- tôi nói với Dirk.- Tôi sẽ bảo ông ta cho chúng ta xuống ở quảng trường Pigalle.

- Tôi không thích. Tôi muốn đi đến phòng vẽ.

Tôi ngần ngại một lúc:

- Anh có muốn tôi đi với anh không? - Cuối cùng tôi hỏi.

- Không, tôi thích ở một mình hơn.

- Được thôi.

Tôi chỉ người đánh xe hướng đi cần thiết và chúng tôi lại im lặng cho xe đi tiếp. Dirk đã không đến phòng vẽ kể từ buổi sáng buồn thảm mà người ta đưa Blanche đến bệnh viện. Tôi mừng vì anh không muốn tôi đi với anh, và khi chúng tôi chia tay nhau nơi cửa ra vào, tôi đi lòng thanh thản. Tôi cảm thấy một niềm vui thú mới mẻ trên đường phố Pari, và tôi nhìn cảnh người ta vội đi đi lại lại với ánh mắt tươi vui. Ngày hôm ấy trời đẹp và nắng ấm, và tôi cảm thấy trong mình một niềm lạc quan yêu đời sâu sắc hơn. Tôi không thể nào làm khác được; tôi phải đẩy Stroeve và những đau buồn của anh ra ngoài tâm trí tôi. Tôi muốn được vui vẻ.

Tôi không gặp lại Dirk Stroeve trong gần một tuần lễ. Rồi vào một tối nọ, sau bảy giờ, anh đến tìm tôi và đưa tôi đi ăn nhà hàng. Anh mặc đại tang, trên chiếc mũ tròn quấn một băng vải đen lớn. Ngay cả khăn tay của anh cũng có một viền đen. Cách ăn mặc đau buồn đó của anh có nghĩa là, trong một tai họa, anh mất tất cả những họ hàng bà con trên thế gian này, kể cả các anh em họ vợ xa đến hai thế hệ. Sự tròn trĩnh và đôi má phúng phính đỏ au của anh làm cho bộ đồ tang anh mặc chẳng hợp chút nào. Thật là độc địa khi nỗi bất hạnh cùng cực của anh lại chứa đựng một cái gì đó buồn cười.

Anh cho tôi biết anh có ý định đi xa, nhưng không đi Ý, như tôi đã gọi, mà đi Hà Lan.

- Tôi sẽ khởi hành vào ngày mai. Có lẽ đây là lần cuối cùng chúng ta gặp nhau.

Tôi đáp lời anh thật nhiệt tình, anh mỉm cười mệt mỏi.

- Tôi vắng nhà nay đã năm năm. Tôi tưởng tôi quên bằng nó đi rồi; dường như tôi đi xa nhà của bố tôi quá đến nỗi tôi ngại nghĩ chuyện trở về thăm nhưng bây giờ thì tôi cảm thấy đó là nơi ẩn náu duy nhất của tôi.

Khi buồn khổ héo hắt, anh lại nghĩ đến tình thương dịu dàng của mẹ. Sự chế nhạo mà anh đã chịu trong bao nhiêu năm trời hình như lúc này đè anh xuống, và cái tát chung cuộc của việc Blanche phản bội đã cướp đi khỏi anh cái khả năng chịu đựng có thể giúp anh vui vẻ chấp nhận mọi sự chế giễu. Anh không thể nào cười được nữa với những người chế giễu anh. Anh

là một người bơ vơ xa quê hương. Anh kể cho tôi nghe về thời thơ ấu của mình trong ngôi nhà sạch sẽ khang trang và về sự ngăn nắp đến say mê của mẹ anh. Căn bếp của bà là một phép lạ về sự sáng sủa và sạch sẽ. Mọi thứ đều luôn luôn nằm đúng chỗ của nó, và ở đó bạn không thể tìm đâu ra được một hạt bụi. Sự sạch sẽ, dĩ nhiên, là niềm say mê của bà. Tôi mừng tượng ra một bà cụ nhỏ nhắn, gọn gàng, với đôi má như hai quả táo, làm quần quật từ sáng đến tối, qua bao năm dài, để giữ cho ngôi nhà của bà gọn gàng và sạch sẽ. Bố của anh là một ông cụ gầy gò, đôi bàn tay sần sùi vì cả một đời làm lụng, trầm lặng và ngay thẳng. Chiều chiều ông đọc báo to lên trong khi vợ ông và người con gái (hiện nay là vợ viên thuyền trưởng của một tàu đánh cá nhỏ), không muốn bỏ phí một chút thời gian nào, cắm cúi may vá. Không một biến cố nào xảy ra trong thành phố nhỏ đó, nó bị nền văn minh tiến bộ bỏ lại đằng sau, và từ năm này qua năm khác cho đến khi cái chết đến, như một người bạn, đem sự nghỉ ngơi lại cho những người đã lao động cần cù.

- Bố tôi muốn tôi trở thành một người thợ mộc giống như ông. Cả năm thế hệ, từ đời cha đến đời con, chúng tôi đã đeo đuổi cùng một nghề đó. Có lẽ sự khôn ngoan trong cuộc sống này là lần theo bước của cha ông mình và không nhìn phải nhìn trái gì cả. Khi tôi còn là một chú nhóc con, tôi nói tôi sẽ cưới con gái của người thợ làm yên ngựa ở cạnh nhà. Cô ta là một cô gái nhỏ nhắn có đôi mắt xanh và bím tóc nâu vàng nhạt. Cô sẽ giữ ngôi nhà của tôi thơm tất, gọn gàng như mới, và tôi sẽ có một đứa con trai để nối tiếp công việc làm ăn.

Stroeve khẽ thở dài rồi im lặng. Anh đang nghĩ đến những hình ảnh mà đáng lẽ ra phải biến thành sự thật, lòng tràn ngập một niềm khao khát cuộc sống an lành mà anh đã từ chối.

- Thế gian thật là hà khắc và độc ác. Chúng ta ở đây mà không biết tại sao, và chúng ta đi mà không ai biết là đi đâu. Chúng ta phải thật khiêm

tổn. Chúng ta phải thấy vẻ đẹp của sự trầm lặng. Chúng ta phải đi hết cuộc đời thật kín đáo sao cho thần định mệnh không chú ý đến ta. Và chúng ta hãy tìm kiếm cho được thứ tình thương yêu của những người giản dị và dốt nát. Sự dốt nát của họ còn hay hơn cả những kiến thức của chúng ta; chúng ta hãy im lặng, bằng lòng trong khoảng chật hẹp của mình, hiền lành và dịu dàng như họ. Đó là sự khôn ngoan ở đời.

Theo tôi, đó chính là sự tự biểu hiện của tinh thần tan vỡ của anh, và tôi chống lại thái độ từ bỏ đó. Nhưng tôi không để lộ ý của mình.

- Điều gì đã khiến anh nghĩ đến việc trở thành một họa sĩ? - Tôi hỏi.

Anh nhún vai:

- Tình cờ tôi có được cái tài vẽ vời. Tôi đã đoạt được những giải thưởng về môn ấy ở trường. Người mẹ đáng thương của tôi rất hãnh diện về tài năng của con mình và bà đã thưởng tôi một hộp màu nước. Bà đem những bức phác họa của tôi cho ông mục sư, ông bác sĩ và ông luật sư xem. Họ gửi tôi đến Amsterdam để thi lấy học bổng và tôi đã đoạt được học bổng. Tội nghiệp, bà rất hãnh diện; mặc dù việc xa tôi làm cho cõi lòng bà gần như tan nát, bà vẫn mỉm cười, và không muốn cho tôi thấy nỗi buồn của bà. Bà sung sướng thấy con trai mình trở thành một nghệ sĩ. Gia đình tôi phải tần tiện để tôi đủ tiền ăn học và khi bức tranh đầu tiên của tôi được trưng bày, cả mẹ và chị tôi đến Amsterdam để xem; mẹ tôi đã khóc khi thấy nó. - Đôi mắt thương mến của anh sáng lên long lanh. Và hiện giờ trên mỗi bức tường của ngôi nhà cũ kỹ đó có treo một bức tranh của tôi lồng trong khung kính vàng tuyệt đẹp.

Gương mặt anh rục lên niềm hãnh diện sung sướng. Tôi nghĩ đến những khung cảnh lạnh lùng trong các bức vẽ của anh, với những nông dân tuyệt đẹp, những cây bách và cây ô liu. Ất hẳn những bản vẽ ấy trông có vẻ kỳ lạ

trong những chiếc khung vàng lòe loẹt treo trên tường nhà của một nông dân.

- Con người thân yêu đó nghĩ rằng đã làm được một việc tuyệt vời cho tôi khi bà giúp tôi trở thành một nghệ sĩ, nhưng dầu sao, có lẽ sẽ tốt hơn cho tôi nếu ước muốn của bố tôi đã thắng để bây giờ tôi là một anh thợ mộc lương thiện.

- Bây giờ thì anh biết nghệ thuật có thể mang lại điều gì rồi, vậy anh có muốn thay đổi nếp sống không? Anh có nuối tiếc tất cả niềm vui thích mà nó đã đem lại cho anh không?

- Nghệ thuật là điều cao quý nhất trên trần đời,- anh đáp sau một lúc do dự.

Anh dăm chiêu nhìn tôi trong một phút, hình như hơi ngật ngừng, rồi anh nói:

- Anh có biết tôi đã đến gặp Strickland không?

- Anh đã đến gặp ông ta à?

Tôi kinh ngạc. Tôi đã nghĩ anh sẽ không thể nào chịu nổi khi thấy mặt ông ta. Stroeve khẽ mỉm cười.

- Anh đã biết tôi không hề tự ái.

- Anh muốn nói gì vậy?

Anh đã kể cho tôi nghe một câu chuyện kỳ lạ.

Chúng tôi chia tay, sau khi đã chôn cất Blanche đáng thương. Stroeve đi bộ về nhà với tâm hồn nặng trĩu. Một điều gì đó đã thôi thúc anh ta đi đến phòng vẽ, một niềm khát khao khó hiểu nào đó nhằm tự hành hạ mình, thế nhưng anh rất sợ nỗi đau đớn mà anh đã thấy trước. Anh ta kéo lê người trên cầu thang; đôi chân của anh dường như không muốn mang anh đi nữa, và anh đã chần chừ một lúc lâu bên ngoài cánh cửa, rồi cố thu hết can đảm để bước vào. Anh cảm thấy bất hảo khủng khiếp. Anh chợt muốn chạy xuống cầu thang đuổi theo tôi và yêu cầu tôi đi vào với anh; anh có cảm giác rằng có một người nào đó trong phòng vẽ. Anh nhớ lại đã bao nhiêu lần anh chờ đợi một hai phút ở đầu cầu thang để lấy lại sức sau khi lên thang và thật phi lý làm sao, sự nôn nóng được gặp Blanche lại lấy mất đi hơi sức ấy. Được nhìn thấy chị là một niềm vui sướng không bao giờ phai nhạt, dù chị ra ngoài không quá một giờ, anh vẫn bị kích động giống như họ đã xa cách nhau cả tháng trời. Đột nhiên anh không thể tin được rằng chị ta đã chết. Điều đã xảy ra có lẽ chỉ là một giấc mơ, một giấc mơ hãi hùng. Khi anh vặn chiếc chìa khóa mở cửa, anh lại sẽ thấy chị hơi khom người trên chiếc bàn với vẻ duyên dáng của người đàn bà trong bức tranh *Benedicite* của Chardin, mà đối với anh, hình như luôn luôn là hoàn hảo. Anh vội vàng lấy chìa khóa ra khỏi túi, mở cửa và bước vào.

Gian nhà không có vẻ gì là bị bỏ hoang. Sự gọn ghẽ ngăn nắp của vợ anh là một trong những đặc điểm làm anh hài lòng rất nhiều. Nền giáo dục mà anh hấp thụ được đã mang lại cho anh một cảm thụ tinh tế về niềm khoái cảm được sống trong sự ngăn nắp, và khi anh thấy chị có khuynh hướng tự nhiên muốn đặt mỗi thứ ở chỗ được chỉ định của nó, anh cảm thấy có một sự ấm áp nhẹ nhẹ trong tâm hồn. Phòng ngủ trông như chị ta vừa mới đi khỏi: những chiếc bàn chải được xếp gọn ghẽ trên bàn trang điểm, mỗi

chiếc nằm một bên cái lược; ai đó đã vuốt phẳng chiếc giường mà chị đã nằm ngủ đêm cuối cùng trong phòng vẽ, chiếc áo ngủ của chị trong chiếc hộp nhỏ còn nằm trên gối. Không thể nào tin được rằng chị ta sẽ không bao giờ trở lại căn phòng đó.

Cảm thấy khát, anh đi vào nhà bếp để tìm nước uống. Ở đây cũng vậy, thật là ngăn nắp. Trên cái giá là những chiếc đĩa chị đã dùng trong bữa ăn tối hôm chị cãi vã với Strickland, và chị đã rửa thật cẩn thận. Những con dao và những chiếc nĩa được cất trong ngăn kéo. Dưới chiếc lồng bàn là những mẫu pho mát thừa, và trong chiếc hộp thiếc là một cùi bánh mì. Chị đã đi chợ hàng ngày, chỉ mua những thứ thật cần thiết để không t thứ gì còn lại từ ngày này sang ngày khác. Theo thẩm tra của cảnh sát thì Stroeve được biết Strickland đã đi ra khỏi nhà ngay sau bữa ăn tối, và việc Blanche đã rửa sạch sẽ những bát đĩa như thường lệ làm cho anh hơi rùng mình kinh hãi. Cái tính ngăn nắp ấy của chị khiến cho việc chị định tự tử càng được cân nhắc kỹ lưỡng. Sự tự chủ của chị thật đáng sợ. Một nỗi buồn bất chợt chiếm lấy anh, và anh cảm thấy đầu gối mềm nhũn đến nỗi anh suýt té. Anh trở lại phòng ngủ và ném mình xuống giường. Anh gào to tên của chị:

- Blanche, Blanche!

Thật không thể nào chịu nổi khi nghĩ đến những đau đớn mà chị đã trải qua. Bất chợt anh mơ thấy chị đang đứng trong nhà bếp- không to hơn một cái tủ- đang rửa ly và đĩa, thìa và nĩa, đánh bóng thật nhanh những con dao trên chiếc bàn rửa dao, rồi cất tất cả đi, chà rửa cái chậu rửa chén bát và treo cái khăn rửa bát- một miếng giẻ rách màu xám- lên cho khô, rồi nhìn quanh để thấy mọi thứ đều sạch sẽ và đẹp mắt. Anh thấy chị thả tay áo xuống và tháo chiếc tạp dề ra- chiếc tạp dề được treo ở cái mắc sau cánh cửa ra vào- rồi cầm chai axit ôxalic đi vào phòng ngủ.

Nỗi đau đớn cực độ về cảnh đó làm anh bật dậy khỏi giường và chạy ra khỏi phòng. Anh đi vào phòng vẽ. Căn phòng tối om vì những bức màn che kín cả cửa sổ lớn, anh vội kéo chúng lên, nhưng rồi bật khóc nức nở ngay khi anh liếc nhanh nhìn thấy nơi mà anh đã từng sống thật hạnh phúc. Ở đây cũng không có cái gì thay đổi. Vốn hờ hững với môi trường chung quanh ông, Strickland đã sống trong phòng vẽ của người khác mà không nghĩ đến chuyện thay đổi một thứ gì. Căn phòng mang tính nghệ thuật có suy tính. Nó thể hiện cái ý của Stroeve muốn dành riêng khung cảnh ấy cho một người nghệ sĩ. Trên tường treo những tấm gấm thêu kim tuyến, một chiếc đàn pianô được phủ tấm lụa đẹp nhưng đã phai màu, trong một góc phòng là bức tượng mô phỏng tượng *Venus of Milo* và ở một góc khác là tượng *Venus of the Medici*. Chỗ này là chiếc tủ kiểu Ý có đồ gốm Đenphơ đặt trên đầu tủ, chỗ kia là một bức chạm nổi. Trong một chiếc khung vàng tuyệt đẹp là bức tranh vẽ lại bức *Innocent X* của Velasquez, mà Stroeve đã vẽ ở Rôma, và một số tranh của Stroeve, tất cả lồng trong những chiếc khung lộng lẫy, được xếp đặt để tạo hiệu quả trang trí cao nhất. Stroeve bao giờ cũng tự hào về óc thẩm mỹ của mình. Anh không bao giờ mất đi tính ưa thích khung cảnh lãng mạn của một phòng vẽ, và mặc dù bây giờ nhìn thấy nó chẳng khác nào một nhát dao đâm vào tim, anh không nghĩ mình đang ra sao, anh xê dịch dịch nhẹ nhàng vị trí của chiếc bàn kiểu thời Louis XV- một trong những báu vật của anh. Tình cờ anh nhìn thấy một bức tranh quay mặt vào tường. Đó là một bức tranh khổ lớn hơn nhiều so với khổ anh quen dùng. Anh tự hỏi làm gì ở đó. Anh quay nó về phía anh để có thể nhìn thấy bức tranh. Đó là một bức tranh khóa thân. Tim anh bắt đầu đập nhanh vì anh đoán được ngay rằng đó là tranh của Strickland. Anh giận dữ ném lại vào tường- ông ta muốn gì mà để nó ở đó?- nhưng động tác của anh làm nó ngã úp mặt xuống đất. Cho dù đó là tranh của ai đi nữa, anh không thể để trong bụi bặm được, anh lại dựng nó lên, nhưng rồi sự tò mò đã thắng thế. Anh nghĩ anh thích nhìn nó một cách đàng hoàng, vì thế anh mang đặt nó lên trên một cái giá vẽ. Rồi anh lùi lại sau để nhìn cho dễ dàng, thoải mái.

Anh thở hỗn hển. Đó là bức tranh vẽ một người đàn bà nằm trên chiếc ghế trường kỷ, một tay gối dưới đầu, và tay kia đặt xuôi theo thân mình, đầu gối chân này nhấc lên và chân kia thì duỗi thẳng ra. Thế nằm thật cổ điển. Đầu của Stroeve choáng váng. Chính là Blanche! Đau buồn, ghen tức và giận dữ chiếm lấy anh, anh gào lên đến khản cổ; anh ú ớ, anh nắm chặt tay, giơ lên như đe dọa một kẻ thù vô hình nào đó. Anh gào lên đến tột cùng của giọng hét. Anh phát điên. Anh không thể chịu được nữa. Quá lắm! Anh man dại nhìn quanh tìm một dụng cụ nào đó, anh muốn bằm vằm bức tranh ra từng mảnh; nó không được tồn tại thêm một phút nào nữa. Anh không thể tìm thấy một thứ gì có thể dùng vào mục đích ấy. Anh lục lọi hết những dụng cụ để vẽ của anh. Bằng cách nào đi nữa, anh vẫn không thể tìm thấy một thứ gì. Anh phát cuồng lên. Sau cùng, anh vớ được thứ anh muốn tìm, một cái nạo sơn lớn, anh vồ chụp lấy nó với tiếng thét chiến thắng. Anh nắm lấy nó như thể đó là một con dao găm và anh chạy về phía bức tranh.

Khi kể cho tôi nghe đến đây Stroeve trở nên kích động như khi câu chuyện đang diễn ra, anh cầm chặt lấy một con dao ăn, anh vung nó lên. Anh giơ cánh tay lên như thể để giáng xuống, và rồi, mở bàn tay ra, thả nó rơi loảng xoảng xuống đất. Anh nhìn tôi với nụ cười ngượng ngập. Anh không nói gì.

- Đốt đi chứ?- Tôi nói.

- Tôi không biết chuyện gì đã xảy ra với tôi. Vừa khi tôi sắp thọc một lỗ lớn vào bức tranh, tay tôi sẵn sàng để đâm thì đột nhiên, nhìn như tôi nhận ra nó.

- Nhận ra cái gì?

- Bức tranh. Nó là một tác phẩm nghệ thuật. Tôi không thể nào chạm đến nó. Tôi sợ.

Stroeve lại im lặng, anh nhìn tôi chăm chăm, miệng há hốc, cặp mắt xanh tròn xoe như l ra khỏi chiếc đầu của anh.

- Đó là một bức tranh kiệt tác, tuyệt vời. Tôi kinh hãi. Suýt tí nữa tôi đã phạm tội tày trời. Tôi xích lại gần một tí để nhìn nó rõ hơn và bàn chân tôi vấp vào chiếc nạo sơn. Tôi rùng mình.

Tôi thật sự cảm thấy một mối xúc động nào đó đã vồ lấy anh ta. Tôi bị cảm kích một cách kỳ lạ. Dường như thành linh tôi được đưa tới một thế giới mà những giá trị đều bị thay đổi. Tôi lúng túng, bàng hoàng như một người xa lạ trên một vùng đất mà ở đó những phản ứng của con người đối với những sự việc quen thuộc đâm ra hoàn toàn khác với những phản ứng anh đã quen. Stroeve cố gắng nói cho tôi biết về bức tranh nhưng anh ta nói không còn mạch lạc nữa, và tôi phải đoán ra những điều anh muốn nói. Strickland bứt dứt những mối ràng buộc mà cho đến lúc đó nó đã cầm giữ ông ta. Ông đã tìm thấy không phải chính mình, theo cách nói thông thường, mà là một con người mới với quyền năng không ngờ. Đó không chỉ là sự đơn giản táo bạo của nét vẽ đã cho thấy cả một cá tính dồi dào và đặc biệt. Đó không chỉ là bức tranh, mặc dù xác thật đã được vẽ với một niềm khoái cảm say mê mà trong ấy có một cái gì đó kỳ lạ. Đó không chỉ là sự rắn chắc, đến nỗi anh cảm thấy được một cách lạ lùng sức nặng của thân xác. Ở đó còn có một tính chất tinh thần phiền phức và mới mẻ làm cho người ta phải quan tâm, nó đưa trí tưởng tượng đi theo những con đường không ngờ được, nó gợi ra những không gian hư ảo, được chiếu sáng bằng những vì sao vĩnh cửu, ở đó con người hoàn toàn trần trụi, mạo hiểm mà lòng sợ hãi để khám phá những điều kỳ bí mới mẻ.

Nếu tôi có cường điệu hóa thì đó là vì Stroeve đã cường điệu hóa. (Chúng ta há không biết rằng con người trong những lúc xúc động sẽ tự bộc lộ mình một cách tự nhiên trong một tiểu phẩm đó sao?) Stroeve cố diễn tả một cảm xúc mà trước đó chưa bao giờ anh ta có được, và anh không biết làm thế nào diễn tả nó bằng ngôn ngữ thông thường. Anh giống như một nhà thần bí tìm cách miêu tả điều không thể diễn tả được. Nhưng có một sự kiện anh đã làm sáng tỏ cho tôi: người ta nói về cái đẹp một cách khinh suất và vì không có một sự nhạy cảm về những từ ngữ, họ dùng một cách bất cẩn, cho nên nó mất đi sức mạnh của nó; và điều nó thay thế, mang cái tên của nó cùng với hàng trăm điều tầm thường khác, bị tước bỏ giá trị đi. Người ta bảo chiếc áo, con chó, bài giảng là hay là đẹp, và khi họ giáp mặt với cái Đẹp họ không nhận ra nó. Sự nhấn mạnh sai lầm mà họ cố dùng để tô điểm những tư tưởng không giá trị đã làm cùn đi tính nhạy cảm của họ. Giống như ông lang băm giả mạo một thể lực siêu nhiên mà đôi khi ông ta cảm thấy được, người ta đánh mất cái năng lực mà người ta đã lợi dụng. Nhưng Stroeve, anh hề bất khuất, đã có một tình yêu và một sự hiểu biết về cái đẹp cũng ngay thẳng và chân thật như tâm hồn ngay thẳng và chân thật của anh. Nó muốn nói với anh điều mà Thượng đế muốn nói với người có đức tin, và anh sợ hãi khi thấy nó.

- Anh đã nói gì với Strickland khi anh gặp ông ta?

- Tôi mời ông ta đi Hà Lan với tôi.

Tôi lặng người đi. Chỉ còn biết nhìn Stroeve trong nỗi kinh ngạc ngờ nghệch.

- Cả hai chúng tôi đều yêu Blanche. Sẽ có phòng dành cho ông ta trong nhà bố mẹ tôi. Tôi nghĩ sống bên cạnh những người nghèo, chất phác sẽ rất có lợi cho tâm hồn ông. Tôi nghĩ ông ta có thể học ở họ một cái gì đó rất hữu ích cho ông ta.

- Ông ta nói sao?

- Ông hơi mỉm cười. Tôi nghĩ rằng ông ta cho tôi là một người quá ngớ ngẩn. Ông bảo ông còn có việc khác quan trọng hơn.

Phải chi Strickland dùng một câu nào khác để từ chối thì tốt hơn.

- Ông ta cho tôi bức tranh vẽ Blanche.

Tôi không hiểu tại sao Strickland làm như thế. Nhưng tôi đã không có nhận xét gì, và chúng tôi im lặng một lúc.

- Anh tính sao với tất cả đồ đạc của anh?- Sau cùng tôi hỏi.

- Tôi gọi một người Do Thái đến, và anh ta đã trả cho tôi một món tiền kha khá về khoản đồ đạc đó. Tôi chỉ mang về quê hương những bức vẽ của tôi. Ngoài chúng ra, tôi không còn cái gì khác trên đời này, chỉ còn một rương áo quần và một vài quyển sách.

- Tôi vui mừng được biết anh trở về quê hương, - tôi nói.

Tôi cảm thấy anh ta sẽ có dịp bỏ lại đằng sau tất cả dĩ vãng. Tôi hy vọng nỗi đau buồn dường như không thể nào chịu nổi hiện nay sẽ nguôi đi với thời gian, và tính chó quên đây nhân hậu sẽ giúp anh lại tiếp tục một lần nữa gánh nặng cuộc đời. Anh hãy còn trẻ, và trong một vài năm nữa anh sẽ nhìn lại tất cả nỗi bất hạnh của mình với một nỗi buồn mà trong đó sẽ có một điều gì đó không phải là không thú vị. Sớm muộn rồi anh cũng sẽ cưới một người chân thân nào đó ở Hà Lan, và tôi cảm thấy chắc chắn anh ta sẽ được hạnh phúc. Tôi mỉm cười khi nghĩ đến vô vàn bức tranh tồi tệ anh sẽ vẽ trước khi chết.

Ngày hôm sau tôi tiễn anh đi Amsterdam.

Trong tháng sau đó, do bận rộn với công việc của mình, tôi không gặp một ai có liên hệ với chuyện buồn phiền ấy. Đầu óc tôi không còn bàn tán đến chuyện đó nữa. Nhưng một bữa kia, khi tôi đang đi bộ để làm một vài việc vặt, tôi chợt đi ngang qua Charles Strickland. Thấy ông, tôi nhớ lại sự ghê tởm mà tôi đã cố tình muốn quên đi, và bất chợt tôi phát bực vì chuyện đó. Vì nếu phớt lờ thì trông trẻ con quá nên tôi gật đầu chào rồi tiếp tục đi nhanh. Nhưng ngay sau đó tôi thấy một bàn tay đặt trên vai mình.

- Chi mà vội thế anh,- ông thân mật nói.

Đó là cách riêng của ông để bày tỏ vẻ thân thiện với bất kỳ người nào tỏ ra không muốn gặp ông, và có thể việc chào hỏi lạnh nhạt của tôi đã làm cho ông ngờ ngợ về chuyện đó.

- Tôi vội lắm,- tôi trả lời gọn lỏn.

- Tôi sẽ đi với anh,- ông ta nói.

- Sao thế?- tôi hỏi.

- Vì thích đi cho có bạn.

Tôi không đáp, và ông yên lặng đi bên cạnh tôi. Chúng tôi tiếp tục đi như vậy có lẽ được một phần tư dặm. Tôi bắt đầu cảm thấy hơi buồn cười. Cuối cùng chúng tôi đi ngang một hiệu bán văn phòng phẩm và tôi định ghé vào mua một tờ báo. Đó sẽ là dịp để tránh ông ta.

- Tôi sẽ vào đây,- tôi nói.- Tạm biệt nhé.

- Tôi sẽ đợi anh.

Tôi nhún vai và đi vào cửa hiệu. Tôi nghĩ rằng báo Pháp thì chả hay ho gì và vì mục đích của mình đã không đạt nên cần gì phải khổ sở mua thứ mà mình không cần đến. Tôi hỏi mua một món gì đó mà tôi biết là không thể có được, và một phút sau tôi trở ra đường phố.

- Anh mua được thứ anh cần chứ? - Ông ta hỏi.

- Không.

Chúng tôi tiếp tục đi trong im lặng, rồi đến một chỗ có nhiều ngã rẽ. Tôi dừng lại ở lề đường.

- Ông đi đường nào?- Tôi hỏi.

- Đường anh đi,- ông mỉm cười.

- Tôi về nhà.

- Tôi sẽ đi với anh và hút một tẩu thuốc.

- Ông phải chờ được mời đã chứ,- tôi lạnh lùng vắn lại.

- Tôi sẽ chờ nếu tôi nghĩ mình sẽ được mời.

- Ông có thấy bức tường ở đằng trước mặt kia không?- Tôi vừa nói vừa chỉ.

- Thấy.

- Vậy thì tôi nghĩ rằng ông cũng có thể thấy rằng tôi không muốn ông đi với tôi.

- Thú thật tôi mơ hồ đoán thấy điều đó.">

Tôi không thể nhin cười được. Một trong những nhược điểm của tôi là không thể nào ghét được những người làm cho tôi cười. Nhưng tôi đã tự chủ lại được.

- Tôi nghĩ ông thật đáng ghét. Ông là con thú ghê tởm nhất mà tôi vô phúc gặp phải. Tại sao ông lại tìm cách làm bạn với một người ghét và khinh bỉ ông.

- Anh bạn tôi ơi, quái quỷ gì mà anh nghĩ rằng tôi chú ý đến điều anh nghĩ về tôi?

- Quỷ tha ma bắt ông đi!- Tôi nói dữ dội hơn vì tôi mơ hồ thấy lý lẽ của tôi không có chút hiệu quả nào.- Tôi không muốn làm quen với ông.

- Anh sợ tôi làm anh hư hỏng à?

Giọng nói của ông không làm cho tôi tức cười chút nào. Tôi biết ông đang liếc ngang nhìn tôi với nụ cười chế giễu.

- Tôi cho rằng ông đã cháy túi rồi,- tôi nhận xét một cách láo xược.

- Tôi sẽ là thằng điên đáng ghét nếu tôi nghĩ là có thể mượn được tiền của anh.

- Nếu ông có thể xả thân mà nịnh hót thì ông đã khá hơn rồi.

Ông toét miệng cười.

- Thật ra anh sẽ không bao giờ ghét tôi được khi tôi hãy còn tạo cho anh cơ hội để thỉnh thoảng nói cho đã miệng.

Tôi phải bậm môi để khỏi bật cười. Điều ông ta nói có một sự thật đáng ghét trong đó, và một nhược điểm khác trong tính tình của tôi là thích làm bạn với những người nào dù hư hỏng nhưng có thể ăn miếng chả trả miếng nem với tôi. Tôi bắt đầu cảm thấy rằng tôi phải cố gắng lắm mới ghét bỏ được Strickland. Tôi nhận ra sự yếu đuối về tinh thần của mình, và thấy rằng sự phản đối của tôi chứa đựng một cái gì đó có vẻ màu mè; và tôi biết nếu tôi cảm thấy được điều đó thì bản năng nhạy bén của ông cũng đã khám phá ra nó rồi. Chắc ông đang cười thầm tôi. Tôi không nói với ông nữa, cố tránh né bằng một cá nhún vai và nín lặng.

Chúng tôi đã về đến ngôi nhà mà tôi đang ở. Tôi không muốn mời Strickland vào nên tôi bước lên cầu thang mà không nói một lời. Ông ta đi theo tôi bèn gót vào trong căn phòng mà trước đây ông chưa bao giờ vào, nhưng ông không hề liếc mắt nhìn gian phòng mà tôi đã khổ công làm cho nó vui mắt. Trên bàn có một hộp thiếc đựng thuốc lá, ông lấy tẩu ra và nhận đầy thuốc vào. Ông ngồi xuống chiếc ghế độc nhất không có gác tay và ngồi nghiêng trên hai chân ghế.

- Nếu ông muốn thoải mái sao ông không ngồi trên ghế bành? - Tôi bực tức hỏi.

- Sao anh quan tâm đến sự thoải mái của tôi?

- Tôi chẳng quan tâm gì ráo,- tôi vặn lại,- tôi chỉ quan tâm đến sự thoải mái của tôi thôi. Tôi khó chịu khi thấy người ta ngồi trên một chiếc ghế không thoải mái.

Ông ta cười khúc khích, nhưng không nhúc nhích. Ông hút thuốc trong yên lặng, không chú ý đến tôi nữa, có vẻ đang suy tư nghĩ ngợi. Tôi thắc mắc không hiểu tại sao ông ta lại đến đây làm gì.

Trước khi thói quen lâu ngày làm cùn đi sự nhạy cảm, có một cái gì đó làm cho nhà văn bối rối khi thấy mình có khuynh hướng thích thú say mê những chuyện kỳ dị của cái bản chất con người mà quan niệm đạo đức của anh ta tỏ ra bất lực. Anh ta nhận ra trong con người mình có sự mãn nguyện về nghệ thuật khi ngăn điều ác, là điều hơi làm anh ta kinh ngạc. Nhưng sự thành thật bắt anh ta phải thú nhận rằng sự phản đối của ông ta về những

hành động nào đó gần như không mạnh bằng thói tò mò muốn biết những lý do của những hành động đó. Cá tính của một nhân vật vô lại, rất hợp lý và đầy đủ, làm say mê người sáng tạo ra hắn, tuy sự say mê đó là một sự xúc phạm đến luật pháp và trật tự. Tôi cho rằng Shakespeare^[46] đã xây dựng nhân vật Iago với một niềm thích thú mà ông không bao giờ biết được khi ông mơ màng tưởng tượng để xây dựng nhân vật Desdemona. Có lẽ với những nhân vật xấu xa, đức cáng của mình, nhà văn thỏa mãn được những bản năng đã ăn rễ sâu trong người anh ta, với những bản năng mà phong cách và tập quán của xã hội văn minh đã đẩy lùi vào những nơi sâu kín bí ẩn của tiềm thức. Khi biến nhân vật của mình thành con người có xương có thịt nhà văn đã đem sự sống đến cái phần của bản thân mình không có phương tiện diễn tả nào khác. Sự thỏa mãn của ông ta có một ý nghĩa giải thoát.

Nhà văn lo lắng muốn biết hơn là xét đoán.

Bên trong, tôi thật sự ghê tởm Strickland, nhưng bên cạnh nỗi ghê tởm đó là một sự tò mò lạnh lùng muốn khám phá những động cơ thúc đẩy ông. Ông làm tôi bối rối khó xử, tôi lại nóng lòng muốn biết ông nghĩ thế nào về tấn thảm kịch mà ông đã gây ra trong cuộc sống của những người đã đối xử quá tử tế với ông. Tôi đã táo bạo dùng đến con dao mổ.

- Stroeve cho tôi biết bức tranh của ông về vợ anh ta là bức đẹp nhất mà ông đã vẽ được.

Strickland lấy tẩu thuốc ra khỏi miệng, đôi mắt ánh lên một nụ cười rạng rỡ.

- Vẽ được bức đó thật là thú vị.

- Sao ông lại cho anh ta?

- Tôi đã vẽ xong. Nó chẳng còn lợi ích gì cho tôi nữa.

- Ông có biết Stroeve suýt tiêu hủy nó không?

- Tôi cũng không hoàn toàn vừa ý bức tranh đó.

Ông ta yên lặng một lúc, rồi lại lấy tẩu thuốc ra khỏi miệng và cười khúc khích.

- Anh có biết cái gã lùn tịt đã đến gặp tôi không?

- Ông không xúc động chút nào về điều anh ta đã phải nói à?

- Không, tôi cho rằng nó ngớ ngẩn đáng ghét và ủy mị quá.

- Tôi nghĩ ông đã quên khuấy đi mất rằng ông đã hủy hoại cuộc sống của anh ta, - tôi nhận xét.

Ông ta xoa chiếc cằm đầy râu của mình, suy nghĩ.

- Anh ta là một họa sĩ rất kém.

- Nhưng là một người rất tốt.

- Và là một tay đầu bếp tuyệt vời,- Strickland chế giễu thêm vào.

Sự nhẫn tâm của ông thật tàn bạo, và vì quá tức giận tôi không muốn nói quanh co nữa.

- Chỉ vì tò mò tôi muốn được ông cho biết ông có cảm thấy bất rút tí nào về cái chết của Blanche Stroeve không?

Tôi nhìn gương mặt của ông để chờ một sự biến sắc nào đó. Nhưng nó vẫn bình thản.

- Sao lại tôi nhỉ?

- Để tôi nêu lại hết sự tình cho ông thấy. Ông đang hấp hối và Dirk Stroeve đã mang ông về nhà riêng của anh ta. Anh ta chăm sóc ông như một người mẹ. Anh ta hy sinh thời giờ, tiện nghi thoải mái và tiền bạc của anh ta cho ông. Anh ta vức ông ra khỏi miệng của thần chết.

Strickland nhún vai:

- Gã lùn tịt ngớ ngẩn ấy thích thú khi được làm gì cho người khác. Đó là lẽ sống của anh ta.

- Cứ cho rằng ông không chịu ơn gì của anh ấy, có bắt buộc là khi ra đi phải cướp vợ của người ta không? Mãi cho đến khi ông xuất hiện họ vẫn hạnh phúc. Sao ông không chịu để cho họ yên?

- Vì có gì mà anh nghĩ họ được hạnh phúc">

- Chuyện đó quá rõ ràng.

- Anh là một người có nhận thức. Anh có nghĩ rằng cô ta có thể tha thứ cho anh ta về chuyện anh ta làm cho cô ta không?

- Ông muốn nói gì thế?

- Anh không biết tại sao anh ta cưới cô ấy à?

Tôi lắc đầu.

- Cô ta là gia sư trong gia đình một ông hoàng ở Rôma, và đã bị cậu quý tử nhà đó quyến rũ. Cô nghĩ rằng cậu ta sẽ cưới cô. Nhưng người ta đã tống cổ cô ra đường, không thương xót. Cô sắp sinh nở và định tự tử. Stroeve đã gặp cô và cưới cô.

- Anh ta đúng là người như thế. Tôi chưa bao giờ quen một ai có tấm lòng thương người như anh ta.

Tôi vẫn thường thắc mắc tại sao cái cặp không xứng đôi ấy lại lấy nhau, nhưng chưa bao giờ tôi có được lời giải thích. Có lẽ đó là do tính chất khác thường của tình yêu Dirk dành cho vợ. Tôi chú ý thấy trong đó có một cái gì còn hơn cả sự đam mê nữa. Tôi cũng nhớ là tôi đã luôn luôn nghĩ rằng sự dè dặt của chị ta che giấu một điều mà tôi không biết được, nhưng bây giờ tôi thấy ở đó có một cái gì khác hơn là mong muốn che đậy một bí ẩn đáng hổ thẹn. Sự bình thản của chị ta là không khí yên tĩnh ủ rũ bao trùm một hòn đảo vừa bị một trận bão tàn phá. Sự vui vẻ của chị ta là sự vui trong tuyệt vọng. Strickland cắt ngang dòng suy nghĩ của tôi bằng một nhận xét mà tính chất hoài nghi bi quan sâu sắc làm tôi ngạc nhiên.

- Một người đàn bà có thể tha thứ cho một người đàn ông về sự tổn thương mà anh ta gây ra cho chị ta, - ông ta nói, - nhưng sẽ không bao giờ tha thứ cho anh ta về những hy sinh mà anh ta phải chịu vì chị ta.

- Ông cứ yên trí rằng chắc chắn ông không đời nào lĩnh chịu sự oán giận của những người đàn bà có liên quan đến ông, - tôi vặn lại.

Trên môi ông thoáng một nụ cười.

- Thế còn đứa nhỏ?

- Ồ, nó chết ngay sau khi họ lấy nhau khoảng ba, bốn tháng.

Thế rồi tôi đề cập đến vấn đề mà hình như tôi thắc mắc nhất.

- Thế nào đi nữa, ông cũng phải cho tôi biết vì sao ông lại quan tâm đến Blanche Stroeve?

Ông ta im lặng lâu đến nỗi tôi sắp lặp lại câu hỏi.

- Làm sao tôi biết được? - Sau cùng ông nói. - Cô ta không thể chịu nổi khi thấy mặt tôi. Chuyện đó làm tôi khoái.

- Tôi thấy rõ điều đó.

Đột nhiên ông ta nổi giận:

- Khốn kiếp, tôi cần cô ta.

Nhưng ông bình tĩnh trở lại ngay và nhìn tôi, mỉm cười:

- Ban đầu thì cô ta khó chịu.

- Ông có nói cho cô ta biết không?

- Chẳng cần phải nói. Cô ta biết. Tôi không hề nói một lời. Cô ta hoảng sợ. Sau cùng tôi chiếm được cô ta.

Trong cách ông kể chuyện này có một cái gì đó thật là lạ lùng, biểu hiện một khát vọng dữ dội. Thật là hụt hẫng và khá khủng khiếp. Ông đã tách mình ra khỏi những chuyện vật chất một cách kỳ lạ, và hình như thỉnh thoảng thân xác ông trả thù tinh thần ông một cách đáng sợ. Con người dâm dăng trong ông ta thỉnh thoảng làm chủ được ông, và ông bất lực trong việc kìm chế cái bản năng có tất cả sức mạnh của những lực lượng nguyên thủy của tự nhiên. Đó là một sự ám ảnh hoàn toàn đến nỗi trong tâm hồn ông không có một chỗ nào dành cho sự thận trọng và

- Nhưng tại sao ông lại muốn mang chị ta đi?- Tôi hỏi.

- Tôi có muốn đâu, - ông ta vừa đáp vừa cau mày.- Khi cô ta bảo cô ta sẽ đi với tôi, tôi cũng ngạc nhiên không kém Stroeve. Tôi bảo cô ta rằng khi nào tôi chán cô ta rồi thì cô ta cũng phải dứt đi thôi, nhưng cô ta bảo cô ta đánh liều luôn.- Ông ta ngừng lại một lúc.- Cô ta có một thân hình tuyệt vời, và tôi cần vẽ một người khỏa thân. Khi đã hoàn thành bức tranh, tôi không còn thích cô ta nữa.

- Nhưng chị ta đã yêu ông hết lòng.

Ông ta đứng bật dậy và đi đi lại lại trong căn phòng nhỏ.

- Tôi không cần tình yêu. Tôi không có thì giờ cho chuyện đó. Đó là sự yếu đuối. Tôi là đàn ông, thỉnh thoảng tôi cần đàn bà. Sau khi đã thỏa mãn, tôi sẵn sàng làm chuyện khác. Tôi không thể vượt qua dục vọng của tôi, nhưng tôi ghét nó, nó giam hãm tinh thần của tôi. Tôi mong mỗi đến lúc thoát khỏi tất cả dục vọng và có thể hiến mình cho công việc mà không vướng mắc một chướng ngại nào. Bởi vì đàn bà không thể làm chuyện gì khác ngoài chuyện yêu đương nên họ quan trọng hóa nó một cách buồn cười. Họ muốn thuyết phục chúng ta rằng đó là tất cả cuộc đời. Đó là một điều vô nghĩa. Tôi hiểu những đòi hỏi về tình dục. Chuyện ấy bình thường

và lành mạnh. Tình yêu là một chứng bệnh. Đàn bà chỉ là phương tiện đáp ứng thú vui của tôi. Tôi không chịu được việc họ đòi làm người cộng sự, người bạn đời, người bạn đồng hành.

Tôi chưa bao giờ nghe Strickland nói liền một mạch được nhiều chuyện đến thế. Ông ta nói say sưa vì phần nộ. Nhưng tôi không hề có tham vọng ghi được chính xác lời lẽ của ông ta dùng, vốn từ vựng của ông nghèo nàn và ông không có tài sắp xếp câu cú mạch lạc đến nỗi người ta phải lắp ráp ý ông muốn nói từ những thán từ, nét mặt, điệu bộ và những câu nói đã nhàm.

- Ông nên sống vào cái thời mà đàn bà là những động sản và đàn ông là những ông chủ nô lệ mới phải,- tôi nói.

- Thật ra tôi là một người đàn ông hoàn toàn bình thường.

Tôi không thể nhin cười về lời nhận xét được nói một cách rất nghiêm chỉnh này. Cì vẫn tiếp tục đi đi lại lại trong phòng như một con thú bị nhốt trong cũi, vì không thể diễn đạt được một cách mạch lạc những cảm nghĩ của chính mình.

- Khi một người đàn bà yêu anh, nàng sẽ không được thỏa mãn chừng nào nàng chưa chiếm được tâm hồn anh. Vì nàng yếu kém nên nàng say mê sự thống trị và không có gì khác hơn sẽ thỏa mãn được nàng. Nàng có đầu óc hạn hẹp và không ưa cái trừu tượng mà nàng không thể nào hiểu thấu được. Nàng bận bịu với những chuyện vật chất và ghen tức về những chuyện lý tưởng. Tâm hồn người đàn ông thơ thần ở những nơi xa xôi nhất trong vũ trụ, còn nàng thì cố giam hãm nó trong cái vòng quần quanh của quyển sổ chi tiêu. Anh còn nhớ vợ tôi chứ? Tôi thấy rõ ràng Blanche từng bước cố thực hiện tất cả những mảnh khöhe của vợ tôi. Cô ta chuẩn bị một cách vô cùng kiên nhẫn để đánh bẫy tôi và trói buộc tôi lại. Cô ta muốn đưa

tôi xuống ngang hàng với cô ta; cô ta không quan tâm gì đến tôi cả, cô ta chỉ muốn tôi là của cô ta. Cô ta sẵn sàng làm tất cả mọi chuyện trên đời cho tôi ngoại trừ một chuyện duy nhất mà tôi muốn: để cho tôi yên.

Tôi yên lặng một lúc.

- Ông nghĩ chị ấy sẽ làm gì sau khi bị ông bỏ rơi?

- Cô ta có thể trở về với Stroeve. - Ông bức bối nói.- Anh ta sẵn sàng đón cô ta kia mà.

- Ông thật tàn nhẫn,- tôi đáp.- Thật là vô ích khi nói với ông về những chuyện này, chẳng khác nào miêu tả màu sắc với một người bị mù bẩm sinh.

Ông ta dừng lại trước chiếc ghế của tôi và đứng nhìn tôi bằng nét mặt mà tôi đọc thấu được một sự ngạc nhiên kinh khủng.

- Anh thực sự quan tâm đến việc Blanche Stroeve sống hoặc chết à?

Tôi đã suy nghĩ kỹ về câu hỏi của ông, vì tôi muốn trả lời thành thật và với tất cả tâm tư của tôi.

- Có lẽ tôi thật là vô tâm nếu cái chết của chị ấy không gây xáo động gì lớn trong tôi. Cuộc đời chị ấy còn nhiều hứa hẹn. Tôi nghĩ thật khủng khiếp là chị ấy chết đi một cách bi thảm như vậy, và tôi thấy hổ thẹn vì tôi không quan tâm thật sự">

- Anh không có được sự can đảm của những lời khẳng định quả quyết của anh đâu. Cuộc sống không có giá trị gì cả. Blanche Stroeve tự tử không phải vì tôi đã bỏ cô ta, mà vì cô ta là một người đàn bà điên khùng và không quân bình. Nhưng chúng ta nói về cô ta như thế đủ rồi, cô ta chẳng

quan trọng gì cả. Anh hãy lại chỗ tôi, tôi sẽ cho anh xem những bức tranh của tôi.

Ông ta nói cứ như tôi là một đứa trẻ con cần được giải trí. Tôi bực tức với ông ta thì ít mà với chính mình thì nhiều. Tôi nghĩ đến cuộc sống hạnh phúc mà cặp vợ chồng đó đã sống trong phòng vẽ ấm cúng ở Montmartre, Stroeve và vợ của anh; thật đơn sơ, tử tế, và hiếu khách. Đối với tôi, sao mà có vẻ tàn nhẫn khi cuộc sống đó lại có thể tan vỡ từng mảnh vì một sự ngẫu nhiên, nhưng điều tàn nhẫn hơn hết thảy là việc ấy thực chất không ảnh hưởng gì đến cuộc đời. Thế giới vẫn tiếp tục tồn tại, không ai chú ý đến chuyện bất hạnh đó làm gì. Tôi nghĩ, Dirk là một người ruột để ngoài da, có những phản ứng nhạy cảm hơn là những tình cảm sâu sắc, nên anh ta sẽ quên ngay thôi. Nhưng còn cuộc đời của Blanche, bắt đầu với những hy vọng huy hoàng và những giấc mơ nào ai mà biết được, phải chi cuộc đời đó đừng bao giờ có thì hay hơn. Xem ra sao nó vô ích và vô nghĩa quá.

Strickland tìm chiếc mũ của ông và đứng nhìn tôi.

- Anh đi chứ?

- Sao ông cứ cố làm bạn với tôi thế? - Tôi hỏi ông ta.- Ông biết rằng tôi ghét và khinh bỉ ông chứ?

Ông ta cười khúc khích một cách vui vẻ.

- Thật ra anh cãi nhau với tôi chỉ vì tôi cóc cần quan tâm đến việc anh nghĩ gì về tôi.

Tôi cảm thấy hai má nóng bừng lên vì cơn tức giận bất ngờ. Thật không thể nào làm cho ông ta hiểu được rằng người ta có thể bị xúc phạm vì cái tính ích kỷ lì lợm của ông. Ước gì tôi đâm thủng được cái áo giáp hoàn toàn

lãnh đạm đó của ông. Tôi cũng biết rằng đầu sao thì điều ông nói cũng có cái đúng. Có lẽ vô tình chúng ta đánh giá uy quyền của chúng ta đối với người khác bằng cách xem thái độ của họ đối với ý kiến của chúng ta về họ, và chúng ta ghét những người nào mà chúng ta không có ảnh hưởng gì đối với họ. Tôi cho rằng đó là vết thương đau đớn nhất đối với sự kiêu hãnh của con người. Nhưng tôi không muốn để cho ông ta thấy rằng tôi đang bối rối.

- Người ta có thể hoàn toàn bất chấp người khác được chẳng?- Tôi nói, thật ra với chính mình hơn là với ông ta.- Rồi ra trong cuộc sống anh sẽ phải lệ thuộc người khác, về mọi chuyện. Thật là một cố gắng lố bịch nếu cứ chỉ sống cho mình và vì mình mà thôi. Sớm muộn rồi anh cũng sẽ bệnh hoạn, mệt mỏi và già cỗi, và rồi anh sẽ bơ vơ quay về với mọi người. Anh sẽ không xấu hổ sao khi anh cảm thấy trong lòng một niềm ao ước được thoải mái và được cảm thông? Anh đang cố làm một việc không thể nào thực hiện được. Sớm muộn gì rồi con người trong anh cũng sẽ mong mỏi những ràng buộc thường tình của con người.

- Hãy đến xem tranh của tôi.

- Có khi nào ông nghĩ đến cái chết không?

- Sao tôi lại phải nghĩ chứ? Nó chẳng ăn nhằm gì.

Tôi nhìn ông ta chăm chăm. Ông đứng trước mắt tôi, bất động, với nụ cười chế giễu trong mắt; nhưng vì tất cả những chuyện đó nên có một lúc tôi mơ hồ thấy một tâm hồn sôi nổi, bị giày vò, đang hướng đến một cái gì đó cao cả hơn bất cứ cái gì gắn bó với xác thịt. Tôi nhìn thấy một sự đeo đuổi cái không thể diễn tả được. Tôi nhìn thấy trước mặt tôi một người đàn ông áo quần sờn rách, chiếc mũi to tướng và cặp mắt sáng, bộ râu đỏ và

mái tóc rối bù. Tôi có cái cảm giác kỳ lạ rằng đó chỉ là một cái vỏ bên ngoài, và tôi đang mục kích một tâm hồn đã được thoát xác.

- Nào chúng ta hãy đi xem tranh của ông đi, - tôi nói.

Tôi không biết vì sao đột nhiên Strickland lại đề nghị cho tôi xem tranh của ông. Tôi chớp lấy cơ hội ngay. Tác phẩm của một người biểu lộ con người của anh ta. Trong giao tế xã hội, anh ta cho bạn thấy cái bề ngoài mà anh ta muốn người khác chấp nhận, và bạn chỉ có thể biết được con người thật của anh ta bằng cách suy từ những hành động nhỏ nhất mà anh ta không để ý đến và từ những nét thoáng quauương mặt vô tình của anh ta. Đôi khi người ta đeo chiếc mặt nạ hoàn hảo đến nỗi kết quả là họ trở thành người mà họ giả vờ. Nhưng trong quyển sách hoặc bức tranh của anh ta thì con người thật của anh ta tự bộc lộ ra không tài nào giấu diếm được. Tính khoe khoang của anh ta chỉ rỗng tuếch mà thôi. Thanh gỗ dù cố sơn cho giống sắt người ta vẫn thấy đó chỉ là thanh gỗ. Không một sự giả tạo nào để có vẻ đặc biệt lại có thể che đậy được một đầu óc tầm thường. Đối với một người quan sát tinh tế thì không ai có thể tạo ra được tác phẩm bất ngờ mà không để lộ những bí ẩn sâu kín nhất của tâm hồn anh ta.

Khi leo chiếc cầu thang dài vô tận của ngôi nhà nơi Strickland ở, thú thật tôi hơi xúc động. Dường như, tôi đang đứng trước một cuộc phiêu lưu kỳ thú. Tôi tò mò nhìn quanh căn phòng. Nó trông nhỏ hơn và trống hơn là tôi còn nhớ. Tôi tự hỏi những anh bạn đòi hỏi những phòng vẽ rộng lớn sẽ nói gì và tôi dám chắc họ không thể nào làm việc nổi nếu họ không có được những điều kiện họ muốn.

- Tốt hơn anh nên dừng đằng kia. - Ông ta vừa nói vừa chỉ lại chỗ mà ông ta nghĩ tôi có thể xem một cách tốt nhất những thứ ông phải cho tôi xem.

- Chắc ông không muốn tôi nói chuyện - Tôi nói.

- Đừng thế, đồ trời đánh thánh vật, tôi muốn anh cầm mồm lại.

Ông đặt một bức tranh lên giá vẽ và để tôi nhìn trong một hai phút, rồi lấy xuống và đặt một bức khác lên. Tôi nghĩ ông đã cho tôi xem khoảng ba mươi bức tranh. Đó là kết quả của sáu năm dài vẽ vờ. Ông không hề bán một bức nào. Những bức tranh đó có nhiều khổ khác nhau. Loại khổ nhỏ là tranh tĩnh vật và loại khổ lớn là tranh phong cảnh. Có khoảng nửa tá tranh chân dung.

- Tất cả có thể - cuối cùng ông ta nói.

Giá như tôi có thể nói được rằng tôi đã nhận ra ngay vẻ đẹp và tính chất độc đáo của những bức tranh ấy. Bây giờ thì tôi đã xem lại nhiều bức trong số đó và bản sao những bức còn lại trở nên quen thuộc đối với tôi. Tôi ngạc nhiên là trong lần xem đầu tiên đó tôi đã hoàn toàn thất vọng. Tôi không cảm thấy một sự rung động đặc biệt nào mà nghệ thuật thường mang lại. Những bức tranh của Strickland đã gây cho tôi một cảm giác hụt hẫng, và điều luôn luôn đáng trách là tôi đã không hề nghĩ đến việc mua một bức nào. Tôi đã bỏ lỡ một dịp may ngàn đời. Hầu hết những bức tranh ấy sau này đều được đưa vào các viện bảo tàng, số còn lại là tài sản quý giá của những nhà chơi tranh tài tử giàu có. Tôi cố tìm cách tự bào chữa. Tôi nghĩ rằng mình có óc thẩm mỹ khá, nhưng không mấy độc đáo. Tôi biết rất ít về hội họa, và tôi lần theo con đường những người khác để chỉ cho tôi. Vào lúc ấy tôi rất thán phục những họa sĩ phái ấn tượng. Tôi ước mong có được tranh của Sisley^[47] và của Degas^[48], và tôi tôn sùng Manet. Bức *Olympia* của ông hình như đối với tôi là bức tranh trứ danh nhất của thời hiện đại, và bức *Le Déjeuner sur l'Herbe*^[49] đã rung động tôi sâu sắc. Những tác phẩm này đối với tôi hình như là lời nói cuối cùng của hội họa.

Tôi sẽ không mô tả những bức tranh mà Strickland đã cho tôi xem. Mô tả tranh bao giờ cũng là việc chần ngắt, và việc đó chỉ phù hợp với những ai thích nó mà thôi. Ngày nay ảnh hưởng của ông đã tác động lớn đến nền hội họa hiện đại, và người ta tiếp tục khai thác vùng đất mà ông là một trong những người khai phá đầu tiên. Tranh của Strickland, nếu xem lần đầu, thì phải chuẩn bị tâm trí một cách kỹ càng, nhưng hồi ấy tôi chưa bao giờ được xem một bức nào loại đó. Lần đầu tiên, tôi ngạc nhiên, vì cái mà đối với tôi lúc ấy hình như là sự vụng về trong kỹ thuật vẽ của ông. Đã quen với lối vẽ của những bậc thầy cổ điển, và tin chắc rằng Ingre là người phác thảo vĩ đại nhất của thời cận đại, nên tôi nghĩ rằng Strickland vẽ rất kém. Tôi không biết gì về sự đơn giản mà ông đã hướng tới. Tôi còn nhớ một bức tĩnh vật về những quả cam trên một cái đĩa và tôi bực mình vì cái đĩa thì không tròn và những quả cam thì méo mó. Lối vẽ chân dung hơi to hơn người thật làm cho chúng khó coi. Đối với mắt tôi lúc ấy, thì những khuôn mặt trông giống những tranh biếm họa. Chúng được vẽ theo một cách hoàn toàn mới lạ. Tranh phong cảnh thì lại càng làm cho tôi bối rối hơn. Có hai, ba bức vẽ khu rừng ở Fontainebleau. Nhiều bức vẽ đường phố Paris: cảm giác đầu tin của tôi là một tay tài xế taxi say rượu nào đó đã vẽ chúng. Tôi hoàn toàn hoang mang. Màu sắc đối với tôi hình như quá thô kệch. Tôi thoáng nghĩ toàn bộ chuyện này chỉ là một trò hề lạ đời, không sao hiểu được. Lúc này nhìn lại tôi mới thấy rõ hơn sự sâu sắc của Stroeve người đầu tiên đã thấy rằng đây là một cuộc cách mạng nghệ thuật, và anh đã nhận ra ngay từ đầu tài năng mà hiện nay cả thế giới đều công nhận. Nhưng nếu tôi có ngạc nhiên và chững hững thì không phải là tôi không có ấn tượng sâu sắc. Dù quá dốt nát tôi vẫn không thể nào không cảm thấy rằng ở đây có một sức mạnh thực sự đang cố gắng tự bộc lộ. Tôi bị kích động và buộc phải chú ý. Tôi cảm thấy những bức tranh này như muốn nói với tôi một điều gì đó rất quan trọng, nhưng tôi không tài nào nói được nó là cái gì. Đối với tôi chúng có vẻ xấu xí, chúng gợi mà không hề để lộ ra, một ý nghĩa bí ẩn quan trọng nào đó. Chúng trêu người một cách kỳ lạ. Chúng gây cho tôi một cảm xúc mà tôi không tài nào phân tích được. Chúng nói một điều gì đó mà ngôn ngữ không đủ sức nói lên được. Tôi cho rằng

Strickland đã mơ hồ thấy được trong những vật thể một ý nghĩa tinh thần nào đó quá lạ lùng đến nỗi ông chỉ có thể gọi nó ra bằng những biểu tượng què quặt. Dường như ông đã tìm thấy trong cái hỗn mang của vũ trụ một khuôn mẫu mới, và ông thử ghi nó lại một cách vụng về với nỗi lòng khắc khoải. Tôi thấy một tâm hồn bị giày vò day dứt đang cố diễn tả. Tôi quay lại ông.

- Tôi thắc mắc không biết là ông có sử dụng nhằm phương tiện không? - Tôi hỏi.

- Anh muốn nói cái quái quỷ gì thế?

- Tôi nghĩ ông đang cố nói một điều gì đó. Tôi hoàn toàn không biết nó là cái gì, nhưng tôi không tin chắc cách tốt nhất để nói nó ra là hội họa.

Tôi đã nhầm khi nghĩ rằng xem tranh của ông tôi sẽ tìm được đầu mối để hiểu cái tính khí lạ lùng của ông. Những bức tranh của ông chỉ gia tăng nỗi kinh ngạc mà ông đã chất đầy trong tôi. Tôi hoang mang hơn bao giờ hết. Điều duy nhất hình như rõ ràng đối với tôi- và có lẽ điều này cũng có vẻ kỳ cục- là ông đang say mê cố thoát ra bất cứ sức mạnh nào giam giữ ông ta. Nhưng sức mạnh đó là gì và sự giải thoát sẽ đi theo con đường nào thì vẫn còn mù mờ không thấy được. Mỗi người chúng ta đều cô độc trên trần đời. Ai cũng khép mình trong một tháp đồng, và chỉ có thể liên lạc với bạn bè bằng những dấu hiệu, mà dấu hiệu thì không có giá trị chung đến nỗi ý nghĩa của chúng mơ hồ và không chắc chắn. Chúng ta cố gắng một cách đáng thương để truyền đạt những kho tàng trong tâm hồn chúng ta cho người khác, nhưng họ không có khả năng tiếp nhận, cho nên chúng ta cứ đi trong cô đơn, bên cạnh nhau nhưng không cùng nhau được, ta không thể hiểu được bạn và không được bạn hiểu mình giống như người sống ở một xứ mà ngôn ngữ của nó người ta lại biết quá ít đến nỗi thay vì nói lên những điều sâu xa đẹp đẽ, họ bị bắt buộc phải nói lên những chuyện tầm

thường ghi ở trong một quyển cẩm nang đối thoại. Đầu óc của họ chứa đầy ý tưởng, nhưng họ chỉ có thể nói với bạn những chuyện đại khái như cái dù của bà cô người làm vườn thì ở trong nhà.

Cái ấn tượng sau cùng của tôi là về một sự cố gắng phi thường nhằm diễn tả một trạng thái tâm hồn nào đó, và kết quả là, theo tôi nghĩ, phải tìm cho ra lời giải thích cho cái điều làm tôi rối rắm. Rõ ràng là những màu sắc và hình thể đã có một ý nghĩa đối với Strickland nhưng lại chỉ đặc biệt cho chính ông ta mà thôi. Ông ta đang có một nhu cầu không thể chịu nổi là truyền đạt cái mà ông cảm nhận được, và ông đã sáng tạo những màu sắc và hình thể ấy chỉ vì ý định đó mà thôi. Ông ta đã không ngần ngại giảm lược đi hay bóp mép nên ông ta có thể đến gần hơn cái điều bí ẩn mà ông ta đã tìm kiếm đó. Những sự kiện không là gì cả đối với ông, bởi vì bên dưới cái khối những biến cố không ăn nhập vào đầu kia ông chỉ tìm cái gì có ý nghĩa cho ông mà thôi. Dường như ông đã biết được linh hồn của vũ trụ và ông bị buộc phải diễn tả nó. Dầu những bức tranh này làm tôi rối rắm và ngạc nhiên tôi không thể không bị kích động bởi cái cảm xúc rõ ràng trong đó, và không hiểu sao tôi lại thấy trong tôi một sự cảm thông với Strickland, một sự cảm thông mà tôi hằng mong muốn rất cuộc đã có được. Tôi cảm thấy niềm cảm thông tràn đầy.

Tôi nghĩ bây giờ thì tôi hiểu được tại sao ông đã để mặc cho tình cảm buông trôi theo Blanche Stroeve, - tôi nói với ông.

- Tại sao?

- Tôi nghĩ rằng quyết tâm của ông đã thất bại. Sự yếu đuối của thân xác đã được truyền đến tâm hồn ông. Tôi không biết sự khát khao vô hạn nào đang ám ảnh ông, đến nỗi ông dẫn thân tìm kiếm trong đơn độc gian nan một cái đích nào đó, ở đó ông hy vọng sẽ tìm được sự giải thoát sau cùng khỏi cái tâm hồn đang hành hạ ông. Trông ông cũng giống như người hành

hương cứ đi mãi để tìm đến một thánh điện này đó mà có lẽ không hề tồn tại. Tôi không biết ông đang nhắm đến một cõi niết bàn huyền bí nào. Chính ông có biết không? Có lẽ đó chính là Chân Lý và Tự do, là điều ông đang tìm, và có một lúc nào đó ông đã nghĩ rằng ông phải tìm sự giải thoát nơi Tình yêu. Tôi nghĩ tâm hồn mệt mỏi rã rời của ông đã tìm sự yên nghỉ trong vòng tay của một người đàn bà, và khi ông không tìm thấy ở đó một sự yên nghỉ nào cả ông ghét bỏ chị ta. Ông không hề thương xót chị ta, bởi vì ông không hề thương xót chính mình cơ mà. Và ông giết chị ta vì sợ hãi, bởi vì ông vẫn sợ mỗi nguy hiểm mà ông khó lòng thoát ra được.">

Ông mỉm cười khô khan và vuốt hàm râu của mình.

- Anh là người quá đa cảm, anh bạn đáng thương ạ.

Một tuần lễ sau tình cờ tôi nghe nói Strickland đã đi Marseille. Tôi không bao giờ gặp lại ông ta nữa.

Nhìn lại, tôi thấy rằng những gì tôi đã viết về Charles Strickland xem ra không được vừa ý cho lắm. Tôi đã đưa ra những sự kiện mà tôi biết, nhưng chúng vẫn có vẻ mù mờ vì tôi không biết được lý do đưa đẩy đến những chuyện đó. Điều kỳ lạ nhất, quyết định trở thành họa sĩ của Strickland trông có vẻ là một chuyện tùy hứng, và cho dù chắc chắn phải có những nguyên nhân trong hoàn cảnh sống của ông, tôi lại không biết những nguyên nhân đó. Tôi không lượm lặt được gì từ những cuộc nói chuyện tay đôi với ông. Nếu tôi viết một cuốn tiểu thuyết, chứ không chỉ kể đơn thuần những dữ kiện tôi biết về một con người kỳ lạ, thì tôi phải dựng nên nhiều tình tiết để giải thích sự thay đổi nội tâm này. Tôi nghĩ tôi phải cho người ta thấy một thiên hướng mãnh liệt từ thời niên thiếu đã bị ước muốn của ông bố đè bẹp hoặc phải hy sinh vì sinh kế, tôi phải miêu tả một cách sinh động hình ảnh ông ta không kiên nhẫn được với những ràng buộc của cuộc sống, và trong cuộc đấu tranh giữa sự đam mê nghệ thuật với những bổn phận của địa vị, tôi có thể khơi dậy niềm thông cảm với ông ta. Như thế, tôi phải làm cho ông trở thành một khuôn mặt oai nghiêm hơn. Có lẽ phải làm sao để có thể tìm thấy ở ông một Prometheus^[50] mới. Có thể đây sẽ là dịp để thực hiện một sự trình bày hiện đại về cuộc đời của một vị anh hùng vì lợi ích của nhân loại đã dẫn mình vào những nỗi đau lớn của những kẻ mà linh hồn bị đày đọa. Đó luôn luôn là một đề tài dễ gây xúc động.

Ngoài ra, tôi có thể tìm những lý do ở cái tác dụng của mối quan hệ hôn nhân. Chuyện này có thể diễn ra hàng chục cách. Tài năng tiềm ẩn có thể được thể hiện ra do quen với những họa sĩ và nhà văn mà vợ của ông ta đã cố làm bạn, hoặc sự bất hòa trong gia đình có thể khiến ông trở về lại với chính mình, chuyện yêu đương có thể làm cháy bùng lên ngọn lửa mà tôi có thể cho thấy đang âm ỉ trong lòng ông. Tôi nghĩ, lẽ ra tôi nên miêu tả bà

Strickland hoàn toàn khác. Tôi phải bỏ đi một số chi tiết và làm cho bà trở thành một người đàn bà hay rầy rà, khó chịu, hoặc một người tai ngơ mặt đếc với những yêu cầu của tâm hồn. Tôi phải làm cho cuộc hôn nhân của Strickland trở thành một sự giày vò triền miên mà chỉ có thoát ra mới là cách giải quyết duy nhất. Tôi nghĩ tôi phải đề cao lòng kiên nhẫn của ông đối với người bạn đời không hợp nhau và lòng thương cảm đã làm cho ông không thể nào chịu dứt bỏ đi cái ách đang đè nặng lên ông. Chắc chắn tôi phải tránh đề cập đến mấy đứa con.

Một câu chuyện gây được ấn tượng cũng có thể được xây dựng bằng cách cho ông ta tiếp xúc với một ông họa sĩ già nào đó, mà sự thúc bách của nhu cầu cuộc sống hoặc ước muốn thành công về đường thương mại đã làm hỏng tài năng của tuổi thanh xuân, bây giờ nhìn thấy ở Strickland những khả năng mà chính ông đã phí phạm nên ông đã thúc đẩy Strickland từ bỏ tất cả để đi theo nữ thần nghệ thuật chuyên chế. Tôi nghĩ có một cái gì đó có vẻ mỉa mai trong hình ảnh một ông già thành đạt, giàu có và được tôn kính, lại sống khác đi cuộc sống mà ông ta đã không có sức để theo đuổi, tuy biết đó là cuộc sống tốt đẹp hơn.

Những sự kiện thật quá tẻ nhạt. Strickland, một chàng trai vừa mới ra trường, vào làm trong văn phòng của một đại lý trung gian buôn bán mà không có cảm giác ghê tởm nào. Cho đến khi lập gia đình, anh vẫn sống cuộc sống bình thường như bạn bè của anh, vừa đầu cơ ở Sở giao dịch chứng khoán, vừa quan tâm đến khoản tiền một, hai đồng xôvoren ở kết quả cuộc đua ngựa ở Derby, Oxford và Cambridge. Tôi nghĩ trong lúc rảnh anh ta cũng có đi xem hát. Trên bộ lò sưởi anh đặt những bức ảnh của bà Langtry và Mary Anderson. Anh ta đọc tờ *Punch* và tờ *Sporting Times*. Anh ta đi dự những cuộc khiêu vũ ở Hampstead.

Thật chẳng quan trọng cho lắm là đã lâu tôi không hề gặp ông ta. Những năm dài ông phấn đấu để được thành thạo trong một bộ môn nghệ thuật khó

khăn đã diễn ra đơn điệu, và tôi không biết rằng có một cái gì đó quan trọng trong những phương cách ông dùng để kiếm tiền sinh sống. Kể lại những chuyện đó là kể lại những sự việc mà ông đã thấy diễn ra nơi những người khác. Tôi không nghĩ rằng những chuyện đó có ảnh hưởng gì đến tính tình của ông. Hẳn là ông đã có được những kinh nghiệm đủ để làm tài liệu viết một cuốn tiểu thuyết về bọn bất lương ở thành phố P hiện đại, nhưng ông vẫn không hề hấn gì, và qua cuộc nói chuyện với ông, ta thấy trong những năm ấy không có một điều gì gây được một ấn tượng đặc biệt nào cho ông. Có lẽ khi đến Paris ông đã quá già rồi nên không thể trở thành nạn nhân cho sự quyến rũ của môi trường chung quanh. Điều đó có vẻ kỳ lạ là, đối với tôi hình như ông luôn luôn có vẻ không những là một người thực tế mà còn là một người rất bình thường. Tôi cho rằng nếp sống của ông trong giai đoạn này thật là lãng mạn, nhưng chắc chắn là ông chẳng thấy chút lãng mạn gì trong đó cả. Có thể, để nhận ra tính chất lãng mạn trong cuộc sống, bạn phải có một cái gì đó của người diễn viên trong bản thân, và, nếu có thể đứng tách ra bên ngoài chính con người bạn, bạn hẳn có thể quan sát được những hành động của mình với một sự chú ý vừa khách quan vừa thích thú. Nhưng Strickland chỉ theo đuổi một mục đích duy nhất và không ai hơn được ông ta về chuyện đó. Tôi chưa bao giờ thấy một người nào ít để ý đến mình hơn. Nhưng đáng tiếc tôi lại không thể miêu tả được gì về những bước khó khăn gian khổ nhờ đó ông đã đạt đến trình độ nghệ thuật như hiện có, bởi vì nếu tôi có thể cho thấy ông không bị khuất phục vì thất bại, bởi một sự cố gắng bền bỉ đầy can đảm để giữ cho sự thất vọng không tới gần được, kiên trì bền bỉ đối mặt với sự nghi ngờ khả năng của chính mình, là kẻ thù gay gắt nhất của người nghệ sĩ, thì tôi có thể đã khơi dậy được một sự cảm thông nào đó đối với một con người tôi biết quá rõ mà bên ngoài không có một sự quyến rũ đặc biệt nào. Nhưng tôi không có gì để mà tiếp tục. Tôi chưa lần nào thấy ông ta làm việc, và tôi cũng không biết có ai đã thấy được chưa. Ông ta giữ bí mật những cuộc đấu tranh với chính bản thân ông. Nếu ông ta có vật lộn trong tuyệt vọng với vị Thiên thần của Thượng đế trong phòng vẽ văng tanh đó thì không bao giờ ông để cho một người nào đoán ra được nỗi niềm khắc khoải của mình.

Khi tôi đề cập đến mối quan hệ của ông với Blanche Stroeve tôi bực mình vì tính chất vụn vặt của những sự việc tôi biết. Để cho câu chuyện được mạch lạc lẽ ra tôi phải mô tả diễn biến sự gắn bó bi thảm của họ, nhưng tôi không biết gì về ba tháng trời họ sống chung với nhau. Tôi không biết họ đã sống như thế nào và họ đã nói gì với nhau. Dẫu sao thì một ngày cũng có hai mươi bốn giờ, và những cảm xúc thú vị nhất chỉ có thể có được vào những lúc nghỉ ngơi hiếm hoi mà thôi. Tôi chỉ có thể tưởng tượng họ đã sống khoảng thời gian còn lại như thế nào. Khi trời còn sáng và khi sức của Blanche còn chót vót chịu đựng được thì tôi cho rằng Strickland vẫn còn vẻ, và chắc Blanche phải bực bội khi thấy ông ta mải mê công việc của mình. Đối với ông ta, chị không phải là người tình, mà chỉ là một người mẫu thôi, và có những lúc mấy giờ liền họ ở bên nhau mà không nói một lời nào. Chuyện đó chắc phải làm chị ta hoảng sợ. Khi Strickland làm cho người ta thấy rằng sự đầu hàng của chị ta đối với ông còn mang ý nghĩa của chiến thắng đối với Dirk Stroeve, vì ông ta đã giúp đỡ chị trong lúc cùng cực nhất, thì ông cũng mở ra nhiều viễn tượng đen tối nữa. Tôi hy vọng chuyện đó không đúng. Đối với tôi, chuyện đó có vẻ khá khủng khiếp. Nhưng ai có thể thăm dò được sự tế nhị của lòng người? Chắc chắn không phải là những người chỉ hy vọng tìm thấy ở đó những tình cảm đúng và những cảm xúc thường tình. Khi Blanche thấy rằng, cả những lúc yêu đương say đắm nhất, Strickland vẫn xa cách, chắc chị phải tuyệt vọng hoàn toàn, và ngay trong những lúc như thế, tôi đoán chị ta đã nhận thấy rằng đối với ông, chị không phải là một con người, mà chỉ là một phương tiện mua vui, ông ta vẫn là một người xa lạ, và chị cố ràng buộc ông bằng những nghệ thuật cảm động lâm ly. Chị đã cố đánh bẫy ông ta bằng sự thoải mái an nhàn mà không hiểu rằng sự thoải mái đối với ông không có nghĩa lý gì cả. Chị đã khổ sở kiếm cho ông những thức ăn ông thích mà không biết rằng ông đã tỏ ra dửng dưng với thức ăn. Chị sợ để ông ta ở một mình. Chị chăm chú đeo đuổi ông, và khi dự vọng của ông ngủ yên thì chị tìm cách kích động nó, bởi vì ít ra chị cũng có ảo tưởng sẽ giữ được ông ta. Có lẽ với

trí thông minh của mình, chị cũng biết những xiềng xích của chị chỉ làm nổi dậy bản năng phá hủy của ông, cũng như chiếc cửa sổ có tấm kính dày làm cho những ngón tay của bạn ngứa ngáy muốn tìm cho ra nửa viên gạch để đập vỡ, nhưng con tim của chị, không có khả năng lý luận, thúc giục chị tiếp tục con đường mà chị biết là tai họa. Hẳn là chị rất bất hạnh. Nhưng tính chất mù quáng của tình yêu đã khiến chị tin điều chị muốn sẽ trở thành sự thật, và tình yêu của chị quá lớn đến nỗi chị thấy hình như tình yêu ấy không thể không khơi dậy một tình yêu tương xứng để đáp lại.

Nhưng việc tôi tìm hiểu tính tình của Strickland phạm một lỗi còn nặng hơn là việc tôi không biết nhiều sự kiện. Bởi vì tôi đã viết về những mối quan hệ của ông với phụ nữ một cách quá rõ ràng, hiển nhiên và nổi bật trong khi chúng chỉ là một phần không đáng kể trong cuộc đời của ông. Thật mỉa mai là chúng lại tác động đến người khác một cách bi thảm. Cuộc sống thực của ông gồm những giấc mơ và lao động vất vả ghê gớm.

Nhưng như thế lại thiếu chất hiện thực của tiểu thuyết. Bởi vì đối với đàn ông, thông thường tình yêu chỉ là một tình tiết trong bao chuyện khác trong ngày. Việc tô đậm tình yêu trong những cuốn tiểu thuyết đã mang lại cho nó một vị trí giả tạo trong cuộc sống. Đối với một số ít đàn ông thì tình yêu là chuyện quan trọng nhất trên đời, và họ không phải là những con người thú vị, thậm chí đàn bà, là những người vốn rất thích chuyện đó vô cùng, cũng tỏ vẻ kinh thường họ. Được đàn ông tâm bực và kích thích các bà lại có cái cảm giác khó chịu rằng mình là những người tội nghiệp. Nhưng cả trong những thời gian ngăn ngui họ yêu, cánh đàn ông cũ những việc khác để giải khuây tâm trí, chuyện buôn bán mà nhờ vào đó họ hái ra tiền thu hút sự chú ý của họ, họ say mê thể thao, họ có thể chú tâm đến nghệ thuật. Phần lớn họ giữ những sinh hoạt khác nhau của họ trong những ngăn khác nhau và họ có thể đeo đuổi sinh hoạt này tạm thời loại trừ sinh hoạt kia, Họ có khả năng tập trung vào việc họ đang bận lúc nào đó, và họ bực mình khi chuyện này xọ vào chuyện kia. Nhìn dưới khía cạnh những người đang yêu,

sự khác nhau giữa đàn ông và đàn bà là người đàn bà có thể yêu suốt cả ngày còn đàn ông chỉ yêu thỉnh thoảng mà thôi.

Đối với Strickland lòng ham muốn nhục dục chiếm một chỗ rất nhỏ. Nó không quan trọng. Nó chán ngấy. Tâm hồn của ông mãi hướng đến một nơi nào khác. Ông có những đam mê dữ dội, có lúc dục vọng chiếm lấy thân xác ông và đẩy ông đến những cơn bột phát tình dục mãnh liệt, mặc dù ông rất ghét thứ bản năng cướp đi sự bình tĩnh của ông. Tôi nghĩ ông ghét ngay cả người phải chung chạ trong cuộc truy hoan với mình. Khi đã tự chủ lại được rồi, ông rùng mình ghê tởm khi nhìn thấy người đàn bà mà ông đã thích thú. Rồi tư tưởng của ông êm đềm bay bổng trên bầu trời cao thăm thẳm., lúc đó, cái ghê tởm của ông đối với người đàn bà ấy có lẽ giống như cái ghê gớm của con bướm sặc sỡ đang bay lượn trên những bông hoa dành cho con nhộng nhơ bẩn mà nó vừa chiến thắng để thoát ra được. Tôi cho rằng nghệ thuật là một sự thể hiện cái bản năng dục tính. Mỗi xúc cảm có được khi ngắm vịnh Napoli dưới ánh trăng vàng hoặc khi nhìn bức *Chôn Cát* ^[51] của Titan cũng là một xúc cảm được khơi dậy trong trái tim con người khi nhìn thấy một người đàn bà đẹp. Có thể Strickland ghét sự buông thả tầm thường của tình dục bởi vì đối với ông nó có vẻ cục súc nếu đem so với sự mãn nguyện trong sáng tạo nghệ thuật. Chuyện có vẻ kỳ quặc ngay cả đối với tôi khi miêu tả một người tàn bạo, ích kỷ, thô lỗ và ham mê nhục dục để rồi bảo rằng ông ta là một người đeo đuổi một lý tưởng vĩ đại. Vấn đề vẫn chưa giải quyết được.

Ông ta sống nghèo khổ hơn cả một anh thợ thủ công. Ông ta lao động vất vả hơn. Ông ta không hề quan tâm những việc mà nhờ đó hầu hết mọi người tự làm cho cuộc đời mình dễ chịu và tươi đẹp. Ông đứng đưng với tiền bạc. Ông không hề để ý đến tiếng tăm. Bạn không thể ca tụng ông ta vì ông đã chống lại được sự cám dỗ để làm bất kỳ một thỏa hiệp nào với trần gian trong khi hầu hết chúng ta phải chịu thua. Ông ta không chịu một sự cám dỗ nào như thế. Nó không bao giờ xâm nhập được trong đầu ông đâu

cho có thể có thỏa hiệp. Ông sống ở Paris mà cô đơn hơn một ẩn sĩ sống trong sa mạc The. Ông không đòi hỏi điều gì nơi bạn bè ngoài việc họ phải để cho ông yên. Ông chân thật ngay thẳng trong mục đích của ông và để theo đuổi nó ông sẵn sàng hy sinh không những chính bản thân mình - nhiều người có thể làm được việc đó - mà còn những thứ khác nữa. Ông thấy được cả một viễn tượng.

Strickland thật đáng ghét nhưng tôi vẫn nghĩ ông là một người vĩ đại.

Chắc chắn, những quan điểm nghệ thuật của các họa sĩ có một tầm quan trọng và dĩ nhiên là tôi phải ghi lại những gì tôi biết về ý kiến của Strickland đối với những nghệ sĩ vĩ đại của quá khứ. Tôi e rằng việc ghi nhận của tôi không đáng là bao. Strickland không phải là người thích nói chuyện và cũng không có tài diễn đạt để gây ấn tượng ở người nghe về những điều mà ông muốn nói. Ông ta không phải là người hóm hỉnh. Nếu bằng cách nào đó tôi ghi lại thành công cách nói chuyện của ông, thì người ta sẽ thấy là tính hài hước dí dỏm của ông có vẻ châm biếm mỉa mai. Lối đối đáp của ông thô lỗ. Đôi khi ông làm cho người ta cười bằng cách nói ra sự thật, nhưng đây là một hình thức hài hước chỉ có tác dụng vì tính chất bất thường của nó, nó sẽ không còn hay ho gì nếu được dùng thường xuyên.

Có thể nói, Strickland không phải là một người thông minh lắm, quan điểm của ông về hội họa không có gì là khác thường cả. Tôi chưa bao giờ nghe ông ta nói về những người mà tác phẩm của họ chắc chắn có một sự tương tự nào đó với tác phẩm của ông như Cézanne^[52] hoặc Van Gogh^[53] chẳng hạn, và tôi rất nghi ngờ không biết ông có bao giờ xem tranh của họ chưa. Ông không thích lắm những họa sĩ phái ấn tượng. Kỹ thuật của họ làm ông chú ý, nhưng tôi nghĩ ông ta cho rằng phong cách của họ thì bình thường. Khi Stroeve đề cập đến sự tuyệt hảo của Monet thì ông ta nói: “Tôi thích Winterhalter^[54] hơn”. Nhưng tôi chắc ông ta nói như vậy là để chọc tức, và nếu đúng thế thì ông đã thành công.

Tôi chán vì không thuật lại được một ý kiến quá đáng nào của ông về những bậc thầy đi trước. Có quá nhiều chuyện trong cái tính tình kỳ cục của ông đến nỗi tôi cảm thấy rằng thêm một quan điểm quá đáng thì vẫn đề

sẽ được chính xác hơn. Tôi cảm thấy cần gán cho ông những nhận định kỳ dị về những người đi trước ông, và tôi không ảo tưởng chút nào khi nhận ra rằng ông ta cũng nghĩ về họ gần như những người khác nghĩ. Tôi không tin ông ta biết El Greco. Ông ta rất ngưỡng mộ nhưng cũng hơi khó chịu về Velasquez. Chardin làm ông ta thích thú, Rembrandt ^[55] làm ông ta ngây ngất. Ông diễn tả cái ấn tượng mà Rembrandt đã gây cho ông ta bằng một lời nói thô lỗ mà tôi không thể nào lặp lại được. Họa sĩ duy nhất làm ông ta thích thú không ngờ được, đó là Brueghel the Elder ^[56]. Lúc ấy tôi biết về họa sĩ này rất ít, và Strickland không thể tự giải thích được. Tôi nhớ được điều ông ta nói về họa sĩ này bởi vì câu nói đó không làm tôi thỏa mãn lắm.

- Ông ta có lý đấy, - Strickland nói, - Tôi cá là ông ta đã tìm được cái ngữ chết dịch để vẽ.

Về sau, khi xem nhiều tranh của Peter Brueghel ở Vienne, tôi mới nghĩ rằng tôi hiểu vì sao ông ta đã gây được sự chú ý ở Strickland. Đây cũng là một người có cái viễn tượng về trần gian đặc biệt cho riêng mình. Lúc ấy tôi đã ghi chép khá nhiều và có ý định viết một cái gì đó về ông, nhưng tôi đã bỏ mất những tư liệu ấy và bây giờ chỉ còn nhớ qua cảm xúc mà thôi.

Hình như ông có một cách nhìn kỳ dị đồng loại của mình và ông bực tức họ bởi vì họ kỳ dị. Cuộc đời là một mớ hỗn tạp những chuyện buồn cười và đê tiện, một đê tài chỉ để cười cợt, nó làm cho ông buồn rầu đến phát cười. Brueghel tạo cho tôi cái ấn tượng về một người cố diễn ra những cảm xúc của mình bằng một phương tiện khác. Và có thể chính vì ngầm ý thức được chuyện này nên Strickland đã tỏ ra thông cảm. Có lẽ cả hai đã cố gắng ghi lại bằng màu sơn những ý tưởng thích hợp với văn học hơn.

Hồi đó, Strickland khoảng bốn mươi bảy tuổi.

Tôi đã nói nếu không may mắn đến được Tahiti thì chắc chắn tôi không bao giờ viết quyển sách này. Sau khi ông lang thang đây đó nhiều nơi, chính Tahiti là nơi Charles Strickland đã đến, và ở đó ông ta vẽ những bức tranh mang lại tiếng tăm lâu bền. Tôi cho rằng không một người nghệ sĩ nào thực hiện được hoàn toàn giấc mơ ám ảnh của mình và Strickland luôn luôn bị phiền hà trong khi cố gắng đi tìm kỹ thuật vẽ, có lẽ ông đã không thành công bằng những người khác trong việc cố diễn tả cái viễn tưởng mà ông đã thấy được bằng con mắt của tâm hồn. Nhưng ở Tahiti thì hoàn cảnh thuận lợi cho ông hơn, ông đã tìm được ở khung cảnh chung quanh những dữ kiện cần thiết để cảm hứng của ông trở thành hiện thực, và ít ra những bức tranh về sau của ông cũng đã nói lên được điều ông tìm kiếm. Những khung cảnh ấy đã đem lại cho trí tưởng tượng một cái gì đó mới mẻ và lạ lùng. Dường như chính tại cái xứ sở xa xôi này, tâm hồn thoát xác đi lang thang của ông tìm được một nơi cư ngụ và sau cùng đã có thể mang lấy một thân xác. Nói một cách bình thường, ở đây ông đã tìm thấy được chính mình.

Dường như tự nhiên, cuộc viếng thăm hòn đảo xa xôi này đã làm sống lại ngay trong tôi sự chú ý đến Strickland, nhưng công việc bận rộn buộc tôi phải loại bỏ bất kỳ những gì không liên quan đến và mãi cho tới khi tôi đã ở đó được vài hôm tôi mới nhận ra rằng ông có liên quan đến công việc đó. Xét cho cùng, tôi không gặp ông đã mười lăm năm rồi, và tính ra ông đã chết được chín năm. Nhưng tôi nghĩ, khi đến Tahiti, tôi đã phải xua khỏi đầu óc mình nhiều vấn đề còn cấp bách hơn nhiều, và một tuần lễ sau tôi mới thấy rằng không dễ gì ổn định tư tưởng được. Tôi còn nhớ buổi sáng đầu tiên tôi đã thức dậy sớm, và khi tôi lên sân thượng của khách sạn thì chưa có động tĩnh gì cả. Tôi đi vòng đến nhà bếp nhưng bếp khóa cửa, và

trên một chiếc ghế dài ở bên ngoài có một chú bé người bản xứ đang ngủ. Chắc là phải đợi một lúc nữa may ra mới ăn điểm tâm được, nên tôi thả bộ xuống khu bến tàu. Người Hoa kiều đã bắt đầu rộn rịp trong cửa tiệm của họ rồi. Ánh bình minh vẫn xanh xao nhợt nhạt, và sự yên lặng ma quái bao trùm trên hồ nước mặn. Cách đó mười dặm, đảo Murea đang gìn giữ điều bí ẩn của nó như một thành lũy cao bảo vệ chiếc Chén Thánh.

Tôi không tin hoàn toàn vào mắt mình. Từ khi tôi rời Wellington ngày tháng trôi qua dường như khác thường và kỳ lạ. Thành phố sạch sẽ, xinh xắn và ra vẻ Anh, nó nhắc người ta nhớ đến một thành phố cảng ở miền duyên hải phía Nam. Ba ngày liền sau đó biển có bão. Những đám mây xám xịt đuổi nhau trên bầu trời. Rồi trời bớt gió, biển trở lại yên tĩnh và xanh ngắt. Thái Bình Dương trông có vẻ hoang vắng hơn những biển khác, không gian ở đây dường như mênh mông hơn, và một cuộc hành trình tầm thường nhất trên đại dương đó cũng mang tính chất một cuộc phiêu lưu. Không khí bạn thở là một liều thuốc tiên bất ngờ dành cho bạn. Nó làm cho con người trần tục liên tưởng đến một thế giới thần tiên hơn là nghĩ mình đang đến gần Tahiti. Hòn đảo phụ Murea hiện ra trong vẻ huy hoàng của núi đá, nhô lên khỏi đại dương hoang vắng một cách kỳ bí, giống như sản phẩm huyền ảo của một chiếc đũa thần. Với hình dáng lờm chờm trông nó giống một Monseratt^[57] của Thái Bình Dương, và bạn có thể tưởng tượng nơi đó những chàng hiệp sĩ Pôlynêdi đang canh giữ những điều bí ẩn bằng những nghi thức lạ lùng, ma quái xa lạ với con người. Vẻ đẹp của hòn đảo phô ra khi người ta đến gần và nhìn rõ hình thù những mỏm đá tuyệt đẹp, song nó vẫn đầy bí ẩn khi bạn đi thuyền ngang qua, và với cái vẻ bí ẩn bất khả xâm phạm đó, nó tự thu mình trong sự nghiêm khắc lạnh lùng, khó gần. Bạn sẽ không ngạc nhiên nếu đột nhiên nó biến khỏi tầm mắt của bạn khi bạn đến gần để tìm một lối vào lớp đá ngầm, và bạn sẽ không nhìn thấy gì ngoài sự hoang vắng xanh thẳm của Thái Bình Dương.

Tahiti là một hòn đảo xanh cao vút với những chỗ trũng màu xanh thẫm, nơi đó bạn có thể đoán ra những thung lũng yên tĩnh. Có cái vẻ bí mật ở chỗ sâu u tối, bên dưới là những con suối mát thì thầm tóe nước lên, và bạn cảm thấy rằng ở những nơi râm bóng ấy cuộc sống từ ngàn đời vẫn tiếp tục lối sống xa xưa. Ngay cả ở đây cũng có một cái gì đó buồn bã và khủng khiếp. Nhưng cái ấn tượng ấy qua nhanh, và chỉ nhằm tạo cho bạn một sự nhạy bén để tiếp nhận niềm hoan lạc ngay sau đó. Nó cũng giống như nỗi buồn mà bạn có thể thấy trong đôi mắt của người hay nói đùa khi bạn b chế nhạo những câu nói hóm hỉnh của anh ta. Đôi môi anh ta mỉm cười và những lời nói khôi hài của anh ta dí dỏm hơn nhưng thông qua tiếng cười ấy anh ta cảm thấy mình cô đơn hơn đến mức không thể nào chịu đựng được. Với vẻ vui tươi và thân thiện, Tahiti giống như một người đàn bà đẹp đang phung phí vẻ duyên dáng và sắc đẹp của mình, và không gì có vẻ hòa hợp hơn lối vào hải cảng Papeete. Những chiếc thuyền buồm neo ở bến gọn gàng và xinh xắn, thị trấn nhỏ dọc theo vịnh trông sạch sẽ và thanh nhã, những cành hoa phượng đỏ tươi in trên nền trời xanh phô trương màu sắc như thốt lên tiếng kêu đăm đũi. Chúng toát ra không chút hổ thẹn một nhục cảm mãnh liệt đến khiến bạn nghẹt thở. Bến tàu tụ tập những người là người khi chiếc tàu chạy dọc theo bờ. Đám đông ấy vui nhộn, ồn ào, luôn khoa chân múa tay. Đó là một biển người có gương mặt sạm nắng. Bạn có cảm giác đứng trước một khối màu biết cử động trên một nền trời xanh nóng bỏng. Việc bốc hàng, khám xét của hải quan diễn ra rộn ràng, vội vã và dường như mọi người mỉm cười với bạn. Trời rất nóng. Màu sắc lóa cả mắt bạn.

Tôi ở Tahiti chưa được bao lâu thì gặp thuyền trưởng Nicholas. Vào một buổi sáng nọ, khi tôi đang dùng điểm tâm trên sân thượng của khách sạn thì ông ta đến và tự giới thiệu. Nghe nói tôi chú ý đến Charles Strickland, ông tới để nói chuyện về ông ấy. Ở Tahiti người ta thích tin đồn nhảm cũng như ở một ngôi làng quê của nước Anh. Cái tin tôi một đôi lần dò tìm những bức tranh của Strickland đã nhanh chóng lan ra. Tôi hỏi người khách lạ đã dùng điểm tâm chưa.

- Rồi, tôi uống cà phê từ sớm. - Ông trả lời - Nhưng tôi không hề mó đến một giọt uytki nào.

Tôi gọi anh bồi người Hoa.

- Anh không nghĩ là còn quá sớm sao? - Ông thuyền trưởng nói.

- Tùy mỗi người, - tôi đá">

- Thật ra tôi kiêng rượu, - ông nói khi rót cho mình nửa cốc rượu
Canadian Club

Ông cười để lộ hàm răng sún ngả vàng. Đó là một người gầy còm, tầm vóc trung bình, tóc hoa râm cắt ngắn và bộ râu mép màu xám lún phún. Hai ngày rồi ông chưa cạo. Gương mặt ông hằn sâu những nếp nhăn sạm nắng vì dạn dày sương gió, ông có đôi mắt xanh nhỏ trong gian giáo đến lạ lùng. Chúng láo liên nhìn theo từng cử chỉ nhỏ nhất của tôi, khiến ông trông giống hệt một tên xỏ là ba que. Nhưng lúc ấy ông tỏ vẻ chân thành và thân thiện thật sự. Ông mặc một bộ kaki bê bết bẩn thỉu, và đôi tay giá như được rửa sạch thì tốt hơn.

- Tôi biết rõ Strickland, - ông ta nói, vừa dựa ngửa trên chiếc ghế vừa đốt điếu xì gà tôi mời. - Nhờ tôi ông ta đã đến được quần đảo này.

- Anh gặp ông ta ở đâu? - Tôi hỏi.

- Ở Marseille.

- Anh đang làm gì ở đó?

Ông ta mỉm cười lấy lòng tôi.

- Tôi thất nghiệp.

Diện mạo của ông bạn tôi cho thấy hiện tại ông cũng đang ở trong tình trạng khó khăn tương tự, và tôi tự chuẩn bị cho một dịp quen biết lý thú. Những người chuyên sống lang thang trên bờ biển luôn luôn đền đáp những khổ công nhỏ mà bạn đã bỏ ra để làm họ vui. Họ rất dễ gần và niềm nở trong giao tiếp. Họ ít khi giả dối và mời họ uống một ly là cách bảo đảm để gây thiện cảm với họ. Bạn không cần phải khổ công mới được quen thân với họ, và có thể không những được họ tin tưởng mà còn biết ơn vì bạn đã để tai lắng nghe câu chuyện của họ. Họ xem việc nói chuyện như là niềm vui lớn trong cuộc sống, bằng cách đó họ chứng minh nền văn minh tuyệt hảo của họ, và hầu hết họ là những người nói chuyện rất có duyên. Kinh nghiệm phong phú về cuộc sống và trí tưởng tượng dồi dào của họ kết hợp nhau một cách thú vị. Không thể nói rằng họ không lừa đảo mưu mẹo, nhưng họ kiên nhẫn tôn trọng luật pháp một khi luật pháp được sức mạnh bảo vệ. Thật là mạo hiểm nếu chơi bài pôke với họ, nhưng tài khéo léo của họ gây kích thích đặc biệt cho trò chơi thú vị nhất thế giới này. Tôi đã biết rất rõ về thuyền trưởng Nichols trước khi tôi ở Tahiti, và tôi trở thành người quen thân ông nhất. Tôi không cho rằng xì gà và rượu uytxki mà ông ta

dùng do tôi chi tiền (ông luôn luôn từ chối rượu cõctai vì ông là người kiêng rượu mạnh), và số đôla ít ỏi từ túi tôi chạy sang túi ông được ông mượn với vẻ chiếu cố đến tôi, tất cả những thứ đó là tương xứng với sự tiêu khiển ông đã mang lại cho tôi. Tôi vẫn là người mang ơn ông. Thật là đáng tiếc nếu vì quá chú trọng đến những chuyện trước mặt mà tôi lại cố tình không nói đến ông trong một đôi dòng.

Tôi không biết vì sao thuyền trưởng Nichols lại lìa bỏ nước Anh. Đó là một vấn đề mà ông ít nói đến, và đối với những người tính khí như ông thì một câu hỏi trực tiếp sẽ không khôn ngoan chút nào. Ông thường nói bóng gió đến một nỗi bất hạnh mơ hồ nào đó, và rõ ràng ông lại xem mình là nạn nhân của sự bất công. Tôi tưởng tượng đến muôn vàn hình thức lọc lừa tàn bạo, và tôi đồng ý với ông một cách thông cảm khi ông nhận xét rằng chính quyền ở đất nước già nua ấy thật là máy móc đáng nguyền rủa. Nhưng thật là thú vị khi thấy rằng những chuyện bực bội mà ông phải chịu ở quê hương lại không ảnh hưởng gì đến lòng yêu nước nhiệt thành của ông cả. Ông thường tuyên bố nước Anh là một nước đẹp nhất trên thế giới, là người Anh, ông cảm thấy cao quý hơn người Mỹ, người thuộc địa, người Đagô ^[58], người Hà Lan, người Kanaka ^[59].

Nhưng tôi không nghĩ ông là một người hạnh phúc. Ông khổ sở vì chứng khó tiêu, người ta thường thấy ông ngậm một viên thuốc tiêu thực, vào buổi sáng ông ăn không thấy ngon miệng, nhưng nếu chỉ có nỗi khổ này thôi thì không phương hại gì đến trạng thái tinh thần của ông. Ông còn một nguyên do bất mãn cuộc đời khác quan trọng hơn chuyện này. Các đây tám năm ông đã thiếu suy nghĩ mà cưới một cô vợ. Có những người được Thượng Đế nhân từ định đoạt cho một cuộc sống độc thân, nhưng cũng có những người vì ngoan cố hoặc vì hoàn cảnh không thể nào vượt qua được đã ra mặt chống đối những sự an bài đó. Không ai đáng thương hơn anh chàng có vợ rồi mà phải sống độc thân. Đó là trường hợp của thuyền trưởng Nichols. Tôi đã gặp vợ ông, Chị ta là một thiếu phụ hai mươi tám tuổi, tôi nghĩ thế,

mặc dù đó là một mẫu người khó xác định được tuổi tác vì trông chị không khác gì mấy một cô hai mươi, và đến bốn mươi chắc cũng không già hơn tôi bao nhiêu. Chị tạo cho tôi ấn tượng về một cô kỳ bủn xỉn. Gương mặt không lấy gì làm đẹp với đôi môi mỏng dính trông thật kẹo kiệt, làn da căng khít bọc lấy xương, nụ cười khô khản, tóc tết chặt, quần áo may bó sát người với thứ vải thô màu trắng trông giống vải tơ đen. Tôi không thể tưởng tượng nổi vì sao thuyền trưởng Nichols lại cưới chị ta và đã lỡ cưới rồi thì sao không bỏ quách cho xong. Có lẽ ông cũng đã bỏ chị ta nhiều lần rồi, nhưng thật đáng buồn, chưa bao giờ ông thành công trong chuyện đó. Dù ông ta có bay lên trời hoặc chui xuống đất, tôi tin rằng chị Nichols, chắc như đinh đóng cột, vững vàng như kiềng ba chân, thế nào rồi cũng tìm được ông. Ông khó lòng trốn thoát khỏi chị ta, chẳng khác nào nguyên nhân không thể thoát khỏi được hậu quả.

Tên xỏ lá ba que, giống như người nghệ sĩ và có lẽ người hào hoa phong nhã cũng vậy, không thuộc một giai cấp nào. Hẳn ta không hề bối rối vì sự sỗ sàng của tên mà cà bông, cũng không mất bình tĩnh trước nghi thức của ông hoàng. Nhưng chị Nichols thuộc cái giai cấp được xác định hẳn hoi, vừa mới có tiếng nói, có cái danh xưng là giai cấp trung lưu lớp dưới. Thực ra, bố của chị ta là một ông cảnh sát. Tôi chắc chắn ông ta là một người có khả năng. Không biết vì cớ gì chị ta giữ được ông thuyền trưởng, nhưng tôi không nghĩ rằng đó là tình yêu. Tôi không bao giờ nghe chị ta nói, nhưng có thể trong cuộc sống riêng tư chị ta nói rất nhiều. Dù gì đi nữa thuyền trưởng Nichols sợ chị ta đến chết được. Đôi lúc đang ngồi với tôi trên sân thượng của khách sạn, ông vẫn có thể biết được chị ta đang đi dưới đường. Chị ta không hề gọi ông cũng không tỏ dấu hiệu gì cho thấy chị ta biết ông ở đó, chị chỉ bình thản đi qua đi lại. Rồi sau đó thật lạ lùng, ông thuyền trưởng không còn được thoải mái nữa, ông nhìn đồng hồ và thở dài:

- Này, tôi phải đi thôi.

Lúc đó thì không có cách nào, cũng không thứ rượu uytxki nào có thể giữ ông lại được. Tuy vậy, ông là một người đã từng đương đầu với cuồng phong bão táp và với chỉ một khẩu súng lục, ông sẵn sàng chiến đấu với hàng tá người da đen không vũ khí, Có lúc chị Nichols sai con gái, một đứa bé bảy tuổi, mặt mày xanh xao ử rữ, đến khách sạn.

- Mẹ cần gặp bố, - nó nói, giọng rền rĩ.

- Được, con của bố giỏi lắm, - thuyền trưởng Nichols nói.

Ông nhồm dậy ngay và đi theo con gái ra đường. Tôi cho rằng đó là một ví dụ rất hay về sự chiến thắng của tinh thần đối với vật chất, và như thế việc tôi nói lạc đề ít ra cũng có được cái ưu điểm của một bài học luân lý.

Tôi đã cố gắng sắp xếp lại những chi tiết vụn vặt mà thuyền trưởng Nichols đã kể cho tôi nghe về Strickland, sao cho mạch lạc và ở đây, tôi sắp xếp chúng theo một thứ tự hợp lý nhất mà tôi có thể làm được. Họ quen nhau vào cuối mùa đông tiếp sau lần cuối cùng tôi gặp Strickland ở Paris. Ông đã sống những ngày tháng kế tiếp như thế nào tôi không được biết, những chắc hẳn là khó khăn lắm, bởi vì ông thuyền trưởng đã gặp ông ta lần đầu tiên tại “Nhà tạm trú qua đêm”. Lúc ấy ở Marseille có một cuộc đình công và Strickland, khi hết nhãn cả tiền, mới nhận thấy rõ ràng không thể nào kiếm ra được tí tiền cần thiết để sống nữa.

“Nhà tạm trú qua đêm” là một tòa nhà lớn bằng đá, người nghèo và những tay lang thang có thể kiếm được chỗ ngủ trong một tuần lễ, miễn là giấy tờ hợp lệ và có thể thuyết phục những ông thầy dòng có trách nhiệm tin rằng họ là công nhân. Thuyền trưởng Nichols chú ý đến Strickland vì khổ người và cái dáng đặc biệt của ông giữa đám người đứng đợi cửa mở. Họ đứng đợi đến phờ người, vài người đi đi lại lại, kẻ đứng dựa vào tường, người thì ngồi trên lề đường hai chân thọc xuống rãnh nước. Khi họ sắp hàng đi vào văn phòng, ông ta đã nghe ông thầy dòng đọc giấy tờ của ông ấy và nói với ông ấy bằng tiếng Anh. Nhưng ông ta không có dịp nào nói chuyện với ông ấy, bởi vì, vừa khi ông ta bước vào gian phòng chung, thì một thầy dòng đã đi vào, tay ôm một quyển thánh kinh to tướng, đặt trên một giá sách ở cuối gian phòng, và bắt đầu buổi lễ mà những người vô gia cư khốn khổ phải chịu như cái giá trả cho chỗ tạm trú của họ. Ông ta và Strickland được phân cho ở những phòng khác nhau, và khi bị một ông thầy dòng vạm vỡ, kéo ra khỏi giường vào lúc năm giờ sáng, ông dọn giường và rửa mặt xong thì Strickland đã biến mất. Sau khi lang thang đến rét cóng trên đường phố cả tiếng đồng hồ, thuyền trưởng Nichols đi về

quảng trường Vitor Gélou, nơi những thủy thủ thường tụ tập. Ông ta lại thấy Strickland đang ngồi tựa vào bệ một bức tượng mà ngủ gật. Ông ta đá ông ấy một cái để đánh thức ông ấy dậy.

- Đi ăn sáng đi, ông b. - Ông bảo.

- Cút đi, - Strickland trả lời.

Tôi đã nhận ra vốn từ ngữ nghèo nàn của ông bạn tôi, và tôi đã xem thuyền trưởng Nichols như một nhân chứng đáng tin cậy.

- Bị phá sản á? - Ông thuyền trưởng hỏi.

- Đồ chết tiệt! - Strickland đáp.

- Hãy theo tôi. Tôi sẽ kiếm cho anh một thứ gì để điếm tâm.

Sau một lúc ngật ngừng, Strickland lồm cồm đứng dậy và họ cùng đi đến nhà Bouchée de Pain, nơi người đối được phát một miếng bánh mì ăn ngay tại chỗ, không được mang đi, và rồi đến nhà Cuillère de Soupe, nơi mỗi ngày vào lúc mười một giờ và bốn giờ, anh có thể được một bát cháo lỏng nêm muối. Hai tòa nhà ở cách xa nhau nên chỉ những người chết đói mới nghĩ đến chuyện tận dụng chúng mà thôi. Họ đã điếm tâm như vậy và thế là cái tình bạn kỳ lạ của Charles Strickland và thuyền trưởng Nichols bắt đầu.

Chắc là họ phải sống bầu bạn với nhau như vậy khoảng bốn tháng ở Marseille. Cách kiếm sống của họ không có gì là phiêu lưu mạo hiểm cả, vì khi nói đến phiêu lưu mạo hiểm tức là phải nghĩ đến những chuyện bất ngờ và hồi hộp ly kỳ, mà họ thì cả ngày phải lo kiếm đủ tiền để kiếm chỗ trọ qua đêm và thứ gì đó để dẫn bụng. Nhưng tôi ước ao phải chỉ mình có thể

vẽ được những bức tranh đầy màu sắc và sống động mà câu chuyện sinh động của thuyền trưởng Nichols đã gợi ra thì hay biết mấy! Đó là sự khám phá của hai người về đời sống dân nghèo ở một thành phố cảng với những con người, những lối sống khác nhau mà qua đó người ta có thể dễ dàng tìm được chất liệu để soạn một quyển từ điển rất đầy đủ về bọn du thủ du thực. Nhưng tôi phải tự bằng lòng với những đoạn viết ngắn ngủi. Tôi có ấn tượng về một cuộc sống mãnh liệt và thô bạo, dã man, muôn màu và rộn rịp. Nó khiến cho thành phố Marseille mà như tôi biết, náo nhiệt, nhiều năng với những khách sạn tiện nghi và những nhà hàng đông ken kẻ giàu có, trở thành buồn tẻ và tầm thường. Tôi ghen với những người đã thấy tận mắt những cảnh tượng mà thuyền trưởng Nichols miêu tả.

Khi những cánh cửa của tòa nhà “ tạm trú qua đêm” đóng lại, không cho họ tạm trú nữa thì Strickland và thuyền trưởng Nicholas đến tá túc nhà của . Đây là nhà thối cơm trọ cho thủy thủ, mà chủ là một người da trắng lai đen to con, có năm tay chắc nịch, ông ta cho những thủy thủ đang gặp khó khăn thức ăn và chỗ trọ cho đến khi ông ta tìm được cho họ một việc làm. Họ đã sống với ông ta được một tháng, ngủ chung với cả chục người khác, gồm Thụy Điển, da đen và Braxin, trên sàn của hai phòng trống trong căn nhà ông có trách nhiệm trông nom. Ngày ngày họ đi với ông đến quảng trường Victor Gélou, nơi mà thuyền trưởng của những chuyến tàu thường đến để kiếm người. Ông đã lập gia đình với một người đàn bà Mỹ béo phì và ăn mặc lôi thôi, có trời biết được làm thế nào mà bà rơi vào tình trạng tồi tệ như vậy. Hằng ngày những người ăn cơm tháng thay phiên nhau giúp bà làm những việc trong nhà. Thuyền trưởng Nichols xem việc Strickland nhận vẽ một bức chân dung cho Tough Bill là một việc làm khôn khéo. Tough Bill không những đã trả tiền vải vẽ, sơn và cọ, mà còn thêm một cân thuốc lá buôn lậu được. Theo tôi biết thì hiện nay bức tranh này còn đang trang hoàng phòng khách của căn nhà ọp ẹp gần bến tàu La Joliette, và tôi cho rằng bây giờ nó phải trị giá một ngàn năm trăm bảng Anh. Strickland dự định sẽ đi trên một chuyến tàu nào đó đến Úc hoặc Tân Tây Lan, rồi từ

đó tìm được đến Samoa hoặc Tahiti. Tôi không biết vì sao mà ông có ý đến những vùng biển Nam, mặc dù tôi nhớ ra rằng từ lâu trí tưởng tượng của ông đã bị ám ảnh bởi một hòn đảo toàn màu xanh và nhiều nắng được bao quanh bởi một vùng biển xanh hơn những nơi đã thấy ở phía Bắc bán cầu. Tôi cho rằng ông đã bám vào thuyền trưởng Nichols chỉ vì ông này quen thuộc những vùng đó, và chính thuyền trưởng Nichols là người đã thuyết phục được ông ta rằng ở Tahiti ông ta sẽ thoải mái hơn.

- Anh biết, Tahiti là thuộc Pháp. - Ông ta giải thích với tôi.- Mà người Pháp không quá máy móc đáng ghét đâu.

Tôi nghĩ tôi đã hiểu được điều ông muốn nói.

Strickland không có giấy tờ gì cả, nhưng đó không phải là vấn đề làm Tough Bill lo lắng một khi ông ta thấy được mối lợi (ông thường nhận tiền lương tháng đầu tiên của người thủy thủ mà ông tìm được cho chỗ làm), và ông đã cung cấp cho Strickland giấy tờ tùy thân của một người Anh đốt lò may mắn chết trên tay ông. Nhưng cả thuyền trưởng Nichols lẫn Strickland đều định đi về hướng Đông, mà trở trêu thay những dịp may để ký giao kèo làm việc lại là với những chuyến tầu đi về hướng Tây. Hai lần Strickland đã từ chối việc làm trên những chuyến tầu hàng đi Mỹ, một lần khác trên một tầu chở than đi Newcastle. Tough Bill không còn kiên nhẫn được nữa với một con người cứng đầu cứng cổ mà hậu quả là ông bị thua thiệt, nên vào lần cuối cùng đó ông đã tống cổ cả Strickland lẫn thuyền trưởng Nichols ra khỏi nhà, không vể vời gì nữa. Một lần nữa họ bỗng cảm thấy mình lênh đênh phiêu bạt.

Mặc dù Tough Bill ít khi phung phí thức ăn- khi bạn ăn xong đứng lên thì bạn cũng đói y như trước khi bạn ngồi xuống vậy- nhưng trong mấy ngày đó họ đã phải tiếc nuối một cách chính đáng. Họ đã hiểu thế nào là đói. Nhà Cuillère de Soupe lẫn nơi tạm trú qua đêm đều đóng cửa không

cho họ vào, phần lương thực cầm hơi duy nhất là mẩu bánh mì do nhà Bouchée de Pain cung cấp. Họ ngủ bất kỳ chỗ nào có thể ngủ được, khi thì trong một chiếc xe tải trống trên đường tránh tàu gần nhà ga, khi thì trong một chiếc xe ngựa đậu sau một nhà kho, nhưng trời lạnh như cắt và sau một hai giờ ngủ gà ngủ gật một cách khó chịu họ lại phải đi lang thang trên đường phố. Cái mà họ cảm thấy thiếu thốn khó chịu nhất là thuốc lá, và riêng thuyền trưởng Nichols, ông không thể nhịn được thứ đó, ông thường lùng quanh “ Quán bia” để tìm nhặt tàn thuốc và tàn xì gà mà những người đi chơi đêm hôm trước đã vứt bỏ.

“Tôi đã từng nếm thứ thuốc lá tả- pín-lù tồi tệ đó trong ống vố,” ông vừa phụ họa bằng một cái nhún vai đầy vẻ triết lý vừa lấy hai điếu xì gà ra khỏi chiếc hộp thuốc mà tôi đưa mời ông, đặt một điếu lên miệng và bỏ điếu kia vào túi.

Thỉnh thoảng họ kiếm được một ít tiền. Đôi khi một tàu đưa thư vào cảng, và thuyền trưởng Nichols, nếu làm quen được với người chăm công, thế nào cũng thành công trong việc kiếm cho cả hai một công việc bốc dỡ nào đó. Gặp trường hợp một chuyến tàu của Anh, họ sẽ len vào nơi thủy thủ ở và sẽ được đoàn thủy thủ cho ăn một bữa điểm tâm đã đời. Họ bất chấp việc rủi ro gặp phải một sĩ quan trên tàu và khi ấy thế nào cũng bị đá hất xuống cầu tàu bằng mũi giày để tổng khứ họ đi cho nhanh.

- Chẳng có hại gì với một cú đá vào mông khi bụng anh đã đầy, - thuyền trưởng Nichols nói, - và riêng cá nhân tôi, tôi chưa bao giờ bị vố nào nặng cả. Một sĩ quan phải nghĩ đến kỷ luật chứ.

Tôi đã hình dung một cách sống động cảnh thuyền trưởng Nichols bay chúi đầu xuống một cầu tàu chật hẹp sau cú đá của viên phó thuyền trưởng giận dữ, và, như một người Anh chân chính, ông ta vẫn hân hoan theo đúng tinh thần của đội thuyền buôn.

Họ thường nhận được những việc vặt gần chợ cá. Có lần mỗi người đều kiếm được một phrăng sau khi chất lên những chiếc xe tải vô số những thùng đựng cam đã được vất xuống bến tàu. Một bữa nọ họ đã vớ được một món bở: một ông chủ nhà trọ nhận hợp đồng sơn một chiếc tàu buôn từ Madagascar vòng qua Mũi Hảo Vọng đến, và họ đã bỏ ra nhiều ngày đứng trên một tấm ván treo lơ lửng bên hông tàu, sơn chiếc vỏ tàu rỉ sét. Đó là một công việc chắc phải khơi dậy óc hài hước chua chát của Strickland. Tôi đã hỏi thuyền trưởng Nichols trong những lúc gian khổ gay go đó ông ấy chịu đựng ra sao.

- Không bao giờ nghe ông ta nói một lời khó chịu nào, - thuyền trưởng đáp. - Đôi lúc hơi cau có, nhưng khi chúng tôi không có tí gì trong bụng từ sáng, và đầu chúng tôi không kiếm được chỗ nằm nghỉ trong quán anh Ba Tàu, ông ta vẫn nhanh nhẹn như một con dế.

Tôi không ngạc nhiên về chuyện này. Strickland đúng là người vượt qua được mọi hoàn cảnh, cả những khi thất vọng ê chề, nhưng cũng khó nói được đó là biểu hiện của tính trầm tĩnh hay là thái độ muốn làm ngược đời

“Đầu của anh Ba” là tên những người lang thang ở bờ biển đặt cho cái quán tồi tàn của người Hoa một mắt nằm ở đường Bouterie. Ở đây với sáu xu anh có thể ngủ trên một chiếc giường nhỏ và với ba xu thì sẽ ngủ trên sàn nhà. Ở đây họ làm bạn với những người cùng hoàn cảnh tuyệt vọng như họ, và khi họ không có một xu dính túi mà đêm thì lạnh ghê gớm, họ sẽ không ngần ngại vay một người nào đó đã gặp hên kiếm được một phrăng trong ngày để kiếm một chỗ ngủ. Những gã lêu bêu này không hề bủn xỉn, người nào có tiền thì sẽ không ngần ngại chia sẻ với người khác. Họ thuộc mọi quốc gia trên thế giới, nhưng đó không phải là điều trở ngại cho tình huynh đệ cao quý, bởi vì họ tự cảm thấy mình là những công dân tự do của

một quốc gia mà những ranh giới bao gồm tất cả bọn họ, nước Cocagne ^[60] vĩ đại.

- Nhưng tôi cho rằng Strickland là một gã đáng sợ một khi bị chọc tức. -
Thuyền trưởng Nichols nói vẻ trầm ngâm. - Một bữa nọ chúng tôi gặp
Tough Bill ở quảng trường, anh ta đòi Charlie những giấy tờ mà anh đã cho
ông ta.

- Tốt hơn anh nên đến lấy nếu anh cần chúng, - Charlie nói.

- Tough Bill là một người có bản lĩnh, nhưng hẳn tuyệt nhiên không thích
cái vẻ của Charlie nên hẳn bắt đầu chửi rủa ông ta. Hẳn gọi ông ta bằng tất
cả các tên mà hẳn có thể nhớ ra được, và một khi Tough Bill đã chửi thì
nghe đã lỗ tai lăm. Charlie đã bực, ông ta bước tới và chỉ nói: “ Cút đi, đồ
tởm hút máu”. Điều ông ta nói thì không có gì quá đáng, nhưng cách ông ta
nói mới sinh chuyện. Tough Bill không hề nói thêm một lời nào nữa. Bạn
có thể cho rằng hẳn ta nhát gan, và hẳn bỏ đi như thể hẳn nhớ ra hẳn có một
cái hẹn nào đó.

Theo thuyền trưởng Nichols, Strickland không dùng đúng những từ tôi
dùng, nhưng vì quyển sách này được đọc trong gia đình nên tôi nghĩ tốt
hơn là nên để ông ta dùng những cách nói quen thuộc với giới hạn gia đình,
dẫu có phải hy sinh sự thật.

Nhưng Tough Bill không phải là người chịu bẽ mặt vì một tay thủy thủ
tâm thường. Thế lực của hẳn dựa vào uy tín của hẳn, và hẳn đã nói với hết
thủy thủ này đến thủy thủ khác sống trong nhà hẳn rằng hẳn thề sẽ giết
Strickland.

Một tối nọ, thuyền trưởng Nichols và Strickland ngồi trong một quán
rượu trên đường Bouterie. Bouterie là một đường phố chật hẹp gồm những

căn nhà trệt, mỗi nhà chỉ có một phòng, chúng giống như những rạp trong một hội chợ đông người hay những chuồng thú trong một gánh xiếc. Tại một cánh cửa ra vào, bạn thấy một người đàn bà. Một số người lười biếng đứng tựa những trụ bên lề đường, hát ư ử một mình hoặc réo gọi những người qua lại cái bằng cái giọng khan khan, số khác thì đang lơ đãng đọc một cái gì đó. Họ là người Pháp, người Ý, người Tây Ban Nha, người Nhật, người da màu, mập có, ốm có và trên gương mặt- dưới lớp phấn sáp dày, với đôi lông mày tô đậm và cặp môi thoa son đỏ chót- bạn thấy được những nếp nhăn của tuổi tác và những vết hằn của trụy lạc. Cô thì mặc áo đen mang tất màu da chân, cô thì tóc quăn nhuộm vàng, ăn mặc như thiếu nữ trong những chiếc áo ngoài ngắn bằng vải muxơlin. Qua cánh cửa để mở bạn thấy một sàn nhà lát gạch đỏ, một cái giường gỗ rộng, và trên chiếc bàn gỗ thông một bình đựng nước và một cái chậu. Một đám đông đủ hạng người đi thơ thẩn trên đường phố- những anh thủy thủ Ấn Độ từ một tàu nào đó mới đến, những thủy thủ Bắc Âu vừa từ một chuyến tàu Thụy Điển lên, người Nhật từ một tàu chiến, thủy thủ người Anh, người Tây Ban Nha, những chàng bánh bao từ một chiến hạm Pháp đến, những anh da đen từ một chiếc tàu buôn Mỹ. Ban ngày thì trông thật là bẩn thỉu, nhưng ban đêm, chỉ được soi sáng bằng ánh đèn của những căn nhà lụp xụp, đường phố có một vẻ đẹp quái gở. Cái vẻ dâm dật ghê tởm tỏa khắp không gian đến khủng khiếp ngọt ngào, nhưng cảnh tượng còn có một cái gì đó bí ẩn ám ảnh và làm bạn bức bối. Bạn sẽ cảm thấy một thế lực nguyên thủy, tôi không biết là thế lực nào, làm bạn vừa nhòm tòm vừa bị cuốn hút. Ở đây những cái gì là lịch sự tao nhã của văn minh đều bị quét sạch cả, và bạn cảm thấy con người đang đối mặt với một thực tế u tối. Một bầu không khí có vẻ vừa dữ dội vừa bi" filepos-id="filepos755782">

Trong quán rượu Strickland và Nichols ngồi, một cái đàn piano đang ồn ào phát ra một bản nhạc khiêu vũ. Người ta ngồi đầy các bàn đặt chung quanh phòng, đằng này năm sáu anh thủy thủ say sưa ồn ào, đằng kia một nhóm lính, và ở giữa, chen chúc nhau là những cặp đang khiêu vũ. Những anh thủy thủ để râu quai nón, gương mặt rám nắng và bàn tay to tướng

chai cứng như sừng ôm chặt lấy người bạn nhảy. Những chị đàn bà chỉ mặc có mỗi chiếc áo lót. Thịnh thoảng có hai anh thủy thủ đứng lên và nhảy với nhau.Ồn ào đến điếc cả tai. Người ta hát, la hét, cười đùa, và khi một gã đàn ông hôn một hơi dài cô nàng ngồi trên đùi gã thì những tiếng huýt sao từ đám thủy thủ người Anh càng làm inh tai nhức óc. Không khí nặng nề khó thở vì bụi do những đôi giày ống nặng nề hất lên, và xám xịt vì khói thuốc. Thật là nóng bức. Phía sau quầy rượu là một chị đàn bà đang ngồi cho con bú. Tay bồi bàn, một gã thanh niên thấp bé, khuôn mặt trệt lét, đầy tàn nhang, hối hả đi tới đi lui bưng một chiếc khay chất đầy những ly bia.

Được một lúc thì Tough Bill, có hai tên da đen to lớn hộ tống, bước vào, và dễ thấy ngay rằng hẳn ta đã hoàn toàn say khướt, Hẳn đang tìm cách gây sự. Hẳn lão đảo tông vào một cái bàn có ba anh lính đang ngồi và hất đổ một ly bia. Cuộc cãi vã giận dữ diễn ra và ông chủ quán bước tới buộc Tough Bill phải đi ra. Ông ta là một người lực lưỡng. Thường ông đứng ra ngăn chặn khách hàng không cho làm điều xằng bậy, Tough Bill ngần ngừ. Ông chủ quán không phải là người hẳn ta muốn gây sự, vì cảnh sát đứng về phía ông, nên hẳn chỉ chửi thề và quay gót đi. Bất chợt hẳn thoáng thấy Strickland. Hẳn lẩn xả vào ông ta. Không nói không rằng hẳn dồn hết nước bọt trong miệng lại và nhổ toẹt vào mặt Strickland. Strickland vớ ngay cái ly của ông phang vào mặt hẳn ta. Những người đang nhảy đột nhiên đứng im lại. Cả quán rượu bỗng lặng đi trong chốc lát nhưng khi Tough Bill lao vào Strickland thì tất cả mọi người như đều muốn đánh nhau, và được một lúc thì cuộc ẩu đả hỗn loạn diễn ra. Bàn ghế lật nhào, ly tách rơi loảng xoảng trên sàn nhà. Một cuộc đánh lộn ồn ào như địa ngục. Những chị đàn bà chạy đồn ra cửa hoặc núp sau quầy rượu. Khách qua lại từ đường phố ùa vào. Người ta nghe tiếng chửi rủa, tiếng đấm thành thịch, tiếng la hét, và ở giữa phòng cả chục người đánh nhau kịch liệt. Bỗng cảnh sát ùa vào, mạnh ai nấy thoát ra cửa. Khi quán rượu đã thưa người đi chút ít thì Tough Bill nằm bất tỉnh trên sàn nhà, đầu bị một vết thương nặng. Thuyền trưởng Nichols kéo Strickland ra ngoài đường phố, người đầy máu me vì một vết

thương ở cánh tay, áo quần rách bươm. Mặt ông bê bết máu vì một cú đâm vào mũi.

- Tôi nghĩ tốt hơn anh nên đi khỏi Marseille trước khi Tough Bill ra bệnh viện. - Ông ra nói với Strickland, sau khi họ đã trở về quán “Đầu của anh Ba” và rửa ráy

- Thật lý thú hơn cả chọi gà, - Strickland nói

Tôi có thể thấy nụ cười khinh miệt của ông ta.

Thuyền trưởng Nichold rất lo ngại. Ông biết tính ưa trả thù của Tough Bill. Strickland đã hạ gã da trắng lai đen đó hai lần, hấn tính bình tĩnh, là con người cần phải coi chừng. Hấn sẽ rình rập chờ dịp. Hấn sẽ không vội gì, nhưng một đêm nào đó, Strickland sẽ nhận một nhát dao đâm thọc vào lưng, và trong một, hai ngày, cái xác của một tên vô danh sống lang thang ở bờ biển sẽ làm mồi cho cá bên ngoài vùng nước dơ bẩn của hải cảng. Tối hôm sau, Nichols đã đến nhà Tough Bill để dò la. Hấn vẫn còn trong bệnh viện, nhưng vợ hấn đã đến thăm hấn nói rằng hấn thề độc sẽ giết Strickland khi người ta cho hấn ra.

Một tuần trôi qua.

- Điều tôi luôn luôn nói, - thuyền trưởng Nichols suy nghĩ- là khi bạn đánh bị thương một người nào đó, làm anh ta bị thương tàn tệ, bạn phải dành một chút thời giờ để nhìn chừng và nghĩ xem bạn sẽ phải làm gì?

Sau đó Strickland đã gặp dịp may, một chiếc tàu đi Úc đã nhận “Nhà của thủy thủ” tìm một người đốt lò thế chỗ cho một người đã bỏ việc ở Gibraltar trong một cơn mê sảng vì bệnh nghiện rượu.

- Anh đi nhanh đến hải cảng đi, anh bạn ạ,- ông thuyền trưởng nói với Strickland,- và anh ký hợp đồng đi. Anh đã có giấy tờ rồi mà.

Strickland ra đi ngay lập tức, và đó là lần cuối thuyền trưởng Nichols thấy ông. Chiếc tàu chỉ đỗ ở cảng trong vòng sáu giờ và chiều hôm đó thuyền trưởng Nichols đã nhìn làn khói bốc lên từ những ống khói tàu mờ dần khi nó rẽ sóng vượt đại dương lạnh giá tiến về hướng Đông.

Tôi đã kể câu chuyện này với tất cả khả năng của mình, bởi vì tôi thích sự tương phản của những tình tiết ở đây với cuộc sống mà tôi đã thấy Strickland sống ở Ashley Garden khi còn bận rộn với những chứng khoán và cổ phần. Nhưng tôi biết rằng thuyền trưởng Nichols là một kẻ nói dối ghê gớm, và tôi dám nói không có một điều gì là thật trong câu chuyện ông ta đã kể cho tôi nghe. Tôi không hề ngạc nhiên khi biết ông ta cả đời chưa bao giờ gặp Strickland, và kiến của ông ta về Marseille chỉ là nhờ đọc trong một tạp chí nào đó.

Tôi định chấm dứt quyển sách của tôi ở đây. Ý định của tôi là bắt đầu quyển sách với câu chuyện về những năm cuối cùng của Strickland ở Tahiti và cái chết khủng khiếp của ông, rồi sẽ trở lại với những chuyện tôi biết về những năm tháng đầu tiên của ông. Đây là việc tôi muốn làm không phải vì cầu kỳ bướng bỉnh mà là vì để Strickland xuất hiện với những gì tôi biết hơn là những gì tôi tưởng tượng về một tâm hồn cô đơn mơ tưởng đến một quần đảo xa lạ. Tôi thích hình ảnh ông ta đi tìm một thế giới mới ở tuổi bốn mươi bảy, cái tuổi mà hầu hết những người đàn ông đã ổn định thoải mái trong một nếp sống quen thuộc. Tôi hình dung, dưới cơn gió bắc, mặt biển xám xịt và sỏi bọt ông đang đứng nhìn bờ biển nước Pháp mờ dần, nơi mà số phận ông đã được định đoạt sẽ không bao giờ gặp lại. Tôi nghĩ có một cái gì đó có vẻ dửng dưng cảm trong sự chịu đựng và hào hoa trong tâm hồn ông. Tôi muốn kết thúc ở một cung điện tràn đầy hy vọng như thế. Nó làm nổi bật hơn tâm hồn không thể chinh phục được của con người. Nhưng tôi không thể làm được điều đó. Tôi không cách nào dẫn vào chuyện được, và sau một hai lần làm thử tôi đành phải từ bỏ ý định ấy rồi tôi bắt đầu theo cách thông thường, và quyết định chỉ kể những gì tôi biết về cuộc đời của Strickland theo thứ tự những sự kiện mà tôi biết được.

Những gì tôi biết thì thật vụn vặt. Tôi rơi vào trường hợp của một nhà sinh vật, từ một mảnh xương ông phải tái lập, không những hình dạng của một con vật đã bị tuyệt chủng mà còn cả tập quán của nó nữa. Strickland không gây được một ấn tượng đặc biệt nào nơi những người tiếp xúc gần gũi với ông ở Tahiti. Đối với họ, ông chỉ là một tay sống lang thang ở bờ biển luôn luôn cần tiền, không hơn không kém, chỉ đáng chú ý vì những bức tranh kỳ lạ mà hình như đối với họ thật là buồn cười, mãi cho đến khi ông chết được vài năm và nhân viên của những nhà buôn ở Paris và Beclin

đến tìm bất kỳ bức tranh nào có thể còn sót trên đảo, họ mới nghĩ ra rằng một nhân vật quan trọng đã sống giữa họ. Họ mới nhớ ra là họ có thể mua với giá rẻ m những bức tranh bây giờ trị giá một số tiền lớn, và họ không thể tha thứ cho mình vì đã để vuột cái cơ hội mua những bức ấy. Có một nhà buôn gốc Do Thái tên là Cohen đã có được một bức tranh của Strickland trong một trường hợp đặc biệt. Đó là một ông già người Pháp nhỏ thó có cặp mắt dịu dàng tử tế và nụ cười khả ái, vừa là nhà buôn vừa là thủy thủ. Ông có một chiếc thuyền một cột buồm, bằng chiếc thuyền ấy ông đã táo bạo đi quanh quần vùng Paumotus và Maruquesas để bán hàng hóa và mang về cùi dừa khô, vỏ sò và ngọc trai. Tôi đến gặp ông ta vì tôi nghe nói ông có một viên ngọc trai lớn màu đen muốn bán với giá rẻ. Khi biết nó ngoài khả năng của mình tôi quay sang nói chuyện với ông về Strickland. Ông biết Strickland rất rõ.

- Anh biết đấy, tôi quan tâm đến ông ta vì ông ta là một họa sĩ, - ông nói với tôi.- Trên quần đảo của chúng tôi không có nhiều họa sĩ, và tôi tiếc là ông ta vẽ tồi quá. Tôi tìm cho ông ta công ăn việc làm trước tiên. Tôi có một đồn điền trên bán đảo và tôi cần một giám thị da trắng. Anh sẽ không bao giờ làm ăn được gì với bọn bản xứ ngoại trừ anh có một người da trắng trông coi họ. Tôi nói với ông ta: “ Anh sẽ có nhiều thì giờ để vẽ và anh có thể kiếm được ít tiền”. Tôi biết ông ta sẽ chết đói nếu tôi không trả lương cao cho ông ta!

- Tôi không thể tưởng tượng nổi ông ta sẽ là một giám thị đáng hài lòng.
- Tôi mỉm cười nói.

- Tôi chiếu cố đến ông ta. Tôi luôn luôn thông cảm với những nghệ sĩ. Chuyện đó ăn sâu trong máu rồi, anh biết đấy. Nhưng ông ta chỉ ở một vài tháng, rồi thôi. Khi đã có đủ tiền để mua sơn và vải vẽ thì ông bỏ tôi mà đi. Nơi ấy đã trở thành điều ràng buộc đối với ông nên ông muốn bỏ trốn. Nhưng thỉnh thoảng tôi cũng gặp lại ông ta. Thường cứ vài tháng một lần

ông ta trở về Papeete và ở đó ít lâu, làm việc cho ai đó để kiếm được tiền rồi lại biến mất. Một trong những lần lui tới đó ông đã đến hỏi vay tôi hai trăm phrăng. Trông ông như thể không có gì bỏ bụng cả tuần lễ rồi, nên tôi không nỡ lòng nào mà từ chối được. Dĩ nhiên, tôi không bao giờ hy vọng thấy lại số tiền của tôi. Nhưng rồi một năm sau ông trở lại gặp tôi một lần nữa và có mang theo một bức tranh. Ông không hề đá động gì đến số tiền ông nợ tôi mà chỉ nói: “ Đây là bức tranh đồn điền của ông, tôi đã vẽ cho ông ấy”. Tôi nhìn nó. Tôi không biết nói gì, nhưng dĩ nhiên là tôi cảm ơn ông ta, và khi ông đi rồi tôi cho vợ tôi xem.

- Trông nó như thế nào?- Tôi hỏi.

- Anh đừng hỏi tôi. Tôi không biết ất giáp gì cả. Tôi chưa bao giờ thấy một bức tranh như thế trong đời tôi.

“Chúng ta sẽ làm gì được với thứ này nhỉ?” Tôi hỏi vợ tôi. “ Chúng ta không thể nào treo nó lên được,” bà vợ tôi nói. “ Người ta sẽ cười cho”.

Rồi bà ấy mang nó lên gác mái và vất vào đống đồ phế thải- tính vợ tôi không bao giờ có thể vứt đi một thứ gì. Đó là chứng điên của bà ấy. Thế rồi anh tưởng tượng xem, ngay trước chiến tranh, em trai tôi ở Pari viết thư cho tôi bảo rằng: “ Anh có biết về một họa sĩ người Anh sống ở Tahiti không? Hình như ông ấy là một thiên tài, và những bức tranh của ông bán được cao giá lắm. Anh xem có thể kiếm được một bức nào không, nếu có hãy gửi nó cho em. Kiếm ra tiền đấy!”

Vì vậy tôi mới nói với vợ tôi: “ Bức tranh mà Strickland đã cho tôi giờ ra sao rồi? Nó còn trên gác không?”

“ Chắc chắn là còn,” bà ấy đáp. “Ông biết là tôi có bao giờ quảng đi một thứ gì đâu. Chứng điên của tôi mà!”

Chúng tôi lao lên gác, và giữa những thứ đồ phế thải được gom góp từ ba chục năm qua, bức tranh vẫn còn nằm đó. Tôi nhìn lại nó và nói: “ Ai có thể nghĩ được là anh giám thị đồn điền của tôi trên đảo, người tôi đã cho vay hai trăm phrăng lại là thiên tài? Bà có thấy gì trong bức tranh không nào?”

“Không,” bà ấy nói. “ Nó chẳng giống cái đồn điền vì tôi có thấy dứa với lá màu xanh dương bao giờ đâu, nhưng người ta đang nổi điên ở Paris, có thể chú em của ông sẽ bán nó được với giá hai trăm phrăng mà ông đã cho Strickland vay”.

Rồi chúng tôi gói lại và gửi cho em tôi. Sau đó tôi nhận được một bức thư của chú ấy. Anh có đoán ra là chú ấy nói gì không? “ Em đã nhận được bức tranh của anh,” chú ấy viết, “ và thú thật em nghĩ là anh đã chơi xỏ em. Em không muốn trả tiền cước phí của bức tranh. Em hơi lo sợ khi đưa bức tranh cho người đã nói chuyện với em về bức tranh ấy. Anh tượng tượng em ngạc nhiên như thế nào khi ông ta bảo đó là một kiệt tác và trả cho em ba mươi ngàn phrăng. Em dám chắc ông ta có thể trả thêm, nhưng thật tình mà nói em ngạc nhiên đến độ mất trí, em đã nhận giá đề nghị đó trước khi em bình tĩnh trở lại.”

Thế rồi ông Cohen nói ra một điều rất đáng phục

- Tôi mong phải chi ông Strickland tội nghiệp ấy còn sống. Tôi tự hỏi là không biết ông ta sẽ nói gì khi tôi trả cho ông hai mươi chín ngàn tám trăm phrăng cho bức tranh của ông nhỉ.

Tôi ở lại khách sạn De la Fleur, và bà Johnson, chủ nhân, có kế cho tôi nghe chuyện bà bỏ lỡ một dịp may đáng tiếc. Sau khi Strickland chết, một số đồ đạc của ông được đem bán đấu giá ở chợ phiên tại Papeete, và bà đã đích thân đến đó vì trong cái mớ linh tinh đó có một cái lò kiểu Mỹ bà cần. Bà trả nó với giá hai mươi bảy phrăng.

- Có cả chục bức tranh,- bà nói với tôi, - nhưng không có khung gì cả nên không ai cần đến. Một số tranh được bán với giá mười phrăng, nhưng hầu hết bán với giá năm hoặc sáu phrăng gì đó. Anh thử nghĩ, nếu hồi đó mua những bức tranh ấy thì bây giờ tôi đã là một người đàn bà giàu có rồi.

Nhưng Tiaré Johnson không có cách nào để làm giàu được. Bà không giữ được tiền. Là con gái của một người bán xứ và một ông thuyền trưởng người Anh cư ngụ tại Tahiti, khi tôi quen biết bà thì bà đã là một người đàn bà năm mươi tuổi nhưng trông bà già hơn nhiều, và thuộc mẫu người quá khổ. Vừa to cao lại rất mập nên bà sẽ có cái dáng dấp oai nghi nếu gương mặt béo tốt của bà không bộc lộ một sự ân cần tử tế. Đôi tay bà giống như hai đùi cừu, bộ ngực đồ sộ như những bắp cải to tướng, khuôn mặt rộng và núc ních những thịt tạo cho bạn một ấn tượng về sự lỏa lồ gần như sỗ sàng, và hai ngấn nọng cổ liền nhau, còn mấy cái nữa không đếm được thòng xuống tằng ngực to tướng của bà. Bà thường mặc một cái áo màu hồng rộng thùng thình, suốt ngày đội chiếc nón lớn màu vàng nhạt. Mỗi khi bà xoa mái tóc xuống- thỉnh thoảng bà ta xoa như vậy, vì bà rất tự đắc về mái tóc ấy - bạn sẽ thấy nó dài, đen và quăn tít. Đôi mắt của bà trông còn trẻ trung và sống động. Bà có tiếng cười đặc biệt chưa từng thấy, nó bắt đầu bằng một tràng rền vang trong cổ họng rồi cứ thế mỗi lúc một vang hơn cho đến khi toàn tấm đồ sộ của bà lắc lư. Bà ta thích ba thứ: một câu chuyện

khôi hài, một ly rượu vang, và một người đàn ông đẹp trai. Được quen biết bà là cả một đặc ân.

Bà là người nấu ăn khéo nhất đảo, và bà rất thích thức ăn ngon. Từ sáng đến tối người ta thấy bà ngồi trên một chiếc ghế thấp trong nhà bếp, có một đầu bếp người Hoa và hai hoặc ba cô hầu người bản xứ, đứng xung quanh. Bà cắt đặt công việc phải làm, nói chuyện vật thân mật với mọi người và thưởng thức những món ăn đặc biệt bà nghĩ ra được. Khi bà muốn tỏ lòng kính trọng một người bạn thì chính tay bà nấu lấy bữa ăn. Lòng hiếu khách là một thứ đam mê của bà, không một ai trên đảo phải ra đi bụng đói khi khách sạn De la Fleur còn một thứ gì đó để ăn. Và không bao giờ tổng khách ra khỏi nhà vì họ không thanh toán được. Bà luôn luôn hy vọng họ sẽ trả khi nào họ có thể trả. Ở đó có một người đàn ông gặp khó khăn, và bà đã cho ông ta ở trong nhiều tháng trời. Khi anh thợ giặt ủi người Hoa không chịu giặt áo quần cho ông ta vì ông ta không có tiền trả thì bà đã gửi đồ giặt của ông ta chung với đồ giặt của bà. Bà không thể nào để anh bạn nghèo đi mà mặc một chiếc sơ mi dơ, bà nói thế, và vì ông ta là một người đàn ông, mà đàn ông thì phải hút thuốc, nên bà đã cho ông mỗi ngày một phrăng để hút thuốc. Bà ta cư xử hòa nhã với ông cũng như với những khách hàng trả tiền hàng tuần.

Tuổi tác và thân hình béo phệ khiến bà không còn hợp với những chuyện yêu đương nhưng bà rất quan tâm đến những chuyện chim chuột của giới trẻ. Bà xem tình dục như việc tự nhiên giữa đàn ông và đàn bà, và bao giờ cũng sẵn sàng khuyên bảo và nêu gương dựa trên kinh nghiệm dồi dào của bản thân.

- Tôi chưa được mười lăm tuổi thì bố tôi khám phá ra rằng tôi đã có người yêu,- bà nói.- Anh ấy là phó thuyền trưởng bậc ba trên tàu *Tropic Bird* ^[61]. Một thanh niên đẹp trai.

Bà ta khẽ thở dài. Người ta nói người đàn bà luôn luôn nhớ thương người tình đầu tiên, nhưng có lẽ bà không luôn luôn tưởng nhớ đến anh ta đâu.

- Bố tôi là một người rất sáng suốt.

- Ông ta đã làm gì?- Tôi hỏi.

- Ông nện cho tôi một trận đòn như tử, rồi gả tôi cho thuyền trưởng Johnson. Tôi cũng chẳng bận tâm. Ông ấy lớn tuổi hơn, nhưng dĩ nhiên cũng đẹp trai.

Tiaré- bố của bà gọi bà bằng cái tên của loài hoa màu trắng hương thơm ngào ngạt mà người ta bảo rằng nếu bạn đã ngửi nó một lần thì thế nào cũng sẽ trở về Tahiti dù bạn có lang thang ở chân trời góc bể nào đi nữa - Tiaré còn nhớ Strickland rất rõ.

- Thỉnh thoảng ông ta có đến đây, tôi thường thấy ông quanh quẩn ở Pappete. Tôi nghiệp, ông gầy quá, không bao giờ trong túi có lấy một đồng. Mỗi lần nghe nói ông ở trên phố, tôi thường sai một đứa nhỏ đi tìm và mời ông tới ăn cơm tối với tôi. Tôi đã kiếm được việc làm cho ông đôi lần, nhưng ông ta không hề chí thú vào một việc gì. Được ít lâu ông ta lại muốn chuồn, rồi một buổi sáng nào đó ông sẽ bỏ đi thôi.

Strickland đến Tahiti khoảng sáu tháng sau khi rời Marseille. Ông làm việc để sống qua ngày trên một chiếc tàu đi từ Auckland đến San Francisco, và ông đã đến với một hộp màu, một giá vẽ và một tá tranh. Với vài đồng bảng Anh kiếm được ở Sydney, ông thuê một căn phòng nhỏ trong nhà một người bản xứ ở ngoại ô thành phố. Tôi nghĩ lúc ông đến Tahiti ông đã cảm thấy thoải mái ngay. Tiaré cho tôi biết có lần ông nói với bà:

- Tôi đang cọ rửa boong tàu thì thành lính một thằng cha nói với tôi: “Này, nó kia rồi”. Tôi ngẩng lên nhìn và thấy dáng dấp của hòn đảo nổi bật trên đường chân trời. Tôi biết ngay rằng đó chính là nơi tôi đã suốt đời tìm kiếm. Thế rồi chúng tôi đến gần và hình như tôi nhận ra nó. Những lúc đi đây đi đó trên đảo, tôi nhận ra tất cả đều có vẻ quen thuộc. Tôi dám chắc là trước kia, tôi đã từng sống ở đây rồi đấy.

- Thịnh thoảng có chuyện như vậy, - Tiaré nói,- Tôi từng biết có những người lên đảo một vài giờ trong khi tàu của họ bốc hàng và rồi họ không bao giờ trở lại tàu nữa. Tôi biết có những người đến làm việc ở đây trong khoảng một năm, họ nguyện rửa xứ sở này, và khi bỏ đi, họ thề sống thề chết là sẽ không bao giờ trở lại nữa, thế mà sáu tháng sau bạn lại thấy họ quay về đảo, họ nói với bạn họ không thể sống ở một nơi nào khác.

Tôi có ý nghĩ rằng có nhiều người sinh ra không đúng chỗ của họ. Tình cờ họ bị vớt vào một khung cảnh nào đó, nhưng họ luôn luôn nhớ đến một quê nhà mơ hồ mà họ không hề biết. Họ trở thành những kẻ xa lạ ngay nơi chôn nhau cắt rốn của họ, và những con đường rợp bóng cây mà họ đã từng quen biết từ thời thơ ấu hoặc những đường phố đông đúc mà họ từng nô đùa vẫn chỉ là một nơi tạm bợ mà thôi. Họ có thể sống trọn đời như người xa lạ giữa bà con họ hàng của họ và vẫn xa cách giữa những khung cảnh duy nhất mà họ biết được. Có lẽ chính cái cảm giác xa lạ này đã đưa đẩy người ta đi xa, đi đến cùng trời cuối đất để tìm một cái gì đó cố định lâu bền mà họ có thể gắn bó được. Có lẽ một sự di truyền sâu xa đã thôi thúc khách lãng du tìm về những vùng đất mà tổ tiên của họ đã bỏ đi từ thời nguyên thủy mờ mịt xa xưa. Đôi khi, có người bỗng tìm đến nơi mà anh ta cảm thấy một cách bí ẩn rằng anh ta thuộc về nơi ấy. Đó chính là quê hương anh ta tìm kiếm, và anh ta sẽ ổn định cuộc sống giữa cái khung cảnh mà trước đó anh ta chưa thấy bao giờ, giữa những người chưa hề quen biết mà như thể họ thân thuộc với anh ta từ lúc mới chào đời vậy. Cuối cùng chính ở đây anh ta tìm được sự an nghỉ.

Tôi đã kể cho Tiaré nghe câu chuyện của một người mà tôi quen ở bệnh viện Saint Thomas. Ông là một người Do Thái tên Abraham, một người đàn ông còn trẻ, tóc vàng và hơi mập, nhút nhát và rất khiêm tốn, nhưng có những tài năng đặc biệt. Ông ta được một học bổng ở bệnh viện và trong suốt năm năm trời học hỏi, ông đã đạt mọi giải thưởng mà ông tham dự. Ông trở thành bác sĩ nội trú chuyên khoa phẫu thuật. Mọi người đều công nhận tài năng lỗi lạc của ông. Sau cùng, ông được chọn giữ một chức vụ trong ban giám đốc, và con đường sự nghiệp coi như bảo đảm. Theo sự tiên đoán của mọi người, chắc chắn ông sẽ đạt đến tột đỉnh của nghề nghiệp.

Vinh dự và giàu sang phú quý chờ đón ông. Trước khi nhận nhiệm vụ mới, ông muốn đi nghỉ, và vì không có phương tiện, nên ông đã đi với tư cách một bác sĩ giải phẫu trên một chiếc tàu buôn đi miền Cận Đông. Chiếc tàu ấy thường không mang theo bác sĩ, nhưng một trong những bác sĩ giải phẫu cao niên trong bệnh viện quen biết viên giám đốc của hãng tàu buôn ấy nên Abraham được hưởng một đặc ân.

Vài tuần sau, chính quyền nhận được lá đơn của ông ta xin từ chối cái chức vị trong ban ám đốc bệnh viện mà mọi người thềm muốn ấy. Việc ấy đã làm cho người ta kinh ngạc và những lời đồn đại tây trời lan ra. Cứ mỗi lần một người nào đó làm một chuyện không ai ngờ thì bạn bè đồng nghiệp của anh ta lại chụp cho nó những lý do có thể làm cho anh ta mất uy tín nhất. Nhưng có một người sẵn sàng thế chỗ của Abraham và Abraham đã bị lãng quên. Không nghe nói gì về ông ta nữa. Ông ta biến mất.

Có lẽ phải đến mười năm sau, một buổi sáng nọ trên một chiếc tàu sắp cập bến Alexandria, tôi cùng những hành khách khác được lệnh sắp hàng cho bác sĩ khám. Bác sĩ là một người đàn ông béo mập quần áo sờn cũ, và khi ông lấy nón ra tôi chú ý thấy đầu ông bị hói. Tôi có ý nghĩ rằng mình đã từng gặp ông ta ở đâu đó rồi. Thành linh tôi nhớ ra.

- Abraham, - tôi gọi.

Ông quay lại bối rối nhìn tôi, và rồi, nhận ra tôi, ông nắm lấy tay tôi. Sau khi hai bên bày tỏ sự kinh ngạc của mình, nghe tôi định ngủ đêm ở Alexandria, ông mời tôi cùng ăn cơm tối với ông tại Câu lạc bộ người Anh. Khi chúng tôi gặp lại nhau tôi đã nói lên sự ngạc nhiên của mình lúc gặp ông ở đó. Chức vụ của ông quả thật khiêm tốn, và trông ông có vẻ túng thiếu. Sau đó, ông đã kể cho tôi nghe chuyện của mình.

Hồi mới bắt đầu chuyển đi nghỉ ở vùng Địa Trung Hải, ông dự định sẽ quay trở lại Luân Đôn để nhận việc ở bệnh viện Saint Thomas. Một buổi sáng nọ, khi tàu cập bến Alexandria, từ trên boong tàu ông đứng nhìn thành phố trắng xóa dưới ánh nắng mặt trời và đám đông trên bến tàu. Ông nhìn những người bản xứ trong bộ đồ vải gabardin tồi tàn, những người da đen xứ Xu Đăng, đám đông ồn ào người Hy Lạp và người Ý, những người Thổ Nhĩ Kỳ nghiêm trang với cái mũ khăn, ánh nắng chói chang và bầu trời xanh ngắt, và có một cái gì đó xảy đến với ông. Ông không thể diễn tả nó được. Nó giống như một tiếng sét, ông nói, và rồi, không bằng lòng với sự so sánh này ông lại bảo nó giống như một sự thần khôi. Dường như một cái gì đó bóp thắt tim ông, và ông bỗng cảm thấy một niềm hân hoan, một cảm giác tự do tuyệt vời. Ông cảm thấy thoải mái, và chính ngay lúc đó ông đã quyết định sẽ sống khoảng đời còn lại ở Alexandria. Ông không gặp khó khăn gì nhiều trong việc rời bỏ chiếc tàu và hai mươi bốn giờ sau, với tất cả những đồ đạc tùy thân, ông đã lên bờ.

- Chắc ông thuyền trưởng phải nghĩ rằng anh đã phát điên phát cuồng lên rồi.- Tôi mỉm cười.

- Tôi không quan tchuyện người khác nghĩ. Không phải tôi đang hành động mà là một cái gì khác mạnh mẽ hơn ở trong người tôi. Trong lúc bờ ngõ nhìn quanh tôi nghĩ tôi sẽ đi đến một khách sạn nhỏ của người Hy Lạp, và tôi cảm thấy tôi biết tìm nó ở đâu! Thế rồi, anh biết không, tôi đi thẳng đến đó, và khi tôi nhìn thấy nó, tôi nhận ra nó ngay.

- Trước đó anh có đến Alexandria bao giờ chưa?

- Chưa! Cả đời tôi có bao giờ ra khỏi nước Anh đâu.

Hiện tại ông làm trong cơ quan Nhà nước, và ông đã ở đó từ ấy đến nay.

- Anh không bao giờ hối tiếc về chuyện đó?

- Không bao giờ, không một phút giây nào, tôi kiếm vừa đủ sống và tôi mãn nguyện. Tôi không đòi hỏi gì hơn là được sống như hiện tại cho đến khi chết. Tôi đã có một cuộc sống tuyệt vời.

Ngày hôm sau, tôi rời Alexandria, và tôi quên bằng Abraham mãi cho đến cách đây không lâu, khi ngồi ăn tối với một người bạn đồng nghiệp cũ khác là Alec Carmichael- anh ta đang nghỉ phép ở Anh. Tôi tình cờ gặp anh ngoài đường phố, và tôi đã chúc mừng anh về tước hiệp sĩ mà anh đã được phong vì những công trạng to lớn của anh trong chiến tranh. Chúng tôi đã cùng nhau thu xếp dành trọn một buổi chiều ôn lại quá khứ, và khi tôi đồng ý đến ăn chiều với anh, anh đề nghị là sẽ không phải nói chuyện với một ai khác nữa để cuộc hàn huyên của chúng tôi không bị đứt đoạn.

Anh có một căn nhà xưa xinh đẹp trên đường Nữ hoàng Anne, và vì là một người có khiếu thẩm mỹ nên anh đã bày biện thật đẹp. Trên tường phòng ăn tôi thấy một bức Belletto rất dễ thương, và có hai bức của Zoffany mà tôi ước ao có. Khi chị vợ anh, một người to cao, xinh đẹp trong chiếc áo kim tuyến đi rồi, tôi vui vẻ nhận xét về sự thay đổi trong hoàn cảnh hiện tại của anh so với những điều kiện khi cả hai chúng tôi còn là sinh viên y khoa. Hồi đó chúng tôi cho rằng ăn tối trong một quán ăn tồi tàn của người Ý ở đường Cầu Westminster là một việc tiêu pha phung phí. Bây giờ Alec Carmichael đang điều hành nửa tá bệnh viện lớn nhỏ. Tôi nghĩ rằng anh kiếm được có đến mười ngàn bảng Anh mỗi năm, và cái tước hiệp sĩ chỉ là vinh dự đầu tiên của những vinh dự chắc chắn sẽ dành cho anh.

- Tôi làm việc cũng khăm khá, - anh ta nhưng điều lạ lùng là tất cả những chuyện đó sở dĩ có được đều nhờ một dịp may.

- Anh muốn nói gì thế?

- Phải, anh có nhớ Abraham không? Anh ấy là người có tương lai. Hồi còn là sinh viên, anh ấy trội hơn tôi trong suốt thời gian đi học. Anh ấy đoạt được tất cả giải thưởng và học bổng trong những cuộc thi mà tôi có tham dự. Tôi luôn luôn chiếm một chỗ thứ yếu so với anh. Nếu anh ấy tiếp tục anh ấy sẽ ở chức vụ hiện nay của tôi. Con người đó có biệt tài về phẫu thuật. Không ai sánh được với anh ấy. Khi anh ấy được đề cử làm người điều hành bệnh viện Saint Thomas tôi không có cơ hội nào chen chân vào ban điều hành. Lẽ ra tôi phải trở thành một bác sĩ đa khoa, và anh biết làm sao một anh bác sĩ đa khoa có thể thoát ra khỏi vết xe tầm thường. Nhưng Abraham đã bỏ việc, và tôi nhận công việc ấy. Điều đó đã tạo cho tôi một cơ hội.

- Tôi cho rằng anh nói đúng.

- Chỉ nhờ may mắn mà thôi. Tôi cho rằng có một sự lệch lạc nào đó trong tính tình của Abraham. Thật đáng thương là anh ấy đã thất cơ lỡ vận. Anh ấy kiếm chẳng được mấy xu với cái nghề thuốc ở Alexandria ấy- một viên chức y tế hoặc một viên gì đó tương tự như thế. Tôi nghe nói anh ấy sống với một người vợ Hy Lạp già xấu xí và có nửa tá con cái bị bệnh tràng nhạc. Tôi cho rằng có trí tuệ thôi chưa đủ. Cái quan trọng là nghị lực. Abraham không có nghị lực.

Nghị lực? Tôi nghĩ rằng cần phải có nhiều nghị lực mới có thể vứt bỏ cả một sự nghiệp sau nửa tiếng đồng hồ suy nghĩ, bởi vì anh thấy một lối sống khác có ý nghĩa hơn nhiều. Và vẫn cần nhiều nghị lực hơn để không bao giờ hối tiếc cái quyết định đột ngột đó. Nhưng tôi không nói gì, và Alec Carmichael trầm ngâm nói tiếp:

- Dĩ nhiên thật là đạo đức giả nếu tôi bảo tôi hối tiếc về việc làm của Abraham. Dầu sao thì tôi thành công cũng nhờ việc ấy kia mà.- Anh ta rít một cách khoái cảm điệu thuốc Corona dài đang hút. - Nhưng nếu cá nhân tôi không có liên hệ đến chuyện đó thì tôi sẽ hối tiếc việc phí phạm ấy. Một người đàn ông làm hỏng hết cuộc đời như thế thì tệ quá.

Tôi tự hỏi phải chăng Abraham đã thật sự làm hỏng hết cuộc đời mình. Được làm điều bạn mong muốn nhất, sống với những điều kiện bạn thích, được bình an thoải mái với chính mình, là làm hỏng b sao? Và trở thành một bác sĩ giải phẫu nổi tiếng lương mười ngàn bảng Anh một năm và một người vợ xinh đẹp mới là thành công sao? Tôi cho rằng còn tùy ở cái ý nghĩa mà anh gán cho cuộc đời, tùy sự thừa nhận của anh về yêu cầu của xã hội hay là yêu cầu của cá nhân. Nhưng một lần nữa tôi lại giữ mồm giữ miệng không nói, vì tôi là ai mà đi cãi lý với một hiệp sĩ.

Khi tôi kể chuyện này cho bà Tiaré nghe, bà đã khen sự thận trọng của tôi và chúng tôi yên lặng làm việc trong vài phút- chúng tôi đang bóc vỏ đậu. Thế rồi cặp mắt của bà, cặp mắt luôn luôn để ý đến những việc trong bếp, bỗng nhìn thấy một việc gì đó của anh đầu bếp người Hoa làm bà ta không vừa ý. Bà quay sang anh ta chửi rửa thậm tệ. Anh chàng người Hoa không ngần ngại bảo vệ mình, và thế là ngay lập tức một cuộc cãi vã thật sự đã nổ ra. Họ nói bằng tiếng bản xứ, thứ tiếng ấy tôi chỉ mới lờ mờ được dăm bảy từ, nó vang sang sảng cứ như là tận thế đến nơi, nhưng rồi hòa bình lại được tái lập và Tiaré đã chìa cho anh đầu bếp một điều thuốc. Cả hai hút thoải mái.

- Anh biết không, chính tôi là người đã kiếm cho ông ấy một cô vợ đấy?
- Đột nhiên Tiaré nói với một nụ cười tỏa rộng khắp gương mặt to bành của bà.

- Anh chàng đầu bếp ấy à?

- Không, Strickland ấy.

- Nhưng ông ta đã có vợ rồi mà.

- Ông ấy cũng nói như vậy, nhưng tôi bảo ông rằng bà ta ở bên Anh, mà nước Anh thì ở tận đầu kia của thế giới.

- Đúng,- tôi đáp.

- Cứ hai ba tháng ông ta đến Papeete một lần, khi ông cần sơn dầu hoặc thuốc lá hoặc tiền, và ông đi lang thang như một con chó đói. Tôi thấy tội nghiệp cho ông ta quá. Tôi có một đứa trẻ gái tên là Ata làm công việc dọn phòng ở đây. Nó có họ hi đó với tôi, bố mẹ nó chết cả rồi nên nó sống với tôi. Strickland quen lệ thỉnh thoảng đến đâu để ăn một bữa đàn hoàng hoặc chơi cờ với anh bồi bàn. Tôi để ý thấy chị nàg hay nhìn ông ấy mỗi khi ông ấy đến và tôi hỏi nó có thích ông ấy không. Nó bảo nó thích lắm. Anh biết bọn con gái ở đây như thế nào rồi, bọn nó luôn luôn thích cặp kè với một người da trắng.

- Cô ấy có phải là người bản xứ không?

- Vâng, nó không có lấy một giọt máu da trắng trong người. Thế rồi sau khi nói chuyện với nó, tôi đã cho người mời Strickland đến, tôi nói với ông ấy thế này: “ Strickland, đã đến lúc anh phải dừng chân rồi đây. Người đàn ông ở tuổi anh không nên đi chơi bồi với bọn con gái dưới khu mé biển. Chúng là lũ không ra gì, và chẳng tốt đẹp gì mà chơi bồi với chúng. Anh chẳng kiếm ra tiền và không bao giờ có thể làm được một công việc gì quá một hai tháng. Hiện nay, không ai thuê mướn anh đâu. Anh nói anh có thể sống chui rúc với một cô gái bản xứ và họ sẵn sàng đón nhận anh bởi vì anh là một người da trắng, nhưng đối với một người da trắng thì như thế chẳng đàn hoàng chút nào. Bây giờ, anh Strickland ạ, anh hãy nghe tôi”

Tiaré pha trộn tiếng Pháp với tiếng Anh trong khi nói chuyện, bởi vì bà sử dụng cả hai ngôn ngữ dễ dàng như nhau. Bà nói hai thứ tiếng đó bằng cái giọng thánh thót nghe thật vui. bạn có cảm tưởng là một con chim sẽ nói như thế nếu nó nói được tiếng Anh.

“ Đây, anh có ý kiến gì về việc cưới Ata? Nó là một đứa con gái đàn hoàng và chỉ mới mười bảy tuổi. Nó không hề chung chạ bữa bãi như một số đứa con gái ở đây- một thuyền trưởng hoặc một thuyền phó hạng nhất,

có, nhưng chưa một tên bản xứ nào chạm được vào nó. *Elle se respecte, vois-tu*^[62]. Người quản lý tài *Oahu* bảo tôi trong chuyến vừa rồi rằng anh ta không gặp một cô gái nào xinh hơn nó trên quần đảo này. Cũng đã đến lúc nó lấy chồng rồi, hơn nữa, những anh thuyền trưởng và thuyền phó thỉnh thoảng cũng thích đổi món. Tôi không giữ mấy đứa tớ gái của tôi quá lâu. Nó có chút ít tài sản ở gần Taravao, ngay trước khi anh đến đảo, và với cùi dừa khô theo giá bây giờ thì anh có thể sống hoàn toàn thoải mái. Có một mái nhà, anh sẽ có đủ thời gian cần thiết cho việc vẽ vời của anh. Anh thấy thế nào?”

Tiaré ngừng lại lấy hơi">

- Chính lúc đó ông ấy kể cho tôi nghe về vợ của ông bên Anh. “ Anh Strickland đáng thương của tôi, - tôi nói với ông ta, - người ta ai cũng đã có vợ ở nơi nào đó rồi, thường đó chính là lý do tại sao họ đến quần đảo này. Ata là một đứa con gái khôn ngoan, nó không đòi hỏi một nghi thức nào trong việc cưới xin đâu. Nó theo đạo Tin lành, và anh biết người Tin lành không xem những chuyện này giống như người Công giáo.”

Thế rồi ông ta nói: “Nhưng Ata nói gì về chuyện đó?” “Nó có vẻ khoái anh đấy, - tôi đáp. - Nếu anh bằng lòng thì nó cũng bằng lòng. Tôi gọi nó nhé? ” Ông ta cười khúc khích trông buồn cười và khô khan như mọi lần, và tôi đã gọi con bé. Nó biết tôi đang nói chuyện gì rồi, con trặc nết ấy, và tôi đã liếc mắt nhìn thấy nó lắng tai nghe, trong khi giả vờ ủi chiếc áo cánh mà nó đã giặt cho tôi. Nó đi lại. Nó cười, nhưng tôi thấy nó hơi e thẹn, và Strickland nhìn nó không nói gì.

- Cô ta xinh chứ? -Tôi hỏi.

- Không đến nỗi tệ. Nhưng anh phải xem những bức tranh vẽ hình nó, khi thì quần cái *pareo*^[63], khi thì không có gì cả. Ờ, nó cũng xinh đấy chứ. Nó biết việc bếp núc. Chính tôi đã dạy nó tất. Tôi thấy Strickland đang nghĩ

về chuyện đó nên tôi nói với ông: “Tôi trả lương cho nó cũng khá, nó dễ dàng và những anh thuyền trưởng và thuyền phó mà nó quen đôi khi cho nó một vài thứ gì đó. Nó dành dụm được mấy trăm phrăng đấy.”

Ông ta vuốt bộ râu đỏ xồm xoàm và mỉm cười, “Này, Ata, - ông ta nói, - em có chịu lấy tôi làm chồng không? ”

Con bé không nói gì, chỉ cười khúc khích.

“Nhưng tôi cho anh biết, anh Strickland tội nghiệp của tôi ơi, nó khoái anh lắm đấy. ” Tôi nói.

“Tôi sẽ đánh em đấy.” Ông ta vừa nói vừa nhìn con bé.

“Còn cách nào khác để em biết ông yêu em không? ” Nó đáp lại.

Tiaré ngừng câu chuyện và trầm tư tâm sự với tôi:

- Người chồng đầu của tôi, thuyền trưởng Johnson, vẫn thường xuyên đập tôi. Anh ấy đúng là một người đàn ông. Anh ấy đẹp trai, cao thước chín, khi anh ấy say thì không có gì cản anh ấy nổi. Tôi phải bầm mình bầm mẩy mấy ngày liền. Chao ôi, tôi khóc biết mấy khi anh ấy chết. Tôi nghĩ là tôi sẽ không bao giờ quên được. Nhưng mãi cho đến khi tôi lấy George Rainey, tôi mới biết giá trị cái mà mình đã mất đi. Anh không bao giờ có thể có một nhận xét chính xác về người đàn ông cho đến khi anh sống với anh ta. Tôi chưa hề lừa dối một người đàn ông nào như tôi đã lừa dối George Rainey. Anh ta cũng là một gã đẹp trai, thành thật, to cao gần bằng thuyền trưởng Johnson, trông cũng rắn chắc. Nhưng đó chỉ là cái vẻ bề ngoài. Anh ta không bao giờ uống rượu. Không bao giờ giơ tay đập tôi. Anh ta là một nhà truyền giáo được đấy. Tôi đã ăn nằm với bọn sĩ quan của tất cả các chiếc tàu đến đảo mà George Rainey không hề hay biết gì. Sau

cùng, chán anh ta quá, tôi đã ly dị. Một người đàn ông như thế thì dùng vào việc gì nữa? Có những hạng đàn ông xử sự với đàn bà thật là khủng khiếp.

Tôi chia buồn với Tiaré và thật tình nhận xét rằng đàn ông bao giờ cũng là kẻ lừa dối, sau đó tôi yêu cầu bà ta kể tiếp câu chuyện về Strickland.

- “Này”, tôi nói với ông ấy, “đừng vội chi chuyện đó. Anh cứ thư thả và suy nghĩ đi. Ata có một căn phòng xinh xắn trong gian nhà phụ. Anh hãy sống với nó một tháng, và xem thử anh có thích nó không đã. Anh có thể ăn cơm ở đây. Đến cuối tháng nếu anh quyết định cưới nó, anh có thể đến ở trên mảnh đất của nó.”

Ông ấy chấp thuận chuyện đó. Ata tiếp tục làm việc nhà, và tôi đã cho ông ăn như tôi đã nói. Tôi dạy Ata cách nấu một hai món mà tôi biết ông ấy thích. Ông ấy không vẽ nhiều. Ông ấy đi lang thang khắp nơi trên đồi và tắm dưới những khe suối. Rồi ông ấy ngồi đầu đó ở đặng mé biển nhìn hồ nước mặn và đến lúc mặt trời lặn ông đi xuống ngắm đảo Murea. Ông ấy thường đi câu trên lớp đá ngầm. Ông thích đi lang thang ở bến cảng, nói chuyện với những người bản xứ. Ông ấy là một người khá trầm tĩnh. Mỗi ngày, sau bữa ăn tối, ông đi xuống gian nhà phụ với Ata. Tôi thấy ông ấy nóng lòng muốn bỏ đi, nên vào cuối tháng tôi hỏi ông định làm gì. Ông ta bảo nếu Ata bằng lòng, ông sẵn sàng đi với nó. Vì thế, tôi đã nấu cho họ một bữa tiệc mừng đám cưới. Chính tay tôi nấu lấy bữa đó. Tôi đãi họ một món xúp đậu và tôm hùm nấu kiểu Bồ Đào Nha, một món cà ri và một món xà lách dưa. Anh chưa bao giờ ăn món xà lách dưa phải không? Tôi phải cho anh ăn một bữa trước khi anh đi mới được. Và rồi tôi làm cho họ một món kem. Tất cả chúng tôi uống rượu sâm banh thoả thích và sau đó là rượu mùi. Tôi định bụng làm mọi việc cho thật tốt đẹp. Cuối cùng chúng tôi khiêu vũ trong phòng khách. Hồi đó tôi không mập lắm và tôi rất thích khiêu vũ.

Phòng khách tại khách sạn De la Fleur là một căn phòng nhỏ có một chiếc đàn pianô đứng, nhỏ, đồ đạc trong phòng bằng gỗ gụ, được bọc nhung và xếp đặt gọn gàng quanh tường. Trên mấy chiếc bàn tròn có vài quyển anbum, và trên tường là những bức ảnh phóng lớn hình của Tiaré và người chồng đầu tiên của bà, thuyền trưởng Johnson. Mặc dù Tiaré đã già và mập, thỉnh thoảng chúng tôi cuộn tấm thảm Bruytxen lại, gọi những cô hầu gái và một hai người bạn của Tiaré vào để cùng khiêu vũ, mặc dù là nhảy theo tiếng nhạc rè rè của một chiếc máy hát. Ngoài hiên, không khí ngào ngạt hương thơm của loài hoa *tiaré*, và trên cao chòm sao Thánh giá chiếu sáng giữa bầu trời không gợn chút mây.

Tiaré mỉm cười dễ dãi khi bà nhớ lại niềm vui của dĩ vãng đã qua lâu rồi.

- Chúng tôi vui chơi như vậy đến ba giờ sáng, và khi chúng tôi đi ngủ, tôi không nghĩ là có ai đó lại không say khướt. Tôi đã bảo Strickland và Ata rằng họ có thể dùng xe ngựa của tôi đi đến cuối đường, bởi vì sau đó họ còn phải đi bộ một quãng xa. Khu đất của Ata nằm ngay trong một khe núi. Họ đã khởi hành vào lúc bình minh và anh bồi mà tôi cho đi với họ mãi đến ngày hôm sau mới về.

Vâng, Strickland đã cưới vợ như vậy đấy.

Tôi cho rằng ba năm sau đó là những năm hạnh phúc nhất đời Strickland. Ngôi nhà của Ata nằm cách con đường chạy quanh đảo khoảng tám cây số, và bạn có thể đến đó bằng cách đi lẩn theo một đường mòn quanh co rợp bóng cây lá sum suê vùng nhiệt đới. Đó là một căn nhà gỗ không sơn phết gì cả, gồm hai buồng nhỏ và bên ngoài là một cái lán nhỏ dùng làm nhà bếp. Không có đồ đạc gì ngoài mấy chiếc chiếu họ dùng làm giường nằm và một chiếc ghế xích đu đặt ở ngoài hè. Những cây chuối to tả tơi, giống áo xiêm rách rưới của một nữ hoàng gặp nạn, mọc gần bên nhà. Ngay phía sau nhà có một cây lê tàu đầy quả, và khắp nơi là những cây dứa đem lợi tức cho chủ nhân mảnh đất. Bố của Ata đã trồng cây ba đậu quanh đất đai của ông, chúng mọc lên đầy màu sắc, vui tươi và rực rỡ, dựng quanh mảnh đất một hàng rào màu sặc sỡ. Một cây xoài mọc đằng trước nhà, và ở bờ rìa khu đất phát hoang có hai cây phượng song đôi sum suê hoa đỏ đang thi sắc với những cây dứa nặng trĩu quả vàng.

Strickland đã sống ở đây dựa vào hoa màu và ít đi Papeete. Cách đây không xa, có một con suối nhỏ, ông thường tắm ở đó, và đôi khi có những đàn cá lội theo dòng nước. Những lúc ấy, dân bản xứ rủ nhau mang xiên đến vừa la hò, họ vừa đâm những con cá lớn hốt hoảng vội vã chạy ra biển. Khi thì Strickland đi xuống bãi đá ngầm và mang về một giỏ cá nhỏ nhiều màu mà Ata sẽ chiên bằng dầu dừa, hoặc là một con tôm hùm gì đó; khi thì cô ta làm một món ngon lạnh với thứ cua đất to tướng bạn thường thấy nhanh nhẹn dưới chân bạn. Trên núi cao có những cây cam rừng, thỉnh thoảng Ata cũng đi với hai ba phụ nữ khác trong làng và mang về những quả xanh tươi, ngọt lịm, thơm ngon. Rồi đến mùa thu hoạch dứa khô, những chị em họ của cô (giống như những người dân bản xứ khác, Ata có đông bà con) leo lên cây và thả xuống những quả dứa khô lớn. Họ bổ ra và

đem phơi nắng. Sau đó họ lột cùi dừa khô ra và cho vào những cái bao lớn, cánh đàn bà sẽ mang đến lão lái buôn ở làng gần hồ nước mặn và lão sẽ đổi lại gạo, xà phòng, thịt hộp và một ít tiền. Thịnh thoảng hàng xóm có tiệc tùng, người ta làm một con heo. Rồi người ra ăn uống đã đời, nhảy múa và ca hát.

Nhưng nhà hai người ở xa làng và người Tahiti thì lại lười nhác. Họ thích đi chơi và tán gẫu, nhưng lại ngại đi bộ nên trong nhiều tuần liền Strickland và Ata sống lẻ loi một mình. Ông vẽ và đọc sách đến chiều. Khi trời đã tối, họ ngồi với nhau trên hè vừa hút thuốc vừa nhìn bóng đêm. Sau đó Ata có một đứa con, và bà già đến giúp cô vượt cạn ở lại đó. Đứa cháu gái của bà già đến ở với bà, và rồi cậu thanh niên xuất hiện - không ai biết cậu ta từ đâu đến và con ai - nhưng cậu ở với họ một cách tự nhiên, và cứ thế họ sống chung với nhau.

Một ngày n trong khi tôi ngồi sắp xếp lại những điều Tiaré có thể kể cho tôi nghe về Strickland thì có tiếng bà nói:

- *Tenez, voilà le capitaine Brunot*^[64]. Ông ta biết rõ Strickland; ông ta có đến thăm ông ấy tại nhà.

Tôi thấy một người Pháp đứng tuổi, râu rậm đen, lốm đốm xám, gương mặt rám nắng, mắt to và sáng. Ông mặc một bộ đồ vải bông dày gọn gàng. Tôi chú ý đến ông trong bữa ăn trưa, và Ah Lin, anh bồi người Hoa, cho tôi biết ông từ Paumotus tới trên chuyến tàu đến ngày hôm đó. Tiaré giới thiệu tôi với ông, và ông đưa cho tôi tấm danh thiếp, một tấm thiếp cỡ lớn trên có in dòng chữ *René Brunot*, và bên dưới, *Capitaine au Long Cours*^[65]. Chúng tôi ngồi dưới hiên nhỏ bên ngoài nhà bếp, Tiaré đang cắt một chiếc áo để may cho cô tớ gái trong nhà. Ông ta ngồi xuống với chúng tôi.

- Vâng, tôi biết rõ Strickland, - ông ta nói. - Tôi rất thích chơi cờ, và ông ấy thì luôn luôn thích thú được chơi một ván cờ. Tôi đến Tahiti mỗi năm ba bốn lần vì chuyện làm ăn. Khi ông có mặt ở Papeete ông thường lại đây chơi cờ với tôi. Khi ông có vợ - thuyền trưởng Brunot mỉm cười và nhún vai - khi ông sống với cô gái mà Tiaré chọn cho ông, ông có mời tôi đến thăm ông. Tôi là một trong những người khách của bữa tiệc cưới hôm đó - ông nhìn Tiaré và cả hai đều cười - Sau đó ông ít khi đến Papeete nữa. Khoảng một năm sau tình cờ tôi đến vùng đảo ấy vì công chuyện gì đó tôi đã quên rồi; khi xong việc tôi tự nhủ: “Nào, sao mình không lại thăm anh chàng Strickland tội nghiệp nhỉ?” Tôi hỏi thăm mấy người bản xứ xem họ có biết gì về ông không và tôi khám phá ra rằng ông sống cách nơi tôi ở không quá năm cây số, thế rồi tôi đi. Tôi sẽ không bao giờ quên cái ấn

tượng của tôi về cuộc viếng thăm ấy. Tôi sống trên một đảo san hô, một hòn đảo thấp, đó là một doi đất bọc quanh một hồ nước mặn, và vẻ đẹp của nó là vẻ đẹp của trời và biển, của hồ nước mặn muôn màu và những cây dừa duyên dáng, nhưng nơi Strickland sống có cái vẻ đẹp của Vườn địa đàng. À, tôi muốn làm thế nào để anh thấy được sự quyến rũ hấp dẫn của vùng đất đó, một nơi hẻo lánh xa hẵn thế giới, với bầu trời xanh lơ và cây cỏ tươi tốt sum suê. Quả là một ngày hội màu sắc và không khí thì thơm ngát và dịu mát. Từ ngữ không thể nào diễn tả được thiên đàng đó. Ông ấy sống ở đây, không màng đến xã hội, cũng chẳng hề sợ bị xã hội quên lãng. Tôi cho rằng dưới con mắt của người Tây Phương thì ở đây có vẻ nhợt nhúa tồi tàn kinh khủng nhà thì ọp ẹp và không lấy gì sạch sẽ cho lắm, khi đến gần, tôi thấy ba bốn người bản xứ đang nằm trên hè. Anh biết người dân bản xứ ở đây thích sống tụ tập với nhau như thế nào rồi. Có một cậu thanh niên đang nằm dài hút thuốc, anh ta chỉ mặc mỗi cái *pareo*.

Pareo là một mảnh vải bông màu xanh hoặc đỏ có sọc trắng. Nó được quấn ngang hông và thả dài đến đầu gối.

Một đứa con gái mười lăm tuổi, có lẽ thế, đang bện lá dừa làm một cái mũ, và một bà già ngồi chồm hồm hút ống điếu. Rồi tôi thấy Ata. Cô ấy đang cho một đứa bé mới sinh bú, và một đứa nhỏ khác, trần truồng như nhộng, đang chơi dưới chân cô ấy. Khi thấy tôi, cô gọi Strickland, và ông đi ra cửa. Ông ấy, cũng vậy, chỉ mặc mỗi cái *pareo*. Dáng dấp của ông trông thật kỳ lạ, với chòm râu đỏ, tóc tai rối bù và chiếc ngực nở đầy lông lá. Bàn chân ông rắn chắc và đầy sẹo, vì thế tôi biết ông luôn đi chân đất. Ông đã trở thành một người dân bản xứ hoàn toàn. Ông có vẻ vui khi gặp tôi, nên bảo Ata giết một con gà để làm bữa ăn tối. Ông đưa tôi vào trong nhà cho tôi xem bức tranh ông đang vẽ khi tôi đến. Trong một góc phòng là chiếc giường, và ở giữa nhà là cái giá vẽ trên có đặt bức tranh. Bởi vì tôi thấy tội ông ta nên tôi đã mua hai bức tranh của ông với giá rẻ, và tôi đã gửi một số bức khác cho bạn bè của tôi ở bên Pháp. Và dù tôi đã mua chỉ vì thương

hại, nhưng sau khi có những bức tranh ấy ở bên cạnh, tôi lại bắt đầu thích. Thật vậy, tôi đã tìm thấy một vẻ đẹp lạ lùng trong những bức tranh đó. Mọi người đều nghĩ rằng tôi điên mất rồi, nhưng rồi hoá ra tôi lại có lý. Tôi là người ngưỡng mộ ông đầu tiên trên quần đảo.

Ông mỉm cười ranh mãnh với Tiaré, và bà lại than vãn với chúng tôi về chuyện bà đã không chịu mua những bức tranh hôm đấu giá đồ đạc của Strickland để rồi chỉ mua cái lò Mỹ với giá hai mươi bảy phrăng.

- Ông còn giữ những bức tranh ấy chứ? - Tôi hỏi.

- Vâng, tôi giữ chúng đến khi con gái tôi tới tuổi lấy chồng, lúc ấy tôi sẽ bán. Chúng sẽ là của hồi môn của cháu.

Rồi ông tiếp tục kể về chuyến viếng thăm Strickland của ông.

- Tôi sẽ không bao giờ quên được buổi chiều tối ở chơi với ông. Tôi không định ở lại quá một tiếng đồng hồ ông cứ nằng nặc đòi tôi ngủ lại đêm. Tôi ngần ngại, bởi vì thú thật tôi không thích thú gì lắm khi nhìn những chiếc chiếu ông đề nghị tôi nằm ngủ ở đó, nhưng rồi tôi nhún vai. Khi tôi xây nhà ở Paumotus, tôi đã ngủ ngoài trời cả mấy tuần liền trên một chiếc giường còn cứng hơn thế nhiều và không có gì để che người ngoài những lùm cây dại; còn chuyện sâu bọ thì cái lớp da dày dặn phong sương của tôi có thể chống lại được những trò quỷ quái của chúng.

Chúng tôi đi xuống suối tắm trong khi Ata sửa soạn cho bữa ăn tối, và sau khi ăn xong, chúng tôi ngồi ngoài hè. Chúng tôi hút thuốc và nói chuyện. Cậu thanh niên có một chiếc đàn côngxectina và cậu chơi những bản nhạc phổ biến trong những nhà hát ca nhạc cả chục năm về trước. Những bản nhạc ấy âm vang lạ thường trong đêm nhiệt đới cách biệt với nền văn minh hằng ngàn dặm. Tôi hỏi Strickland liệu ông có khó chịu khi

sống trong cái mớ hỗn tạp đó không. Không, ông ta nói thế; ông thích có những người mẫu trong tầm tay. Thế rồi, sau khi ngáp ngẩn ngáp dài, những người bản xứ bỏ đi ngủ, chỉ còn lại Strickland và tôi. Tôi không thể nào diễn tả được cho anh thấy cảnh u tịch triền miên của đêm ở đây như thế nào. Trên đảo tôi ở trong quần đảo Paumotus về đêm không bao giờ có được sự yên tĩnh hoàn toàn như ở đây. Có tiếng sột soạt của hàng ngàn con vật trên bãi biển, tất cả những loài sò ốc nhỏ bé bò đi khắp nơi không ngừng và cũng có những tiếng động của lũ cua đất đang chạy gáp. Thỉnh thoảng anh nghe tiếng cá nhảy trong hồ nước mặn và đôi khi tiếng quậy nước hối hả của một con cá mập nâu rượt đuổi những con cá khác chạy bán mạng. Và nhất là tiếng gầm vang đều đặn của những con sóng lớn vỗ trên bãi đá ngầm, liên miên không ngắt như thời gian. Nhưng ở đây không có một tiếng động nào và không khí ngào ngạt hương thơm của những loài hoa trắng nở về đêm. Đó là một đêm đẹp đến nỗi tâm hồn của anh hình như khó có thể chịu đựng cảnh tù túng trong thân xác được. Anh cảm thấy sẵn sàng lướt nhẹ trên bầu không khí vô hình thể, và cái chết mang tất cả bóng dáng hấp dẫn của một người tình.

Tiaré thở dài.

- Chà, ước chi mình trở lại tuổi mười lăm!

Đột nhiên bà nhìn thấy con mèo đang ăn đĩa tôm trên chiếc bàn nhà bếp, và bằng một cử chỉ nhanh nhẹn, vừa chửi rửa xối xả bà vừa phang một quyển sách đúng vào cái đuôi con vật đang tẩu thoát.

- Tôi đã hỏi ông ấy xem ông sống với Ata có được hạnh phúc không.

“Cô ấy để tôi yên,” - ông ta bảo, - Cô ấy nấu ăn cho tôi và chăm sóc mấy đứa nhỏ. Cô ấy làm những điều tôi bảo làm. Cô ấy cho tôi cái tôi cần ở một người đàn bà”.

“Và anh không bao giờ nhớ châu Âu à? Thành thạo anh không thèm cái ánh sáng của đường phố Pari hoặc Luân Đôn, tình bạn của bạn bè và những người cùng vai vế với anh sao? Anh không thích xem hát, đọc báo và nghe tiếng xe buýt ầm ầm trên những con đường lát đá à? ”

Ông yên lặng một lúc lâu. Rồi nói: “Tôi sẽ ở lại đây cho đến khi chết.”

“Nhưng anh không bao giờ bức bối hoặc cảm thấy cô đơn à? ” Tôi hỏi.

Ông ấy cười khúc khích. “*Mon pauvre ami* ^[66], - ông ấy nói, - Rõ ràng anh không biết là một họa sĩ thì nó như thế nào? ”

Thuyền trưởng Brunot quay lại mỉm cười dịu dàng với tôi, và đôi mắt đen hiền lành của ông thoáng một cái nhìn rạng rỡ.

- Ông ấy đã bắt công đối với tôi bởi vì tôi cũng biết có những giấc mơ là như thế nào. Tôi cũng có những ảo tưởng của tôi chứ. Tôi cũng là một nghệ sĩ theo lối của tôi kia mà.

Tất cả chúng tôi yên lặng một lúc, và Tiaré móc từ chiếc túi áo rộng thùng thình của bà ra một nắm thuốc điếu. Bà đưa cho mỗi người một điếu, và cả ba chúng tôi cùng hút. Sau cùng bà nói:

- *Ce monsieur* ^[67] đang quan tâm đến Strickland, tại sao anh không đưa ông ấy đến gặp bác sĩ Coutras nhỉ? Bác sĩ có thể cho ông ấy biết một vài điều gì đó về căn bệnh và cái chết của Strickland.

- *Volontiers* ^[68], - thuyền trưởng vừa nói vừa nhìn tôi.

Tôi cảm ơn ông, và ông nhìn đồng hồ.

- Quá sáu giờ rồi. Chúng ta có thể gặp được ông ấy nếu anh muốn đến bây giờ.

Tôi đứng dậy không chút khách sáo, và chúng tôi đi bộ dọc theo con đường dẫn đến nhà ông bác sĩ. Ông ấy sống ở vùng ngoại ô, nhưng vì khách sạn De la Fleur nằm trên vành đai thành phố, nên chẳng bao lâu chúng tôi đã ra đến vùng quê. Con đường rộng rợp bóng những hàng tiêu, và hai bên đường là những đồn điền trồng cây dứa và cây vani. Tiếng chim cắt kêu ríu rít trong đám lá cọ. Đến một chiếc cầu đá bắc ngang dòng sông cạn, chúng tôi dừng lại vài phút để nhìn những đứa trẻ bản xứ đang tắm. Chúng rượt đuổi nhau vừa la hét vừa cười vang, thân thể chúng rám nắng và ướt đẫm, lấp lánh dưới ánh nắng mặt trời.

Trên đường đi, tôi suy nghĩ về một trường hợp buộc tôi phải chú ý xuyên qua tất cả những gì tôi đã nghe được về Strickland. Ở đây, trên hòn đảo xa xôi này, dường như người ta chẳng những không ghét bỏ gì ông như tại quê hương ông, mà còn thương cảm ông là đằng khác. Cái tính khí bất thường lạ đời của ông được chấp nhận với thái độ khoan dung tha thứ. Đối với những người ở đây, người bản xứ cũng như người châu Âu, ông là một con cá kỳ lạ, nhưng họ đã quen với những con cá kỳ lạ rồi, nên họ thừa nhận ông là chuyện dĩ nhiên. Thế giới đầy những người kỳ quặc, làm những việc kỳ quặc, và có lẽ họ đã biết rằng một người không phải là cái anh ta muốn trở thành mà là cái anh ta phải trở thành. Ở Anh và Pháp ông là cái chốt vuông trong chiếc lỗ tròn, nhưng ở đây thì lỗ không có hình thể nhất định nào cả nên không có loại chốt nào là không thích hợp. Tôi không nghĩ rằng ở đây ông dịu dàng hơn, ít ích kỷ hơn hoặc ít thô bạo hơn, mà là hoàn cảnh thuận lợi hơn. Nếu ông đã sống được giữa môi trường như thế này thì ắt hẳn ông phải được xem như bất cứ một người nào khác. Ở đây ông nhận được điều mà ông không hề mong cũng không hề cần khi sống giữa những người cùng quê hương xứ sở - đó là sự thông cảm.">

Tôi đã cố nói để thuyền trưởng Brunot biết rằng tôi hết sức ngạc nhiên, và ông không trả lời ngay.

- Dấu sao cũng không lạ gì khi tôi cảm thông được ông ấy, - sau cùng ông ta nói, - bởi vì có lẽ không ai trong hai chúng ta biết được điều đó mặc dù cả hai đều nhắm tới cùng một thứ.

- Điều gì mà hai người khác tính nết nhau như anh và Strickland lại có thể cùng nhắm đến? - Tôi mỉm cười hỏi.

- Cái đẹp.

- Một việc khó đấy, - tôi thì thầm.

- Anh có biết người ta có thể bị ám ảnh bởi tình yêu như thế nào đến nỗi họ tai ngơ mắt điếc với mọi chuyện khác trên đời không? Họ trở thành những ông chủ nhỏ của chính mình chẳng khác nào những anh nô lệ bị xiềng vào ghế của chiếc thuyền ga le. Sự đam mê cầm giữ Strickland trong tình trạng nô lệ không kém phần tàn bạo hơn tình yêu đâu.

- Anh nói sao kỳ lạ quá! - Tôi bảo, - Từ lâu tôi vẫn nghĩ ông ta bị quỷ ám.

- Sự đam mê đã giam cầm ông chính là sự đam mê sáng tạo cái đẹp. Nó không đem lại cho ông một sự bình an nào cả. Nó bức bách ông đi khắp chốn. Ông mãi mãi là một khách hành hương, với nỗi lòng da diết nhớ quê hương thần thánh nào đó, và con quỷ trong người ông thật là tàn nhẫn. Có những người mà niềm khát khao sự thật to tát đến mức để đạt được nó phải đập vỡ chính cái nền tảng của thế giới mà họ đang sống. Strickland nằm trong số những người như thế, chỉ có cái đẹp cùng với ông là chiếm được vị trí của sự thật. Tôi chỉ có thể cảm thấy một lòng thương cảm sâu sắc đối với ông mà thôi.

- Điều đó cũng thật kỳ lạ. Một người mà ông ta đã làm cho đau khổ ê chề cũng bảo tôi rằng anh ta cảm thấy thương hại cho ông. - Tôi ngừng một lúc. - Tôi tự hỏi, phải chăng anh đã tìm ra được ở đó một lời giải thích cho cái tính khí mà tôi không bao giờ có thể giải thích được? Làm thế nào mà anh tìm ra được lời giải thích ấy?

Ông ta mỉm cười quay sang tôi.

- Tôi đã không nói với anh rằng tôi cũng là một nghệ sĩ theo cách của tôi đó sao? Tôi nhận ra trong bản thân tôi chính niềm khao khát đã kích động ông ấy.

Nhưng phương tiện của ông là sơn màu, còn của tôi là cuộc sống.

Sau đó thuyền trưởng Brunot kể cho tôi nghe một câu chuyện mà tôi phải kể lại đây, bởi vì nếu nó có vẻ tương phản đi nữa thì nó cũng thêm một cái gì đó vào cái ấn tượng của tôi đối với Strickland. Đối với tôi, nó cũng có cái đẹp của nó.

Thuyền trưởng Brunot là một người xứ Breilagne và đã phục vụ trong Hải quân Pháp. Khi lập gia đình ông xuất ngũ và đến ở trong một điền sản nhỏ gần Quimper để sống những ngày còn lại trong yên bình. Nhưng sự thất bại của người được uỷ quyền đại diện trước tòa đã khiến ông bất ngờ bị sạt nghiệp, và cả ông lẫn vợ ông đều không muốn sống trong túng thiếu ở nơi mà họ đã được kính trọng. Hồi còn đi biển, ông đã từng tuần tra vùng biển Nam Thái Bình Dương nên nay ông định thử thời vận ở đó. Ông sống vài tháng ở Papeete để dự trù những kế hoạch và rút kinh nghiệm; sau đó, nhờ số tiền mượn được của một người bạn ở Pháp, ông đã mua một hòn đảo ở Paumotu. Đó là một rẻo đất bao quanh một hồ nước mặn sâu, không người ở, chỉ có những bụi rậm và cây ổi dại. Cùng với người vợ dũng cảm và vài người dân bản xứ ông đã đổ bộ lên đó, bắt tay xây một ngôi nhà và phát hoang bụi rậm để trồng dừa. Đó là chuyện hai mươi năm trước, còn bây giờ, hòn đảo căn cõi đã trở thành một vườn cây.

- Lúc đầu đó là một công việc vất vả và đáng ngại, cả hai chúng tôi đều làm việc cật lực. Mỗi ngày tôi dậy vào lúc bình minh, phát hoang, trồng trọt, cất nhà, và đến đêm, khi ngả mình xuống giường là tôi ngủ say cho đến sáng. Vợ tôi cũng làm việc cực nhọc như tôi. Sau đó, chúng tôi có con, đứa đầu là con trai và đứa sau con gái. Vợ tôi và tôi dạy chúng nó tất cả

những gì chúng nó cần biết. Chúng tôi có một cây đàn pianô từ Pháp gửi đến, vợ tôi dạy chúng nó chơi đàn và nói tiếng Anh, tôi dạy chúng nó tiếng La tinh và toán, chúng tôi cùng đọc lịch sử. Chúng nó biết đi thuyền buồm. Chúng nó có thể bơi khá như dân bản xứ. Không có gì trên đảo mà chúng nó không biết. Cây cối của chúng tôi đơm hoa kết trái và có cả trai sò trong vùng đá ngầm của tôi. Bây giờ tôi đến Tahiti để mua một chiếc thuyền buồm. Trai sò có thể có khá nhiều cho tôi mò bắt, và ai biết được, có thể tôi sẽ tìm được ngọc trai. Tôi đã làm được một cái gì đó ở nơi mà trước đây không có gì cả. Tôi cũng đã tạo ra được cái đẹp. Chà, anh không thể nào hiểu được cảm xúc của tôi khi nhìn những cây cao, tươi tốt ấy và biết rằng tự tay mình đã vun trồng lên.

- Cho tôi hỏi anh câu mà tôi đã hỏi Strickland. Anh không bao giờ nhớ đến nước Pháp và quê nhà xa xưa của anh ở vùng Bretagne sao?

- Một ngày nào đó, khi con gái tôi có chồng, con trai tôi có vợ và chúng có thể thay tôi ở hòn đảo này, chúng tôi sẽ trở về sống nốt những ngày cuối cùng của mình trong ngôi nhà xưa nơi tôi đã sinh ra.

- Anh sẽ nhìn lại một cuộc đời hạnh phúc. - Tôi nói.

- *Evidemment*^[69], trên đảo của tôi không có gì hấp dẫn, và chúng tôi sống cách quá xa thế giới - anh hãy tưởng tượng xem, tôi phải mất bốn ngày mới đến được Tahiti - nhưng ở đó chúng tôi được hạnh phúc. Hiếm có người có thể chọn lấy công việc của mình, và càng hiếm hơn nữa những người hoàn thành được công việc đó. Cuộc sống của chúng tôi bình dị và hồn nhiên. Chúng tôi không bị tham vọng lôi cuốn, và niềm kiêu hãnh duy nhất của chúng tôi là chiêm ngưỡng thành quả của chính bàn tay chúng tôi. Ác tâm không chạm đến chúng tôi được, còn sự đổ kỵ thì càng tránh ra xa. Chà, *mon cher monsieur*^[70], người ta nói đến hạnh phúc của lao động, và đó

là một câu nói vô nghĩa; nhưng đối với tôi nó có một ý nghĩa sâu đậm nhất. Tôi là một người hạnh phúc.

- Tôi chắc rằng anh xứng đáng được như vậy. - Tôi mỉm cười.

- Tôi cũng mong rằng mình có thể nghĩ được như vậy. Tôi không biết làm thế nào mà mình lại xứng đáng có được một người vợ vừa là một người bạn đời tuyệt vời, một người cộng sự, lại vừa là một bà chủ hoàn hảo và một người mẹ chu toàn.

Tôi đã suy nghĩ trong một lúc về cuộc sống mà ông thuyền trưởng đã gợi ra cho trí tưởng tượng của tôi.

- Rõ ràng để trải qua một cuộc sống như vậy và đạt được một thành công lớn lao như thế trong cuộc sống nhất thiết hai anh chị phải có một ý chí sắt đá và một bản lĩnh nhất định.

- Có lẽ thế, nhưng nếu thiếu một yếu tố khác nữa thì chúng tôi đã không làm được gì cả.

- Đó là điều gì vậy?

Ông ta dừng lại một cách hơi kịch tính, và dang rộng cánh tay ra.

- Niềm tin vào Thượng đế. Nếu thiếu điều ấy chúng tôi đã thất bại.

Sau đó chúng tôi đến nhà bác sĩ Coutras.

Bác sĩ Coutras là một người Pháp đã già, vóc dáng to lớn và nặng nề. Thân hình của ông giống như một quả trứng vịt khổng lồ; đôi mắt ông sắc sảo, xanh và đẹp, thỉnh thoảng nhìn xuống cái bụng vĩ đại một cách tự mãn. Ông có nước da hồng hào và mái tóc bạc trắng. Ông là người dễ gây được thiện cảm. Ông tiếp chúng tôi trong một căn phòng mà người ta có thể thấy trong một căn nhà tỉnh lẻ ở Pháp, ở đó có mấy món đồ mỹ thuật Pôlynêdi trông rất lạ mắt. Ông nắm bàn tay tôi trong đôi bàn tay của ông - chúng thật là to - và ông nhìn tôi thật chân tình, một cái nhìn có vẻ khôn ngoan sắc sảo. Khi bắt tay thuyền trưởng Brunot, ông đã lịch sự hỏi thăm *Madame et les enfants*^[71]. mấy phút đầu là những lời trao đổi xã giao và chuyện trò vặt vãnh về tình hình địa phương trên đảo, những triển vọng của cùi dừa khô và vụ mùa vani; sau đó chúng tôi đi vào mục đích của cuộc viếng thăm.

Tôi sẽ không thuật lại những điều bác sĩ Coutras đã kể cho tôi nghe bằng ngôn ngữ của ông, mà là bằng cái ngôn ngữ của tôi, bởi vì tôi không tài nào ghi lại được cái ấn tượng mà lối diễn tả hoạt bát của ông đã tạo trong tôi. Ông có một giọng nói trầm, vang vang, phù hợp với vóc người đồ sộ của ông, và một đầu óc mang tính bi kịch sâu sắc, lắng nghe ông ta nói cũng thú vị như nghe một vở kịch vậy; và còn hay hơn nhiều hầu hết các vở kịch.

Một bữa nọ, bác sĩ Coutras đến Taravao dường như để thăm một bà trưởng bộ tộc già đang bệnh; ông ta đã vẽ lại một bức tranh linh hoạt về bà lão béo mập, đang nằm hút thuốc trên một chiếc giường lớn chung quanh là một đám người hầu cận da đen. Khi khám cho bà ta xong, ông sang một phòng khác để dùng bữa trưa - gỏi cá, chuối nướng và thịt gà - theo tôi biết, một bữa ăn tiêu biểu của người bản xứ, và khi đang ăn, ông thấy một cô gái bị xua ra khỏi cửa khóc sụt sướt. Ông không nghĩ ngợi gì về chuyện đó,

nhưng khi bước ra để lên xe ngựa về nhà, ông lại thấy cô gái đứng cách đó không xa. Cô nhìn ông với vẻ buồn rầu, nước mắt chảy ràn ra trên má. Ông hỏi người ta xem cô gặp chuyện gì vậy, và người ta bảo rằng cô từ trên vùng đồi xuống để mời ông đến khám cho một người da trắng đang bị bệnh. Người ta đã bảo cô đừng quấy rầy ông bác sĩ. Ông gọi cô gái đến và tự mình hỏi cô cần gì. Cô cho ông biết Ata sai cô đến, cô Ata ấy đã từng ở tại khách sạn De la Fleur và rằng cái Ông Đỏ ấy bị bệnh. Cô gái giúi vào tay ông một miếng giấy báo nhàu nát, và khi mở ra ông thấy bên trong có một tờ giấy bạc một trăm phrăng.

- Ông Đỏ ấy là ai vậy? - Ông hỏi một trong những người đứng xem.

Và được biết đó là tên mà họ gọi một người Anh, một ông họa sĩ, sống với Ata ở tận trong thung lũng cách nơi họ ở đến bảy cây số. Theo sự mô tả ông nhận ra Strickland. Nhưng muốn đến đó phải đi bộ. Ông lại không thể nào đi được; chính vì lý do đó mà họ đã xua đuổi cô gái đi.

- Thú thật, - ông bác sĩ quay sang tôi, - tôi do dự. Tôi không thích thú gì mười bốn cây số đi bộ trên một con đường mòn xấu, và không hy vọng gì để tôi có thể trở về Papeete đêm ấy. Ngoài ra Strickland chẳng có cảm tình gì đối với tôi. Ông ấy là một gã ăn không ngồi rồi, một tên vô lại chẳng được tích sự gì, một kẻ thích sống với một người đàn bà bản xứ hơn là làm việc kiếm sống như phần đông chúng tôi. *Mon Dieu*^[72], làm thế nào tôi biết được một ngày nào đó thế giới sẽ đi đến kết luận ông ấy là thiên tài? Tôi hỏi cô gái có phải ông ấy không còn đủ sức để đến gặp tôi và theo cô thì bệnh tình ông ấy ra sao. Cô gái không trả lời. Tôi ép buộc cô nói, có lẽ với vẻ tức giận, nhưng cô chỉ nhìn xuống đất và lại khóc. Tôi nhún vai; dù gì đi nữa có lẽ bốn phận của tôi là phải đi, và với vẻ thật khó chịu, tôi ra lệnh cô dẫn đường

Tâm trạng ông chắc chắn không vui vẻ gì hơn khi ông đến nơi, mồ hôi nhễ nhại và khát nước. Ata đang ngóng đợi ông nên đã lần theo con đường một quãng ngắn để đón ông.

- Trước khi khám cho ai đi nữa thì hãy cho tôi một thứ gì đó để uống, chứ không tôi chết khát mất. - Ông hét lên, - *Pour l'amour de Dieu*^[73], hái cho tôi một quả dứa.

Ata gọi to và một cậu bé chạy đến. Cậu leo lên cây và ném ngay xuống một quả dứa già. Ata soi một lỗ và ông bác sĩ uống một hơi dài khoan khoái. Rồi ông tự tay quăn lấy một liều thuốc và cảm thấy tươi tỉnh hơn.

- Bây giờ thì Ông Đỏ ở đâu? - Ông hỏi.

- Ông ấy ở trong nhà, đang vẽ. Tôi không nói cho ông ấy biết là ông đến. Bác sĩ cứ đi vào và khám cho ông ấy.

- Nhưng ông ta than đau gì thế? Nếu ông ta còn đủ sức để vẽ thì ông ta cũng đủ sức để xuống Taravao, đỡ cho tôi quãng đường đi bộ độc địa này chứ. Tôi cho rằng thời giờ của tôi cũng quý như thời giờ của ông ta.

Ata không nói gì, cùng với cậu bé theo bác sĩ vào trong nhà. Cô gái đã đưa bác sĩ đến lúc này đang ngồi ở trên hè, và ở đây, một bà già đang nằm lưng quay vào vách, tay quăn những iếu thuốc bản xứ. Ata chỉ vào cánh cửa. Ông bác sĩ, vừa bực bội tự hỏi tại sao họ xử sự kỳ lạ như thế, vừa bước vào thì gặp ngay Strickland đang đứng chùi cái pa lét màu. Có một bức tranh trên giá vẽ. Strickland chỉ mặc mỗi cái *pareo* đang đứng quay lưng ra cửa, nhưng rồi ông quay lại khi nghe tiếng giày. Ông nhìn bác sĩ một cách khó chịu. Ông ngạc nhiên khi thấy ông bác sĩ và bực bội vì sự xâm nhập đường đột này. Nhưng ông bác sĩ giật nảy mình đứng sững như

trời trông, và trợn tròn mắt nhìn ông. Đây quả là điều ông không ngờ. Ông khiếp sợ.

- Ông vào tự tiện quá, - Strickland nói. - Ông cần gì?

Ông bác sĩ lấy lại bình tĩnh nhưng phải cố gắng lắm mới nói nên lời. Tất cả sự tức giận của ông biến mất, ông cảm thấy - *eh bien, oui, je ne le nie pas*^[74] - ông cảm thấy lòng tràn đầy xót thương.

- Tôi là bác sĩ Coutras. Tôi đến Taravao để thăm bệnh cho bà trưởng bộ tộc, và Ata đã cho mời tôi đến khám bệnh cho ông.

- Cô ta quả là một ả điên đáng ghét. Gần đây tôi hơi đau nhức và sốt nhẹ, nhưng không chuyện gì đâu; rồi sẽ khỏi thôi. Lần tới có ai đi Papeete tôi sẽ gửi mua một ít thuốc ký ninh.

- Ông hãy nhìn vào gương xem.

Strickland liếc nhìn ông ta, mỉm cười và đi đến chiếc gương rẻ tiền đặt trong một cái khung gỗ nhỏ treo ở tường.

- Cái gì nào?

- Ông không thấy một sự thay đổi khác thường trên gương mặt ông à? Ông không thấy nét mặt ông dày ra và một cái vẻ -tôi sẽ miêu tả nó thế nào nhỉ?- sách vở gọi nó là mặt sư tử. *Mon pauvre ami*^[75], tôi có nên nói cho ông biết rằng ông đã mắc phải một chứng bệnh khủng khiếp không?

- Tôi ấy à?

- Khi soi gương, ông sẽ thấy những triệu chứng của một người bị bệnh cùi.

- Ông nói đùa, - Strickland nói.

- Ước gì đó là lời nói đùa.

- Có phải ông định bảo tôi rằng tôi mắc bệnh cùi chứ gì?

- Thật không may, không còn nghi ngờ gì về chuyện ấy nữa.

Bác sĩ Coutras đã từng tuyên án chết cho nhiều người rồi, và ông không bấ được sự kinh hãi tràn ngập tâm hồn ông. Ông luôn luôn cảm thấy sự oán ghét khinh khùng tất nhiên ở người bị kết án khi người ấy tự so sánh mình với ông bác sĩ lành mạnh, người có đặc quyền vô song về sự sống. Strickland im lặng nhìn ông ta. Không hề có một cảm xúc nào trên gương mặt của ông, mặc dù nó đã bị biến dạng vì chứng bệnh ghê tởm.

- Họ có biết không? - Sau cùng ông ta vừa hỏi vừa chỉ vào những người lúc ấy đang ngồi im lặng một cách khác thường và khó hiểu ngoài hè.

- Những người bản xứ này biết những dấu hiệu ấy rất rõ, - ông bác sĩ đáp. - Họ sợ phải nói cho ông biết.

Strickland bước đến cửa và nhìn ra ngoài. Chắc phải có một cái gì đó khủng khiếp trên gương mặt ông, vì thành linh họ bật hét lên và than vãn. Họ kêu ré lên và khóc. Strickland không nói gì. Sau khi nhìn họ một lúc, ông trở vào trong phòng.

- Ông nghĩ tôi có thể sống được bao lâu nữa?

- Ai mà biết được? Đôi khi chứng bệnh kéo dài trong hai mươi năm. May thì nó phát triển nhanh.

Strickland đến bên cái giá vẽ nhìn bức tranh đặt trên đó, nghĩ ngợi.

- Ông đã phải đi xa. Người đưa tin quan trọng phải được thưởng, đó là chuyện tất nhiên. Ông hãy cầm bức tranh này. Bây giờ nó không có nghĩa lý gì đối với ông, nhưng có thể một ngày nào đó ông sẽ vui sướng vì có nó.

Bác sĩ Coutras phản đối, ông bảo rằng ông không cần một khoản thù lao nào cho chuyến đi của ông; ông đã trả lại cho Ata tờ giấy bạc một trăm phrăng rồi, nhưng Strickland cứ nằng nặc buộc ông lấy bức tranh. Sau đó họ cùng đi ra hè. Những người bản xứ đang khóc nức nở.

- Thôi nín đi em. Lau nước mắt đi em. - Strickland nói với Ata. - Chẳng thiệt hại gì lớn đâu. Anh sẽ rời xa em ngay thôi.

- Người ta sẽ không đưa anh đi chứ? - Ata khóc to lên.

Lúc ấy chưa có một sự cách ly nghiêm ngặt nào ở trên quần đảo, và những người cùi, nếu muốn, vẫn được tự do đi lại.

- Anh sẽ đi vào trong núi, - Strickland nói.

Lúc bấy giờ Ata đứng lên đối diện với ông.

- Hãy để những người khác đi đi nếu họ muốn, nhưng em sẽ không rời anh được. Anh là chồng của em và em là vợ của anh. Nếu anh bỏ em, em sẽ treo cổ chết trên cây sau nhà. Em thề có Chúa chứng giám.

Có một cái gì đó cứng cỏi khác thường trong cách cô ta nói. Cô ta không còn là cô gái bản xứ nhu mì và dịu dàng nữa mà là một người đàn bà cương quyết. Cô ta đã thay đổi khác thường.

- Sao em phải ở lại với anh? Em có thể trở lại Papeete, và em sẽ tìm được một người da trắng khác ngay thôi. Bà già có thể chăm sóc con cái của em, và Tiaré sẽ vui mừng nhận em trở lại làm việc.

- Anh là chồng em và em là vợ anh. Anh đi đâu em sẽ đi đó.

Được một lúc thì sự cứng rắn chịu đựng của Strickland bị lung lay, nước mắt ứa tràn đôi mắt ông và lăn chậm chậm xuống đôi má. Rồi ông khẽ mỉm cười chua chát như thói thường của ông.

- Đàn bà là những con thú nhỏ kỳ lạ, - ông ta nói với bác sĩ Coutras. - Ông có thể đối xử với họ như những con chó, ông có thể đánh họ đến đau cả tay, nhưng họ vẫn yêu ông. - Ông ra nhún vai. - Dĩ nhiên, một trong những ảo tưởng phi lý nhất của Thiên Chúa giáo là họ có linh hồn.

- Anh nói gì với ông bác sĩ vậy? - Ata nghi ngờ hỏi. - Anh sẽ không đi chứ?

- Nếu em thích, anh sẽ ở lại, cô bé tội nghiệp.

Ata quỳ sụp trước mặt ông, hai tay ôm chặt lấy chân ông hôn. Strickland nhìn bác sĩ Coutras, khẽ mỉm cười.

- Sau cùng, họ chiếm được ông, và ông bất lực trong đôi tay họ. Da trắng hoặc da nâu, họ đều như nhau c">

Bác sĩ Coutras cảm thấy thật là ngớ ngẩn nếu tỏ vẻ thương tiếc trong một tai hoạ kinh khủng như thế này nên ông đã ra về. Strickland gọi cậu thanh

niên Tané dẫn ông bác sĩ đến làng. Bác sĩ Coutras dừng kể một lúc rồi tâm sự với tôi:

- Tôi không thích ông ấy, tôi đã nói với anh rằng tôi không có cảm tình với ông ấy. Nhưng khi tôi chậm chạp đi bộ về Taravao, tôi không thể cưỡng lại lòng cảm phục sự can đảm kiên trì có lẽ đã giúp ông chịu đựng những nỗi đau buồn khủng khiếp nhất của con người. Khi Tané từ giã tôi, tôi có bảo cậu ta tôi sẽ gửi một ít thuốc bổ có thể bổ ích cho ông được; nhưng tôi ít hy vọng Strickland chịu uống, và nếu ông chịu uống, tuy chỉ một liều nhỏ thôi, cũng có thể làm cho ông đỡ đi. Tôi nhắn cậu thanh niên nói với Ata rằng tôi sẽ đến bất kỳ lúc nào cô gửi thư nhắn tôi. Cuộc sống thật là cơ cực, và tạo hoá đôi khi khoái trá vì hành hạ được những đứa con của mình. Tôi lên xe trở về ngôi nhà đầy đủ tiện nghi thoải mái của mình ở Papeete mà lòng nặng trĩu.

Một lúc lâu không ai trong chúng tôi nói gì.

- Nhưng Ata đã không nhắn tôi đến. - Sau cùng ông bác sĩ tiếp tục. - Và cũng tình cờ tôi không đi đến vùng đảo ấy trong một thời gian dài. Tôi không có tin tức gì về Strickland. Đôi lần tôi nghe nói Ata có đến Papeete để mua những vật dụng để vẽ, nhưng tôi không gặp được cô ấy lần nào. Hơn hai năm sau tôi lại đến Taravao, và lần này tôi cũng lại đến khám bệnh cho bà trưởng bộ tộc già. Tôi hỏi người ta có nghe tin gì về Strickland không. Lúc này thì ở đâu người ta cũng biết là ông bị bệnh cùi. Đầu tiên, cậu thanh niên Tané bỏ đi, rồi sau đó một thời gian ngắn là bà già và đứa cháu. Strickland và Ata bị bỏ lại một mình với con cái của họ. Không một ai đến gần khu đồn điền, bởi vì, như anh biết, dân bản xứ rất sợ chứng bệnh đó, và ngày xưa khi khám phá ra thì người mắc bệnh sẽ bị giết chết. Nhưng thỉnh thoảng, trẻ con trong làng chạy chơi trên đồi cũng nhìn thấy ông da trắng với bộ râu đỏ xồm xoàm đi lang thang đây đó. Mỗi lần như thế thì chúng hoảng hốt chạy trốn. Đôi khi Ata xuống làng ban đêm, đánh thức

ông bán hàng để mua những thứ đồ lặt vặt cần thiết. Cô biết rằng người bán xứ cũng ghê tởm cô như ghê tởm Strickland vậy, nên cô tránh gặp họ. Có lần, vài người đàn bà đánh bạo đến gần đồn điền hơn thường lệ, trông thấy cô giặt áo quần ở con suối, họ đã ném đá vào cô. Sau đó ông bán hàng được yêu cầu nhắc lại cô, nếu còn sử dụng con suối nữa thì bọn đàn ông sẽ đến đốt rụi nhà cô ta.

- Đồ súc vật, - tôi nói.

- *Mais non, mon cher monsieur*^[76], người ta luôn luôn là như vậy. Sự sợ hãi làm cho người ta độc ác...Tôi quyết định đi gặp Strickland nên khi đã khám bệnh cho bà trưởng bộ tộc già xong tôi yêu cầu một cậu bé chỉ đường cho tôi. Nhưng không ai chịu đi với tôi, và tôi bắt buộc phải tự tìm đường đi một mình.

Khi bác sĩ Coutras tới đồn điền, ông bỗng cảm thấy một cảm giác khó chịu. Dù nóng nực vì đi bộ, người ông vẫn run lên. Bầu không khí có một vẻ gì đó thù nghịch làm ông do dự, và ông cảm thấy những thế lực vô hình nào đó cản đường ông. Hình như có những bàn tay vô hình kéo ông lại. Bây giờ không ai đến gần để hái dứa nên chúng rụng thối trên mặt đất. Khắp nơi hoang vắng. Những bụi cây đang lấn dần, và dường như chẳng bao lâu nữa khu rừng nguyên thủy sẽ giành lại quyền sở hữu mảnh đất mà người ta đã giặt lấy khỏi tay nó bằng cái giá của quá nhiều công sức. Ông cảm thấy đây là nơi cư ngụ của sự đau khổ. Khi đến gần căn nhà, ông kinh hoàng vì sự im lặng kỳ dị; thoát đầu ông nghĩ rằng nó đã bị bỏ hoang. Rồi ông nhìn thấy Ata. Cô ngồi chồm hổm trong cái chái dùng làm nhà bếp, đang trông chừng món ăn gì đó nấu trong nồi đất. Bên cạnh là một thằng bé con đang yên lặng nghịch đất. Cô không mỉm cười khi thấy ông.

- Tôi đến thăm Strickland, - ông nói.

- Tôi sẽ báo cho anh ấy biết.

Cô ta đi lại căn nhà, bước lên vài bậc thềm và đi vào. Bác sĩ Coutras đi theo cô và ngoan ngoãn đứng đợi bên ngoài chờ cô ta ra hiệu. Khi cô ta mở cánh cửa ông ngửi thấy cái mùi bệnh hoạn thoang thoảng thường làm ai đứng gần người cùi phải buồn nôn. Ông nghe tiếng cô nói và câu trả lời của Strickland, nhưng ông không nhận ra được giọng nói. Nó đã trở nên khàn khàn và không còn rõ nữa. Bác sĩ Coutras nhướng mày. Ông đoán là chứng bệnh đã tấn công đến những sợi dây âm thanh rồi. Sau đó Ata lại trở ra.

- Anh ấy không muốn gặp ông. Ông phải đi thôi.

Bác sĩ Coutras cứ đòi vào, nhưng cô không để ông bước qua, và sau một hồi suy nghĩ ông đã quay đi. Cô bước đi với ông. Ông cảm thấy rằng cô cũng muốn xua đuổi ông" filepos-id="filepos896091">

- Tôi không thể giúp được gì cả sao? - Ông hỏi.

- Ông có thể gửi cho anh ấy một ít sơn dầu, - cô ta nói. - Anh ấy không cần gì khác.

- Ông ấy còn có thể vẽ được à?

- Anh ấy vẽ khắp trên tường nhà.

- Đây quả thật là một cuộc sống khủng khiếp cho cô, cô bé tội nghiệp ạ.

Thế rồi sau cùng cô đã mỉm cười, và trong đôi mắt cô thoáng hiện một tình yêu khác phàm. Bác sĩ Coutras giật mình ngạc nhiên. Và ông kính sợ. Ông không tìm được điều gì để nói nữa.

- Anh ấy là chồng tôi, - cô ta nói.

- Còn đứa con nữa của cô đâu rồi? - Ông ta hỏi. - Lần trước tôi đến đây cô có hai đứa mà.

- Vâng, nó chết rồi. Chúng tôi đã chôn nó dưới cây xoài kia.

Khi Ata đi với ông được một quãng đường ngắn, cô nói cô phải quay lại. Bác sĩ Coutras đoán chừng cô sợ đi xa hơn nữa sẽ gặp một người nào đó ở trong làng. Ông lại bảo cô rằng nếu cô cần đến ông, cô chỉ cần nhắn, ông sẽ đến ngay.

Thế rồi hai năm nữa đã qua đi, có lẽ ba năm thì phải, bởi vì ở Tahiti thời gian trôi qua không thể trông thấy được, và thật khó mà tính thời gian. Nhưng sau cùng, có tin nhắn cho bác sĩ Coutras biết rằng Strickland đã chết. Ata đã đón chiếc xe mang thư đến Papeete, van xin người đánh xe đến gặp ngay ông bác sĩ, nhưng lúc đó ông bác sĩ đi vắng, và phải đến chiều tối ông mới nhận được tin. Không thể nào đi vào một giờ quá muộn như vậy nên phải đợi đến sáng hôm sau. Ông đến Taravao, và đó là lần cuối cùng ông đi bộ bảy cây số đến nhà Ata. Con đường mòn đã bị cây mọc che kín vì đã lâu không người qua lại. Không dễ gì tìm được đường đi. Thình thoảng ông lại bị vấp khi men theo lòng suối, lúc thì ông phải lách mình qua những bụi cây rậm đầy gai, lúc thì ông phải trèo qua những tảng đá để tránh những tổ ong vò vẽ treo lủng lẳng ở cành cây trên đầu ông. Sự yên lặng thật là khủng khiếp.

Cuối cùng ông thở phào nhẹ nhõm khi đến được căn nhà nhỏ không sơn phết, bây giờ đã bị vấy bẩn dị thường và bỏ mặc. Nhưng ở đây cũng chính sự yên lặng khó chịu ấy. Ông bước lên, một thằng bé con đang chơi không để ý gì, bỗng giật mình khi ông đến gần và ba chân bốn cẳng chạy trốn mất: đối với nó người lạ là kẻ thù. Bác sĩ Coutras có cảm giác như là thằng nhỏ đang nhìn lên ông sau một thân cây nào đó. Cánh cửa để mở. Ông gọi to, nhưng không ai trả lời. Ông bước đến. Ông gõ cửa, cũng không có tiếng trả lời. Ông xoay tay nắm và bước vào. Mùi hôi thối xông lên đến buồn nôn. Ông lấy khăn tay che mũi và ép mình đi vào. Ánh sáng lờ mờ, và khi ánh nắng chiếu vào một lúc ông vẫn không thấy được gì. Ông giật nảy mình. Ông không thể nhận ra mình đang ở đâu. Dường như bỗng nhiên ông rơi vào một thế giới kỳ quái. Ông mơ hồ cảm thấy một khu rừng lớn thời

nguyên thủy và những con người trần trướng đi giữa những tàn cây. Rồi ông thấy trên tường có những bức tranh.

- *Mon Dieu*, tôi mong ánh nắng không làm quáng mắt tôi, - ông lầm bầm.

Một cử động nhẹ làm ông chú ý, và ông thấy Ata đang nằm trên sàn nhà, khóc thốn thức.

- Ata, - ông gọi, - Ata.

Cô ta chẳng nghe thấy gì. Một lần nữa mùi hôi thối khiến ông gần muốn ngất xỉu, ông châm một điếu xì gà. Mắt ông quen dần với bóng tối, và bây giờ ông choáng ngợp sững sờ nhìn những bức tường được vẽ đầy khắp. Ông không biết gì về tranh, nhưng có một cái gì đó từ những bức tường này làm ông rung động khác thường. Trên toàn bộ diện tích các bức tường chạy từ sàn lên đến trần nhà được bao phủ bằng một sáng tác kỳ lạ và công phu. Thật là một tác phẩm tuyệt vời, bí ẩn, không thể nào diễn tả được. Nó làm ông ngạt thở. Một cảm xúc mà ông không thể nào hiểu và phân tích được tràn ngập tâm hồn ông. Ông cảm thấy sợ hãi và sung sướng, một cảm xúc mà người quan sát sự bắt đầu của thế giới có thể có. Nó thật dữ dội, khoái cảm, say mê, và còn có một cái gì đó thật khủng khiếp nữa, một cái gì đó khiến ông sợ hãi. Nó là tác phẩm của một người biết được những điều vô cùng thiêng liêng cao cả mà người phàm không được biết đến. Ở đó có một cái gì nguyên sơ và khủng khiếp. Nó không thuộc về con người. Nó khiến ông mơ hồ nhớ đến ma thuật. Nó thật đẹp và thật gớm ghiếc.

- *Mon Dieu*, đây là một thiên tài.

Những lời nói bật ra khỏi miệng ông nhưng ông không biết ông đã nói gì.

Thế rồi mắt ông nhìn vào chiếc giường làm bằng mấy chiếc chiếu nơi góc nhà; ông bước tới, ông thấy một vật ghê tởm, tàn phế, rùng rợn, mà trước đây đã từng là Strickland. Ông ấy đã chết. Bác sĩ Coutras cố thu hết can đảm cúi nhìn cái vật đáng sợ đã nát bấy ấy. Ông giật mình, một sự kinh hãi bừng dậy trong tim ông, vì ông cảm thấy có ai đó đứng sau lưng. Đó chính là Ata. Ông không nghe thấy cô đến đứng đấy. Cô đang đứng sát bên khuỷu tay ông, nhìn vào cái ông đang nhìn.

- Trời đất, tôi phát điên mất. - Ông nói, - Cô làm tôi hoảng hồn.

Ông nhìn lại cái xác tội nghiệp mà trước đây từng là một con người, và ông giật mình thất vọng.

- Nhưng ông ấy mù.

- Vâng, anh ấy mù đã gần một năm nay.

Vào lúc ấy cuộc nói chuyện của chúng tôi bị gián đoạn vì sự xuất hiện của bà Coutras, bà vừa mới đi thăm viếng đầu đó về. Bà bước vào như một chiếc thuyền buồm no gió, một người oai nghi, to cao và béo mập với một bộ ngực đồ sộ, vì chảy sệ nên được nâng lên một cách thô bạo bằng cái coóc-xê vun nhọn. Bà có chiếc mũi khoằm táo tợn và ba cái cằm. Bà luôn luôn ưỡn thẳng người. Bà không hề bị khuất phục trước sự quyến rũ làm mềm lòng người của vùng nhiệt đới, mà ngược lại hoạt động hơn, trần tục hơn, quả quyết hơn bất cứ người nào ở vùng ôn đới nghĩ rằng mình có thể được như vậy. Rõ ràng, bà là một mẫu người nói nhiều, có thể tuôn ra ngay tức khắc hàng loạt những chuyện lật vạt và những lời bình phẩm. Bà làm cho câu chuyện chúng tôi vừa nói có vẻ xa vời và không thực tế.

Lúc này bác sĩ Coutras quay sang tôi.

- Tôi còn giữ trong phòng làm việc của tôi bức tranh mà Strickland đã đưa cho tôi, - ông ta nói. - Anh có muốn xem không?

- Muốn lắm chứ.

Chúng tôi đứng lên, và ông đưa tôi ra hàng hiên quanh căn nhà. Chúng tôi dừng lại ngắm những bông hoa xinh tươi nở đầy ngoài vườn.

- Đã lâu rồi tôi không thể nào quên được sự trang hoàng kỳ lạ mà Strickland đã thực hiện trên tường nhà của ông, - ông trầm tư nói.

Tôi cũng đang nghĩ đến chuyện đó. Đối với tôi, hình như sau cùng Strickland đã bộc lộ được ở đây tất cả con người của ông. Ông làm việc

trong yên lặng và biết được đây là cơ hội cuối cùng của mình. Tôi tưởng tượng ra rằng, hẳn là ở đâu ông đã nói lên được tất cả những điều ông biết về cuộc sống và tất cả những điều ông đoán trước. Và tôi nghĩ rằng có lẽ ở đây, cuối cùng ông đã tìm được sự bình an. Cuối cùng, con quý ám ảnh ông đã bị trừ khử, tác phẩm đã hoàn thành, tác phẩm mà cả đời ông đã phải khổ đau để chuẩn bị sự yên nghỉ đã đến trong tâm hồn lạc loài và quẫn quại của ông. Ông sẵn sàng chết, vì ông đã hoàn thành được mục đích của mình.

- Chủ đề là gì nhi? - Tôi hỏi.

- Khó mà biết được. Trông nó lạ lùng và quái dị. Đó là một ảo ảnh về buổi khai thiên lập địa, Vườn Địa đàng, với Adam và Eva - tôi có biết được là gì nào? đó là một bản thánh ca về vẻ đẹp của thân xác con người, nam và nữ, và là lời chúc tụng Đấng Tạo hoá, cao siêu, lãnh đạm, đẹp đẽ và tàn bạo. Nó cho anh cái cảm giác ghê sợ về sự vô cùng của không gian và sự vô tận của thời gian. Bởi vì ông đã vẽ những thứ cây cối mà tôi thấy quanh tôi hàng ngày, cây dừa, cây đa, cây phượng, cây táo tàu, nên từ đó tôi đã nhìn chúng khác đi, chúng có một linh hồn và một bí ẩn mà tôi sẽ không đời nào nắm bắt được và chúng luôn luôn vượt khỏi tay tôi. Màu sắc là những màu sắc quen thuộc với tôi, nhưng trông sao có vẻ khác lạ. Chúng có một ý nghĩa cho riêng chúng. Và những người đàn ông đàn bà trần truồng kia nữa. Họ từ đất mà ra, thứ đất sét mà họ được tạo dựng, nhưng đồng thời lại có một vẻ gì đó như thần thánh. Anh thấy con người trần trụi với những bản năng nguyên thủy của mình và anh hoảng sợ vì anh thấy chính anh.

Bác sĩ Coutras nhún vai và mỉm cười.

- Anh sẽ cười tôi. Tôi là một người duy vật, và là một người đàn ông béo ú - một Falstaff, phải không? Những chuyện trữ tình lãng mạn không thích hợp với tôi. Tôi trông có vẻ buồn cười. Nhưng tôi chưa bao giờ thấy hội

hoạ lại gây cho tôi một ấn tượng sâu sắc đến thế. Nay, tôi có cảm giác y như khi tôi vào giáo đường Sistine ở Rôma. Ở đó tôi cũng hoảng sợ vì sự vĩ đại của người đã vẽ trên trần nhà thờ ấy. Đó là thiên tài, thật kỳ diệu và át hẳn mọi thứ. Tôi cảm thấy mình bé nhỏ và vô nghĩa. Nhưng anh đã được chuẩn bị để đón nhận sự vĩ đại của Michael Angelo. Còn tôi thì không được chuẩn bị gì cả để đón nhận sự kinh ngạc vô cùng về những bức tranh trong một cái chòi của người bản xứ, xa cách với văn minh, nằm trong một hốc núi bên kia Taravao. Và Michael Angelo thì lành mạnh, khoẻ khoắn. Những kiệt tác đó của ông có cái vẻ bình tĩnh của bậc cao siêu. Còn ở đây, mặc dù là cái đẹp, nhưng ẩn chứa một cái gì đó rối rắm. Tôi không biết nó là cái gì. Nó làm cho tôi khó chịu. Nó gây cho tôi cái ấn tượng mà anh có khi anh ngồi gần cửa một căn phòng mà anh biết trống không, nhưng anh không biết tại sao, anh vẫn hoảng sợ, cho là có người ở bên trong. Anh tự trách mình, anh biết đó chỉ do thần kinh của anh mà thôi, tuy nhiên, tuy nhiên... Trong khoảnh khắc không thể nào cưỡng lại được sự sợ hãi đang xâm chiếm lấy anh, và anh bất lực vì một nỗi khiếp sợ vô hình. Vâng, thú thật tôi không hề hối tiếc khi nghe những kiệt tác kỳ lạ đó bị phá huỷ.

- Bị phá huỷ à? - Tôi kêu lên.

- *Mais oui* ^[2], anh không biết sao?

- Tôi làm thế nào mà biết được? Thật tôi chưa bao giờ nghe nói đến những tác phẩm này; nhưng tôi nghĩ có lẽ chúng đã rơi vào tay một tư nhân nào đó. Hiện nay vẫn không có một danh mục chắc chắn nào về những bức tranh">

- Khi bị mù, ông thường ngồi hàng giờ trong hai căn phòng mà ông đã vẽ ấy, nhìn những tác phẩm của mình bằng đôi mắt mù và có lẽ ông còn thấy rõ hơn ông đã từng nhìn thấy trước đó trong đời ông. Ata cho tôi biết ông không bao giờ than thân trách phận, ông không bao giờ mất lòng can đảm. Đến phút chót đầu óc ông vẫn bình thản và tỉnh táo. Nhưng ông bắt cô ta

hứa sau khi chôn cất ông xong - tôi phải nói để anh biết rằng chính tay tôi đã đào huyệt mộ cho ông, vì không một người bản xứ nào chịu lại gần căn nhà bị nhiễm bệnh ấy, và chúng tôi, Ata và tôi, đã chôn ông, quấn trong ba tấm *pareo* nối lại với nhau, dưới cây xoài - ông bắt cô ta hứa sẽ đốt căn nhà và không rời nó cho đến khi nó cháy rụi không còn sót một tí gì.

Tôi không nói gì trong một lúc, vì tôi đang suy nghĩ. Rồi tôi hỏi:

- Ông ấy vẫn cứ giữ quyết định đó đến phút chót à?

- Anh có biết không, tôi đã khuyên ngăn cô ta vì nghĩ rằng đó là bổn phận của mình.

- Ngay cả sau những gì anh đã nói?

- Phải, vì tôi biết đây là tác phẩm của một thiên tài, và tôi nghĩ chúng ta không có quyền làm cho thế giới mất nó đi. Nhưng Ata không chịu nghe tôi. Cô ta đã hứa rồi. Tôi không thể ở lại để chứng kiến hành động man rợ ấy, và chỉ sau này tôi mới nghe kể lại điều cô ta đã làm. Cô đổ parafin xuống sàn nhà khô và trên những chiếc chiếu bằng lá dứa, rồi châm lửa đốt. Trong chốc lát không còn lại gì ngoài một đống than hồng âm ỉ cháy, và một kiệt tác vĩ đại không còn nữa.

- Tôi nghĩ Strickland biết đó là một kiệt tác. Ông đã đạt được điều ông muốn. Cuộc đời của ông đã trọn vẹn. Ông tạo ra một thế giới và thấy rằng nó tốt đẹp. Rồi, vừa kiêu hãnh vừa khinh miệt, ông phá huỷ nó đi.

- Nhưng tôi phải cho anh xem bức tranh của tôi, - bác sĩ Coutras vừa nói vừa đi.

- Còn Ata và đứa nhỏ thì sao?

- Họ đến quần đảo Marquesas. Cô ấy có bà con ở đó. Tôi nghe nói cậu bé làm việc trên một chiếc thuyền buồm của Cameron. Người ta nói trông cậu giống bố.

Nơi cửa ra vào dẫn từ hàng hiên vào phòng khám của bác sĩ, ông dừng lại và mỉm cười.

- Đó là một bức tranh vẽ hoa quả. Anh sẽ nghĩ bức tranh không thích hợp lắm đối với phòng khám của một bác sĩ, nhưng bà vợ của tôi không chịu để nó trong phòng khách. Bà nói nó thực là xấu xa ghê tởm.

- Một bức vẽ hoa quả! - Tôi kêu lên kinh ngạc.

Chúng tôi đi vào trong phòng, và bức tranh đập ngay vào mắt tôi. Tôi nhìn nó một hồi lâu.

Đó là một đồng xoài, chuối, cam và cái gì nữa tôi không biết. Thoạt nhìn, trông nó có vẻ bình thường không có gì đặc biệt. Đối với một người không chú ý thì trong một triển lãm của những người thuộc phái Hậu-ấn-tượng, đó là một bức tranh xuất sắc nhưng không phải là một thí dụ điển hình của trường phái này; nhưng có lẽ về sau anh ta sẽ nhớ lại, và anh ta sẽ thắc mắc tự hỏi tại sao. Tôi không cho rằng rồi anh ta có thể quên nó đi hoàn toàn được.

Màu sắc thì lạ lùng đến nỗi lời nói khó có thể diễn đạt được cái cảm xúc rối rắm mà chúng gây ra. Có những màu xanh sậm, mờ đục giống như một cái chén được khắc tuyệt mỹ trong đá xanh da trời, với nước bóng chập chờn gợi cho thấy nhịp đập liên hồi của cuộc đời đầy bí ẩn. Có những màu tím, khủng khiếp giống như thịt sống thối rữa, với sự say mê khoái cảm rạo rức mơ hồ gợi nhớ Đế quốc Rôma của Heliogabalus^[78]. Có những màu đỏ,

lanh lảnh như những trái ô rô - người ta nghĩ đến lễ Giáng sinh ở bên Anh, nào tuyết, nào đồ ăn ngon lành và sự vui thích của trẻ con - và rồi bằng một ma thuật nhẹ nhàng nào đó những màu sắc ấy có được sự mềm mại của cái ức một con chim câu. Có những màu vàng đậm đà mát lịm với một niềm say mê bất thường trong một màu xanh thơm ngát như mùa xuân và tinh tuyền như dòng nước lấp lánh của một khe suối. Ai có thể nói được trí tưởng tượng đau khổ nào đã tạo ra những hoa quả này? Chúng thuộc một khu vườn Pôlynêdi của những nàng Hesperides^[79]. Có một cái gì đó sống động thật kỳ lạ, dường như chúng được tạo dựng trong một giai đoạn lịch sử u tối của trái đất, khi mà những vật thể chưa định hình dứt khoát. Chúng lộng lẫy quá mức. Chúng đượm hương thơm nhiệt đới. Hình như chúng có một niềm say mê u tối của riêng mình. Đó là trái cây quyến rũ, nếm lấy nó có thể mở lối đến Thượng đế, biết được những bí ẩn của linh hồn và dẫn vào những cung điện huyền bí của trí tưởng tượng. Chúng u buồn với những nguy hiểm không hề chờ mong, và ăn phải chúng, con người có thể trở thành thú vật hoặc thần linh. Tất cả đều lạnh mạnh và tự nhiên, tất cả gắn chặt với những mối quan hệ hạnh phúc và những niềm vui đơn giản của những con người đơn giản, co rúm lại trong thất vọng. Song chúng lại có một sức hấp dẫn đáng sợ, và giống như quả trên cây Biết Lành Biết Dữ, chúng thật kinh khủng với những khả năng của Đấng vô hình.

Cuối cùng tôi đã quay đi. Tôi cảm thấy rằng Strickland đã mang theo điều bí ẩn của ông xuống mồ.

- *Voyons, René, mon ami*^[80]. - Giọng nói vui vẻ và oang oang của bà Coutras vang lên. - Anh đang làm gì đó? Đây là những món khai vị. Mời ông ấy uống một ly nhỏ Quinquina Dubonnet đi chứ.

- *Volontiers, Madame*^[81]. - Tôi vừa nói vừa đi ra hàng hiên.

Sự huyền ảo ngất ngây đã bị phá vỡ.

Đã đến ngày tôi rời đảo. Theo phong tục lịch sự của đảo, những người tôi đã tiếp xúc tặng quà cho tôi: những chiếc giỏ đan bằng lá dứa, những chiếc chiếu dệt bằng lá dứa, những chiếc quạt. Tiaré tặng tôi ba viên ngọc trai nhỏ và ba lọ thạch oải do chính đôi tay mập ú của bà làm. Khi chiếc tàu chở thư dừng lại hai mươi bốn giờ trên đường đi từ Wellington đến San Francisco hú còi báo cho hành khách lên tàu. Tiaré ghì chặt tôi vào bộ ngực đồ sộ của bà, khiến tôi có cảm giác như bị chìm ngập trong một đại dương đầy sóng gió, bà áp đôi môi đỏ ót của bà sát vào môi tôi. Nước mắt long lanh trong đôi mắt bà. Và khi tàu chúng tôi chạy chậm chậm ra khỏi hồ nước mặn, thận trọng len lỏi qua lối hẹp trong bãi đá ngầm, rồi lướt sóng ra khơi, một nỗi buồn man mác tràn ngập hồn tôi. Cơn gió nhẹ vẫn còn mang lại mùi hương dễ chịu của đất liền. Tahiti đã xa lắm rồi, tôi biết rằng mình sẽ chẳng bao giờ nhìn thấy lại nữa. Một chương của đời tôi đã khép lại, tôi cảm thấy lại đến gần hơn một chút nữa cái chết không thể nào tránh khỏi.

Không đầy một tháng sau tôi đã có mặt ở Luân Đôn, và sau khi sắp xếp một số việc cấp bách, tôi nghĩ có thể bà Strickland thích nghe những chuyện tôi biết về những năm cuối cùng của chồng bà nên tôi viết thư cho bà. Tôi đã không gặp bà đã lâu từ trước chiến tranh, nên tôi phải tìm địa chỉ của bà trong quyển danh bạ điện thoại. Bà hẹn gặp tôi, và tôi đi đến căn nhà nhỏ ngăn nắp nằm trên Đồi Campden mà hiện thời bà đang ở. Lúc ấy bà là một người đàn bà đã suýt soát sáu mươi rồi, nhưng trông bà còn trẻ hơn so với tuổi, và không ai nghĩ bà quá năm mươi. Mặt của bà, gầy nhưng không nhăn nhiều, là loại gương mặt khi già đi vẫn còn duyên dáng, khiến bạn nghĩ rằng lúc trẻ chắc hẳn bà là một phụ nữ xinh đẹp hơn thực tế nhiều. Mái tóc bà vẫn chưa bạc lắm, được chải bởi gọng gàng, và chiếc áo choàng màu đen của bà thật hợp thời trang. Tôi nhớ đã nghe nói người chị của bà,

bà MacAndrew, chỉ sống lâu hơn chồng có hai năm, đã để tiền lại cho bà Strickland. Nhìn nhà cửa và người hầu gái gọn ghẽ ra mở cửa, tôi đoán ra đó là một số tiền đủ để người góa phụ sống tương đối thoải mái.

Khi được đưa vào phòng khách, tôi thấy bà Strickland đang có khách, và khi tôi khám phá ra được ông ta là ai thì tôi đoán rằng tôi đã ược mời đến vào đúng lúc ấy không phải là không hữu ý. Khách là ông Van Busche Taylor, một người Mỹ, và bà Strickland mỉm cười duyên dáng xin lỗi ông khi giải thích cho tôi rõ.

- Ông biết, người Anh chúng tôi dốt khủng khiếp. Ông nên thứ lỗi cho tôi nếu tôi bắt buộc phải giải thích. - Rồi bà quay sang tôi. - Ông Van Busche Taylor là nhà phê bình Mỹ nổi tiếng. Nếu anh không đọc sách của ông thì kiến thức của anh thiếu sót đáng hổ thẹn đó, và anh phải lo mà sửa chữa những thiếu sót đó ngay. Ông đang viết một cái gì đó về Charlie thân yêu của tôi, nên ông đến hỏi xem tôi có thể giúp ông được không.

Ông Van Busche Taylor là một người đàn ông gầy đét với cái đầu hói to tướng xương xẩu và láng bóng. Bên dưới cái vòm xương sọ to lớn là khuôn mặt vàng ệch với những vết nhăn hằn sâu, trông nhỏ xíu. Ông trầm lặng ít nói và lịch sự quá mức. Ông nói giọng Tân Anh Cát Lợi, và phảng phất trong cách ông một vẻ nhạt nhẽo vô tình khiến tôi tự hỏi tại sao ông lại bận bịu đến Charles Strickland làm gì. Tôi hơi tức cười vì cái vẻ dịu dàng mà bà Strickland cứ chêm vào mỗi khi nhắc đến tên của chồng bà, và trong khi hai người nói chuyện, tôi để ý quan sát căn phòng chúng tôi đang ngồi. Bà Strickland đã đổi thay cách bày biện theo thời gian. Những thứ giấy Morris không còn nữa, những tấm vải *cretonne* bọc ghế giản dị cũng bị bỏ đi, và những thứ giấy màu Arundel trang hoàng các bức tường phòng khách ở khu Ashley Gardens cũng vậy; căn phòng chói rực màu sắc quái dị. Tôi tự hỏi bà có biết chẳng những màu sắc đổi thay kia, vì thời trang bà phải theo,

xuất phát từ những giấc mơ của một người họa sĩ nghèo nàn sống ở một hòn đảo miền Nam Thái Bình Dương. Bà tự cho tôi lời giải đáp.

- Bà có những chiếc gối thật là tuyệt vời, - ông Van Busche Taylor nói.

- Ông thích chúng không? - Bà mỉm cười nói. - Bakst ^[82] đó, ông biết chứ.

Và trên tường còn có những bản in lại đầy màu sắc vài bức tranh đẹp nhất của Strickland do một nhà xuất bản ở Beclin thực hiện.

- À, anh đang xem những bức tranh của tôi - Bà ta vừa nói vừa nhìn theo ánh mắt của tôi. - Dĩ nhiên, những nguyên bản ở ngoài tầm tay của tôi, nhưng có những bức này thì cũng là một niềm an ủi rồi. Chính nhà xuất bản gửi chúng cho tôi. Chúng là một niềm khuây khoả lớn đối với tôi.

- Sống với những bức tranh ấy chắc hẳn là vui thích nhiều, - ông Van Busche Taylor nói.

-Vâng, chủ yếu là để trang trí.

- Đó là một trong những quan niệm sâu sắc nhất của tôi. - Ông Van Busche Taylor nói. - Kiệt tác nghệ thuật luôn luôn là để trang trí.

Mắt họ dừng lại ở bức tranh một người đàn bà khoả thân đang cho con bú, trong khi một đứa bé gái quỳ gối bên cạnh đưa một bông hoa cho đứa bé không để ý gì kia. Đang đứng nhìn họ là một bà già xương xẩu, nhăn nheo. Đó là cách miêu tả Thánh Gia thất của Strickland. Tôi đoán những hình ảnh ấy chính là gia đình của ông ta ở Taravao, người đàn bà và đứa bé là là Ata và đứa con trai đầu của tự hỏi không biết bà Strickland có một ý niệm mơ hồ gì về những sự kiện đó không.

Câu chuyện tiếp tục. Tôi lấy làm ngạc nhiên về cách xử sự khéo léo mà ông Van Busche Taylor đã dùng để tránh tất cả những đề tài có thể gây bối rối dù là nhỏ nhặt nhất, và cái tài của bà Strickland là mặc dù không nói điều gì không có thật lại có thể bóng gió cho thấy rằng những mối quan hệ của bà với chồng bà luôn luôn tốt đẹp. Sau cùng ông Van Busche Taylor đứng dậy ra về. Cầm tay bà chủ nhà, ông nói những lời cảm ơn duyên dáng, nhưng có vẻ quá chải chuốt, và ông từ giã chúng tôi.

- Tôi hy vọng ông ta không làm anh chán. - Bà ta nói khi cánh cửa vừa đóng lại sau lưng ông. - Dĩ nhiên, đôi khi cũng phiền toái, nhưng tôi cảm thấy phải cho người ta biết bất cứ điều gì tôi có thể biết được về Charlie. Đó là phần trách nhiệm nào đó của người đã từng là vợ một thiên tài.

Bà nhìn tôi bằng đôi mắt dịu dàng của bà, đôi mắt ấy vẫn ngay thẳng và thân ái như hơn hai mươi năm trước đây. Tôi tự hỏi bà có đánh lừa tôi không.

- Chắc bà đã thôi công việc làm ăn của bà rồi thì phải? - Tôi hỏi.

- Ồ vâng, - bà ta vui vẻ trả lời. - Tôi đã điều hành công việc ấy như một thú tiêu khiển hơn là vì một lý do nào khác, và các con của tôi khuyên tôi bán nó đi. Các cháu nghĩ tôi phí nhiều sức lực quá.

Tôi thấy bà Strickland đã quên rằng bà đã từng làm điều gì đáng hổ thẹn như làm việc để kiếm sống. Bà có cái bản chất của người đàn bà xinh đẹp, đó là, đối với bà, chỉ thật sự đúng đắn khi sống bằng đồng tiền của người khác.

- Các cháu đang có mặt ở đây. - bà nói. - Tôi nghĩ rằng chúng nó thích nghe những gì anh phải nói về bố của chúng. Anh còn nhớ Robert chứ? Tôi

vui mừng cho anh hay cháu đã được đề nghị ân thưởng Quận Công bội tinh.

Bà ta đi đến cửa và gọi họ ra. Bước vào là một người đàn ông to cao mặc đồ kaki, đeo cổ áo mực sù, đẹp trai trong cách ăn mặc hơi có vẻ cầu kỳ, nhưng ánh mắt thẳng thắn làm tôi nhớ anh ta lúc nhỏ. Theo sau anh ta là cô em gái. Cô ấy phải bằng cỡ tuổi của mẹ khi lần đầu tiên tôi gặp bà, và cô ta rất giống mẹ. Cô cũng gây cho tôi cái ấn tượng rằng khi còn con gái tất nhiên cô phải đẹp hơn giờ.

- Tôi cho rằng anh không còn nhớ các cháu chút nào. - Bà Strickland hãnh diện mỉm cười nói. - Con gái của tôi bây giờ là bà Ronaldson. Chồng của cháu là một thiếu tá pháo binh.

- Chú biết, anh ấy xuất thân từ một anh lính trơn, - bà Ronaldson vui vẻ nói, - Đó là lý do tại sao anh ấy chỉ là một thiếu tá.

Tôi còn nhớ trước đây khá lâu, tôi đã đoán rằng cô ta sẽ lấy một quân nhân. Chuyện đó không thể tránh được. Cô ta có tất cả những vẻ đẹp của bà vợ một quân nhân. Cô ta lịch sự và nhã nhặn, nhưng cô không thể che giấu một sự tin tưởng thầm kín rằng cô hoàn toàn không như những người khác. Robert thì hoạt bát.

- Thật là may mắn cháu có mặt ở Luân Đôn gặp lúc chú vừa về tới, - anh ta nói. - Cháu chỉ được nghỉ phép ba ngày thôi.

- Cháu đang nóng lòng muốn trở lại đơn vị, - người mẹ nói.

- Phải, con không định thú nhận chuyện đó, thời gian của con ở mặt trận thật là tuyệt. Con đã kết thân được với nhiều bạn tốt. Đó là một cuộc sống tuyệt vời. Dĩ nhiên, chiến tranh thật là khủng khiếp, tất cả những việc đó

đều như vậy cả, nhưng nó làm nổi bật những phẩm chất cao đẹp nhất của con người, không thể chối cãi chuyện đó được.

Rồi tôi kể cho họ nghe những gì tôi biết được về Charles Strickland ở Tahiti. Tôi nghĩ không cần phải nói bất cứ điều gì về Ata và đứa con trai của cô, nhưng còn những chuyện khác thì tôi có hết sức chính xác. Khi tôi kể xong cái chết bi thảm của ông, tôi ngừng lại. Trong một hai phút tất cả chúng tôi đều yên lặng. Sau đó Robert Strickland đánh một que diêm châm thuốc hút.

- Cối xay gió của Thượng đế nghiền rất chậm, nhưng chúng nghiền hết sức nhỏ, - anh ta nói hơi có vẻ xúc động.

Bà Strickland và bà Ronaldson nhìn xuống với vẻ mặt đạo đức thấy rõ, tôi chắc họ nghĩ câu đó trích từ Kinh thánh ra. Thật tình tôi không tin là Robert Strickland không chia xẻ cái ảo tưởng đó của họ. Tôi không biết vì sao bỗng nhiên tôi sực nghĩ đến đứa con trai của Strickland và Ata. Người ta nói cho tôi biết cậu ta là một thanh niên vui vẻ và vô tư. Bằng trí tưởng tượng, tôi y cậu ta trên chiếc thuyền buồm mà cậu đang làm việc, không mặc gì ngoài bộ quần áo bằng vải trúc bàu thô nhám. Đêm đêm, khi chiếc thuyền buồm xuôi theo ngọn gió hiu hiu lướt sóng và những thủy thủ tụ tập lại trên boong trong khi ông thuyền trưởng và người phụ trách áp tải ngã người trên ghế bố hút ông điếu, thì tôi thấy cậu ta nhảy múa với một thanh niên khác, nhảy múa một cách man dại theo tiếng nhạc khò khè của một chiếc đàn côngxectina. Trên cao là bầu trời xanh thẫm với các vì sao, và chung quanh mênh mông là Thái Bình Dương hoang mạc.

Miệng tôi muốn đọc một câu trích trong Kinh thánh, nhưng tôi đã kìm lại được, bởi vì tôi biết những ông giáo sĩ sẽ cho đó là một điều báng bổ vì người thế tục chạm đến lãnh vực riêng của họ. Chú Henry của tôi, hai mươi bảy năm trời là chánh xứ Whitstable, vào những trường hợp như thế này

thường nói rằng ma quý luôn luôn có thể trích dẫn Kinh thánh cho mục đích của nó. Ông ấy nhớ đến thời gian mà người ta có thể mua mười ba con sò nuôi loại to và ngon nhất với giá một silinh.

BẢNG PHIÊN ÂM

NHỮNG TỪ NƯỚC NGOÀI TRONG TÁC PHẨM

Abraham: Êbrơham

Alex Carmichael: Alec Camaicơn

Alexander Pope: Alikxandơ Pôp

Amy: Êmi

Anthony: Antơni

Ata: Ata

Bakst: Băcxt

Blanche Stroeve: Blansơ Xtruvơ

Bloomsbury: Blumzbơri

Brunot: Bruynô

Camille Corot: Camiơ Côrô

Charles Strickland: Saclơ Xtriclơn

Chelsea: Selxi

Claude Monet: Clôđơ Mônê

Cleopatra: Cliôpatơ

Cohen: Kôin

Coleridge: Côlritgiơ

Coutras: Cutra

Crete: Crit

Degas: Đơga

Dirk Stroeve: Đơk Xtruvơ

Dominique Ingre: Đôminicơ Engrơ

Edouard Manet: Êđua Manê

El Greco: El Grêcô

Eugène Delacroix: Ôgienơ Đơlacroa

Gaboriau: Gabôriô

George V: Gioocgiơ V

George Crabbe: Gioogioʻ Crab

3" face="Calibri">George Road: Gioogioʻ Rôđ

Hampsteas: Hampxtid

Heliogabalus: Hêliôgabalutx

Hesperides: Hexpêridetx

High Street: Hai Xtrit

James: Giêmx

Jay: Giê

Jermyn: Giõmin

John Keats: Giôn Kitx

Kensington: Kenxingtõn

MacAndrew: Măc Andru

Mallarmé: Mallacmê

Maenad: Mênat

Marsyas: Macxiatx

Michael Angelo: Maicon Angiolô

Maurice Huret: Môrixơ Uyrê

Montmartre: Môngmactơ

Montserrat: Môngxera

Nichols: Nicơnz

Notting Hill Gate: Notinh Hin Gê

Pauézanne: Pôn Xêzannơ

Peter Brueghel: Pitơ Brugơn

Prometheus: Prômêêtêutx

Raphael: Raphaen

Rembrandt: Rămbrăng

Richard: Ritsơ

Robert Strickland: Robơt Xtriclơn

Ronaldson: Ronơnxơn

Rose Waterford: Rôz Uotơfơđ

Shelley: Seli

Shakespeare: Sêchxpia

Sisley: Xixlây

Tough Bill: Tăf Bin

Tiaré Johnson: Tiarê Giônxon

Tobt Belch: Tôbi Bensơ

Tiberius: Tibêriutx

Van Gogh: Van Gôc

Van Busche Taylor: Van Butsơ Têlơ

Virgin: Vơgin

Victoria: Victoriơ

Velasquez: Vêlatxkêz

Walter Raleigh: Oantơ

Weitbrecht - Rotholz: Vaitơbrect - Rôthônz

Westminster: Uetxminxtơ

Whistler: Uytxlơ

William Morris: Uyliơm Moritx

William Wordsworth: Uyliơm U'otzuroth

Winterhalter: Uyntohantơ

-
- [1] Velasquez (1559-1660): họa sĩ Tây Ban Nha (chú thích của NXB. Tất cả chú thích ở cuối trang là của NXB).
- [2] El Greco (1540-1614): họa sĩ gốc Hy Lạp, sau vài năm sống ở Ý đã đến ở hẳn tại Tolède (Tây Ban Nha). Họa sĩ tiêu biểu của phái thần bí.
- [3] Créte: Tên một đảo ở Hy Lạp.
- [4] Walter Raleigh (1552-1618): thi sĩ người Anh. Ông đã lấy tên nữ hoàng Virgin (Elizabeth I) để đặt cho vùng đất Virginia, Hoa Kỳ
- [5] Walter Raleigh (1552-1618): thi sĩ người Anh. Ông đã lấy tên nữ hoàng Virgin (Elizabeth I) để đặt cho vùng đất Virginia, Hoa Kỳ
- [6] Walter Raleigh (1552-1618): thi sĩ người Anh. Ông đã lấy tên nữ hoàng Virgin (Elizabeth I) để đặt cho vùng đất Virginia, Hoa Kỳ
- [7] Robert Strickland: con trai của Charles Strickland
- [8] The Times: Thời báo
- [9] Nineveh: thuộc vùng lưỡng hà địa, thủ đô của Assyrie nằm trên sông Tigre địa danh được nhắc đến trong Thánh kinh Cựu ước
- [10] George Crabbe(1754-1832): thi sĩ Anh, sinh ở Aldeborough, chuyên viết về người nghèo
- [11] Alexander Pope(1688-1744): thi sĩ kiêm triết gia Anh, sinh ở Luân Đôn
- [12] John Keats(1795-1821): thi sĩ Anh, tác giả nhiều tác phẩm trữ tình
- [13] William Wordsworth(1770-1850): thi sĩ Anh
- [14] Coleridge(1772-1834): thi sĩ Anh, người đi đầu trong phong trào lãng mạn ở Anh
- [15] Shelley(1792-1822): thi sĩ trữ tình Anh
- [16] William Morris(1831-1896): học sĩ kiêm nhà phê bình nghệ thuật người Anh
- [17] Rugby: tên trường học con trai nổi tiếng sáng lập năm 1367 tại thành phố Rugby tại miền trung nước Anh
- [18] *Hôtel des Belges*: Khách sạn những người Bỉ

[19]

Bureau au premier: Tiếng Pháp, văn phòng ở tầng một

[20]

Garcon: Tiếng Pháp, bồi

[21]

Tiếng Pháp trong nguyên bản: Bà có trên đó không

[22]

Tiếng Pháp trong nguyên bản: Chỉ có một mình ông

[23]

Tiếng Pháp trong nguyên bản: Ông ấy không lịch sự gì cả.

[24]

Tiếng Pháp trong nguyên bản: Con tim có những lý lẽ của nó mà lý trí không hiểu được.

[25]

Tiếng Pháp trong nguyên bản: Bậc thầy của chiếc hộp sôcôla.

[26]

Claude Monet (1840 – 1926): họa sĩ Pháp vẽ phong cảnh nổi tiếng nhất của phái ấn tượng.

[27]

Edouard Manet (1832 – 1883): họa sĩ Pháp bậc thầy của phái ấn tượng.

[28]

Michael Angelo (1475 – 1564): họa sĩ, điêu khắc, kiến trúc sư, thi sĩ Ý, bậc tài danh thời Phục hưng.

[29]

Rubens (1577 – 1610): họa sĩ kiêm nh ngoại giao Hà Lan.

[30]

Jean Baptiste Chardin (1699 – 1779): họa sĩ Pháp

[31]

Tiếng Pháp trong nguyên bản: Cục cứng bé xíu của anh ơi.

[32]

Tiếng Pháp trong nguyên bản: Em yêu tội nghiệp ơi.

[33]

Corot (1796 – 1875): họa sĩ phong cảnh nổi tiếng của Pháp.

[34]

Feuilleton: tiếng Pháp trong nguyên bản, có nghĩa bài báo đăng nhiều kỳ.

[35]

Spaghetti: mì hình que

[36]

Du reste (tiếng Pháp): và lại.

[37]

Raphael (1483 – 1523): họa sĩ trứ danh Ý" face="Calibri">^[38] ***Ingres* (1780 – 1867): họa sĩ Pháp có biệt tài quan sát.**

[39]

***Delacroix* (1798 – 1863): họa sĩ Pháp.**

[40]

***Marsyas*: thần Dê, chơi sáo rất hay. Theo thần thoại, thần Dê dám cả gan đánh thần Apollo, bị**

Apollo cột vào cây thông và lột da.

[41]

Mallarme (1812 – 1898): thi sĩ Pháp

[42]

Garboriau (1832 – 1873): nhà viết tiểu thuyết Pháp.

[43]

Maenad: đồ đệ của thần Rượu Bacchus.

[44]

Sir Toby Belch: nhân vật mập lùn, bụng phệ trong hài kịch Twelfth Night của Shakespeare

[45]

Piquet: loại bài có 32 quân và chơi hai người.

[46]

William Shakespeare (1564-1616): nhà viết kịch và nhà thơ lừng danh của Anh

[47]

Sisley (1839-1899): một họa sĩ phong cảnh nổi tiếng của phái ấn tượng người Pháp.

[48]

Degas (1834- 1917): họa sĩ phái ấn tượng người Pháp.

[49]

Bữa ăn trưa trên bãi cỏ.

[50]

Prometheus: theo thần thoại Hy Lạp, là vị thần hy sinh cả cuộc đời để đem lửa đến cho loài người.

[51]

Entombment

[52]

Paul Cézanne (1839-1966): họa sĩ phái ấn tượng của Pháp.

[53]

Van Gogh (1853-1890): họa sĩ nổi tiếng Hà Lan.

[54]

Winterhaller (1805-1873): họa sĩ Đức.

[55]

Rembrandt (1606-1669): họa sĩ nổi tiếng Hà Lan

[56]

Peter Brueghel (1530-1569): họa sĩ Hà Lan.

[57]

Tên một dãy núi ở Catalogne, Tây Ban Nha.

[58]

Người Đagô: người Mỹ gốc Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Ý

[59]

Người Kanaka sống ở các đảo Nam Thái Bình Dương.

[60]

Cocagne: một xứ thần tiên nhân rỗi.

[61]

Chim nhiệt đới

[62]

Tiếng pháp trong nguyên bản thấy đây, nó biết tự trọng.

[63]

Pareo: cái khố ca người Tahiti

[64]

Tiếng Pháp trong nguyên bản: Này, thuyền trưởng Brunot kia.

[65]

Thuyền trưởng viễn dương

[66]

Tiếng Pháp trong nguyên bản: Anh bạn tội nghiệp của tôi ơi.

[67]

Tiếng Pháp trong nguyên bản: Ông này.

[68]

Tiếng Pháp trong nguyên bản: Rất sẵn lòng.

[69]

Tiếng Pháp trong nguyên bản: Dĩ nhiên

[70]

Tiếng Pháp trong nguyên bản: Anh bạn thân mến của tôi ơi.

[71]

Tiếng Pháp trong nguyên bản: Bà và các cháu.

[72]

Tiếng Pháp theo nguyên bản: Lạy Chúa.

[73]

Tiếng Pháp theo nguyên bản: Vì tình yêu Chúa.

[74]

Tiếng Pháp trong nguyên bản: Ừ phải, tôi không phủ nhận chuyện đó đâu.

[75]

Tiếng Pháp trong nguyên bản: Ông bạn đáng thương của tôi ơ

[76]

Tiếng Pháp trong nguyên bản: Không đâu, ông bạn thân mến.

[77]

Tiếng Pháp trong nguyên bản: Phải

[78]

Heliogabalus (204-222): hoàng đế Rôma, người đưa ra tục thờ mặt trời ở Rôma

[79]

Hesperides: Những người con gái của thần Atlas. Những người con gái này có một vườn đầy táo vàng do một con rồng trăm đầu canh giữ. Héracles đã giết được con rồng này và chiếm những trái táo vàng Heracles

[80]

Tiếng Pháp trong nguyên bản: Nào, René, ông bạn của tôi.

[81]

Tiếng Pháp trong nguyên bản: Xin sẵn lòng, thưa bà.

[82]

Leon Bakst (1866 - 1924): họa sĩ Nga

Table of Contents

ĐÔI NÉT VỀ TÁC GIẢ

GIỚI THIỆU NỘI DUNG TÁC PHẨM

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

14

15

16

17

18

19

20

21

22

23

24

25

26

27

[28](#)

[29](#)

[30](#)

[31](#)

[32](#)

[33](#)

[34](#)

[35](#)

[36](#)

[37](#)

[38](#)

[39](#)

[40](#)

[41](#)

[42](#)

[43](#)

[44](#)

[45](#)

[46](#)

[47](#)

[48](#)

[49](#)

[50](#)

[51](#)

[52](#)

[53](#)

[54](#)

[55](#)

[56](#)

[57](#)

[58](#)

[BẢNG PHIÊN ÂM](#)

NHỮNG TỪ NƯỚC NGOÀI TRONG TÁC PHẨM

[1]

[2]

[3]

[4]

[5]

[6]

[7]

[8]

[9]

[10]

[11]

[12]

[13]

[14]

[15]

[16]

[17]

[18]

[19]

[20]

[21]

[22]

[23]

[24]

[25]

[26]

[27]

[28]

[29]

[30]

[31]

[32] ≥

[33]

[34]

[35]

[36]

[37]

[38]

[39]

[40]

[41]

[42]

[43]

[44]

[45]

[46]

[47]

[48]

[49]

[50]

[51]

[52]

[53]

[54]

[55]

[56]

[57]

[58]

[59]

[60]

[61]

[62]

[63]

[64]

[65]

[66]

[67]

[68]

[69]

[70]

[71]

[72]

[73]

[74]

[75]

[76]

[77]

[78]

[79]

[80]

[81]

[82]

[32]

[74]